



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

163

Mùa Thu
ĐỨC MẸ TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ
VÀ NGÀY KHAI TỊCH ĐẠO



NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,
Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ, 15-02-1965.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Ất Ty 2025-163

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Cầu Ông Lãnh
TP. Hồ Chí Minh



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC-2025

CAO ĐÀI GIÁO LÝ 2025-163

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, phường Cửa Nam, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: (024) 39260024 – Fax: (024) 39260031

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: Phạm Thị Mai

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: Lý Bá Toàn

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Trình bày & kỹ thuật: Trần Phúc Hậu

Sửa bản in: Hồng Phúc, Đạt Tường

Vẽ bìa: Minh Ý

Đối tác liên kết:

Ông Trần Quang Dũng (Thiện Hạnh)

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Cầu Ông Lãnh,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng in: 500 bản, khổ 145 x 205 mm

In tại Công ty TNHH Một thành viên In SP, 59/9 K12 Phạm Văn Chiêu,
phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐKXB: 5424-2025/CXBIPH/14-230/HĐ

Mã ISBN: 978-632- 01-1214-2

QĐXB: 936/QĐ-NXBHĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2025

In xong và nộp lưu chiểu năm 2026

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Bài vở thư từ xin gửi về
Đạo tử Xuân Mai
171B Cống Quỳnh
phường Cầu Ông Lãnh,
Thành phố Hồ Chí Minh. Đt: 0938497236
Email: doanthixuanmai2012@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức thực hiện
xin gửi về
Tên TK: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
Số tài khoản: 3357237
Ngân hàng Thương Mại Á Châu (ACB)
chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Sách ấn tống
Không bán

Mục lục CĐGL 163

- 10 SUY NGẪM
 Từ BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC đến TAM KỲ PHỔ ĐỘ
- 13 TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO
 Vĩnh Nguyên Tự, Ngộ thời, 15.3 Giáp Dần (07.4.1974)
 (Lễ kỷ niệm Đệ nhứt chu niên tái thiết Vĩnh Nguyên Tự)
- 19 ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI
 TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO
 Thiện Chí
- 31 Ý NGHĨA NHỨT KỲ-NHỊ KỲ-TAM KỲ PHỔ ĐỘ
 Huệ Nhẫn
- 47 “HAI NGÀY SỐC-VỌNG ĐĂNG ĐÀN THUYẾT MINH”
 Đạt Tường
- 60 NGŨ NGUYỆN THÁNH THẤT AN NINH
 Hồng Phúc
- 88 NGHIÊN CỨU VĂN HÓA SỬ CAO ĐÀI
 XÁC MINH LẠI THỜI ĐIỂM & ĐỊA ĐIỂM
 ĐỨC CHÍ TÔN “LẬP ĐẠO”
 Đạt Tường & Ngô Chơn Tuệ
- 103 SUY TƯ VỀ Ý NGHĨA LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI TỊCH ĐẠO 23/8
 Thiện Chí

- 110 MỤC ĐÍCH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Kim Dung
- 120 NÉT ĐẸP TINH THẦN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI
Phan Thị Bảo Trân
- 156 NGHIÊN CỨU VĂN HÓA SỬ CAO ĐÀI
NGUỒN GỐC LỊCH SỬ TRAI KỲ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI
Đạt Tường
- 165 ĂN CHAY THỜI TAM KỲ
Đạt Tường
- 185 Ý NGHĨA TÔN HIỆU
“ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẠC TÔN PHẬT”
Diệu Như
- 203 HẠT GIỐNG ĐẠO
Đạt Thật
- 214 HỌC CHỮ NHẪN
Diễm Quỳnh
- 229 SỨ MẠNG ĐÔI VAI GÁNH
Xuân Mai
- 242 LẤY XUÂN TÔ ĐIỂM CHO TÂM
Thanh Long

- 254 RÈN TÂM LUYỆN TÁNH
Diệu Thuận
- 268 NGHIÊN CỨU VĂN HÓA ĐẠO SỬ
PHÁT HIỆN THÊM VỀ CÁCH TÍNH NĂM ĐẠO
CỦA PHÁI CHIẾU MINH VÀO THUỞ BAN SƠ
Đạt Tường
- 287 MỘT NHÀNH DƯƠNG LIỄU ĐỊNH PHONG BA
Kim Ngân
- 301 HỌC TẬP LỜI DẠY CỦA ĐỨC MẸ VỀ HAI CHỮ “HIỆP HÒA”
Hồng Nhã
- 311 TƯƠNG LAI và THỜI ĐIỂM CỦA ĐẠI ĐẠO
Thiên Hương
- 315 HÌNH TƯỢNG RẮN TRONG VĂN HÓA CÁC NƯỚC
Diệu Thuận
- 326 TRUYỆN TRANH
MƯỜI BA MÔN ĐỆ
Bửu Long

SUY NGÃM

Từ BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG DÂN TỘC đến TAM KỲ PHỔ ĐỘ

BBT



Hình trên: Mặt trống đồng Đông Sơn

Từ tâm thức giống nòi Rồng Tiên, đến tâm thức lưỡng hợp Âm Dương–một ước vọng phần thịnh hóa cuộc sống; tâm

thức đơn sơ về vũ trụ: người vật xoay chuyển chung quanh trung tâm mặt trời (khảo sát mặt trống đồng Đông Sơn); trực nhận khí thiêng sông núi, địa linh đất tổ; bản năng dung hợp văn hóa; lòng yêu nước nồng nàn, tình đồng bào thắm thiết, niềm tin độc lập tự chủ với thiên hướng sùng bái thần linh, tín ngưỡng thờ Trời Đất... đã tổ hợp thành một bản thể vô hình mà sở năng sử dụng có giá trị thống nhất tinh thần mỗi con dân nước Việt, để:

- Đoàn kết chiến thắng xâm lăng khi quốc biến,
- Xây dựng đất nước, phát huy văn hóa thuở hòa bình,
- Thăng hoa tâm linh trong cuộc sống nhân sinh an lạc.

Chính bởi dân tộc Việt Nam có một bản thể như thế nên đã được Đức Chí Tôn ban trao sứ mạng hoằng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

“Các con là dân tộc Việt cũng như dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị dày xéo lâu đời. Nhưng các con trội hơn chúng về đức tin, lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trợn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa. Do đó, dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”¹

Nên đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, chơn linh bậc cao tăng đời Lý-Đức Vạn Hạnh Thiền Sư còn thấp sáng lại truyền thống đạo đức dân tộc:

“Chuỗi dài ý hệ cõi Nam giao,

1. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30.10 Mậu Thân (19.12.1968).

*Thánh Đạo Nho Tông những sắc màu,
Đã có trường thi Tam Giáo trước,
Nhịp cầu nối tiếp nhịp theo sau.”²*

Và, trước thềm kỷ niệm một trăm năm Cao Đài, người tín hữu Cao Đài đang nhập tâm sâu sắc Thánh ngôn khẳng định Thiên cơ “Khai minh Đại Đạo” của Đức Chí Tôn:

*“Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu, bốn bể hòa hài từ đây.”³*

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, VPPTGL Hội Thánh Di Lạc, 30.8 Tân Hợi (18.10.1971).

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, CQPTGL, 15.02 Quý Hợi (29.3.1983).

Vĩnh Nguyên Tự

Ngọ thời, 15.3 Giáp Dần (07.4.1974)

(Lễ kỷ niệm Đệ nhứt chu niên tái thiết Vĩnh Nguyên Tự)

THI

*NHƯ Ý Trời ban sẵn mọi người,
ĐẠO THOÀN tinh luyện đắc như chơi,
CHƠN NHƠN vốn thiệt chơn linh diệu,
Chúng lễ liên đài mới thảnh thơi.*

NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN. Chào chư Thiên mạng,
Thiên ân hướng đạo. Mừng chư đạo tâm lưỡng phái.

Thừa lệnh Tam Giáo Tổ Sư, Bần Đạo đến chứng lễ kỷ niệm
Đệ nhứt chu niên tái thiết Vĩnh Nguyên Tự mà chư hiền đang
thành tâm thiết lễ. Bần Đạo xin mời chư hiền đồng an tọa.

Nhân tiện đây Bần Đạo cũng minh giải một đôi điều đạo lý
để chư hiền nghiệm suy lẽ siêu vi về lý tướng của Đạo.

Cách đây một năm, ngôi Vĩnh Nguyên Tự được hoàn
thành phần chánh điện. Ngày lễ khánh thành an vị được rút
băng do các đại diện tôn giáo. Vĩnh Nguyên Tự là một danh
tù cũng như bao nhiêu danh từ khác, mượn danh từ để miêu
tả ý Đạo.

Vĩnh là vĩnh cửu, bất biến. Nguyên là nguyên bản, hằng hữu hằng thường. Chỉ có cái nguyên bản mới hằng hữu hằng thường bất di bất biến. Vạn hữu do từ hằng hữu mà sanh. Vô thường do từ hằng thường mà có.

Con người là một cá thể trong vạn hữu. Người có biết tu chơn ngộ Đạo mới có thể trở về nguyên bản hằng hữu hằng thường bất di bất biến trong cảnh giới vĩnh cửu hư linh. Nhược bằng cứ mãi chấp danh chấp tướng ắt còn chạy theo cái vòng pháp luân vạn hữu vô thường biến dịch rồi muôn đời xa cách bản thể nhứt nguyên tức là xa Tiên, xa Phật, xa Trời, xa Đạo vậy.

Còn nói về cái tướng của ngôi chùa cũng vậy. Đó chỉ là mượn tạm hình tướng để diễn tả cái lý của Đạo. Ngôi chùa Phật thờ theo nghi tiết trong Đại Đạo, đại diện các tôn giáo đến rút băng khánh thành. Người tín hữu Minh Sư đọc kinh Cao Đài và lập đàn cơ thỉnh Tam Giáo Tổ Sư dạy Đạo đến khi quy liễu đắc vị Thần Thánh Tiên Phật. Những cái dị biệt về hình tướng danh từ còn có nghĩa gì trước cái lý đơn thuần tự nó không giới hạn, không phân ranh.

Bởi người đời có mắt ưa nhìn hình tướng màu sắc trắng lệt huy hoàng nguy nga đồ sộ nên phải dùng cái tướng để dẫn độ kẻ thích ưa. Bởi tai ưa nghe tiếng nhạc êm ái dịu dàng du dương gợi cảm nên phải dùng chuông trống đồn kèn để gọi hồn theo tiếng nhạc. Bởi thích thi phú văn chương nên phải dùng thi văn phú kệ để tỉnh lẫn tâm thức. Bởi ái mộ triết lý cao siêu pháp môn giải thoát nên phải dùng triết thuyết nhiệm mầu, pháp môn siêu việt để đánh thức tâm linh khêu đèn từ huệ. Tất cả và tất cả đều là những hành trang, những

phương tiện để lữ khách quay về bến khởi.

Hỡi ai có tai hãy lắng nghe, có óc hãy suy xét, có tâm hãy nhiếp lấy, có thân hãy đón nhận những báu vật mà Thượng Đế đã bày phô và đang trang hoàng tô điểm đủ mọi sắc thái của cuộc đời!

THI

*Mượn chốn trần gian một kiếp người,
Lập thân hành đạo dựng xây đời,
Thánh Tiên xưa cũng theo đường ấy,
Quả mẫn công thành trở lại ngôi.*

THI BÀI

- 1. Thương kẻ thế trong trường vạn hữu,
Đời vô thường lúc tụ khi tan,
Vốn xưa mang đến trần gian,
Thiệt thòi trong bánh xe luân ro mòn.*
- 2. Chính vì vậy Chí Tôn đại xá,
Thương nhơn loài suốt cả tam nguơn,
Mình mang nhục thể phàm nhơn,
Đạo truyền khắp chốn gọi hồn nguyên căn.*
- 3. Hạnh ngộ thay Nam bang đại phúc,
Trau dồi nên viên ngọc lưu ly,
Bền công mài giũa kiên trì,
Vững lòng chung thủy trí tri vẹn cầm.*
- 4. Đức cho trọng thần khâm quý phục,
Tin Hóa Công khuynh phúc tài bồi,
Cương nhu áp dụng hợp thời,
Kỷ sở bất dục chớ dòi tha nhơn.*
- 5. Lập mình đặng chí chơn chí chánh,*

*Thân tuy còn trong cảnh phàm gian,
Rèn trui hạnh nét đoan trang,
Thánh Thần Tiên Phật ân ban dắt dìu.*

*6. Trí khiêm tốn đừng kiêu đừng hiếp,
Vương vấn nhiều ác nghiệp vào thân,
Mang theo nhiều kiếp chuyển luân,
Chớ nên lấp lửng vòng trần khó ra.*

*7. Bận việc sở việc nhà việc đạo,
Kiếp này tu gỡ tháo cho mau,
Phù trầm thế sự đáo đầu,
Sanh môn tử hộ khôn hầu bế khai.*

Chư hiền đã thể hiện đạo tình cùng bốn đạo Vĩnh Nguyên Tự, Bần Đạo xin tặng mấy vần thơ. Về đoạn thi bài trên, quán thủ sẽ được một bài thơ tứ tuyệt thuận nghịch.

THI BÀI

*1. NHƯ Bần Đạo trước đây tạo tự,
Ý muốn đời cải dữ về lành,
ĐẠO mầu học tập tu hành,
THOÀN phòng tịnh định luyện phan thanh thần hồn.
CHƠN gương quy phục dưỡng ôn,
NHƠN thân điều chế pháp môn tọa thiền.*

*2. Giáng long thăng hổ luân phiên,
Đàn cơ cầu thỉnh Phật Tiên điểm truyền.
Chứng lòng trên có chư Thiên,
Lễ nghi khuôn sáo nếp thiền công phu.*

*3. Giả sử ai muốn tu học Đạo,
Ơn dắt dìu chỉ bảo sẵn sàng,
Chư môn Cần Giuộc Long An,*

- Hiền nhân thọ pháp có hàng mấy trăm.*
4. *Từ Bính Dần nhà Nam lập giáo,
Hàng Thiên phong Đại Đạo hiệp vầy,
Nhơn duyên kết hợp nơi đây,
Sĩ hiền hướng đạo chung tay dựng gầy.*
5. *Chánh truyền đã chỉ bày soạn thảo,
Quyền pháp trình Tam Giáo chuẩn phê,
Cơ Trời vận chuyển đề huề,
Quan trên dầu kỳ khó bề cản ngăn.*
6. *Giáo Tòa khởi sửa sang bồi đắp,
Hội Thánh vừa thiết lập thiếu người,
Chùa Gò Kén tựa tạm thời,
Thiền môn nương bóng Đạo Trời khai minh.*
7. *Gần gũi nhưt Tây Ninh có núi,
Xa xăm thì chí mũi Cà Mau,
Thánh đường bữa cháo bữa rau,
Tòa nhà đồ sộ biết bao công trình.*
8. *Thánh tâm có thánh linh dầu dặt,
Hội người tu nam bắc nhập môn,
Bạn hiền ba triệu có hơn,
Nhà nhà thờ kính Chí Tôn Cha Trời.*
9. *Thánh thất mọc khắp nơi trong nước,
Tịnh thất đều cũng được mở mang,
Thánh ân Từ Phụ bữa tràn,
Thất chùa tua tủa có hàng mấy trăm.*
10. *Và nhớ lại mấy năm khởi thi,
Và đến nay gần chí năm mươi,
Đạo Thầy từ gốc Minh Sư,*

Tâm từ Đại Đạo chí u Cao Đài.

Độc quán thủ thi bài sẽ có một bài văn lục bát. Giã ơn.

(...)

Bần Đạo ban ơn chư tịnh viên khóa Xuân phân.

Bần Đạo giã ơn tất cả nam nữ trong Ban Tổ Chức đã cố gắng hoàn thành cuộc lễ, sẽ được Đức Từ Tôn ban ơn sau.

Bần Đạo xin giã từ tất cả. Thăng.

ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO

Thiện Chí

Đức tin Cao Đài xác minh vũ trụ tâm linh có những giai tầng tiếp diễn con đường tiến hóa của vạn hữu, mà sự thoát xác vĩnh viễn của con người là một chuyển biến thăng hoa siêu việt. Nếu tâm linh tại thế đã tiến hóa, chủ thể tâm linh xuất thế sẽ tiếp tục tiến hóa cao hơn.

Cứu cánh tiến hóa phải đạt đến tâm linh viên mãn. Và trong vũ trụ chỉ có một tâm linh viên mãn tuyệt đối là Thượng Đế.

Tuy nhiên, Thượng Đế mở cơ Phổ độ Tam kỳ không phải chỉ là một cuộc gieo rắc đức tin về sự hiện hữu của Thượng Đế, mà chủ yếu là để loài người biết được ý nghĩa sự hiện hữu của mình. Thượng Đế là tuyệt đích của cuộc tiến hóa giữa Càn Khôn nhưng Ngài không phủ định giá trị con người là chủ thể đang tiến hóa tại thế gian.

I. ĐỊNH NGHĨA:

Có thể mượn phép mượn thánh ngôn Đức Vân Hương Thánh Mẫu để định nghĩa đức tin Cao Đài như sau:

“Đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ để giác ngộ khai mê, giúp tín hữu Cao Đài thức tỉnh tiến bước hành đạo phản bốn hoàn nguyên”.¹

Tác giả thư Hebrew trong Tân Ước viết: “Đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đang trông mong, là bằng cứ (hoặc xác tín) của những điều mình chẳng xem thấy”. (Hebrew 11.1).²

Đức tin trong Cơ Đốc giáo là niềm xác tín vào sự hiện hữu của Thiên Chúa, đấng sáng tạo vũ trụ và niềm tin vào ân điển cứu chuộc của Chúa Cơ Đốc, Con của Thiên Chúa hằng sống, đấng đã chết vì tội lỗi của nhân loại, mặc dù vẫn có thể tìm thấy một vài dị biệt trong các hệ tư tưởng khác nhau thuộc cộng đồng Cơ Đốc giáo.³

Đức tin theo Phật giáo đặt trọng tâm vào Đức Thế Tôn Thích Ca-bát đại giác, vị thầy của cả loài người và chư thiên-dựa vào chân lý của giáo pháp của Ngài và Tăng hội. Đức tin của Phật giáo là động lực thúc đẩy phật tử tu tập hướng về mục đích giác ngộ và Niết Bàn (lược dịch theo Wikipedia encyclopedia English).

II. ĐỨC TIN CAO ĐÀI TRONG SỬ ĐẠO

Thiên nhân hiện ra với Đức Ngô Minh Chiêu có ý nghĩa đặc

1. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, CQPTGLĐĐ, 13.8 Kỷ Mùi (3.10.1979).

2. Theo Wikipedia Encyclopedia, tiếng Việt.

3. Sdd.

biệt là Thượng Đế trực tiếp đem đức tin đến cho con người.

Người tín hữu Cao Đài thờ Thiên nhân với ý nghĩa đó là Tâm, là Thần của Thượng Đế mà khi cúng kính, tín hữu chiêm ngưỡng Thiên nhân để được hiệp Thần với Ngài hầu được tinh tấn trên đường hành đạo.

Nhóm Phò loan vâng lệnh Đức A Ắ Ậ làm lễ “Vọng thiên cầu đạo” có ý nghĩa đặc biệt là con người thể hiện đức tin trọn vẹn nơi Thượng Đế.⁴ Theo lệnh Đức AẮẬ, tam vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang ra giữa trời làm lễ “Vọng thiên cầu đạo” vào đêm mùng 1-11 Ất Sửu (16-12-1925). Tam vị cầm 9 cây nhang vái rằng: “Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh.”

Chư tiên khai “khai tịch đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ”⁵ một cách hiên ngang, có ý nghĩa đặc biệt là môn đệ Đức Cao Đài trọn tin nơi thiên cơ sẽ lập nền tôn giáo của Tam Kỳ Phổ Độ.

Lời lẽ từ Khai Tịch tỏ ra có một đức tin vững vàng về sự ra đời của nền tôn giáo theo thiên cơ, có đoạn sau (trích một đoạn bản dịch bản gốc tiếng Pháp):

“Sài gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926

Thưa ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình báo cho

4. (Đọc thêm Lịch sử Đạo Cao Đài, quyển I-Khai Đạo, CQPTGLĐĐ, NXB. Tôn giáo, 2004).

5. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20.02 Quý Sửu (24.03.1973).

ông biết những điều sau:.....

Những người ký tên dưới đây theo đuổi mục đích đưa loài người trở lại thời xa xưa hòa bình và hòa hợp. Nhờ đó, con người sẽ hướng tới một thời đại mới hạnh phúc khôn cùng.

Nhân danh đa số những người Việt Nam đã tán đồng hoàn toàn những nghiên cứu này, có kèm danh sách đính kèm, những người có tên dưới đây hân hạnh tuyên bố cho ông hay rằng chúng tôi sẽ phổ truyền cho toàn thể loài người giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng nền tôn giáo này sẽ mang tới cho mọi chúng ta hòa bình và hòa hiệp, những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chánh thức tiếp nhận tuyên ngôn (lập đạo) của chúng tôi.

Thưa ông Thống Đốc, xin ông ghi nhận những cảm tình trân trọng và chân thành của chúng tôi”.

Đại lễ Khai Đạo vào Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) có ý nghĩa đặc biệt Thiên nhân hiệp nhất "khai minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh"⁶ thể hiện đức tin ra thực tướng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đó là đức tin Cao Đài trên những sự kiện lịch sử hữu hình; nhưng về mặt vô vi, tiến trình lập đạo được vận chuyển theo nguyên lý "Thái cực biến Lưỡng nghi thành Pháp", cũng là một chứng lý cho đức tin, như thánh giáo Đức Đông Phương Chương Quán đã dạy:

“Ngô Văn Chiêu là một anh cả trong Thập Nhị Tông Đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên

6. Đức Đông Phương Chương Quán

Nhãn. Nói về lý số Thiên Nhãn là con số 1, tượng trưng cho Ngôi Thái Cực.

Kế đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là Nhựt Nguyệt Âm Dương.⁷

Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái Pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái Pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng”.⁸

III. ĐỨC TIN CỦA NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI,

Trong sinh hoạt tôn giáo hiện nay xin đơn cử một vài sinh hoạt điển hình mà những sự kiện tâm linh trong đó thể hiện đức tin của người tín hữu Cao Đài.

– Hội Yến Bàn Đào Diêu Trì Cung: Theo Sử Đạo, đêm mồng 8 tháng 8 (25-9-1925), Đức AÃÃ giáng đàn, dạy ba vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang chuẩn bị thiết một lễ chay để cầu thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng lâm. Đức Phạm Hộ Pháp cho biết: *“Đức Chí Tôn ra lệnh, biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi Đấng vô hình. Đãi mười người (vị) Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương”.*

Theo truyền thống lịch sử trên, hằng năm các Hội Thánh, Thánh thất đều tổ chức Lễ Vía Đức Diêu Trì và Hội Yến Bàn Đào vào Trung Thu, ngày rằm tháng 8. Thời Hạ nguơn này, Đức Mẹ ban đặc ân cho mở Hội Yến Bàn Đào tại trần gian là một hình thức đem đến huyền nhiệm tâm linh cho con cái ý thức sứ mạng Kỳ Ba. Nên Đức Vân Hương Thánh Mẫu vâng

7. Thiên phong nhị vị Đầu sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt-NV

8. Đức Đông Phương Chưởng Quân

thánh ý Đức Mẹ dạy như sau:

“Này các em! Năm nào cũng thế, ngoài những ngày lễ tết thường lệ vào những dịp khác, có lẽ Lễ Trung Thu và đặc biệt hơn nữa, trong Đại Đạo các em có Lễ Bàn Đào hiến dâng phẩm vật cho Đức Mẹ Vô Vi. Đó là một đặc điểm được xem rất quan trọng trên phương diện ý nghĩa tinh thần của nó. Vì cuộc lễ này thật sự nó là một dịp nhắc nhở cho các em gìn giữ đầy đủ những bảo vật thiêng liêng mà các em đã thọ nhận từ Điều Cung nơi vô lượng kiếp”.⁹

–Lễ Vía Đức Chí Tôn: Toàn đạo Cao Đài tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hằng năm chọn ngày mừng 9 tháng Giêng tổ chức trọng thể Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, tục lệ gọi là Vía Trời.

Đức Chí Tôn tức Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Ngài là Giáo chủ khai sáng Đại Đạo TKPD trong lịch sử thành lập tôn giáo Cao Đài tại đất nước Việt Nam, nên toàn thể tín hữu Cao Đài một khi đã nhập môn đương nhiên có đức tin tuyệt đối nơi Đấng Chúa Tể Càn Khôn, đồng thời là Cha, là Thầy của nhân loại. Từ thuở khai Đạo, Ngài đã minh thị:

NOEL 1925,

“Ngọc Hoàng Thượng Đế, viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương,

*“Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên;
Đạo màu rưới khắp nơi trần thế,*

9. Đức Văn Hương Thánh Mẫu, Chơn Lý Đoàn, 26.7 Tân Hợi (15.9.1971).

*Ngàn tuổi, muôn tên giữ trọn biên.*¹⁰

– Đức tin về sự cầu siêu rồi cho người tín hữu quy liễu:

Triết lý của đạo Cao Đài cho rằng con người sống ở thể gian có thân xác và linh hồn, nên khi chết, không phải là hết, mà chỉ là cái thể xác hoại diệt, nhưng linh hồn thì vẫn tồn tại mãi mãi. Hay nói cách khác, chết chỉ là thay đổi trạng thái sống: sống bằng thân xác hữu hình ở thể gian và sống bằng linh hồn, không hình thể ở cõi giới vô vi.

Sự sống của thể xác thì hữu hạn nhưng sự sống của linh hồn mới thực sống vĩnh viễn, bất diệt. Vì thế, tôn chỉ của đạo Cao Đài là khi con người sống nơi thể gian, phải mượn thân xác hữu hình lo tu hành: làm phải làm lành, lập công bồi đức để chuẩn bị một con đường trong cõi giới vô vi cho linh hồn có một cuộc sống an nhàn, cực lạc.

Ngoài ra, để thực hiện đại ân xá kỳ ba, đạo Cao Đài còn có ban cho bí pháp độ thăng và cầu rồi cho linh hồn được nhẹ nhàng thanh cao mà vào từng cõi giới mới. Muốn vậy, người tín đồ khi sống ở thể gian phải giữ giới luật Đạo, lập công bồi đức và phải được vị chức sắc thọ truyền bửu pháp làm phép độ thăng cho và những người thân phải thành tâm cầu siêu cho linh hồn người chết.¹¹ Bài Kinh Khai Cứu đem lại đức tin siêu rồi cho người quá vãng nếu biết thức tỉnh dứt bỏ tất cả dục vọng hay phiền não trần ai:

Đã quá chín từng Trời đến vị,

10. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Q.1, Tòa Thánh Tây Ninh.

11. Liên Thanh, <https://sites.google.com/site/thienchaucom/--kinh-cung-tuan-cuu>

*Thần đăng an, Tinh, Khí cũng an.
Tầng Trời gắng bước lên thang,
Trông mây nhìn lại cảnh nhàn buổi xưa.
Cõi thăm khổ đã vừa qua khỏi,
Quên trần ai mong mỗi Động Đào.
Ngó chi khổ hải sóng xao,
Đoạn tình yếm dục đăng vào cõi Thiên.
Giọt lụy của Cửu huyền dầu đổ,
Chớ đau lòng thuận nợ trầm luân.
Nắm cây huệ kiếm guơm thần,
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây.*

IV. NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI PHẢI GIỮ ĐẠO, HÀNH ĐẠO VỚI ĐỨC TIN NHƯ THẾ NÀO?

1. Một đức tin trong sáng: vào Đạo để bắt đầu đời sống tâm linh tích cực trong cuộc sống nhân sinh chân chánh, chứ không phải để trốn đời hay tìm kiếm thế lực vô hình cho những nấc thang danh lợi. Ông Trơn dạy:

“Chư hiền đệ hiền muội đã ý thức được thiên đàng địa ngục là đâu. Có phải ở tận trên vòm trời sâu thẳm hay ở dưới đáy biển lòng đất sâu dày đó chăng? Tất cả thiên đàng hay địa ngục đều có tự trong con người chư đệ muội. Nếu chư hiền đệ hiền muội biết hướng thượng, biết gìn thiên lương chơn tánh, biết trau dồi báu ngọc mâu ni, chư hiền đệ hiền muội sẽ có một cảnh thiên đàng trong nội tâm ngày ngày an lạc. Ngược lại, chư hiền đệ mãi tiến bước trên con đường dục vọng buông thả những ảo ảnh phù hoa, làm sao tránh được cảnh buồn vui cười khóc, được mất nhục vinh? [...] Người tu hành không

tìm đạo lý ở ngoài thân mà phải tìm ở nội tâm".¹²

2. Một niềm tin sâu sắc về thời kỳ đại ân xá: nhập môn Cao Đài là cơ hội hi hữu ngàn năm một thuở được bước vào môi trường đại ân xá kỳ ba, nên Ôn Trên thường dạy rằng: hữu duyên mới ngộ Đại Đạo TKPD. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn từng dạy:

"Hỡi này chư hiền đệ muội ôi! Tam Kỳ khai Đại Đạo, Tam Giáo Thánh Nhơn mở rộng cửa từ bi để gom ba nhánh về một cội. Trên Thượng Đế thi ân bố đức, dưới Phật Tiên kêu gọi chúng sanh đưa nguyên căn về bốn vị, rước hóa nhơn tránh cảnh luân hồi. [...]

Đã từ lâu, cơ quy nguyên rải gieo khắp chốn, tiếng thống nhứt lẫn lẫn vội giục, ngày vạn linh đại hội cũng gần, vậy Lão thử hỏi chư hiền, nếu không đủ đầy công đức thì làm sao được siêu phàm thoát tục; lấy chi để đảm bảo chơn linh sau khi lìa xác. Phương chi, kỳ Hạ nguơn mạt kiếp là kỳ đại ân xá để cho chư hiền lưỡng phái dưỡng tánh tu tâm, tô công bồi đức được dễ dàng, hầu bước lên nấc thang hành đạo".¹³

3. Một đức tin để tu tiến: Cao Đài đã vạch ra con đường tiến hóa tâm linh rất rõ ràng và thuận lợi hơn bao giờ hết trong thế Thiên Nhơn hiệp nhất của cơ tận độ quy nguyên.

Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Bồ Tát có dạy:

"Chư hiền đệ hiền muội là những thành phần giác ngộ tâm đạo, học hỏi để tu công lập đức, cốt ý là hoàn thiện hóa bản thân trong kiếp đời hiện tại và được giải thoát phần chơn như

12. Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đàn, 01.4 nhuận Giáp Dần. (22.5.1974).

13. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Huồn Cung Đàn, 09.02 Tân Sửu. (25.3.1961).

khi về bên kia thế giới.

[...] Đòi con người lấy lẽ sống làm căn bản, nếu chỉ là sống cho bản thân giả tạm ở cõi vô thường này thì không cần phải đề cập đến, mà phải quan niệm luôn cả lẽ sống về tâm linh”.¹⁴

Con người muốn toại hưởng cõi thanh bình phải nhắm vào thực hành các điểm sau đây:

- 1-Nội công tu tiến,
- 2-Ngoại công đức hạnh,
- 3-Quá khứ tâm nên dứt bỏ,
- 4-Hiện tại tâm không có,
- 5-Vị lai tâm đừng vọng tưởng.

Đó là hạng tu tiến một quãng đường khá dài mới có thể thực hành được trọn vẹn”.¹⁵

Chư Tiền Khai Đại Đạo cũng từng ân cần khuyên nhủ chúng ta:

*“Khép mình vào khuôn viên mẫu mực,
Giữ qui điều giới luật tam công;
Cúi đầu thọ lệnh Thiên phong,
Thay Thầy hoằng đạo còn mong chi là.”¹⁶*

4. Một đức tin để thi hành sứ mạng kỳ ba: *“Đối với những người mệnh danh là hướng đạo, là nòng cốt cho cơ đạo cứu thế, những kẻ hiển dăng cho ánh sáng lý tưởng Đại Đạo thì nền tảng tâm linh phải được xác định trước tiên và hơn ai hết. Vì vậy, kế sách về tâm linh cho những kẻ hiển dăng phải được đề*

14. Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Quan Âm Như lai, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

16. Chư Tiền Khai Đại Đạo, CQPTGLĐĐ, 14.02 Giáp Dần (07.3.1974).

cập trước nhất. Bần Đạo cũng nhắc lại trên phạm trù tâm linh, giá trị đức tin là giá trị của ý chí hiến dâng cho một lý tưởng sáng chói để cứu thế. Có một đức tin đồng mãnh là đã có một ý chí hào hùng tin quyết về kết thúc cao quý của sự cứu độ toàn dân sinh bằng một lý tưởng thật sự thanh cao của Đại Đạo. Phải tin quyết thì mới nhất tâm để chí thành hành sự. Đã có nhất tâm chí thành hành sự thì kết quả không xa”¹⁷.

V. KẾT LUẬN

Tóm lại đức tin Cao Đài với hàm xúc những ý nghĩa trên đây, phải gọi là đức tin Đại Đạo. Bởi vì Thượng Đế và các Đấng Thiêng liêng đã đem đến cho nhân sanh thời Tam Kỳ Phổ Độ này một đức tin khai phóng và nhân bản.

– Khai phóng vì với đức tin ấy, con người cảm thấy mình là một chủ thể tự do trong bản thể vũ trụ, trong đó có mối tương quan tương ứng mật thiết với chủ thể tối cao là Thượng Đế. Từ mối liên hệ đó, đức tin Đại Đạo khẳng định con người có khả năng tiến hóa đến mức siêu việt.

– Nhân bản vì đức tin ấy không khuyến khích tín hữu lệ thuộc thần quyền; không chờ đợi được cứu độ mà phải biết tự độ. Hơn nữa, đức tin Đại Đạo đem đến ý thức sứ mạng vì nhân, nhìn cuộc đời là một trường học hỏi, rèn luyện để tiến hóa. Đối với chúng sanh là tình anh em một Cha, đối với xã hội có nghĩa vụ phụng sự.

Đặc biệt, hàng thiên ân thọ nhận sứ mạng đại thừa, với đức tin Đại Đạo, phải đạt đến “giá trị của ý chí hiến dâng cho

17. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14.02 Quý Mão (26.3.1975).

một lý tưởng sáng chói để cứu thế.”

Đức Chí Tôn khai minh Đại Đạo cách đây hơn 90 năm, mà hằng năm, ngày rằm tháng 10, toàn đạo hân hoan cử hành đại lễ kỷ niệm, là thắp lên ngọn đuốc vĩnh cửu, soi tỏ Thiên cơ đang thúc đẩy nhân sanh tiến lên con đường phản bốn hoàn nguyên—là đường tiến hóa vinh diệu trong đức hạo sanh của Thượng Đế, mà đặc ân trong thời Hạ nguơn này là cơ Đại Ân Xá Kỳ Ba.

Ý NGHĨA NHỨT KỶ-NHỊ KỶ- TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Huệ Nhẫn

Đây là một đề tài vừa rộng vừa sâu; rộng suốt cả tiến trình lịch sử loài người và sâu, từ cuộc sống con người đến phần tâm linh, phần linh hồn của chúng ta. Nói cách khác, Tam Kỳ Phổ Độ là luận về đại cuộc cứu độ của Ông Trên giúp con người tiến hóa phần tâm linh, bên cạnh sự tiến bộ của văn minh vật chất, theo giáo lý đạo Cao Đài.

Những câu hỏi về thân phận con người đã được đặt ra từ ngàn xưa: Con người từ đâu đến, đến để làm gì, và sẽ đi về đâu? Câu hỏi này được giáo lý Cao Đài giải đáp, rằng: Linh hồn con người có căn cơ phóng phát từ Thượng Đế Đại Linh Quang, gọi là điểm Tiểu Linh Quang, nhập vào thể xác tạm ở cõi trần này để tiến hóa, tiến hóa qua nhiều kiếp, cuối cùng, trở về cùng Thượng Đế với những thành quả tiến bộ của mình, góp phần vào tiến hóa chung của vũ trụ.

I. TAM NGUỒN TRONG LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI

Trong quá trình nhập thể để tiến hóa của con người, khác với thú vật, riêng con người có trí thông minh. Xuất hiện trên

địa cầu muộn nhất, mới khoảng 200.000 năm (động vật trên cạn xuất hiện đã hơn 360 triệu năm). Con người thông minh đúng nghĩa (Homo sapiens) đã dùng trí tuệ làm bá chủ muôn loài. Ban đầu, trí não dần phát triển để có tiếng nói giao tiếp nhau, rồi có chữ viết sơ khai lưu lại tư tưởng... Trí tuệ giúp con người chế tạo các công cụ lao động, dệt vải, biết trồng trọt chăn nuôi, lịch sử con người gọi thời này là Thượng cổ; theo sơ sử của nước ta, đây là các đời vua Hùng Vương, cách nay khoảng 4.500 năm, tương ứng với thời Ngũ Đế ở Trung Hoa (với các vị vua Nghiêu, Thuấn). Nói chung, thời Thượng cổ chưa có chữ viết nên tất cả đều là truyền thuyết.

Trong Thánh giáo Cao Đài, Đức Thượng Đế cho biết đó là đời Thượng Ngươn:

“Thượng Ngươn¹... Thời kỳ ấy người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc vui say mùi Đạo thánh ngày. Bởi đó đời Thượng cổ mới có danh là đời “Thượng Đức”...”²

Làm ra và tích lũy nhiều thực phẩm, dụng cụ, người có của cải ban đầu lấy đó giúp người nghèo nên được nể trọng, được khen, có danh dự; tuy nhiên, dần về sau trở thành danh tiếng rồi danh vọng. Tài lộc và danh vọng làm con người ngày càng hết hồn nhiên, xa rời Đạo lý.

Một thời gian dài vài ngàn năm tiếp theo đó, con người vào thời Trung Ngươn, sách sử gọi là thời Trung cổ, sự cạnh tranh càng quyết liệt hơn, Ôn Trên gọi đây là Ngươn Thượng

1. Ngươn còn đọc là Nguyên (元) có nghĩa là căn bản, chánh yếu.

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, chương Dưỡng Sanh Tánh Mạng.

Lực. “Bởi đó đời Trung cổ mới có danh là đời “Thượng Lực”.

Đến nay là thời Hạ Ngươn, Đức Thượng Đế dạy:

“Sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn... Bởi đó đời hiện tại là đời “Mạt Kiếp”.

Chúng ta thường thấy kinh sách gọi thời nay là thời Hạ Ngươn Mạt kiếp.

Theo giáo lý đạo Cao Đài, phần linh hồn con người là Tiểu Linh Quang, chiết từ Đại Linh Quang của Thượng Đế, nhập vào thể xác tạm ở cõi trần này để tiến hóa. Nếu con người cứ mãi sống bám vào vật chất, tìm cầu danh lợi, tất nhiên theo luật nhân quả, sẽ chìm đắm nơi “Biển trần khổ vơi vơi trời nước” này, sự tiến hóa của cá nhân đó bị ngưng trệ; nhiều người ngưng trệ, cả xã hội thoái hóa, sẽ ảnh hưởng đến sự tiến hóa chung. Vậy nên Đức Thượng Đế phải can thiệp bằng cách “Phổ Độ”. Phổ Độ để thúc đẩy sự tiến hóa.

II. TẠI SAO CON NGƯỜI CẦN ĐƯỢC PHỔ ĐỘ

Phổ (普) là rộng khắp ra mọi nơi, như trong chữ phổ biến, phổ cập. Độ (渡), nghĩa gốc là đưa qua sông, từ bờ sông này qua bờ kia (chữ Độ có bộ thủy). Độ không phải đưa phần thể xác tạm bợ này qua bờ giác mà là đưa phần tâm linh con người, giúp người hiểu được Đạo lý để tự mình giác ngộ. Do hiểu thoát ý, nên trong chữ Độ sau này không có bộ thủy (度), phần tự mình, tự học, tự hành, tự tu là phần quyết định.

Tùy theo thời kỳ, tùy theo trình độ tiến hóa, tùy từng địa phương... Đức Thượng Đế chiết Linh Quang xuống thế gian làm các vị Giáo Chủ, làm các Đấng “Ngôi Hai” thay Trời khai mở các nền tôn giáo. Trong kinh Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

quyển 1, Thượng Đế cho biết rõ:

*“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ
TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG*

Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,

Thích Ca Mâu Ni thị Ngã,

Thái Thượng Ngươn Thỉ thị Ngã,

Kim viết Cao Đài.”³

Qua Thánh giáo trên, Đức Chí Tôn xác định các Đấng Giáo Chủ ngày xưa như Nhiên Đăng Cổ Phật, Thích Ca Như Lai, Thái Thượng Đạo Tổ... đều “thị Ngã”, đều “chính là Ta”; và “kim viết Cao Đài” có nghĩa: nay gọi là Cao Đài.

Nói cách khác, khi xưa, Đức Chí Tôn tùy theo trình độ từng địa phương, đã ban xuống thế gian nhiều đợt Phổ Độ, mỗi đợt, Thầy chiết Linh Quang thành một Đấng Giáo Chủ khác nhau. Thế giới hiện có nhiều tôn giáo là vậy.

III. TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Theo Thánh giáo Cao Đài, qua sắp xếp của Đức Chí Tôn, thế gian đã có ba đợt Phổ Độ, gọi là Tam Kỳ Phổ Độ. Do chữ “Kỳ” nghĩa là thời kỳ, Tam Kỳ được hiểu là: Ba thời kỳ, và cũng được hiểu là Thời kỳ thứ Ba, nên Tam Kỳ Phổ Độ bao hàm hai ý nghĩa:

Ý thứ nhất: Diễn tả lần lượt cho ba lần (ba kỳ) Trời gieo mỗi Đạo xuống trần gian; gồm đệ Nhất kỳ (kỳ thứ nhất), đệ Nhị kỳ (kỳ thứ nhì), và đệ Tam kỳ (kỳ thứ ba).

Ý thứ hai: Nói riêng cho lần phổ độ thứ Ba.

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Vĩnh Nguyên Tự, 25.02 Bính Dần (07.4.1926).

Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Phổ độ lần thứ Ba) còn có nghĩa là đạo Cao Đài.

Phần trình bày này nhằm phân tích ý thứ nhất: Tam Kỳ Phổ Độ là ba đợt Trời dạy Đạo cho nhân sanh, trong đó bao hàm luôn ý thứ hai.

1. NHÚT KỲ PHỔ ĐỘ

Vào thời Thượng cổ, dân chúng sống trong an lạc no ấm “nhà không đóng cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi”. Đến cuối Thượng Nguơn, một mặt nhân loại cần được giáo hóa để kịp với đà tiến bộ; mặt khác, đạo đức đã chớm suy vi, Trời ban ơn Nhất Kỳ Phổ Độ, truyền thuyết kể lại:

Phật Đạo: Đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế (2697–2597 TCN) bên Trung Hoa, Đức Nhiên Đăng Cổ Phật từ ngôi Hư Vô Thiên tá thể hóa độ chúng sanh. Theo kinh Đại Trí Độ, khi dẫn sanh, thân Ngài sáng như đèn nên gọi Nhiên Đăng (Nhiên là đốt cháy, Đăng là cây đèn). Sau khi nhập Niết bàn, Đức Phật Nhiên Đăng được tôn là Chưởng Giáo Đạo Phật. Trong Tam Thế Phật, Ngài là đại diện chư Phật thời quá khứ (Nhiên Đăng Cổ Phật).

Tiên Đạo: Trong thần thoại Đạo giáo, Đức Thái Thượng Đạo Quân có trước cả trời đất, chính là nguyên khí thời hỗn mang ngưng kết mà thành. Đức Thái Thượng Đạo Tổ còn được gọi là Đạo Đức Thiên Tôn, từ cõi Tiên Thiên ứng hiện nhiều lần nơi thế gian cứu độ quần sanh. Đức Thái Thượng được Đạo Giáo tôn là một trong Tam Thanh, là ba vị Thần Tiên tối cao gồm: Thái Thanh–Thái Thượng Đạo Quân; Thượng Thanh–Linh Bảo Thiên Tôn và Ngọc Thanh–Nguơn Thủy Thiên Tôn.

Thánh Đạo: Khu vực Tây Á, vào khoảng năm 1300 trước Công nguyên, xuất hiện Thánh Moise trong gia đình dân Do Thái sang định cư ở Ai Cập. Tên Moise tiếng Hebrew có nghĩa là “cứu khỏi nước” do sự tích thời ấy vua Ai Cập ban lệnh giết hết trẻ trai Do Thái mới sanh, mẹ Moise đặt con lên bè thả trôi trên sông Nil, được một công chúa vớt và nhận làm con nuôi. Kinh Cựu Ước đã ghi lại sự tích Thánh Moise hướng dẫn dân Do Thái lánh nạn Ai Cập. Trên đỉnh núi Sinai, qua thời gian tĩnh tu 40 ngày, Thánh Moise được tiếp xúc với Thiên Chúa, sau đó Ngài rao giảng “10 điều răn”⁴ của Thiên Chúa và tôn vinh Đức Chúa Trời (Yahweh) cho dân Do Thái. Thánh Moise được một số tôn giáo tôn là “Nhà Tiên Tri”⁵ cấp cao nhất của Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo...

Nhơn Đạo: Tại Trung Quốc, vào đời vua Phục Hy (2852–2737 TCN), Long Mã mang Hà Đồ xuất hiện. Vua Phục Hy nhờ căn cứ theo nghĩa lý Hà Đồ, phát minh Bát Quái Tiên Thiên. Đến đời vua Đại Võ (2205–2197 TCN) nhờ Lạc Thợ trên lưng Thần Quy, Vua Võ viết nên Hồng Phạm Cửu Trù. Cũng từ căn bản Hà Đồ và Lạc Thợ, các vị Thánh nhân xưa (Phục Hy, Hạ Võ, Văn Vương, Chu Công...) định đặt nên Nhân đạo và Thiên

4. Đức Chúa Trời có mười điều răn: Thứ nhất: Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự; Thứ hai: Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ; Thứ ba: Giữ ngày Chúa nhật; Thứ bốn: Thảo kính cha mẹ; Thứ năm: Chớ giết người; Thứ sáu: Chớ làm sự dâm dục; Thứ bảy: Chớ lấy của người; Thứ tám: Chớ làm chứng dối; Thứ chín: Chớ muốn vợ chồng người; Thứ mười: Chớ tham của người.

5. Nhà Tiên Tri còn gọi là Ngôn Sứ, là một cá nhân được coi là tiếp xúc với thần linh, là đại biểu thần linh, là trung gian giữa thần linh và người, đem thông tin hoặc giáo lý đến từ nguồn gốc siêu tự nhiên truyền đạt cho người khác.

đạo bước đầu, thể hiện trong Kinh Dịch còn đến nay.

2. NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ

Qua đến thời Trung cổ, theo đạo cũng gọi là Trung Nguơn, diễn ra trong khoảng 20 thế kỷ (từ 1000 năm trước Công nguyên đến khoảng 1000 năm sau Công nguyên). Lúc ấy, trên toàn địa cầu, các quốc gia bắt đầu hình thành khá rõ, có biên giới tiếp giáp nhau mà sự phân ranh chủ yếu bằng sức mạnh binh lực hơn là tập quán, dân tộc. Chính trong mỗi nước, việc soán ngôi đổi chủ cũng hay xảy ra. Xã hội loạn lạc, dân tình thường sống trong bất an.

Vào thời này, nhiều tôn giáo xuất hiện và phát triển đồng loạt:

Phật Đạo: Tại Ấn Độ, Đức Phật Thích Ca giảng sanh vào năm 624 TCN⁶. Đang là Thái tử nước Ca Tỳ La Vệ (miền nam Nepal ngày nay), Ngài rời bỏ ngai vàng năm 29 tuổi tìm phương tu giải thoát tứ khổ. Qua nhiều gian truân, Ngài đã giác ngộ dưới cội bồ đề năm 35 tuổi và dành quảng đời sau đó truyền Phật pháp với nhiều cấp độ theo Bát Chánh Đạo để diệt khổ, giác ngộ chơn lý, và mỗi người phải tự bước đi trên con đường giác ngộ riêng mình.

Sau khi Phật nhập diệt (năm 80 tuổi), Thượng tọa Ca Diếp triệu tập 500 vị A La Hán để ghi lại những lời Phật dạy, đó chính là Đại hội Kết tập Kinh điển Phật giáo lần thứ nhất. Trong Tam Thế Phật, Phật Thích Ca là Phật hiện tại.

Tiên Đạo: Đức Lão Tử (571–471 TCN), sanh tại nước Sở,

6. Trước đây, năm sanh của Đức Phật có nhiều tranh cãi, Đại hội Phật Giáo Thế giới đã đồng thuận Đức Phật sanh năm 624 và thọ 80 tuổi (năm 544 TTL).

nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc vào đời nhà Chu. Các tư liệu trên chỉ là truyền thuyết, có thể nói không ai biết chính xác lai lịch của Ngài. Cũng qua truyền tụng, Ngài khi mới sanh ra đầu tóc đã bạc nên gọi là Lão Tử. Chữ Lão cũng có nghĩa là đáng tôn kính.

Đức Lão Tử để lại cho đời bộ Đạo Đức Kinh cao diệu trước khi rời khỏi ải Hàm Cốc, cỡi trâu vào sa mạc Tây Vực mênh mông (điều này khác hơn các Giáo Tổ khác, kinh văn để lại đều do đệ tử viết); trong Đạo Đức Kinh, tư tưởng về “Đạo” và lẽ sống thuận theo tự nhiên của Ngài ảnh hưởng lớn đến tư tưởng triết học Trung Quốc qua nhiều đời. Đức Lão Tử được tôn là Giáo Chủ Đạo Giáo (Tiên Giáo).

Thánh Đạo: Thời đế quốc La Mã thống trị vùng Địa Trung Hải và phần lớn Châu Âu, khoảng vài mươi năm trước và sau Công nguyên, vua chúa bạo ngược, xung đột liên miên khiến dân tình không yên ổn.

Theo sách Luca trong Tân Ước, Đức Chúa Giê-su⁷ ra đời tại Bethlehem xứ Palestine miền Tây Á bởi Đức Nữ Đồng trinh Maria. Ngày Chúa Giáng sinh 25.12 do Kitô giáo lựa chọn. Năm sanh của Ngài được chọn là năm thứ nhứt Tây lịch, nhưng nay được tính lại thành năm thứ sáu. Đến khoảng 30 tuổi, Đức Giê-su đến gặp nhà tiên tri Giảng Bap-tít để được

7. Tên gọi Giê-su trong tiếng Hebrew là *Yehoshua* có nghĩa “Đức Chúa là Đấng Cứu Độ”.

làm lễ Báp-têm (gần giống lễ Nhập môn của Cao Đài).⁸ Nhờ sự mặc khải của Đức Chúa Trời, Đức Giê-su vào hoang mạc ẩn tu 40 ngày để cầu nguyện, tiếp nhận Thiên ân và chịu thử thách. Sau đó, Ngài nhập thể truyền giảng giáo lý, khơi dậy nhân bản, tình thương, lòng bác ái để con người tin vào sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Theo ghi chép trong phúc âm Matthew, Đức Giê-su nói: *“Các ngươi đừng tưởng Ta đến đặng bãi bỏ luật Mô-sê hay là lời các ngôn sứ; ta đến không phải để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn”*.

Một ngày vào năm 33 tuổi, Ngài đã thoát xác trên Thập tự giá. Cũng từ ngày đó, chiếc Thập Tự Thánh Giá trở nên một biểu tượng của Kitô giáo, được số đông hơn 2,6 tỷ người, nhất là ở phương Tây, kính ngưỡng.

Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo gồm Cựu Ước và Tân Ước. Cựu Ước được tuyển chọn từ kinh Tanakh của Do Thái Giáo; Tân Ước là các sách do các môn đệ của Chúa Giê-su và những người kế thừa được soi sáng để viết ra.

Vùng đất Ả Rập vào thế kỷ thứ VI bị phân hóa vì nhiều trận chiến tranh giữa các dân tộc, xã hội không ổn định. Đức Muhammed (570–632)–còn được gọi là Nhà Tiên Tri–sinh ra tại thành phố Mecca, bán đảo Ả Rập. Từ năm 6 tuổi đã mồ côi cha mẹ, sống với ông nội. Từ nhỏ, Ngài đã mang danh hào hiệp giúp người. Sau khi đã có gia đình, gần 40 tuổi Ngài

8. “Khi ấy, Giê-su từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Jordan, đặng chịu người làm phép báp têm. Song Giăng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp têm, mà Ngài trở lại đến cùng tôi sao! Giê-su đáp rằng: Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm trọn mọi việc công bình như vậy. Giăng bèn vâng lời Ngài.”–Phúc âm Matthew 3: 13–15.

đã phát tâm ẩn mình trong núi, sống khổ hạnh, cầu nguyện, Ngài được Thiên sứ Gabriel truyền lời mặc khải của Thiên Chúa trong một hang động, những lời mặc khải này được Ngài chép lại thành kinh Koran (Qur'an). Sau nhiều tháng tự vấn và tiếp xúc với Thiên sứ Gabriel, Ngài nhận sứ mạng là Nhà Tiên Tri được Thượng Đế (Đấng Allah) cử xuống dẫn dắt nhân loại. Đức Muhammed soạn và rao giảng bộ kinh Qur'an trong hơn 20 năm, lập nên Hồi Giáo, giáo lý chú trọng đến tình đồng loại, khơi dậy lòng bác ái của con người và trọn tin Đức Thượng Đế là Đấng Tối Cao.

Người tín đồ Hồi Giáo xem thiên kinh Qur'an là sự hướng dẫn, răn dạy của Thiên Chúa, sách Quy phạm (Sunnah) và sách Hadith do các học giả viết về hành trạng và đức tin của Đức Muhammad; từ các kinh sách ấy, các Giáo sĩ Hồi Giáo viết nên Luật Sharia. Hồi Giáo (tiếng Ả Rập gọi là Islam) hiện nay là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới với hơn 2 tỷ tín đồ.

Nhơn Đạo: Đức Khổng Tử tên là Khổng Khâu (551-479 TCN) sanh tại Khúc Phụ, nước Lỗ (nay thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc) thời Xuân Thu, trong cảnh xã hội loạn lạc. Năm 2 tuổi cha mất, nhà nghèo, Ngài phải đi làm sớm dù ham học. Đến 15 tuổi, Ngài bắt đầu học nhiều môn học và nghiên cứu lễ giáo, đạo lý. Năm 22 tuổi Ngài bắt đầu dạy học. Năm 30 tuổi, Ngài được vua nước Lỗ cấp phương tiện đi các nơi khảo cứu luật lệ và kinh sách xưa, sau đó tiếp tục dạy học. Năm hơn 40 tuổi, số môn đệ Đức Khổng có lúc đến 3000 người. Năm 50 tuổi, vua Lỗ phong Ngài chức Đại Tư khấu. Năm 55 tuổi, Đức Khổng từ quan, đi chu du các nơi rao giảng tư tưởng của mình.

Hệ thống giáo lý triết học của Khổng Tử nhấn mạnh yếu tố đạo đức của mỗi cá nhân lẫn chính quyền; tính đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội, sự công bằng, lòng nhân ái và tính chân thành; nhưng lúc ấy chẳng ai muốn áp dụng.

Năm 69 tuổi, Đức Khổng trở về quê nhà chuyên tâm viết sách. Đức Khổng Tử đã san định lại Lục Kinh gồm: Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu; trong đó Kinh Nhạc đã thất truyền, còn lại Ngũ Kinh. Kinh Thư và Kinh Xuân Thu là sách sử. Riêng Kinh Dịch ngoài phần Nhơn Đạo có đề cập đến Thiên Đạo nhưng ít người lưu ý. Theo truyền thống, Đức Khổng Tử được xem là nhà hiền triết Trung Quốc mẫu mực nhất.

Tất cả các vị Giáo Chủ trên đều là những “Đấng Ngồi Hai”, được Thượng Đế cho xuống thế gian vào Nhị Kỳ Phổ Độ truyền giảng đạo lý cho loài người.

3. TAM KỲ PHỔ ĐỘ

a. Phát xuất nhiều tư tưởng dung hòa trên thế giới

Thời nay đã đến cuối Hạ Nguơn, tiến bộ văn minh tiến đến mức cao điểm, con người như thông thiên đạt địa. Thầy dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: “Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức”. Nhiều người coi trọng văn minh vật chất, các giá trị tinh thần lại bị xem nhẹ. Như để chuẩn bị cho cơ cứu thế kỳ ba, một số tôn giáo cùng nhiều tư tưởng triết học có tính đại đồng và đề cao tinh thần “Vạn giáo nhất lý” đã xuất hiện trên thế giới vào hậu bán thế kỷ thứ 19. Thí dụ:

Năm 1875, tại Mỹ, bà Blavatsky lập trụ sở Thông Thiên Học (sau đó dời về Madras-Ấn Độ). Thông Thiên Học chủ

trương: “Không tôn giáo nào vượt qua chân lý”.

Năm 1893, Đại Hội Tôn giáo Thế Giới (lần I) được triệu tập tại Chicago (Hoa Kỳ).

Năm 1900, Hội nghị Quốc tế về lịch sử Tôn giáo (lần I) được triệu tập tại Paris (Pháp).

Nhiều trường đại học danh tiếng mở khoa Tôn giáo đối chiếu như: Oxford (Anh), Sorbonne (Pháp), Yales (Hoa Kỳ)... kèm theo đó nhiều sách vở, báo chí được ấn hành với mục đích tương tự.

Đầu thế kỷ 20, trên thế giới đã chấp nhận tư tưởng dung hợp giáo lý căn bản của các tôn giáo, thích ứng với khuynh hướng tiến bộ về mọi mặt.

b. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai minh

Thời điểm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai minh trước nhân loài, trước quốc tế là ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (19.11.1926) với danh xưng chánh thức là Cao Đài Giáo, đứng vào giữa thời điểm mở màn hai cuộc đại chiến kinh hoàng: Đế Nhứt thế chiến (1914–1918) và Đế Nhị thế chiến (1939–1945).

Ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần, Đức Chí Tôn tá danh Cao Đài, là Giáo Chủ nền tôn giáo, giảng ban Pháp Chánh Truyền là luật pháp căn bản của đạo Cao Đài, đó cũng là ngày lập Hội Thánh đầu tiên. Nhờ Pháp Chánh Truyền, các Chức sắc có quyền pháp hành đạo; cũng từ đó, Hội Thánh làm nhiệm vụ là Thánh thể Đức Chí Tôn tại thế gian, là cầu nối liền giữa vạn linh với Đấng Chí Linh.

Trong bối cảnh xã hội đang rất loạn động, Đại Đạo khai minh là một ân phước to lớn cho nhân loại mà con người phàm trần vẫn chưa thấy, chưa biết, nhưng sự kiện khai

Tam Kỳ Phổ Độ đã khiến chấn động Thiên Đình, chư Tiên Phật rất vui mừng. Đức Phật Thích Ca trầm mặc như vậy mà đã cho biết:

*“Khánh hỉ! Khánh hỉ. Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ: Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đại hỉ, phát đại tiểu. Ngã vô lự tam đồ chi khổ. Khả tùng giáo NGỌC ĐẾ viết CAO ĐÀI ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT”.*⁹

Cùng trong đàn hôm ấy, Đức Chí Tôn dạy:

“Tam Kỳ Phổ Độ là gì?

–Là Phổ Độ lần thứ ba.

Sao gọi là Phổ Độ? Phổ Độ nghĩa là gì?

–Phổ là bày ra.

Độ là gì?

–Là cứu chúng sanh”.

Trong buổi đàn sau, Đức Chí Tôn giải thích thêm:

*“Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ dặng để thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo”.*¹⁰

a. Đức Chí Tôn lập Chánh Thể tức là lập Hội Thánh với Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, nói cách khác là lập nền tôn giáo mới thời Tam Kỳ Phổ Độ, đó là đạo Cao Đài, Giáo Chủ là Đức Chí Tôn Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông. Từ Nhất đến Nhị Kỳ Phổ Độ, không có Đấng Giáo Chủ chánh giáo nào từng xưng mình là Thượng Đế cả. Do cơ đời diễn biến quá mạnh bạo, nay chỉ có sức của Trời mới cứu độ nổi kiếp nạn

9. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển-1, bài 8, đàn 08.4.1926.

10. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển-1, bài 10, đàn 24.4.1926.

chúng sanh, đây là một ân phước quá lớn cho loài người.

Người tín đồ Cao Đài được phép gọi Đức Chí Tôn hay Đức Cao Đài, Giáo Chủ của mỗi Đạo, là Thầy.

b. Khai Tam Kỳ Phổ Độ, qua hình thức tôn giáo là Đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế thống hợp tinh ba Tam Giáo, là truyền thống từ xưa của dân tộc Việt, đề cao tư tưởng tu thân, tề gia, trị quốc của Nho Giáo; tư tưởng vạn vật đồng nhất thể, đề cao thiên nhiên của Đạo Giáo và tư tưởng suy nghiệm cái tâm, từ tâm người đến tâm vũ trụ, vừa hiện thực vừa ảo diệu của Phật Giáo.

c. Khai Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn ân ban cơ chế Đại Ân Xá, người tu được tiếp tu học chơn truyền Đại Đạo, tu một kiếp cũng có thể đắc thành (tùy mức độ), thậm chí có thể cứu Cửu Huyền Thất Tổ; tất nhiên tất cả đều trong luật công bình.

d. Khai đạo Tam Kỳ, Đức Chí Tôn giao sứ mạng cho dân tộc Việt Nam. Năm 1926, Đạo Cao Đài chánh thức khai minh tại miền Nam nước Việt. Với quan điểm phụng sự nhân sanh trong cơ tiến hóa, Mục đích, Tôn chỉ và Lập trường của Cao Đài Giáo rất rõ ràng. Giáo lý và Nghi lễ của Đạo Cao Đài được trình bày chính yếu như sau:

1. Sự Thờ phượng:

Đấng Giáo Chủ của mỗi Đạo là chính Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài với quyền năng tuyệt đối “Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ”. Thượng Đế thể hiện trên Thiên bàn qua biểu tượng “Thiên Nhân”; Thiên Nhân là Thần lực của Trời. Ân phước của người tín đồ Cao Đài chúng ta là luôn có Trời hiện diện tại tư gia mình; mỗi khi cúng là chúng ta được ơn trực tiếp kiến diện hầu Đức Thượng Đế.

Thời Tam Kỳ, dưới Thiên Nhân có Tam Giáo Đạo Tổ (Phật Thích Ca Như Lai; Thái Thượng Đạo Tổ và Khổng Thánh Tiên Sư), dưới là Tam Trấn Oai Nghiêm (Thái Bạch Kim Tinh; Quan Thế Âm Bồ Tát và Hiệp Thiên Đại Đế). Trên Điện thờ tại Tòa Thánh, dưới Thiên Nhân là các Đấng Ngũ Giáo Thánh Nhơn của Ngũ Chi từ trên xuống: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo và Nhơn Đạo.

2, Một số nét chánh yếu:

Người chọn tu theo Cao Đài Giáo trước hết phải Nhập Môn với thủ tục quy định trong Tân Luật (Chương II: Về người giữ đạo). Nhập môn là chọn tiến hóa theo Đức Chí Tôn, vậy nên, để xứng đáng theo Thầy học Đạo, đệ tử phải chấp hành đúng Luật định (Chay lạt, Giáo luật...).

Theo giáo lý Cao Đài Giáo, trình tự tu học và hành đạo của tín đồ có đầy đủ các bước từ thấp đến cao, từ Hạ thừa lên Thượng thừa, có Ngoại giáo Công truyền và Nội giáo Tâm truyền. Ở cấp bậc tu trì nào của Cao Đài Giáo cũng đều bao gồm phần tự độ và độ tha.

Cao Đài Giáo thật sự nâng tầm tiến hóa cho phụ nữ. Phụ nữ cùng tham gia việc tu hành cùng nam giới trên cả hai phương diện tâm linh và nhân sanh thế đạo. Đây hầu như là lần đầu tiên trong lịch sử tôn giáo, phái nữ được tôn vào hàng chức sắc cao cấp (Đầu Sư); có riêng Hội Thánh Nữ phái.

Trên đây chỉ là những nét chánh yếu, còn rất nhiều lý huyền nhiệm khác trong giáo lý và giáo pháp Cao Đài, từ đó hun đúc nên những tư tưởng siêu việt, làm giềng mối cho cơ taten độ kỳ cuối cùng này.

III. KẾT LUẬN

Sự hiện hữu và vận động của vạn vật trong vũ trụ đều nằm trong Luật Tiến Hóa của Đạo và do Đức Thượng Đế Thái Cực Thánh Hoàng “thống ngự”; Con người là một thành phần quan trọng nằm ở cuối chu trình tiến hóa ấy. Sự tiến hóa của con người đặt nặng phần tâm linh. Phần tâm linh khởi từ sự tin tưởng, rồi dần nâng lên thành đức tin. Nếu để tự nhiên, đức tin sẽ phát triển ra nhiều dạng, nhiều xu hướng, nên rất cần phải được định hướng từ đầu. Vì vậy, từ xưa Ông Tròn cho tôn giáo xuất hiện để đức tin được định hướng đúng, với những giáo điều giới luật.

Đức Thượng Đế chủ trì việc khai mở các nền tôn giáo xuống thế gian, qua các kỳ Phổ độ, lập nên một hệ thống chánh đạo cho nhân loại, giúp nhân loại tiến hóa tiếp, đến nấc thang cuối cùng là vào hàng Thần Thánh, được vô sanh.

Chúng ta có điểm phức được làm đệ tử Đức Chí Tôn, tuy đang còn trên “biển trần khổ” nhưng đã được lên thuyền Bát Nhã, phải cố tự chèo đến bờ giác, và trên đường đi nên độ thêm bạn thiện tri thức đồng hành; tu hành có bạn chắc chắn sẽ xuôi chèo mát mái. Lời Thầy dạy thời Khai đạo:

*“Các con một đầu, Thầy một đầu, nắm chặt tay lưới vớt cả chúng sanh. Ngày vui của các con chẳng phải nơi thế gian này, mà là ngày các con hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh”.*¹¹

Đó là ý nghĩa chữ “Phổ Độ” chúng ta đang thọ nhận.

HUỆ NHÃN
Hạ chí 2024

11. Đức Chí Tôn, Đàn Tết Dương lịch 1927 (Hương Hiếu, *Đạo Sử 2*, tr.133).

“HAI NGÀY SÓC-VỘNG ĐĂNG ĐÀN THUYẾT MINH”¹

Đạt Tường



1. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15.3 Bính Thìn (14.4.1976).

Tân Luật Chương III, điều thứ mười chín quy định:

“Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế.”

Nếu đọc thoáng qua, phần đông chúng ta cảm thấy đối tượng chịu ảnh hưởng tác động của điều luật này là chư tín đồ, nhất là bởi câu “Trừ ra ai có việc được chế”.

Nội dung của điều luật quy định người ở vị thế tín đồ có nghĩa vụ “hai ngày sóc vọng, phải tựu lại Thánh Thất” để thực hiện hai phần nhiệm vụ của mình: trước nhất là “làm lễ” tức là cúng bái, sau kế đến là “nghe dạy”.

Phần nhiệm vụ thứ nhất hoàn toàn phụ thuộc vào người tín hữu nhưng phần thứ hai của nhiệm vụ vừa phụ thuộc bản thân mỗi tín hữu nhưng đồng thời cũng phụ thuộc vào những người có trách nhiệm khác.

Khi nghiên cứu Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, cùng với một ít hiểu biết về Sử Đạo nhất là phần liên quan đến Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, chúng ta thấy rõ hơn: có hai đối tượng liên quan của điều luật này.

Ngoài đối tượng thứ nhất là “bốn đạo” thì đối tượng thứ hai là những người có trách nhiệm hướng dẫn trong Ban Cai Quản của mỗi Thánh Thất, Thánh Tịnh.

Khi xưa, theo lịch sử diễn tiến của nhà đạo, gần một tháng sau khi Tân Luật đã được Thầy phê chuẩn và cho phép ban hành,² trong một buổi đàn, Đức Chí Tôn nhắc Ngài Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung và chư vị Giáo Hữu:

2. Đức Chí Tôn ân phê và cho ban hành Tân Luật vào ngày mùng 4.02 Đinh Mão (07.3.1927): “Trung, con cũng cho các đạo hữu rõ rằng: **Tân Luật đã lập thành. Hội Thánh cứ đó mà ban hành**”.

“Trung,... Thầy để lời cho con biết rằng phần nhiều các Giáo Hữu không xét biết trách nhiệm của mình.

Con phải nhắc cho chúng nó hiểu: mỗi Giáo Hữu ít nữa phải thông cội rễ nền Đạo, chúng nó phải năng tìm biết Thánh Ngôn của Thầy đã dạy và thay phiên nhau mà nói Đạo (cho) chư thiện nam, tín nữ hiểu.

Nhiều Giáo Hữu không biết một nét chi về việc Đạo. Chư tín đồ không trông học hỏi đến đặng thì chức sắc còn có bổ ích chi?

Con phải nhắc cho chúng nó và Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết đạo trong mỗi đàn nghe”.³

Và ngay lập tức Thầy buộc các chức sắc từ Giáo Sư xuống đến Giáo Hữu phải lưu tâm thực hiện phần trách nhiệm của mình, phải nhanh chóng lo tổ chức ngay việc giảng Thánh Ngôn trong mỗi kỳ đàn sóc vọng.

Chúng ta đọc được trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển thứ nhì lời Đức Chí Tôn dạy chư vị Tiền bối trong kỳ đàn tháng 9 năm 1927:

“Thượng Trung Nhựt,...

Hiền hữu tua lo về phần thuyết đạo cho chóng...

Trong cả chư đạo hữu và tín đồ, Lão cho hiền hữu biết rằng: Nữ phái phần nhiều chưa thông hiểu về Đạo cho lắm.

Hiền hữu! Mỗi đàn lệ cần phải buộc Nữ phái tới mà nghe thuyết Đạo chung với nam phái.

Sau này chừng Lão liệu có đạo muội nào đáng công tìm học

3. Thánh Ngôn chép tay, Niên Số Thời Thiết Lục, tờ 321 A.

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, đàn ngày 05.4.1927).

Đạo lý thì sẽ cho thuyết Đạo”.⁴

Năm hôm sau, như có vẻ sốt ruột nên Thầy lại dạy tiếp:

“Các con... duy có một điều là chư môn đệ và tín đồ xa khuất lời Thánh giáo, nên phần nhiều để thì giờ mà chăm nom về nhơn sự hơn là phần đạo đức.

Trung, con phải truyền cho các Giáo Sư, Giáo Hữu lo lắng về phần thuyết Đạo cho kịp và mỗi đàn lệ đều phải trích một bài Thánh ngôn dạy về đạo đức mà đọc cho chúng sanh nghe. Như vậy thì lời Thánh giáo như còn văng bên tai các môn đệ để giục bước đường của chúng nó chẳng sứt sè vậy.(...)

Trung bạch: Con có ra đề hồi hôm nơi đàn Cầu Kho cho các Giáo Hữu làm bài thuyết đạo.

–Phải, như Giáo Hữu nào bê trễ về phận sự và không quản đến lời Thầy thì con hội Chư Thánh, dâng sớ lên cho Lý Bạch phân đoán nghe”.⁵

Khi đó, Thầy đã có lời nhắc nhở đồng thời răn đe những vị Giáo Hữu nào không cố gắng phận sự thuyết “phổ thông Chơn đạo”, Hội Thánh phải họp chư Thánh gồm các Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư để góp ý phê bình cho các đương sự. Nếu sau đó có Giáo Hữu nào vẫn không chịu sửa đổi cầu tiến bộ thì Hội Thánh trình lên cho Đức Lý Giáo Tông phân đoán.

Thấm nhuần tinh thần và tầm quan trọng của đạo sự này, vào Rằm tháng 10 Tân Mùi (Novembre 1931) khi Đại Hội Nhơn Sanh lần thứ nhất được tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương trong Tờ

4. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Q.2, bài 36, đàn ngày 12.9.1927.

5. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Q.2, Phò Loan: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, 19.9.1927.

Tổ Bày Việc Đạo đã thay mặt cho Hội Thánh có trình bày kế hoạch nơi phần Giáo Huấn:

“Hôm ngày 29 Septembre, tôi đã có gửi một tờ Châu Tri số 28 khuyên hết thầy đạo hữu ráng học và tập tành theo Ngũ Giới Cấm. Tôi tính sẽ gửi hai lần Châu Tri dạy đạo cho các Thánh Thất. Nếu đạo hữu vui nhận mà noi theo thì bước Đạo của mỗi người sẽ được vững vàng mà lần lần đến chốn”.

Ngày nay, chúng ta có một bộ “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” lưu lại những bài giảng đạo của Ngài Phạm Hộ Pháp trong suốt nhiều năm nơi Tòa Thánh Tây Ninh hay những quyển như “Tuyên Ngôn Dạy Đạo” lưu lại những lời dạy của Ngài Nguyễn Ngọc Tương-Giáo Tông Ban Chính từ năm 1938 đến năm 1948, v.v...

Qua đó chúng ta thấy các vị Đại Thiên Phong đã có ý thức thực hiện được một phần lời dạy của Thầy. Tuy nhiên do những biến động kịch liệt của xã hội trong thời kỳ chiến đấu ác liệt để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước cho nên mặt hạn chế còn tồn tại là chưa tiến hành được việc gieo ý thức phải thi hành nghĩa vụ “Phổ thông Chơn Đạo” rộng khắp cho các hàng ngũ chức sắc ở từng mỗi địa phương.

Vào đầu thập niên 50, Đức Trần Đạo Quang khi giảng đàn đã nhấn mạnh việc phải “tìm giáo lý chỉ rõ cho nhau”:

“... mỗi kỳ sóc vọng nơi các tịnh trường nhắc nhở nhau..., đọc Thánh giáo cắt nghĩa...”

Nhiều em y lại học vô vi không cần học hữu hình mới ra chỗ tẻ là thiếu hiểu...

Khi đến chùa nếu giờ dư nên đọc Thánh giáo bàn lời đạo đức. Cấm nói chuyện ngoài hay cãi vả.

Chớ các em đi hầu đàn về rồi (không học) thì có khác nào học trò ôm sách đi học mà không hành thì suốt cả đời vẫn còn đốt nát”.⁶

Trong khoảng thời gian cuối thập niên 50, nơi Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Bát Nương thúc đẩy các Giáo Hữu và Giáo Sư, nhất là chức sắc nữ, phải cố gắng rèn luyện để thực hiện lại việc luận Đạo hướng dẫn nhân sanh mà khi xưa Thầy và Đức Lý Giáo Tông đã hướng dẫn:

“Em phân cho đại tử biết từ mấy chục năm nay, những người diu Đạo vẫn sơ sót về phần dạy Đạo, nhưng nay cần phải bổ khuyết.(...)”

Nay tiện thiếp cho ít đề tài để cho Chức sắc nữ phái trong phẩm Giáo Hữu và Giáo Sư làm bài luận Đạo.

Chừng nào làm rồi, đại tử góp đủ giao cho anh Tiếp Đạo chấm vở giùm em, những bài nào được ưu điểm thì đọc cho em nghe kỳ đàn tới, những bài nào em đồng ý thì được đọc giữa Đền Thánh làm bài thuyết đạo”.⁷

Và Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt dạy:

*Học vấn từ đây Đạo mở đường,
Luyện trau Chức sắc kỷ hòa cương.
Quyền đời hóa chúng còn phô đức,
Cửa Thánh độ người há kém phương.
Giáo lý dồi dào nung khách trí,
Nho phong nhuần gội vững can trường.
Lập công đem đổi nên Thiên vị,*

6. *Thánh Giáo Dạy Đạo*, số 23, tr:79, Đức Vạn Đức Đại Tiên-Trần Đạo Quang, Huân Cung Đàn, 14.8 Quý Tỵ (1953).

7. *Thánh Ngôn Sư Tập IV*, 25.5 Đinh Dậu (22.6.1957).

*Đền sách bền theo nhọc chớ màng.*⁸

Giữa thập niên 50 của thế kỷ trước, sau khi Hội Thánh Truyền Giáo chánh thức góp mặt trong gia đình Đại Đạo Tam Kỳ thực hiện phổ độ chúng sanh, một tiền bối là Ngài Chơn Khai Đạo Nhơn khi về đàn có dạy:

“Cơ quan truyền Đạo là một phần trọng yếu. Hội Thánh chia cắt cho Phổ Tế nhiệm vụ nặng nề (...) Phổ Tế làm cách nào để được hàng ngũ sĩ sao đoàn kết?”

Trước hết ta nên tìm bệnh trạng bởi đâu mà phát chứng?

Trong hàng ngũ Hướng đạo các cấp chưa được huấn luyện phương pháp chấn giữ đàn chiên. Các Hướng đạo lòng tu còn yếu, ý chí chưa trọn trung thành, Quyền Pháp kém tôn nghiêm. Người Hướng đạo chưa chọn lựa trong Thiên ân có nguyện lực, có thiên tư tài đức để đào tạo nhiều ngày.

Vậy thì: Cũng cố hàng ngũ Chức sắc nắm vững ý chí, hoàn cảnh tư đức. Mở trường đào tạo Giáo sĩ dài hạn để tinh minh Quyền Pháp, tinh tường Giáo lý, am hiểu cổ kim lịch sử, tôn giáo, học thuyết.

Thăm nom an ủi, nhắc nhở Đạo hữu, thuyết giảng giáo lý các ngày đàn lễ.

*Ngoài ra lo nghiên cứu một chương trình để mở rộng tổ chức Phổ Tế hiệp trợ giữa Phổ Tế các Chi.”*⁹

Ý thức truyền giáo đã được gieo mầm trong tư tưởng hàng ngũ Chức sắc, Chức việc. Kế hoạch thuyết giảng giáo lý trong các đàn lễ sóc vọng đã bắt đầu được quan tâm triển khai thực

8. Giáo Tông Đường, 29.9 Đinh Dậu (20.11.1957).

9. Thánh Truyền Trung Hưng 3, Trung Hưng Bửu Tòa, ĐĐ. 33, 24.01 Mậu Tuất (13.3.1958).

hiện mà bước đi đầu tiên là đào tạo hàng ngũ Giáo Sĩ.

Kiên trì với mục tiêu đã định, những khóa bồi dưỡng đào tạo đã được triển khai, khi thì âm thầm lặng lẽ nếu hoàn cảnh, thời thế không thuận lợi, lúc thì rầm rộ đông đảo...

Trong lúc đó, bốn đạo cũng được Đức Mẹ nhắc nhở:

*“Rủ nhau tu cho ra đạo đức,
Nhắc nhau đừng giận tức rầy la;
Cùng về Sóc Vọng châu Cha,
Tuân nghe Họ Đạo thiết tha thi hành.”¹⁰*

“Mỗi tháng có hai lần sóc và vọng, bốn đạo chung quanh tề tựu đến đánh lễ thiêng liêng, cúng hành hương độ một bữa cơm chung rồi ôm khăn gói ra về. Đi đến Thánh thất đôi lần bảy lượt không thấy có gì mới lạ, lần hồi chênh mảng không đến nữa, dẫu đến cũng chỉ có thế mà thôi, đáng lẽ nơi đây phải được thuyết giảng đạo lý thường xuyên tối thiểu hai lần mỗi tháng để bốn đạo biết thế nào gọi là tu, cúng chùa tụng kinh ăn chay niệm Phật để làm gì và làm thế nào để đắc Đạo.

Đó là những điều cần thiết phải được sinh hoạt đều đều trong mỗi Thánh Thất, Thánh Đường.

Nhơn sanh đạo hữu có hợp tác hành đạo được là nhờ có người chỉ dạy cho biết Đạo là gì.”¹¹

Một ý tưởng mới được gợi ý thể hiện tinh thần hòa đồng hợp tác các chi phái trong Đại Đạo trên phương diện phổ tế. Việc bắt cầu hợp tác cùng nhau giữa các Hội Thánh nơi các Họ Đạo cũng là điều từng được Thiêng Liêng khuyến khích.

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Thất Tịnh Quang, ĐĐ. 33, 07.12 Mậu Tuất (15.01.1959).

11. Đức Mẹ, TT. Nam Thành, 15.6 Tân Hợi (05.8.1971).

Đức Quan Thánh có dạy:

Về việc Phổ Tế...

... muốn cho nền Đạo được mạnh mẽ tỏ sáng thì phải theo một nguyên tắc chung là bắc cầu sang qua các Chi Phái để ngọn đuốc Trung Hưng được soi rọi khắp nơi.

Phải đánh trống khua chuông giục thúc Đạo tràng, xây dựng một nền Phước Thiện cho giữa nhau có một phong hóa đạo đức một đời sống êm thấm mỹ miều, một tinh thần đồng Đạo yêu thương chia bằng sức sống,...¹²

Lời dạy này gợi ý cho một cách làm đơn giản hơn, hoàn toàn có khả năng thực hiện là luân phiên trao đổi người thuyết giảng giữa các Thánh Thất cùng Hội Thánh trên cùng địa bàn cấp quận huyện, hay cấp tỉnh.

Nếu có chủ trương tiến hành theo phương cách này sẽ là nguồn động lực kích thích khá nhiều cho các giảng viên đồng thời cũng tạo nên tâm lý phấn khởi cho bốn đạo các Họ Đạo.

Thực tế, trong vài năm gần đây với sự năng động sáng tạo của Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh đã từng bước thực hiện được phương cách vừa nêu trên giữa ba Thánh Thất thuộc Hội Thánh cùng sự hợp tác của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Mô hình này nên được suy nghĩ trao đổi góp ý và nhân rộng thêm.

Hằng quý, tập Sống Đạo của Hội Thánh Truyền Giáo đều có vài đề tài căn bản tương thích với lịch Đạo sự để Ban Phổ Tế mỗi Họ Đạo nương theo đó triển khai học tập đến bốn đạo.

12. Thánh Truyền Trung Hưng 4, Trung Hưng Bửu Tòa, ĐĐ. 34, 03.01 Kỷ Hợi (10.02.1959).

Hơn chục năm trở lại đây, Ban Chưởng Quản Hội Thánh Bạch Y đã có những bước đi cụ thể hợp tác cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tổ chức thuyết đạo ở một số Thánh Thất tại Rạch Giá trong những ngày lễ kỷ niệm hàng năm.

“Thánh Thất dùng để làm nơi truyền giáo,

Tháng đôi lần giảng Đạo thuyết kinh;

Dạy tu hành cho cả nhơn sanh,...”¹³

Ở những Thánh Sở chưa có điều kiện quy tụ các em đồng nhi, lễ sĩ trong 4 buổi Chủ Nhật hàng tháng để hướng dẫn sinh hoạt Đạo, Đức Lê Đại Tiên khuyến khích cố gắng thực hiện trong 2 ngày sóc vọng hàng tháng:

“... toàn thể tín đồ hoặc nhơn sanh chưa nhập môn cầu Đạo, mỗi tháng 2 ngày sóc vọng sau những buổi lễ nghi cúng bái, được nghe một thời thuyết giáo lý Đạo.

THI BÀI

Cơ tiến hóa tre tàn măng mọc,

Cuộc chuyển luân dân tộc nước non;

Giống lành quả tốt trái ngon,

Cây cam há trở bờ hòn được ư?....

Thiếu niên ấy, tạo đoan xã hội,

Thiếu nhi là muôn đội binh hùng;

Đất lành gieo giống túc sung;

Chẳng hoài công của, kẻ vun người trồng.

Dạy con trẻ giống dòng đạo đức,

Dù con qua khỏi vực mê đồ;

Hằng ngày tập tiếng nam mô,

13. Đức Thiên La Đạo Nhơn, TT. Ngọc Minh Đài, 01.01 Giáp Dần (23.01.1974).

*Còn đâu học thói hồ đồ nghinh ngang...
Đem đạo đức dung hòa nhiệt huyết,
Đem nghĩa nhân buộc siết tình thân;...
Nhấn ai, ai nhớ lời thề,
Xây đời đạo đức chớ hề nản công.”¹⁴*

Đức Quán Thế Âm cũng lưu ý:

“Chư hiền đệ Hoanh, Thiện, Châu¹⁵ nghe Bần Đạo nhắc nhở: xuyên qua những lời bày tỏ ở trên, chư hiền đã ý thức tổng quát rồi, từ đây chư hiền hãy chung nhau tu học theo tiến trình hành đạo tu thân và độ chúng, hầu mong đưa nhơn sanh đến nơi giải thoát khỏi những ma chướng não phiền...”

Bần Đạo khuyên chư hiền đệ hiền muội: Sứ mạng Thánh Thất Tân Định này nên lưu tâm đến việc phổ cập giáo lý tới nhơn sanh, ít nhất mỗi tháng qua 2 kỳ sóc vọng.

Ngoài sự tự tu tự học, những điều nào cần đến sự hỗ trợ về giáo lý có thể sở cậy đến những người đầy đủ khả năng lân cận giúp cho.

Đồng thời chư hiền cũng nên lưu tâm đến hàng tương lai Đại Đạo. Ở bốn phận nhiệm vụ của những kẻ đương thời già giặn thì đã đành rồi, lại thương thay cho những mầm non tín hữu đã, đang âm thầm mọc lên, nếu không có sự vun quén chăm sóc thì hóa ra tàn lụn sau này uổng lắm vậy.”¹⁶

Tóm lại, qua Thánh Ngôn từ khi mới Khai Minh Đại Đạo¹⁷

14. Đức Lê Đại Tiên, TT. Ngọc Minh Đài (1965).

15. Cả 3 vị đều ở phẩm Giáo Sư của Hội Thánh Tam Quan.

16. Đức Quán Thế Âm, TT. Tân Định, 02.9 Tân Hợi (20.10.1971).

17. Trong Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh (1928) phần “Nghị Lễ Đại Đàn” có câu:
Thiên phong nghiêm cấm giái đàn (chỗ này Thiên Phong thuyết đạo)

và các Thánh giáo sau này cùng một số kinh nghiệm hành đạo của một số Hội Thánh, chúng ta thấy Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã dạy cần đưa việc giảng đạo vào mỗi kỳ đàn lễ sóc vọng để mang đạo lý đến với nhơn sanh là một trọng tâm Đạo sự, là trách nhiệm của hàng ngũ chức sắc mỗi địa phương.

“Thánh Thất là một chỗ ngụ trụ to lớn của các bậc Thiêng Liêng¹⁸ và cũng là một nơi học hỏi của tín đồ tất cả.

Đó là một nơi của tín đồ giao cảm cùng Thần Tiên mà cũng là nơi Thần Tiên dạy Đạo cho tín đồ.”¹⁹

Người tín hữu cần được hướng dẫn để nâng cao ý thức thực hành nghĩa vụ đã được quy định nơi Tân Luật:

“Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy”.

Lịch sử diễn biến của nhà Đạo cho thấy từng lúc tùy nơi, việc đạo sự này có được thực hiện với quy mô thể nào tùy theo năng lực nhơn sự cùng ý thức của lãnh đạo mỗi Hội Thánh. Đây là một yếu tố căn bản góp phần cho sự tăng trưởng bền vững cho đạo sự mỗi Hội Thánh nói riêng và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung.

Trong thành phần tham dự, sự hiện diện làm gương của các cấp chức sắc chức việc là nguồn động viên to lớn cho việc siêng năng tu học của bốn đạo.

Mỗi địa phương cần quan tâm đúng mức đến việc động viên các thanh thiếu niên đồng nhi lễ sĩ tham dự học hỏi.

18. Hàng Lễ Sanh tương ứng với Thiên Thần, còn Giáo Hữu tương ứng Địa Thánh.

19. Đức Phan Thanh Giản, TT. Minh Đức, 03.3 Bính Thân (13.4.1956).

Tạo môi trường và điều kiện thực tập, thực hành cho việc đào tạo một số chức sắc, chức việc nữ phái ở cấp Giáo Hữu và Lễ Sanh song song cùng nam phái để mỗi Thánh Thất có một ban giảng huấn vững mạnh cho việc truyền giáo là điều hết sức cần thiết.

Hiện nay, ở một vài Hội Thánh đạo sự “Tháng đôi lần giảng Đạo thuyết kinh” đã được từng bước thực hiện đều đặn nơi các Thánh sở với chỉ đạo thống nhất.

Điều quan trọng là các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chúng ta đã, đang có những bước cụ thể phối hợp cùng nhau, chia sẻ kinh nghiệm và chung tay thực hiện kế hoạch Hạnh Đường đào tạo giảng viên hầu từng bước đáp ứng nguồn nhân lực thuyết minh giáo lý cũng như đào tạo huấn luyện thế hệ tiếp nối.

Kiên trì với định hướng đã được Ôn Trên hướng dẫn, hòa đồng thành tâm hợp tác cùng nhau, một ngày mai tươi sáng kết quả chắc chắn sẽ đến với tất cả các Hội Thánh chúng ta.

Khi làm được điều căn bản “Hai ngày sóc vọng đăng đàn thuyết minh”²⁰, chúng ta đã thiết thực làm cho mỗi Thánh thất, Thánh tịnh trở thành một “Trường Đạo giáo dân” góp phần thực thi sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chúng sanh.

Kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo, Giáp Thìn (2024)

20. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15.3 Bính Thìn (14.4.1976).

NGŨ NGUYỆN THÁNH THẤT AN NINH

Hồng Phúc

Trong kinh của đạo Cao Đài có bài kinh Ngũ nguyện được đọc sau cùng vào mỗi thời cúng. Nếu ai cúng đủ 4 thời một ngày thì đọc bài kinh này 4 lần trong ngày. Có nghĩa là năm lời nguyện này đã được mỗi người tín đồ Cao Đài lặp đi lặp lại rất nhiều lần từ ngày này qua ngày khác trong suốt cuộc đời tu hành của mình. Lời kinh tuy bằng danh từ Hán Việt mới nghe qua cũng có thể hiểu được một cách đơn giản, nhưng chắc chắn không đầy đủ và chính xác.

Nguyện có 2 ý nghĩa:

Cầu nguyện tức là cầu xin các Đấng Thiêng Liêng ban cho, giúp cho những điều mà con người ước muốn đến với mình.

Hứa nguyện tức là sự hứa hẹn cam kết thực hiện một cách tự nguyện những điều mang tính cao cả thiêng liêng.

Qua ý nghĩa của chữ “Nguyện”, bài kinh Ngũ Nguyện thể hiện rõ nét đặc điểm của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là sự hợp tác giữa Trời và Người để thực hiện công cuộc tận độ vô cùng vĩ đại mà người lãnh đạo tối cao là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đó là sứ mạng song hành giữa hai cõi sắc không trong đó con người có một vai trò trọng đại quyết định sự thành bại

của cơ cứu thế Kỳ Ba, Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy:

*“Đấng Giáo Chủ Cao Đài cứu thế,
Là vô hình, vô thể, vô danh;
Nên cần hướng đạo môn sanh,
Vô nhơn, vô ngã, mới dành ban trao”¹*

Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy, Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một...²

Đó chính là tinh thần Thiên Nhân hiệp nhứt, Trời–Người đồng nhứt. Bởi vì đọc bài kinh NGŨ NGUYỆN tức là người tín đồ Cao Đài vừa cầu khẩn xin Thiên Liêng phù hộ ban cho, vừa tự cam kết thực hiện 5 điều mình cầu xin là:

1–Đại Đạo hoằng khai

2–Phổ độ chúng sanh

3–Xá tội đệ tử

4–Thiên hạ thái bình

5–Thánh thất an ninh.

Trong 5 câu nguyện, ba câu giữa tương đối dễ hiểu, liên quan phần hình nhi hạ, tức thuộc thế giới con người mà khi đọc lên, có thể cảm nhận hình dung được mục tiêu cầu nguyện và hứa nguyện:

–Phổ độ chúng sanh: cứu giúp, độ dẫn chúng sanh rộng rãi khắp cùng.

–Xá tội đệ tử: là cầu xin được tha thứ tội lỗi và nguyện phá chấp, không còn lòng thù ghét đối với người khác.

1. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 04.01 Ất Mão (14.02.1975).

2. Thầy, CQPTGL, 30.12 Giáp Dần (10.02.1975).

–Thiên hạ thái bình: thế giới loài người không còn hận thù, chiến tranh, phân chia kỳ thị, là điều mà toàn nhân loại đều mong mỏi.

Nhưng với hai câu 1 và 5, thuộc phần hình nhi thượng, tức nội dung có liên quan đại vũ trụ, cho nên ẩn tàng những nghĩa lý sâu xa mà người tín đồ Cao Đài cần phải hiểu rõ vì mỗi khi đọc kinh là tự nhắc nhở chính mình sứ mạng cao cả mà Đức Chí Tôn đã ban trao là “hướng đạo nhơn sanh”.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Chư hiền đệ hiền muội! Trong giới Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hằng ngày mỗi thời cúng đều có năm câu nguyện. Câu nguyện chót là “Ngũ nguyện Thánh thất an ninh”. Thông thường, chư hiền đệ hiểu nghĩa rất hẹp là cầu nguyện cho Thánh thất là chỗ thờ phượng được an ninh. Nếu hiểu như vậy thôi thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không cần phải nêu câu ấy lên để mà làm chi.

Vậy chớ người đời mỗi lần đến lễ Phật dựng hương đăng hoa quả, kèm theo đó xin Phật phù hộ đủ điều, có khác chi đâu”.³

Giáng trần khai mở ĐĐTKĐĐ, Đức Cao Đài đã khẳng định, không còn nữa thời con người thụ động nô lệ thần quyền, chỉ trông chờ vào sự hộ trì ban phúc hay thoát họa từ các Đấng Vô hình. Con người là một chủ thể tự do, có đầy đủ năng lực tự chọn cho mình con đường tiến hóa hay thoái hoá; và hơn lúc nào hết, đây là thời kỳ con người có thể chứng tỏ được năng lực đó của mình, bởi vì con người đã được ban trao sứ mạng đồng hành cùng Thượng Đế để tái tạo cõi dinh hoàn lập đời Thượng ngươn Thánh đức.

3. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

Đây là một sự kiện vĩ đại chưa từng thấy trong lịch sử loài người, và có thể nói, sứ mạng lớn lao đó được gói gọn trong 5 câu nguyện của bài kinh Ngũ Nguyện mà không một tín đồ Cao Đài nào không thuộc nằm lòng. Thực hiện được 5 câu nguyện đó, không chỉ thiên hạ thái bình để tạo dựng nên một xã hội nhân sinh đại đồng thánh đức, mà con người còn được giải thoát phần tâm linh khỏi thế giới luân hồi sanh tử; đặc biệt lớn lao nhất là riêng câu nguyện thứ 5 “Ngũ nguyện Thánh thất an ninh” còn mang ý nghĩa của sự cảnh báo nhắc nhở con người về sự bất ổn đang xảy ra trên hành tinh này mà chỉ có thể khắc phục được bằng sự hợp tác giữa Trời và người nếu muốn bầu vũ trụ càn khôn này nói chung, trái đất này nói riêng phục hồi sự an bình, tránh khỏi con đường hủy diệt.

Thế nào là an ninh? Đó là tình trạng, trạng thái yên ổn, an toàn, không lộn xộn, không lo lắng về một sự đe dọa nguy hiểm nào đó. Đó là nhu cầu của đời sống con người trong cả hai lĩnh vực nhân sinh lẫn tâm linh mà Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã xác nhận:

“Nếu vũ trụ chẳng an ninh, cơ sanh hóa không thể trưởng thành; guồng máy cai trị nhà nước nếu chẳng an ninh thì xáo trộn từ đầu não chỉ huy đến hạ tầng quần chúng; gia đình nếu chẳng an ninh thì làm sao an cư lạc nghiệp hạnh phúc được; bản thân nếu chẳng an ninh thì đời người như mất hết chín phần mười. Như vậy, an ninh là nhu cầu cần thiết cho tất cả mọi giới, mọi lãnh vực”.⁴

4. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

Thánh thất là gì?

–Thông thường, ai cũng biết Thánh thất là cách gọi nơi thờ phượng của đạo Cao Đài, mà theo Phật giáo gọi là chùa, Thiên Chúa giáo gọi là nhà thờ, Hồi giáo gọi là Thánh đường. Hiểu theo từ nguyên, Thất là ngôi nhà. Thánh là cách gọi chung ám chỉ cõi siêu xuất thế gian, như Thánh giáo có nghĩa là lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, hay Thánh ý là ý muốn của Ông Trên...

Đức Đông Phương Chương Quán đã khẳng định :

“Mới nghe qua, những ai tò mò đều lấy làm ngạc nhiên, tại sao Đại Đạo Cao Đài chủ trương “Vạn giáo nhứt lý, đại đồng nhơn loại” mà lại chỉ cầu nguyện cho một Thánh thất, Thánh tịnh, Hội Thánh mình an ninh yên lành thôi? Không phải vậy đâu chư hiền đệ muội!”⁵

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giải thích:

“Chư hiền đệ muội phải hiểu như thế này: Thánh thất gồm có Bát Quái, Cửu Trùng và Hiệp Thiên Đài. Thánh thất cũng là tượng trưng cho hình thể Chí Tôn Đại Từ Phụ, trong đó có cả Thượng Đế đến vạn linh. Một tổ chức rộng lớn như vậy cũng thể hiện cho Càn Khôn Vũ Trụ. Muốn cho Càn Khôn Vũ Trụ được điều hòa nhứt nguyệt tinh tú, Thượng Đế phải nắm giữ quyền pháp, cũng như điều hành guồng máy đạo. Một tổ chức từ nhỏ đến lớn cũng phải có quyền pháp. Nếu không quyền pháp điều hành vận chuyển thì các khối tinh cầu trong vòng luân chuyển sẽ đụng nhau, thì vũ trụ này mất an ninh. Còn các phần hành

5. Đức Đông Phương Chương Quán, Trúc Lâm Thiền Điện, 18.7 Canh Tuất (18.8.1970).

*của mỗi tổ chức không theo quyền pháp thì tổ chức đó bị loạn”.*⁶

Như vậy, ngoài ý nghĩa là nơi thờ phượng các Đấng Thiêng Liêng, Thánh thất còn có nghĩa là ngôi nhà thiêng liêng của đạo Cao Đài với kiến trúc tượng trưng cho Thánh thể của Đức Thượng Đế mà Đức Đông Phương Chưởng Quân đã mô tả:

*“Thánh Thể của Đức Chí Tôn gồm có ba phần: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Ba đài hiệp lại thành một Thánh thể chung. Thánh thể hữu hình tượng trưng cho guồng máy Đại Đạo xoay vần trong càn khôn thế giới”.*⁷

Không ai phủ nhận, Đức Thượng Đế với quyền năng tối cao dù là hữu ngã cũng vẫn là một Đấng Vô Hình, Vô Ảnh mà Đức Nguyệt Quang Tiên Nương đã xác nhận ngay sau khi trở về nơi cõi vĩnh hằng:

*“Không hiện tướng đâu đâu trái khắp,
Bật tâm hơi ngấn nắp điều hòa;
Ba ngàn thế giới bao la,
Mặc cho thế tục người ta vẽ vời.”*⁸

Thật vậy, từ cổ chí kim, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Ông Trời mặc dù có mặt khắp nơi nơi trong thế giới loài người, nhưng không ai có thể vẽ nên diện mạo, hình dáng của Ngài. Cho đến nay, theo vòng thiên địa tuần hoàn, bước sang thời Hạ nguyên châu nhi phục thổ, dân tộc VN diễm phúc được Ngài chọn làm nơi thị hiện Thánh thể của Ngài cho toàn nhân loại biết đến, để qua đó thấy được lý Đạo cao siêu

6. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

7. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Trúc Lâm Thiển Điện, 18.7 Canh Tuất (18.8.1970).

8. Đức Nguyệt Quang Tiên Nương, CQPTGL, 06.3 Giáp Tý (06.4.1984).

nhệm mầu mà tỉnh thức quày đầu tìm đường trở lại bến khởi nguyên.

Ngài dạy rõ:

“Thế vận tuần huòn, Thiên cơ dĩ định, Thầy khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam là nơi các con cái của Thầy đang gặp gỡ nhau trên phương diện đạo lý, cũng là cơ hội hoằng dương chánh pháp cho Tam Giáo Đạo trùng hưng, hầu cứu rỗi nhơn sanh trong kỳ Hạ Ngươn mạt kiếp. Các con vì chí trung kiên với Đạo, thọ lãnh sứ mạng của Thầy mà tiếp nối công việc giúp đời hành đạo, trong khi các môn đệ của Thầy đã dày công nhọc sức, trải bốn mươi năm năm giữ đạo luật phổ độ nhơn sanh, xây dựng Thánh Thể của Thầy trên đất Việt Nam, để làm nơi dẫn dắt nhơn sanh đến tìm Thầy trong sự dưỡng dục quần sanh, mà an tâm định mạng, thì quyền pháp và phẩm vị là để sắp một hệ thống trong Thánh Thể hầu hiểu rõ giáo lý cao siêu của Đại Đạo”⁹

Đây là điểm đặc biệt trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế mở đạo giữa thời đại mà con người đang chìm đắm trong vật chất của cõi hữu hình, trí tuệ của con người đã vươn đến tầm cao của tri thức, niềm tin của con người không còn bị ràng buộc trong thần quyền như trong Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ, nên phương pháp độ dẫn của Ngài là đi từ hữu trở về vô; có nghĩa là trước hết sắp bày thực tướng của thế giới vô vi cho con người nhìn thấy, đưa vào tư duy mà nghiệm suy nghĩa lý huyền vi của vũ trụ vốn vẫn còn khép kín đối

9. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, TT. Nam Thành, 14.2 Bính Ngũ (05.3.1966). Lễ thọ lãnh Thánh Dụ của ĐỨC CHÍ TÔN.

với loài người, để từ đó, không chỉ con người nhận ra được mình là ai, đến trần gian này làm gì, và sẽ đi về đâu; mà còn giải quyết được những vấn đề mà nhân loại tưởng chừng như đang bế tắc, như lời của Đức Đông Phương Lão Tổ:

*“Vì nếu hầu hết con người trên thế gian đều chấp nhận cái hình thức Thánh thể ấy để đạt được cái lý siêu nhiên của Trời, của Đạo, gìn giữ được những báu vật cố hữu của con người muôn thuở, thì còn khôn sẽ được an tịnh, thế giới sẽ được an ninh, phong hòa vô thuận, thế giới an khương”.*¹⁰

“Báu vật cố hữu của con người muôn thuở” mà Đức Đông Phương nói đến ở đây là gì? Đó chính là Thiên tính hay Thượng Đế tính, là điểm Tiểu Linh Quang mà Đức Thượng Đế đã chiết xuất từ bản thể Đại Linh Quang Thái Cực toàn thiện toàn mỹ để ban cho muôn loài làm động năng sinh hóa từ vô thỉ đến vô chung; là vốn liếng tự hữu mà vạn vật phải phát huy để tiến hóa, trong đó con người là sinh vật có khả năng tự phát huy một cách đầy đủ nhất vì con người là mô hình thu nhỏ của đại vũ trụ, có cùng quy tắc cấu tạo và cùng nguyên lý vận hành với đại vũ trụ mà Đức Đại Từ Phụ đã xác nhận trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: *“Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy”*¹¹ để con người chiếm một vị trí cao trọng như lời dạy của Đức Chí Tôn: *“Thầy là các con, các con tức là Thầy–có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần–thì Người là Tiểu Thiên Địa”*.¹²

10. Đức Đông Phương Lão Tổ, Trúc Lâm Thiền Điện, 18.7 Canh Tuất (18.81970).

11. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, TNHT Q.2

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, 03.8 Bính Tý 1936.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy rõ thêm:

“Trời là Đại Thiên Địa, con người cũng như tất cả chúng sanh là Tiểu Thiên Địa. Trời đã có những gì, trong vạn vật vẫn có những vật ấy. Chỉ khác nhau là ở chỗ lớn bé trên hình thức hoặc sự biến dịch không ngừng, khi bày lúc ẩn vậy thôi. Thế nên Thượng Đế hằng nói: Thầy là các con, các con là Thầy. Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật, đồng trở về hiệp nhứt cùng khối Đại Linh Quang, chẳng qua là sự tiến hóa mau hay chậm mà thôi”.¹³

Như vậy, Thánh thể của Đức Chí Tôn đã được phân chia đồng đều cho vạn loại trong vũ trụ này hình thành nên nguyên lý “Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể”, trong đó Đức Thượng Đế là trung tâm thần lực tổng quản mà Ngài đã hữu thể hóa qua biểu tượng Thiên Nhân trong tôn giáo Cao Đài:

“Các con nhìn vào Thánh thể của Thầy, sẽ thấy gì trước nhứt? Thầy! Thiên Nhân! Tâm linh của vũ trụ, của vạn vật! Nhứt nguyệt tinh tú huyền đồng. Thế nên, nhân loại tiến hóa trong luật hiếu sanh của Thầy để vào hàng Phật Tiên Thánh Thần; ngược lại, nhơn loại sẽ bị đào thải bởi muội tánh mê tâm”.¹⁴

Đến đây có thể tóm lại, danh từ “Thánh thất” cùng với một hệ thống Tam đài biểu thị quyền pháp và phẩm vị trong đạo Cao Đài tượng trưng cho Thánh thể của Đức Chí Tôn chính là hình ảnh của cả bầu càn khôn vũ trụ mà Ngài là người thống chủ. Biểu tượng Càn Khôn đã được chính Đức Thượng Đế phác thảo từ năm 1926, trước Đại lễ Khai

13. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 02.4 Kỷ Dậu (17.5.1969).

14. Đức Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, CQPTGL, 15.10 Quý Sửu (09.11.1973).

Đạo 15-10 Bính Dần, khi Ngài dạy một trong các vị Tiền khai là Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh làm một trái Càn Khôn để thờ Đức Chí Tôn nơi Bát Quái Đài, còn ghi lại trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như sau:

*“Bính, Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tấc nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới được, vì là cơ màu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy, Thầy kể Tam thập lục thiên, Tứ đại bộ châu ở không không trên không khí tức là không phải tinh tú, còn lại Thất thập nhị địa và Tam thiên thế giới thì đều là tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con phải giở sách Thiên văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt Thầy; hiểu chăng? Đáng lẽ trái ấy bằng chai, trong đốt một ngọn đèn cho nó thường sáng; **ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại Càn Khôn thế giới đó**”.*¹⁵

Chỉ có Toà Thánh Tây Ninh mới được làm quả Càn Khôn để thờ nơi Bát Quái Đài, là hình ảnh của bầu càn khôn vũ trụ, hình quả cầu tròn, trong đó có 3072 ngôi sao mà tâm điểm là Thái Cực. Chúng ta lưu ý là khi dạy làm quả Càn Khôn, cuối cùng Đức Chí Tôn đã nói: *“Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đốt trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; **ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại càn khôn thế giới đó**”*.

15. Thầy, TNHT Q.1, đàn ngày 17.9.1926.

Đây phải chăng chính là điểm xuất phát để hình thành câu nguyện thứ 5, mà ý nghĩa của nó là nguyện ước cầu cho cả bầu càn khôn vũ trụ được yên ổn, an lành xoay vần trong đức hạo sanh của Tạo Hóa theo định luật tiến hóa hằng thường, trong đó có sự dự phần quan trọng của con người, bởi vì như Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã khẳng định:

“Vũ trụ con người là một cái móc nối trong đại vũ trụ. Mọi sự chuyển luân tiến hoá của từng tiểu vi thể vũ trụ sẽ tăng tiến đến đại vũ trụ”.¹⁶

Có thể nói, bài kinh Ngũ nguyện của người tín đồ Cao Đài chính là bức tuyên ngôn giản lược của Đức Thượng Đế Chí Tôn về sứ mạng tận độ Kỳ Ba gồm 5 nhiệm vụ mà trong đó con người phải nhận lãnh thực hiện với sự hợp tác giúp sức của Thiên Liêng trên tinh thần Thiên Nhân hiệp nhất để tự cứu mình. Quan trọng hơn cả, là lời nguyện thứ 5: “Ngũ nguyện Thánh thất an ninh” chính là lời cảnh báo gián tiếp về một nguy cơ huỷ diệt đang diễn ra từng ngày trên quả địa cầu này, do tình trạng an ninh của nó đã đến mức báo động. Nếu con người không kịp khắc phục, con người sẽ phải nhận lãnh hậu quả vô cùng khốc liệt.

Bởi vì không ai có thể phủ nhận thế giới này đang phải đối đầu với nhiều thảm họa hứa hẹn dẫn đến sự diệt vong do bởi môi trường sinh thái của quả địa cầu đang bị tàn phá trầm trọng. Nhà vật lý thiên tài người Anh, giáo sư của Đại học Cambridge, Stephen Hawking đã tuyên bố: “Cư dân trên trái đất nên nghĩ tới việc thành lập thuộc địa ở các hành

16. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 16.11 Mậu Thân (04.1.1969).

trình khác trong hệ mặt trời nếu không muốn đối mặt với thảm họa tuyệt chủng”. Ông hy vọng những thành tựu trong ngành vật lý lý thuyết có thể giúp con người tăng được vận tốc di chuyển trong không gian và biến việc chinh phục những hành tinh ngoài hệ mặt trời trở thành hiện thực.

Thật vậy, bầu khí quyển trên đầu chúng ta đang bị ô nhiễm, có nhiều biến đổi rõ rệt đến mức báo động, nó đã trở thành vấn đề nóng bỏng của cả thế giới chứ không riêng một quốc gia nào, vì gây ảnh hưởng xấu đến con người và các sinh vật. Đó là hậu quả của sự khai thác và sử dụng hàng tỉ tấn than đá, dầu mỏ và khí đốt, đồng thời cũng thải vào môi trường một khối lượng lớn các chất thải khác nhau, làm cho hàm lượng các khí độc hại như CO₂, NOX, SOX...tăng lên nhanh chóng. Sự hoạt động của các ngọn núi lửa và các loài vi khuẩn sống trong không khí cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí. Theo ước tính thì lượng CO₂ do núi lửa phun ra cao gấp 40.000 so với lượng CO₂ hiện có trong khí quyển. Sự ô nhiễm môi trường khí quyển không chỉ là tác nhân gây nhiều bệnh cho con người, mà còn tạo ra các cơn mưa acid làm hủy diệt các khu rừng và các cánh đồng.

Thêm vào đó, chính con người lại thải vào không khí các loại khí độc như CO₂, CFC, CH₄,...từ các nền sản xuất công nghiệp, đã gây nên “hiệu ứng nhà kính” mà nếu không ngăn chặn được thì trong vòng 30 năm tới mặt nước biển sẽ dâng lên từ 1,5–3,5m (Stepplan Keckes). Có khả năng khí CO₂ sẽ tăng gấp đôi vào nửa đầu thế kỷ tới, sẽ thúc đẩy nhanh chóng quá trình nóng lên của trái đất. Một hậu quả nữa của ô nhiễm khí quyển là hiện tượng thủng tầng Ozon mà khí CFC

là thủ phạm phá hoại, làm tổn hại tấm lá chắn bảo vệ mặt đất khỏi bức xạ UV-B, gây hậu quả xấu cho sức khỏe con người và các sinh vật sống trên mặt đất.

Theo thông báo của Tổ chức Lương Nông thế giới (FAO), ngành chăn nuôi tạo ra nhiều khí thải gây hiệu ứng nhà kính hơn ngành vận tải. Gia súc cũng là một trong những tác nhân chính gây thoái hóa đất nông nghiệp và làm ô nhiễm nguồn nước. Báo cáo của Tổ chức này ghi rõ: “nếu đổi ra khí CO₂, ngành chăn nuôi tạo ra lượng khí gây hiệu ứng nhà kính mà gia súc trên toàn thế giới thải ra chiếm tới 18% tổng lượng khí thải, tức nhiều hơn khí thải của tất cả những xe ô tô cộng lại”. Trong lúc đó, trên thế giới, nhu cầu sữa và thịt ngày càng cao, việc chăn nuôi gia súc luôn có chiều hướng tăng.

FAO khẳng định: “Nếu tất cả những khí thải do việc sử dụng đất gây ra, gia súc trên hành tinh phải chịu trách nhiệm 9% lượng khí CO₂ toàn cầu, nhưng tỷ lệ các loại khí thải khác mà chúng tạo ra còn lớn hơn nhiều”. Cụ thể, gia súc tạo ra 65% lượng nitơ acid (N₂O) là loại khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với CO₂ mà phần lớn được tạo ra từ phân động vật. Động vật nuôi cũng thải ra khoảng 37% lượng khí methane (CH₄) có khả năng giữ nhiệt cao gấp 23 lần CO₂ và 64% khí amoniac (NH₃), thủ phạm chính của những trận mưa acid. Không những thế, nhu cầu thức ăn của gia súc cũng là một yếu tố dẫn đến sự mất cân bằng trong hệ sinh thái, làm thoái hóa chất lượng đất nông nghiệp và gây ô nhiễm các nguồn nước,¹⁷ ảnh hưởng đến khả

17. Theo AFP

năng sử dụng, đe dọa sức khoẻ con người và chức năng của hệ sinh thái nước. Không chỉ ô nhiễm nguồn nước mặt, các tầng nước ngầm cũng bị ô nhiễm do dư lượng các loại phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại từ mặt đất theo nước ngầm dần vào tầng nước ngầm.

Bên cạnh đó, hỏa hoạn cùng nạn phá rừng trên toàn thế giới làm giảm đi khả năng hấp thụ khí CO₂ trong không gian, làm gia tăng nhiệt độ toàn cầu khoảng 0.02⁰C/năm mà các nhà khoa học đã lên tiếng nhắc nhở từ nhiều năm nay, nhưng phần nhiều không ai muốn nói đến vì ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế và hạn chế những tiện nghi có được trong đời sống con người. Cụ thể là ở Mỹ, việc hạn chế chất thải khí CO₂ sẽ làm các hãng xe hơi phá sản vì mức khí thải của ô tô ở Mỹ cao hơn tất cả mức giới hạn của các nước khác. Hoặc sẽ làm chậm đi sự tăng trưởng của nền công nghiệp Trung Quốc vì phần lớn năng lượng đang sử dụng khai thác từ than đá. Việc trái đất cứ nóng dần lên đã làm tan những tảng băng gây rối loạn thời tiết toàn cầu và làm gia tăng mực nước biển. Lượng mưa thiên nhiên bị di dời đột ngột, và kết quả là lũ lụt, bão tố, các cơn trốc và hạn hán sẽ xảy ra thường xuyên hơn.

Khi các tảng băng Bắc Cực hoàn toàn tan thì phần lớn đất trên thế giới sẽ bị chìm trong biển và khí hậu thời tiết sẽ khắc nghiệt hơn. Thành phố New York, tiểu bang Florida của Hoa Kỳ, Bangladesh ở Ấn Độ, Thượng Hải,... sẽ chìm trong biển khi tảng băng ở Đan Mạch, Bắc Cực và Nam Cực hoàn toàn tan. Các cơn bão vùng nhiệt đới sẽ trở nên dữ dội hơn, thu hết hơi nước trong không khí, gây hạn hán nhiều nơi khác.

Bên cạnh đó, nền văn minh hiện đại của nhân loại còn

đang phải đối đầu với rác thải sinh hoạt mà các loại bao bì nhựa, “túi xốp” là “con ác mộng”. Theo Thông tấn xã AP, mỗi năm thế giới xài từ 500 tỷ đến 1000 tỷ túi nylon, tức trung bình hơn 1 triệu bao xốp hoặc túi nhựa các loại mỗi phút. Nếu bện lại số túi nhựa này có thể quấn vòng quanh trái đất 37 lần. Đây là loại rác cần đến hàng ngàn năm mới bị tiêu hủy trong môi trường tự nhiên, mà hiện nay đang được sử dụng vô tội vạ, là nguyên nhân gây tắc nghẽn cống rãnh trên toàn thế giới và là thủ phạm gián tiếp gây ra những trận lụt lớn.

Trong khi đó, tại nhiều quốc gia trên thế giới đã bắt đầu có biện pháp đối với việc sử dụng bao nhựa, túi xốp như tại Pháp, luật cấm sử dụng sẽ có hiệu lực vào cuối năm 2007 và áp dụng trên toàn nước Pháp từ 1-1-2010; tại Italia, chính phủ ra lệnh đánh thuế mỗi túi nhựa là khoảng 0,15USD; Chính phủ Đan Mạch cấm dùng chai nước ngọt làm bằng nhựa không tái sinh; ở Bangladesh đã ban lệnh cấm dùng tất cả túi nhựa từ tháng 3-2002; tại Anh, các siêu thị bắt đầu tính thuế phụ thu cho người mua sắm muốn đựng hàng hóa trong bao xốp mới, tức khuyến khích tái sử dụng túi nhựa cũ, hạn chế tình trạng vứt bỏ bừa bãi bịch nylon; tại Ireland cũng áp dụng luật thuế tương tự từ 2002.

Trong khi đó, tại VN cũng cùng chung tình trạng của thế giới, riêng tại thành phố HCM vấn đề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng, đã đến mức báo động, mà theo các chuyên gia nước ngoài tại các cuộc hội thảo về môi trường trong thời gian vừa qua đã cảnh báo là có nguy cơ rơi vào tình trạng ô nhiễm như ở Mexico mà ngày nay đã trở nên bế tắc. Ô nhiễm nước do sản xuất công nghiệp rất nặng, với những khu công

nghiệp nằm ở khu vực thượng lưu sông Sài Gòn lại thêm nước thải từ các bệnh viện và cơ sở y tế mà kênh Nhiêu Lộc-Thị Nghè dẫn nước đổ ra sông Sài Gòn là con sông cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố dù thiết kế hệ thống xử lý vệ sinh, cũng chỉ mới dừng lại ở việc pha loãng nước thải, nên nguy cơ ô nhiễm sông Sài Gòn rất cao.

Theo các chuyên viên môi trường, khu vực vùng hạ lưu sông Sài Gòn-Đồng Nai là Cần Giuộc-Nhà Bè đang bị ô nhiễm vi sinh nghiêm trọng với hàm lượng vi sinh trung bình đo được năm 2006 đã vượt tiêu chuẩn cho phép nước loại B từ 125-762 lần. Đáng lo ngại hơn nữa là kết quả phân tích các mẫu bùn lắng trong hệ thống sông, kênh rạch và các mẫu đất tại các khu vực vùng ven, khu vực sản xuất đất nông nghiệp gần đây cho thấy đất đang bị ô nhiễm dầu và kim loại ở mức độ khá nguy hiểm. Nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây tổn hại sức khỏe của người dân, đặc biệt làm gia tăng các khả năng gây bệnh ung thư như các tỉnh miền Bắc mà báo chí gần đây đã phản ánh. Đất ô nhiễm tức là nguồn nước ngầm cũng phải bị ảnh hưởng, cụ thể, nguồn nước ngầm tại nhiều khu vực đã được cảnh báo ngày càng suy thoái, ô nhiễm, một số chất độc hại vượt chỉ tiêu cho phép.

Mặt khác, do tình trạng khai thác nước ngầm bừa bãi trong thời gian qua cũng bắt đầu gây hậu quả với sự biến dạng mặt đất tạo hiện tượng sụt lún ở nhiều nơi trong thành phố, trong khi mực nước ngầm cũng đang bị báo động cạn kiệt, nhiều nơi mực nước hạ thấp đến trên 30m so với mặt đất và xu hướng này đang tiếp diễn với tốc độ từ 2 đến 3m năm. Đó là chưa nói đến ô nhiễm không khí do khói thải công

nghiệp từ 4 phía thành phố, cộng với lượng khói thải xe gắn máy dày đặc mà nồng độ CO vào một số thời điểm vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,05 đến 1,21 lần.

Để có thể ngăn chặn thảm họa môi trường toàn cầu, một nền đạo lý cho môi trường là đòi hỏi cấp thiết. Năm 1992, hội nghị về môi trường của Liên Hiệp Quốc đã quy tụ các nguyên thủ quốc gia và các chuyên gia môi trường của tất cả các nước trên thế giới để đánh giá tình trạng môi trường toàn cầu và đề ra hành động cho thời gian tới. Hội nghị đã soạn thảo và thông qua các công ước về các vấn đề môi trường toàn cầu như: Công ước về đa dạng sinh học; Công ước về thay đổi khí hậu; Công ước về sa mạc hóa; Công ước về đại dương. Các công ước này sau đó được các quốc gia duyệt và ký tên, xem đó là cơ sở để phối hợp hành động để bảo vệ môi trường chung.

Đứng trước thảm họa môi trường, trên thế giới, nhiều phong trào bảo vệ địa cầu và môi trường sống đã được phát động nhằm kêu gọi các nhà lập pháp thế giới quan tâm đến vấn đề này. Trong cuốn phim tài liệu “An Inconvenient Truth”, cựu Phó Tổng thống Hoa Kỳ Al Gore đã gom góp đủ kiện thuyết trình rõ ràng mạch lạc về **vai trò của nhân loại đối với thiên nhiên**. Những buổi thuyết trình khắp thế giới của ông đã được rất nhiều người ủng hộ, kể cả dân chúng Trung Quốc. Điều ông Al Gore nhấn mạnh là mọi người phải nhận thức được rằng sự phát triển toàn cầu của nhân loại là lý do chính của vấn nạn khí nóng toàn cầu đang xảy ra nhanh hơn và khốc liệt hơn. Do đó việc cần làm là ý thức được những ảnh hưởng của đời sống hàng ngày đối với môi trường trong

tương lai và phải thay đổi cách sống để giúp địa cầu khôi phục lại mức quân bình. Ít ra cũng làm chậm lại mức gia tăng khí nóng.

Nhìn chung, cho đến nay vẫn chưa thấy được ánh sáng dù le lói ở cuối đường hầm cho sự cải thiện môi trường thế giới nói chung, từng nước nói riêng. Điều đau lòng là con người đang có khuynh hướng “bỏ của chạy lấy người”, tức là đi tìm một vùng đất khác an toàn, trong lành hơn ở ngoài trái đất mà có thể thấy được qua lời phát biểu của nhà khoa học vật lý bị bại liệt Stephen Hawking: “Nếu chúng ta thiết lập được các thuộc địa ngoài khoảng không vũ trụ ngay từ bây giờ, **tương lai của chúng ta sẽ an toàn**, vì một ngày nào đó những thảm họa, chẳng hạn như va chạm với một thiên thạch hay chiến tranh hạt nhân, sẽ quét chúng ta ra khỏi trái đất. (theo Reuters)

Sự vô trách nhiệm cùng với tham vọng của con người đang tiếp tục làm xáo trộn thế giới yên tĩnh đầy bí ẩn của vô số thiên hà để mong tìm kiếm những hành tinh mới làm nơi trú ngụ an toàn cho tương lai khi trái đất này bị huỷ diệt. Để rồi vô số rác thải công nghiệp từ những thí nghiệm tìm tòi của các nhà thiên văn học, các phi hành gia, đã được con người bỏ lại lơ lửng trôi trong không gian, mà không nghĩ rằng đó có thể là nguyên nhân huỷ diệt trái đất này sớm hơn vì sự hiện hữu của chúng đã làm sai lệch trật tự quyền pháp mà Tạo hóa đã sắp xếp trong bầu vũ trụ Càn Khôn.

Tất cả những vấn nạn của nhân loại hiện nay đã minh chứng cho sự bất ổn trên hành tinh này, có nghĩa là ngôi nhà thiêng liêng của Đức Thượng Đế đang bị tàn phá thảm

hại, đe dọa đến nguồn sống của toàn thể cư dân và mọi sinh vật khác trên trái đất, tức làm tổn hại Thánh thể của Đức Chí Tôn, phát sinh từ đời sống mất quân bình giữa Tâm và Vật, giữa khoa học và đạo đức mà con người luôn luôn có xu hướng lạm dụng thái quá, làm đánh mất nền tảng Trung Đạo là lẽ sinh tồn của vạn hữu.

Tháng 10 năm 1993, đài BBC Luân Đôn và NBC của Hoa Kỳ đã phát hình một tài liệu đặc biệt ghi nhận nếp sống của một bộ lạc thiểu số tên gọi Kogi tại vùng Sierra Nevada de Santa Marta thuộc nước Colombia Nam Mỹ, do Alain Ereira, một ký giả của đài BBC quay được vào năm 1988 nhờ sự cho phép của họ. Dân tộc Kogi sống hoàn toàn biệt lập với thế giới văn minh, nhưng họ am hiểu tất cả những gì xảy ra trong xã hội bên ngoài họ, và qua ký giả đài BBC, họ đã gửi một bức thông điệp trong đó họ xưng là “The Elder Brothers” (các anh) đến tất cả người của thế giới văn minh mà họ gọi là (các em) “The Younger Brothers” với nội dung kêu gọi nhân loại hãy thức tỉnh, quay trở về nguồn cội, có đoạn viết: “Làm sao các em có thể tự hào rằng mình văn minh khi nhân loại và mọi sinh vật mỗi ngày một khổ đau nhiều hơn xưa... Làm sao có thể nói cho các em biết rằng vũ trụ có những định luật vô cùng lớn lao, không thể vi phạm được. Lòng các anh vô cùng đau đớn vì các anh thấy rằng trái đất đã khô kiệt rồi, mọi sự sống đang lâm nguy và thảm họa diệt vong chỉ còn trong giây lát...”

Sống xa mẹ đã lâu, các em đã quên hẳn người mẹ sinh ra các em, săn sóc che chở, nuôi dưỡng các em. Vì thiếu ý thức, các em đã phá nát gia tài mẹ cha để lại, phá hoại một cách

không thương tiếc... Lòng mẹ cha đang tan nát đau khổ. Mẹ đã buồn vì các con sinh sau nở muộn đã không biết thương yêu nhau mà trái lại cứ chém giết hận thù nhau, làm hại lẫn nhau khiến Mẹ Cha khổ sở vô cùng. Không những thế, các em còn dày xéo lên thân thể Mẹ Cha mà không biết rằng các em đang giết hại chính Đấng đã sinh ra các em... Các em hãy dừng lại, quan sát và ý thức việc làm hiện nay của các em, vì giết hại đấng sinh thành ra mình chính là tự giết hại mình đó.

Mẹ của các em chính là trái đất này. Lòng mẹ chính là biển cả và trái tim của mẹ chính là những dãy núi cao có mặt khắp nơi. Đốt rừng, phá núi, đổ đờ ô uế xuống biển, chính là chà đạp thân thể của mẹ. Mẹ là nguồn sống chung và con người không thể sống mà không có mẹ...”

Đó là lần duy nhất người Kogi tiếp xúc với thế giới văn minh. Từ đó đến nay, họ vẫn giữ im lặng và không một người nào được trở lại bộ lạc này. Người Kogi biết được những bí mật của thiên nhiên và những ý tưởng về môi trường và vũ trụ đã làm cho các nhà khoa học phải suy nghĩ lại. Năng lực trí tuệ của họ vượt xa sự hiểu biết. Người ta tự hỏi tại sao họ xưng với chúng ta là “các anh” và làm thế nào chúng ta có thể học được cách sống trong thế giới tâm linh mà những người bộ lạc này đang sống?

Tairona-Kogi



Người Kogi và bản đồ vị trí nơi bộ tộc này sinh sống

Trước một bức tranh môi trường thế giới lem luốc ảm đạm như vậy, chắc chắn không một ai dám lạc quan tin tưởng một sự cải thiện, thay đổi để trả lại sự an ninh cho hành tinh này. Nhưng đó lại là điều mà người tín đồ Cao Đài đang miệt mài cầu nguyện hàng ngày trong đức tin trọn vẹn nơi Thượng Đế Chí Tôn quyền năng cao tột với tình thương

vô bờ dành cho con cái của Ngài như lời Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

Thượng Đế vẫn bủa khắp ơn lành cho vạn vật, vẫn cứu độ vạn sanh, chỉ chờ đợi vạn sanh biết thừa hưởng hồng ân Thượng Đế, quỳ chơn trở bước, lánh đục vọng tham tàn, khỏi vương điều nghiệp quả là thọ hưởng gọi nhuần ơn Thượng Đế.

Đành rằng cộng nghiệp, nhưng nếu tất cả biết làm lành lánh dữ, biết tránh sự sanh sát giết hại lẫn nhau, biết sợ luật điều vay trả, thì cơ bảo tồn được luân động chở che, dù cộng nghiệp cũng không đến nỗi bị vào nơi sàng sảy.¹⁸

Từ niềm tin đó, người tín đồ Cao Đài nhứt tâm làm theo những điều dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong tinh thần “việc Trời Trời liệu, việc người người lo” vì Đức Cao Triều Phát đã nhắn nhủ:

*“Dầu thế nào cũng chưa phải bất lực, vì Thượng Đế đã đến với hiện trạng và ở trong lòng mỗi người. **Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình.** Con người sẽ tiến bộ, quốc gia sẽ văn minh. Khoa học sẽ giúp người đạt địa, đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ, là sông mê. Đời đáng yêu chứ không đáng chán. Đoàn người tiếp tục sứ mạng hãy tâm niệm điều đó. Hãy nhớ trong cơn bão bùng phải yên lặng, dù là tay thủy thủ chuyên nghiệp chớ giành lái con tàu! Hãy chuẩn bị sẵn sàng để tiếp tục đưa con tàu đến bến.”¹⁹*

18. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Vĩnh Nguyên Tự, 03.01 Giáp Dần (25.1.1974).

19. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15.7 Giáp Dần (01.9.74).

Với ý nghĩa đó, người tín đồ Cao Đài vững tâm làm hết sức mình nhứt tâm nhứt chí học và hành theo Thánh ngôn Thánh giáo, thực hiện lời nguyện hứa góp phần “Thánh thất an ninh” theo phương cách hiệu quả mà Đức Thượng Đế đã dạy là cố gắng sửa đổi, tập rèn bản thân; bởi vì suy cho cùng, chính sự bất ổn của con người do tham dục loạn động, chỉ biết quyền lợi vật chất mà lãng quên đạo lý, thiên luân là cội nguồn của sự hủy hoại môi trường ngày nay. Mỗi người là một Tiểu vũ trụ, cho nên Thánh thất an ninh cũng có ý nghĩa là sự bình an thân tâm của mỗi cá nhân: *“Thánh Thất cũng tượng trưng cho lớn nhứt là vũ trụ, nhỏ nhứt là bản thân cá thể của con người cho đến từ cá thể côn trùng thảo mộc, bò bay máy cưa nữa”*²⁰; mà con người chỉ tìm thấy sự yên ổn, không còn lo lắng vọng động khi đã làm chủ được bản thân, điều khiển được thất tình lục dục, giải thoát khỏi sự chi phối của vật chất, không còn bị sự tác động của lòng ham muốn, để nghĩ đến ích lợi chung của cộng đồng, của quốc gia dân tộc, của nhân loại để không còn va vấp lỗi lầm làm điều trái đạo lý như lời nhắc nhở của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

“Chư hiền đệ muội là người tầm đạo tu thân, cũng hoài vọng an ninh. Nếu thậm đa tửu nhục thì ngũ tạng lục phủ mất an ninh. Nếu thậm đa sắc dục thì bản thân cũng mất an ninh.

*Nói rộng ra một chút: Như người sử dụng các loại xe không thi hành đúng luật đi đường, đó là tự mình làm mất an ninh cho mình”*²¹

20. Đức Quan Âm Bồ Tát. Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

21. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (02.3.1969).

Để tạo được sự an ninh cho chính bản thân mỗi người, giáo lý Cao Đài đã dạy phương pháp: “Tu tánh luyện Mạng”, tức là giữ cho thân xác được khoẻ mạnh bằng cách ăn uống, nghỉ ngơi điều độ, ăn chay không chỉ giúp cho thân thể nhẹ nhàng mà còn là một việc làm góp phần bảo vệ sự trong lành của môi trường sinh thái. Bởi vì thân xác con người cũng giống như ngôi nhà để cho phần linh hồn chứa đựng yếng sáng Tiểu Linh Quang trú ngụ, đồng thời tu rèn công phu luyện kỹ, chế ngự phạm tâm để Thánh tâm hiển lộ, đạt đến sự phá chấp, giải thoát khỏi mọi phiền não, lo lắng.

Thánh giáo Cao Đài có dạy:

“Trời đất có âm dương vận hành ngày đêm tối sáng. Thế cuộc có dinh hư tiêu trưởng bã thối thanh suy, do đó mà sanh trưởng thâm tàng, công cuộc đại hóa trường lưu bất tận. Con người là Trời Đất thị hiện, nếu biết giữ lấy thiên chân vận hành theo nhịp điệu của Hóa Công, thì Trời người không khác. Bằng mãi hướng ngoại lưu lạc bên xu thì thiên chân bị kiềm hãm trong vòng bã thối, thanh suy, ngày càng lu mờ. Do đó thân phạm phải chịu phong trần vùi lấp trong tám nạn ba tai. Thế nên, đạo pháp là đường lối phép tắc gìn giữ thiên chân quay về nguồn gốc”.²²

Mặt khác, thực hiện lời nguyện “Thánh thất an ninh”, người tín đồ khi đến chùa thất, một lòng lắng đọng, loại trừ chấp ngã, ganh đua, thị phi phiền não để cho bầu không khí nơi chốn thiêng liêng được an tịnh, hầu tiếp nhận trọn vẹn ân điển của các Đấng Trọn Lành giúp chùa thất làm tròn vai

22. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, CQPTGL, 12.11 Tân Dậu (07.12.1981).

trò phục vụ nhu cầu đạo lý của nhân sanh mà Đức Chí Tôn đã đặt để:

CHÍ TÔN dạy lập chùa thất là một hữu hình trụ tướng để thể hiện quyền pháp của Trời. Đó là một phần nhỏ. Còn phần trọng đại là làm nơi qui tụ nhơn sanh để hướng dẫn mọi sinh hoạt đạo lý, phổ truyền giáo lý, thức tỉnh người đời (...).

Trong nếp sinh hoạt tại chùa thất gồm có hai phần: một phần tu tịnh, để tịnh dưỡng tu đơn, dùng điển lành hỗ trợ cho sự bằng an sung túc của nơi đó. Một phần khác nữa là ngoại giáo công truyền, gồm có giảng đạo, phước thiện, xã hội và hành chánh đạo, để cho hệ thống của guồng máy hành chánh được lưu thông điều hòa...²³

Muốn được như vậy, con người ghi nhớ lời nhủ khuyên của Đức Mẹ để luôn ý thức mình là một Tiểu Vũ trụ đồng thể với Trời vốn đủ đầy chân thiện mỹ:

“Nếu các con còn giữ được cái vốn tư hữu của Thượng Đế phát ban thì con sẽ thấy tình thương Vô Cực cùng tình Tạo Hóa có ở lòng con, và lòng mọi người là lòng con, cao thấp sang hèn ngu trí đều không bị phủ phàng ngăn ngại, mà tính chất từ bi bác ái sẽ chan hòa khắp cả. Chừng đó, mọi phiền trược tham, sân, si, dục, ái, ố, hỉ, nộ sẽ giảm tiêu, các con sẽ thấy thanh thoát mà thâm nhiếp sanh khí nhiệm mầu của trời đất mà làm sức mạnh vô biên trong trách nhiệm phổ độ nhơn sanh”.²⁴

Trong đời sống thường nhật, người tín đồ Cao Đài thực hành câu nguyện “Thánh thất an ninh” trong ý nghĩa bảo vệ

23. Đức Hiệp Thiên Đại Đế, CQPTGL, 01.2 Tân Hợi (25.02.1971).

24. Đức Mẹ, CQPTGL, 15.12 Quý Sửu (07.01.1974).

môi trường, với những việc làm thật tầm thường như giữ gìn vệ sinh chung nơi công cộng, cương quyết không làm những gì có thể gây ảnh hưởng đến sự ô nhiễm môi trường dù hết sức nhỏ bé như hạn chế sử dụng túi xốp, bao nylon... Đồng thời giáo dục nhắc nhở con cháu, người thân, những người chung quanh góp phần giữ gìn môi trường tùy theo từng hoàn cảnh cuộc sống, nhất là gieo ý thức bảo vệ môi trường cho thế hệ con trẻ.

KẾT LUẬN:

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã cảnh báo:

*“Cơ tiến bộ của đời rất quá ư là ảo diệu! Luồng sóng của tư tưởng thuần lý chủ tâm trên căn bản vật chất càng ngày càng lớn rộng. Cái giá trị của khoa học, của bàn tay, khối óc, pháp nhân tạo đã đạt đến mức độ cao. Với bao nhiêu kết quả ấy, con người tự mang mặc cho mình một bộ long bào rực rỡ, tự đặt mình lên ngôi vị Thần Thánh. Con người mãi mê chạy đua nhau chói lòa ánh mắt trước yển sáng dục vọng. Mỗi một dục vọng được thỏa mãn là một dục vọng khác khởi sanh, mỗi thỏa mãn là nhịp cầu cho dục vọng lớn hơn tiếp diễn. Những lượn sóng đưa nhau trào sôi bọt biển, những chuyển động đang ngầm chứa sự tàn phá góm ghê. Nhân sanh là con thuyền, thế đời là biển động. Có vững lái vững lèo, có an thân định trí mới thoát khỏi hiểm nguy, mới xuôi vào bến giác”.*²⁵

Đó là hiện trạng của nhân loại. Con người đã lãng quên cội nguồn quá khứ, không còn nhớ đến sứ mạng làm người

25. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07.4 Canh Tuất (11.5.1970).

nơi cõi trần gian và đã mãi mê đắm chìm trong ảo tưởng vật chất đã gây tang thương biến đổi làm mất an ninh nơi hành tinh này, để cho nhân loại phải hứng chịu triền miên những cơn phẫn nộ của thiên nhiên với vô số thiên tai, bệnh hoạn ngày càng nặng nề. Cùng lúc đó, con người cũng càng sa sút tinh thần, xa rời đạo lý, tạo nên một bầu hắc khí bao trùm chốn thế gian....

Do vậy mà Đức Thượng Đế phải lâm phạm, rúc tiếng còi linh đánh thức tâm linh nhân loại và câu kinh “ Ngũ nguyện Thánh thất an ninh” mà người tín đồ Cao Đài đọc đi đọc lại mỗi ngày chính là bức thông điệp về sự bảo vệ môi trường vũ trụ mà Đức Đại Từ Phụ muốn gởi đến toàn thể con người. Đừng để quá muộn vì tất cả sẽ trở nên phù du nếu như một ngày nào đó, nền văn minh tri thức con người đạt được hôm nay sẽ bị nhấn chìm trong biển nước và con người bị quét khỏi trái đất này như đã từng xảy ra trong lịch sử do bởi hậu quả của sự phí phạm tài nguyên thiên nhiên, hủy hoại môi trường, tàn phá ngôi nhà thiêng liêng của Đấng Tạo Hóa đã dày công sinh hóa và trường dưỡng.

Con người là những Tiểu Thiên Địa bước chân vào đời gánh nặng trên vai sứ mạng vi nhân thay Trời quản cai và điều hành cuộc sống nơi cõi thế gian. Con người phải giác ngộ đường chân lý để hợp tác cùng Trời cải thiện môi trường cả sinh thái lẫn đạo đức trên trái đất này để cứu lấy chính mình khỏi họa diệt vong. Hãy trả lại thiên nhiên như nó đã vốn có để giữ bốn mùa còn mãi bốn đức Nguyên-Trinh-Lợi-Hạnh; để cho những ngọn núi còn hoài màu trắng trinh nguyên của tuyết giá làm nguồn nước trong lành cung cấp cho các dòng

chở nặng phù sa nuôi dưỡng muôn loài; để cho rừng cây trở lại màu xanh muôn thuở góp phần thanh lọc làm sạch bầu khí quyển mệnh mông; để cho ánh thái dương mãi mãi là nguồn sưởi ấm vạn hữu trên đường tiến hóa.

Con người đừng ỷ lại vào sự thông minh giỏi dẫn của mình mong tìm một chốn nương thân nào khác trong bầu vũ trụ này vì so với Đấng Tạo Hóa, trí khôn con người chỉ là những hạt cát trong sa mạc. Hãy trả lại không gian vũ trụ trật tự yên tĩnh ngàn năm cho các vì tinh tú còn hoài lung linh sáng.

Xin nguyện cầu cho toàn thể nhân loại hồi tâm giác ngộ để cùng nhau nắm tay nối vòng tay lớn sửa sang, phục hồi sự yên ổn an lành cho ngôi nhà thiêng liêng chung của vạn hữu để đón chờ cơ tái tạo lập đời Thượng nguơn Thánh đức của Đấng Cha Trời.

XÁC MINH LẠI THỜI ĐIỂM & ĐỊA ĐIỂM ĐỨC CHÍ TÔN “LẬP ĐẠO”

Đạt Tường¹

Ngô Chơn Tuệ²

Mấy mươi năm đã qua, trong nội bộ Cao Đài giáo vẫn chưa thống nhất được quan điểm căn bản là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài đã được thành lập từ khi nào!

Nay sắp đến lúc toàn đạo sẽ kỷ niệm 100 năm hiện diện và hoạt động của Cao Đài giáo, thiển nghĩ vấn đề này cần và phải được tìm hiểu một cách khoa học để có được sự thống nhất quan điểm trong nội bộ Cao Đài nói riêng, mà ngay cả đối với giới học giả trên toàn cầu, cũng như với chánh quyền trong đời sống xã hội Việt Nam nói chung.³

Đạo bao gồm cả Âm và Dương. Nên khi ứng dụng vào thực

1. Phó Tổng Thư Ký Cơ Quan phổ thông giáo lý Đại Đạo. Nguyên Trưởng Ban Sử Đạo

2. Tiến sĩ Sử học chuyên ngành lịch sử Việt Nam. Phó Ban Sử Đạo.

3. Nhiều quan chức nhà nước Việt Nam từ TW đến địa phương đã nhiều lần nêu lên thắc mắc ‘Vì sao cũng chỉ một sự kiện mà lại có nhiều Hội Thánh và Tổ chức trong Cao Đài giáo lại đưa ra các con số Năm đạo khác nhau?’

tế trong đời, việc nghiên cứu khoa học phải đáp ứng vừa yếu tố thời gian và cả không gian (địa điểm) sự kiện đã diễn ra. Vì thế về phương diện lịch sử, bao giờ người ta cũng phải nêu đủ cả hai yếu tố không gian và thời gian của sự kiện.

Lâu nay việc tranh luận vấn đề thiết yếu quan trọng này trong Đạo cứ mãi diễn ra và không dẫn đến kết quả, vì chúng ta chưa ứng dụng đạo lý âm dương hay phương pháp nghiên cứu của khoa học sử để tìm hiểu vấn đề này cho được thấu đáo và chính xác!

1. Về một thời gian:

Chúng ta đã có một số dữ liệu từ Thánh Ngôn (bài đàn giao thừa Đình Mão 1927–Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1); Thánh giáo (bài Lý Đạo Cơ Thiên–Thánh Huấn Hiệp Tuyển); Thánh giáo các đơn vị (Tiên Thiên, Truyền Giáo, Cao Đài Thống Nhất, Cơ Quan phổ thông Giáo lý...), hay từ lời của quý nhân chứng như:

. Tiền Khai Đại Đạo: Đầu Sư Thượng Trung Nhựt–bài phát biểu nhân ngày 23/8 Mậu Thìn–1928, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu–Đại Đạo Căn Nguyên–1930,...;

. Đạo hữu tiền bối: chư vị tu bên Chiếu Minh–Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu 1932; các Tạp chí Cao Đài như: Đại Đạo Qui Nguyên Lược Luận 1937, Đại Đồng 1938–1939, Cao Đài Giáo Lý–Revue Caodaïste 1947–1948; Hiền Tài–Cao học Sử Trần Văn Rạng–Đại Đạo Sử Cương, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng–Đạo Sử Nhật Ký...).

Có một chi tiết nhỏ nhưng khá thú vị. Chỉ riêng trường hợp duy nhất Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu ghi nhận thời điểm đàn giao thừa là (11g khuya, giờ Tý năm Bính Dần) cuối ngày 12–02–1926.

ĐĐTKPĐ hay Cao Đài giáo được hình thành sau khi có sự phối hợp của hai nhóm tu theo pháp tu Vô vi (+) và nhóm Phổ độ (-).

Nếu như Đức Cao Đài đã chọn Ngài Ngô Văn Chiêu làm người đệ tử đầu tiên và hướng dẫn tu theo khuynh hướng Tâm pháp Vô vi vào ngày mừng 01 Tết Tân Dậu (08-02-1921). Thì vào ngày mừng 01 Tết của năm Bính Dần-1926, Đức Cao Đài Tiên Ông cũng ban lệnh khởi phát Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để từ ngày ấy công cuộc Phổ độ bắt đầu được triển khai đến nhiều nơi tại Nam kỳ.

Điều này cũng phù hợp với ý nghĩa, ngày mừng 01 âm lịch tháng Giêng cũng là ngày kỷ niệm Đức Phật Di Lạc-Đấng được Đức Chí Tôn chọn làm “Hoàng Cực Chủ Nhơn Ông” Đệ Tam Đại Hội Long Hoa.

Trong quyển lịch sử Đạo CAO ĐÀI của ông Gabriel Gobron (Histoire du Caodaïsme par Gabriel Gobron, Édition Dervy Paris Juin 1948) có đoạn nói về thời kỳ phát sinh đạo Cao Đài nơi phần nói về người đệ tử đầu tiên Ngô Văn Chiêu:

Trang 14

Ce fut au début de l'année Binh-Dân (1926) que le Caodaïsme fut définitivement fondé. Mais depuis six ans déjà, un homme adorait le Grand Maître Cao-Dai: Mr le Phu Ngô Văn Chiêu,...

[Đó là vào đầu năm Bính Dần 1926, đạo Cao Đài đã thực sự được thành lập. Tuy nhiên từ sáu năm rồi, có một người là Quan Phủ Ngô Văn Chiêu đã thờ kính Đức Cao Đài.]

Trang 25

La religion Caodaïste sortit alors de son cercle restreint pour se répandre dans le peuple au début de l'an Bính Dần

(1926).

[Đạo Cao Đài như vậy đã ra khỏi vòng chật hẹp của một số ít người để lan tràn ra trong dân gian vào đầu năm Bính Dần (1926).]

Đêm **Noël** năm 1974, Đức Gia Tô Giáo Chủ khi giảng cơ tại Huòn Cung Đàn, Ngài dạy:

*“Khắp trong thế giới hương lân,
Hai ngàn năm sắp kề gần mãi đây.
Lúc giao thừa đổi thay danh hiệu,
Tá phàm gian tiêu biểu Cao Đài;
Luật Trời Tạo Hóa không hai,
Tiên tri xuất hiện bút này huyền linh.
Luật Tạo Hóa công bình đã sắp,
Cho Nam Bang khai lập Niết Bàn;
Ấy là tạo nước Thiên Đàng,
Cứu đời thoát khỏi trần gian luân hồi.
Danh Cao Đài là ngôi tối trọng,
Tá danh Thầy hình bóng độ nhân;”⁴*

Như thế về khía cạnh thời gian, ngày nay chúng ta đã tìm được nhiều nguồn dẫn chứng phong phú từ Thánh ngôn-Thánh giáo, lời phát biểu của một số nhân chứng lịch sử và cả đến các vật chứng lịch sử (văn kiện, tài liệu,...) liên quan đến thời điểm khởi đầu của đạo Cao Đài.

Tuy nhiên, về khía cạnh không gian nơi sự kiện đã diễn ra thì hầu như ít được mọi người quan tâm lưu ý đến, nên đã dẫn đến việc tranh luận chưa có hồi kết!

4. Huòn Cung Đàn, 12.11 Giáp Dần (25.12.1974).

2. Về mặt không gian:

a. Ông Huệ Chương trong sách Đại Đạo Truy Nguyên-1929, có nói đến sự kiện một số môn đệ ban sơ theo Đức Cao Đài đi một vòng trong Sài Gòn vào tối giao thừa 12-02-1926, địa điểm sau cùng là nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ lớn:

Phái đoàn đi một vòng thành phố, từ Bourdais, đến La Grandière (gần chợ Sài Gòn), lên Đa Kao (nhà Ngài Nguyễn Trung Hậu), trở xuống chợ Thái Bình, Cầu Kho rồi vào Chợ Lớn...

Cuối cùng, bộ phận thông công cùng mọi người trở về tụ hội tại nhà Ngài Lê Văn Trung, vừa kịp làm lễ đón giao thừa.

Đến đúng giờ Tý, bước qua năm mới Bính Dần, chư vị lập đàn và được Đức Cao Đài ban Thánh dụ.

Để rồi ông Huệ Chương kết luận: “Nên Đại Đạo Tam Kỳ khai nhằm giờ Tý, ngày mồng một, năm Bính Dần là do nơi đó.”

b. Năm 1930 tháng ba, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đã viết trong Đại Đạo Căn Nguyên: trang 13 phần Sự Tích ĐĐTKPĐ.

Kể từ năm Bính Dần (1926), cái phong trào rất thanh hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm cho nhiều nhà trí thức cùng các bậc thiện tín muốn kiểm biết cho rõ gốc tích Đại Đạo bởi đâu mà ra.

Nên tôi xin đem hết lòng thành thật lược thuật cái uyên nguyên Đại Đạo trong năm Bính Dần ra sau đây, cho ai là người có chút quan tâm về đường đạo đức xem qua cho biết.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Sài Gòn. Nhưng trước kỳ khai đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh....

c. Năm 1936, mười năm sau khi đạo Cao Đài hiện diện,

một vị Tiền Khai Đại Đạo ở Tây Ninh có xuất bản quyển Le CAODAIÏSME. Trong sách này, phần nói về lịch sử cũng đã có viết:

. Đầu trang 10:

“Ce fut au début de l’année Bính Dần (1926) que le Caodaïsme fit son apparition en Cochinchine ou plus exactement à Saigon”.

. Cuối trang 11:

...Ce fut, avons-nous dit, au début de l’année Bính Dần (1926) que le Caodaïsme fut définitivement fondé”.

Dịch sang tiếng Việt:

. Chính là vào đầu năm Bính Dần (1926) Cao Đài giáo đã xuất hiện tại Nam Kỳ hay chính xác hơn là tại Sài Gòn.

... Như chúng tôi đã nói, vào đầu năm Bính Dần (1926), Cao Đài giáo đã chính thức được thành lập.

d. Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Hiệp Thiên Đài, Gabriel Gobron, trong quyển Histoire Du Caodaïsme ông đã viết:

–Trang 15, phần nói về Ngài Ngô Văn Chiêu:

Telle fut la conversion du premier Caodaïste à la nouvelle religion qui devait, six années plus tard, s’implanter à Saigon.

[Đó là cuộc nói chuyện của người tín đồ Cao Đài đầu tiên về mối đạo mới mà sáu năm sau đó đã được thành lập tại Sài Gòn]

–Cuối trang 24 và đầu trang 25,

Le noyau Caodaïste fut ainsi formé qui comprenait une douzaine de membres, tout de culture française et employés, pour la plupart, dans diverses administrations à Saigon.

[Cái hạt nhân của Đạo Cao Đài được hình thành gồm mười hai người, tất cả đều học thức trong văn hóa Pháp, đều là công

chức mà phần lớn trong các cơ quan hành chánh tại Sài Gòn.]

e. Tạp chí Cao Đài Giáo Lý số X & XI tháng 2, 3 năm 1950 có mục VI: Bài giảng của Ông Phan Trường Mạnh, Giám đốc Quản Lý Tờ “Cao Đài Giáo Lý”. Ngày mùng 8 tháng 8 Ất Sửu (1949), năm thứ 24 của Đại Đạo. Về: CUỘC BIẾN CHUYỂN CỦA CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ TỪ NĂM 1926 ĐẾN 1949, có đoạn sau:

“Đạo bắt đầu từ năm Bính Dần (1926) phát sanh như nước tràn, chảy khắp cùng miền Nam Bộ từ Saigon đến mũi Cà Mau”.

f. Cuối lời Phi Lộ ngày 30-12-1967 của Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước viết cho quyển Đạo Sử Xây Bàn của Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu có đoạn:

... hồi mở Đạo bắt nguồn từ Sài Gòn lên Gò Kén rồi tới trung tâm điểm Tây Ninh,...

g. Trong Đạo Sử Xây Bàn, phần tự nói tiểu sử của mình, bà Hiếu viết có đoạn:

Đức Chí Tôn mở Đạo trước tại Sài Gòn.

Ít nhứt là cho đến ngày nay, chúng ta đã tìm được **bảy trường hợp** từ trong sách vở khi xưa của quý tiền bối đã có ghi nhận không gian xuất hiện của ĐĐTKPĐ hay đạo Cao Đài. Địa điểm chính là tại Sài Gòn chứ không phải ở Tây Ninh.

3. Về chi tiết “lập đạo”

Hai từ “lập đạo” đã được Thánh giáo của nhiều Đấng Thiêng Liêng sử dụng mỗi khi giảng cơ nhắc đến lịch sử việc Đức Chí Tôn đến lập giáo kỳ Ba, như Thầy đã nêu lần đầu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Cụm từ này ít được đạo hữu lưu tâm nhưng trái lại trong khi giảng cơ Ôn Trên thường xuyên dùng đến.

a. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

▪ ***“Còn Đạo mới khai lập tuy xuất hiện chưa đầy một năm chớ chư Tiên, chư Phật đã lập cùng cả năm châu”.***⁵

▪ *Hương Thanh hiền muội nghe Chị phân: Buổi Chí Tôn lập đạo, Kim Mẫu cậy Chị cầm quyền Nhị Trấn Oai Nghiêm thì Chị cũng vì hiền muội và toàn thể Nữ phái ra cam lãnh lĩnh.*⁶

Riêng trong Thánh Ngôn chép tay NIÊN SỐ THỜI THIẾT LỤC của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, 2 chữ “lập đạo” xuất hiện 8 lần trong những lời dạy liên quan đến đạo Cao Đài.

b. Trong Thánh giáo các Hội Thánh:

▪ *Trước khi lập Đạo, Thầy hội cả quần Tiên: Phật, Tiên, Thánh, Thần, để chọn những chơn linh ban xuống thế gian mà truyền Đạo, số đó cũng có một phần lớn trong các con mà không thể chỉ được.*⁷

▪ *Vì Đạo có Âm có Dương, Âm Dương trưởng thành thì Càn Khôn mới an bài trật tự. Dương nương tựa vào Âm mà phát sinh, Âm tựa vào Dương mà thành hình.*

THẦY lập Đạo Kỳ Ba này đặt tòa ngự Lập Pháp của THẦY ở cung ĐOÀI,⁸ *ĐOÀI là cung ĐẠO,... với ý nghĩa màu nhiệm tá khai Chánh Pháp tại cõi Nam Bang. CÀN làm thể Dương lập Quyền Đạo thành hình Hội Thánh Nam Phái. KHÔN làm thể Âm lập Pháp Đạo thành hình Hội Thánh Nữ Phái. Nam Nữ tương tề là cơ tận độ.*

Cơ tận độ buổi Tam Kỳ THẦY đã quyết ra tay cứu cả sanh

5. Thầy dạy ngày 08.10 Bính Dần (1926)

6. Thảo Xá Hiền Cung, ngày 13.02.1930 (15.01 Canh Ngọ).

7. Đức Chí Tôn, TT. Thanh Quang, 01.01.ĐĐ.13 Mậu Dần (31.01.1938).

8. Cửa đồ hình Bát Quái Hậu Thiên.

linh nơi cõi ta bà này, chẳng phân nam nữ, lòng từ bi vô lượng của THẦY, lại nâng phẩm nữ giới lên ngang hàng cùng nam giới tưởng cũng đặc biệt và đại ân phước lắm nhiều từ xưa đến bây giờ mới có.⁹

- Về tinh thần Thầy chọn dân này, đất này để lập đạo cộng đồng Giáo pháp mở cơ Tận độ Kỳ Ba.¹⁰

- Thầy lập đạo trước tiên dựng ba nguồn Chơn Giáo cổ truyền mà dựng thành Cao Đài Chơn Giáo, chẳng những Tam Giáo đồng nguyên mà còn khai thông đến Thánh Giáo và Thần giáo, cốt yếu làm tượng trưng cho Đạo Giáo Cao Đài mà chính mình Thầy làm chủ,...¹¹

- Các con hãy hướng một cái Xuân đầy ý nghĩa và nhân đạo.

Đêm nay các con hãy thưởng Xuân đi, để rồi ngày mai đồng cất lên vai một nhiệm vụ của Thầy phát ban và của nhơn sanh đưa tới, từ khi Thầy đến lập đạo tại thế gian này.¹²

- Bàn Đạo thiết nghĩ, **bốn mươi một năm lập đạo**, các Đấng đã nói rất nhiều với nhơn sanh, đã hộ trợ bố ban rất nhiều cho sứ mạng tiền bối hay hiện tại.¹³

- ...Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng **khởi thủy cho công cuộc lập đạo Kỳ Ba**, chiêu tập được Thập nhị khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.¹⁴

9. Đức Bảo Thọ Thánh Nương, Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 23.01 Mậu Tuất (12.31958).

10. Đức Chí Tôn, Tịnh Đường, 09.01 Quý Mão (02.02.1963).

11. Đức Lý Giáo Tông, Huân Cung Đàn, 15.7 Ất Tỵ (1965).

12. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 29.12 Ất Tỵ (20.01.1966).

13. Đức Lê Văn Duyệt, TT. Ngọc Minh Đài 15.7 Bính Ngọ (30.8.1966).

14. Đức Như Ý, TT. Ngọc Minh Đài 01.12 Bính Ngọ (11.01.1967).

▪ **Đức Thượng Đế đã đến thế gian lập đạo kỳ ba**, dùng Hiệp Thiên Đài làm thông công để giáo đạo, ban ân điển cho khắp cả chúng sanh để vững niềm tin hành chánh pháp.¹⁵

▪ **Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày an vị khánh thành sắp tới đây để các sứ đồ con cái của Ngài ôn nhớ lại kỷ niệm thời kỳ khai nguyên lập đạo.**¹⁶

▪ Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ Nguơn.

Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại.

Vì được điểm phúc hồng ân lớn lao duy nhất Thượng Đế giáng trần lập đạo cứu độ và tận độ nhân loại.¹⁷

Như vậy, cụm từ “lập đạo” đã được Ôn Trên sử dụng rất nhiều lần qua Thánh giáo các Hội Thánh (Tây Ninh, Tiên Thiên, Truyền Giáo, Tam Quan, Chiêu Minh Long Châu...) hay Tổ chức Cao Đài (Cao Đài Thống Nhất, Cơ Quan phổ thông giáo lý Đại Đạo)

4. Kết luận

Ngày giờ và địa điểm “lập đạo” của Đức Cao Đài Thượng Đế vào thời điểm Giao thừa Tết Nguyên đán tại Sài Gòn, tuy chỉ là mầm phát khởi nhưng về mặt đạo lý lại mang ý nghĩa hết sức to lớn như Đức Gia Tô đã nói:

*Sự quan trọng không phải những điều kiện khởi phát mà là mầm khởi phát.*¹⁸

15. Đức Vạn Hạnh Thiền sư, Minh Lý Thánh Hội 15.12 Mậu Thân (01.02.1969).

16. Đức Đông Phương Chương Quân, Vĩnh Nguyên Tự, 20.02 Quý Sửu (24.3.1973).

17. Đức Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11.8 Bính Dần (14.9.1986).

18. Đức Jesus, TT. Bàu Sen, 23.11 Đinh Mùi (24.12.1967).

Sau một vòng lần lượt đến lập đàn cơ tại mỗi nhà của 12 môn đệ nòng cốt (tu Vô Vi hay tu Phổ độ), đến giao thừa Bính Dần 23g ngày 12-02-1926, tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn thuộc Sài Gòn, chư vị Tiền Khai đã được Đức Chí Tôn ban ân đón nhận việc “*lập đạo*” Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngày nay, qua các sử liệu đã lưu lại trong sách vở của chư vị tiền bối từ Ngài Huệ Chương, Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, đến Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron... chúng ta tìm được đầy đủ các yếu tố liên quan mật thiết từ không gian đến thời gian với sự kiện “*lập đạo*” Cao Đài hay ĐĐTKPĐ.

Với phương pháp hoàn chỉnh này, hy vọng sẽ góp phần thống nhất tư tưởng về một vấn đề trọng đại của Đạo Cao Đài trước thềm kỷ niệm 100 năm hoạt động.

*Đạt Tường & Ngô Chơn Tuệ*¹⁹

19. Ban Nghiên Cứu Sử Đạo CQPTGLĐĐ.



— 13 —
 hưởng thiện, thì cái công-đức ấy tưởng có, rồi
 cao gấp mấy cái công phu tự-tu tự-giác vậy. Vì
 minh đó, được một người tu-niệm tức là đó
 được một linh-hồn khỏi địa-lạc; minh đó
 được nhiều người tu tức là minh tu cho mình
 đó.

SỰ-TÍCH

Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ

Kể từ năm Bính-Dần, cái phong-trào rất
 thanh hành của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ làm
 cho nhiều nhà tri-thức cùng các lực thiện-tâm
 muốn kiểm biết cho rõ gốc-tích Đại-Đạo bởi
 dân mà ra. Nên tôi xin đem hết lòng thành-thật
 lược-thuật cái nguyên-nguyên Đại-Đạo trong
 năm Bính-Dần ra sau đây, cho ai là người có
 chút quan-tâm về đường đạo-đức xem qua cho
 biết.

Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ phát nguyên tại
 Saigon. Nhưng trước kỳ khai Đạo, Thượng-Đế
 đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên,
 Phật giảng cơ-nhiên chỗ đứng-cảnh-tình như-tâm,
 cùng đề lời tiên-tri rằng Đại-Đạo hầu
 khai. Song vì ngày giờ chưa đến, Thiên-cơ khó
 lậu, nên các đấng ấy không chỉ rõ rằng Đạo
 sẽ mở tại đâu.



dans toute sa splendeur, sans le secours de l'art humain,
 dont toutes les créations, depuis les grossières fétiches de
 l'Afrique jusqu'aux chefs-d'œuvre de la peinture et de la
 sculpture modernes, ne peuvent en donner que des images
 plus ou moins imparfaites.

Revenons maintenant à l'histoire de la nouvelle
 religion.

Ce fut au début de l'année Bính Dần (1926) que le
 Cao Đàiisme fit son apparition en Cochinchine ou plus exacte-
 ment à Saigon. Mais longtemps auparavant, des Espé-
 ristes missionnaires avaient reçu de Dieu l'ordre d'en préparer
 l'avènement.

En effet, dans une séance de spirite qui avait eu
 lieu à la pagode "Mê-Nhì" située à Bến-Cát (Gün-dinh)
 le 17 du 6^e mois de l'année Qui-Tỵ (30 Juillet 1923), l'Espé-
 riste Táo-Quốc-Cyru avait révélé ce qui suit :

« Tâchez de vous initier au Dap (Tao) pour n'avoir
 pas à le regretter. Il est donné rarement aux humains
 d'en trouver l'occasion, car le Dap est une chose très
 précieuse, et rien au monde ne peut lui être comparé.
 Vous avez le bonheur et la bonne fortune de voir le
 Dap apparaître pour la troisième fois. Si vous en
 jouissez avant les autres, c'est que vous y êtes pré-
 destinés. C'est par une grâce du Deslin que le don de la
 Troisième Annuité de Dieu (Tam-Kỳ Phổ-Độ) vous échut
 en partage. Des esprits supérieurs sont venus en mission
 ici bas pour le sauvetage des âmes prédestinées. Vous êtes
 de celles-là. Il dépend donc de votre foi agissante d'obtenir
 le succès ».

Đầu đoạn ba: "Ce fut au début de l'année Bính Dần... à Saigon."
 Chính là vào đầu năm Bính Dần (1926) Cao Đài giáo đã xuất
 hiện tại Nam Kỳ hay chính xác hơn là tại Sài Gòn.

D'autres messages non moins édifiants reçus :

a) Le 2 Septembre 1923 à la pagode de Ngoc-Hoang (l'Empereur des Cieux) à Hanoï (Saigon) :

b) le 1^{er} du 3^e mois de l'an Qui-Hy (1923) à la Pagode *Cung-Toum-Hoa* (China), de *Thuyng-Dé* (Souverain Suprême) :

c) le 13 du 5^e mois de l'an Qui-Hy (1923) à la même pagode, de l'Esprit *Tên-Ngô-Không* :

d) le 30 du 10^e mois de l'an Giáp-Ty (1924) à la même pagode, de l'Esprit *Confucius* :

e) le 4 du 11^e mois de l'an Giáp-Ty (1924) à la même pagode, de l'Esprit *Thái-Âi*,
laisaient pressentir également l'avènement du Cao Đàiisme.
Il serait fastidieux de les énumérer tous.

Si l'on se reporte à la Bible, on verra que c'est bien aujourd'hui la Troisième Révélation qui s'est manifestée de la part de Dieu (les 1^{re} et 2^e Révélations furent personnelles dans Moïse et le Christ en Occident, et dans Çakya-Mouni et Lao-tseu en Orient).

Le Christ n'a-t-il pas dit : « Beaucoup de choses que je vous dis, vous ne pourrez les comprendre, et j'aurais beaucoup d'autres à vous dire que vous ne comprendriez pas ; c'est pourquoi je vous parle en paraboles ; mais plus tard, je vous enverrai le Consolateur, l'Esprit de Vérité, qui rétablira toutes les choses et vous les expliquera toutes ». Jean, chap. XIVXVI ; Mathieu chap. XVII).

Ce fut, avons-nous dit, au début de l'année Bính-Dân (1926) que le Cao Đàiisme fut définitivement fondé. Mais

“Đầu năm Bính Dần, Cao Đài giáo đã chính thức thành lập”

celui de la Nature, pas de livre plus divin que le grand Livre de la Vie : J'ai vu se retirer au Jardin de Gethsémani, au Désert même; saint François d'Assise parle à la petite sœur la pluie, au petit frère le vent, aux doctes silencieuses, aux hirondelles bavardes, et il passe sa main sur le museau du loup de Gubbio qu'il ramène chez lui comme un bon chien docile. Le naturaliste suédois Bengt Berg arrive à faire pondre et à faire couvrir dans sa main l'oiseau le plus craintif de la Laponie : Lahol (Mon ami le pluvier, Stockholm). Là où est le saint, la terre est sainte et la nature surnaturelle.

Le premier Cao-daïste.

Ce fut au début de l'année Binh-Dan (1926) que le Cao-daïsme fut définitivement fondé. Mais depuis six ans déjà, un homme adorait le Grand Maître Cao-Dai : M. le Phu Ngô-van-Chiêu, qui fut ensuite en service au 2^e Bureau du Gouvernement de Cochinchine.

Député administratif, en 1919, au poste de Phu-Quoc, il se situe dans le golfe de Siam, M. Ngô-van-Chiêu menait une vie de haute sagesse, conforme aux règles rigoureuses de la Doctrine taoïste. De temps en temps, dans cette localité isolée si propice à la vie religieuse, il s'adressait, à l'aide de jeunes médiums de 12 à 15 ans, à l'évocation des Esprits supérieurs (Cau-Tiên) de qui il recevait les instructions nécessaires à son évolution spirituelle. Parmi les Esprits communicants, il s'en trouvait un qui se nommait Cao-Dai et s'intéressait de façon particulière au Phu Chiêu.

Au début, ce nom souleva l'étonnement général des personnes présentes parce qu'à leur connaissance aucun livre religieux n'en avait fait mention. Néanmoins, le Phu Chiêu, dont la perpétuité faisait l'admiration de ses camarades, crut y reconnaître un surnom de Dieu

à cause des révélations et des enseignements d'une haute portée philosophique qu'il en avait reçus à maintes reprises.

Ayant demandé à Cao-Dai la permission de l'adorer sous une forme tangible, il reçut l'ordre de le représenter par un œil symbolique.

Telle fut la conversion du premier caodaïste à la nouvelle religion qui devait, six années plus tard, s'implanter à Saigon. Bientôt, les fonctions administratives du phu Chiêu le rappelleront à la capitale, où il conquit quelques prosélytes à la Foi nouvelle. Mais quittons pour le moment ces premiers convertis pour montrer aux lecteurs la manière dont le Grand Maître recruta ses médiums.

C'était au milieu de l'année At-Suu (1925). Un petit groupe de secrétaires annamites appartenant à diverses administrations à Saigon, se délassaient chaque soir, en faisant du spiritisme. Ils se servaient à cet effet de la « table frappante ». Les premiers essais furent médiocres. Mais à force de patience et d'entraînement, ils obtinrent des résultats positifs. Aux questions posées aux Esprits, soit en vers, soit en prose, ils recevaient des réponses surprenantes. Leurs parents ou amis défunts se manifestèrent pour leur parler d'affaires de famille et leur conseiller en même temps l'abnégation. Ces révélations sensationnelles leur apprirent ainsi l'existence d'un monde occulte.

Toutefois, un des Esprits communicants se faisait remarquer particulièrement par son assiduité et ses enseignements d'une haute portée morale et philoso-

aux biens et aux jouissances de la vie, est si frappante qu'on peut se demander si les séances spiritiques organisées jusqu'à là Cho-gao n'avaient pas été inspirées par des Esprits missionnaires dans l'unique but de ramener M. Lê-van-Trung dans la voie de la Loi. En effet, lorsque celui-ci eut pris la résolution de vivre selon la foi nouvelle qu'il avait embrassée, il ordonna la dispersion du groupe spiritique, au grand étonnement et à la profonde affliction de ses membres.

A Saigon, le Grand Maître, jugeant le moment venu, rapprocha ses médiums de M. Lê-van-Trung. Il envoya alors deux de ceux-ci OMM. Cu' et Tac' chez le nouveau converti, avec ordre d'y organiser une séance au cours de laquelle, il lui donnerait des instructions.

M. Trung, qui ne connaissait pas ces médiums accepta cependant leur proposition lorsqu'il eut appris les motifs de leur démarche.

Une séance évocatoire eut lieu. Le Grand Maître, entre autres enseignements, annonça à M. Trung sa grande mission prochaine dans la nouvelle religion qu'il allait fonder pour sauver l'humanité.

Cette révélation confirmait les allusions des divers messages spiritiques que M. Trung avait reçus à Cho-gao avec d'autres médiums. Elle fortifia sa conviction et l'encouragea à se consacrer sans réserve aux pratiques religieuses.

Quelque temps après, le Grand Maître envoya MM. Trung, Cu' et Tac' auprès du phu Chiêu, qui devait les guider dans la voie religieuse en qualité de frère aîné. Celui-ci qui, de son côté, en avait été instruit par le Grand Maître, leur fit le plus cordial accueil. Il les mit immédiatement en contact avec ses premiers co-religieux. Le noyau caodaïste fut ainsi formé qui comprenait une douzaine de membres, tous de culture

françaises et employées, pour la plupart, dans diverses administrations à Saigon.

La ferveur et le désintéressement de ces pionniers de la première heure attirèrent bientôt à eux un nombre d'adhérents de plus en plus élevé. La religion caodaïste sortit alors de son cercle restreint pour se répandre dans le peuple au début de l'an Binh-Dan (1926).

M. le phu Chiêu, habitué à la solitude, fut contrarié par l'affluence des adeptes, qu'il inquiéta. Fonctionnaire conscient de ses devoirs, il prit la résolution de se tenir désormais à l'écart de ce grand mouvement religieux. M. Lê-van-Trung fut alors désigné par le Grand Maître pour le remplacer vers fin avril.

Les premières oratoires.

Les séances spiritiques continuèrent de plus en plus nombreuses chez des particuliers, et principalement dans les oratoires organisés, dans chacun des centres suivants : Cholon-ville, Càngio, Lócgiang, Tânđinh, Thùđo, và Cùkhu. Deux médiums furent affectés à chaque oratoire pour recevoir les enseignements du Grand Maître. L'admission des nouveaux adeptes y fut également décidée. Les adhésions vinrent en masse; elles s'élevèrent même à plusieurs centaines d'inscriptions nouvelles à chaque séance.

La déclaration officielle du Cao-daïsme.

La nouvelle religion prit très rapidement de l'extension, tant elle fut reçue avec enthousiasme, surtout par le peuple. Soucieux d'agir au grand jour et de se tenir dans les limites de la plus stricte légalité, ses dirigeants firent une déclaration officielle signée de 28 personnes, qu'ils adressèrent à la date du 7 octobre 1926 à M. le Gouverneur de la Cochinchine. A cette déclaration fut

Cuối trang 24 và đầu trang 25:

"Hạt nhân Cao Đài được hình thành qua 12 viên chức tại SÀI GÒN... ... Đạo Cao Đài được lan truyền vào dân chúng vào đầu năm Bính Dần (1926)."

nnaires. Le noyau coadaïste fut ainsi formé qui
aprenait une douzaine de membres, tous de culture

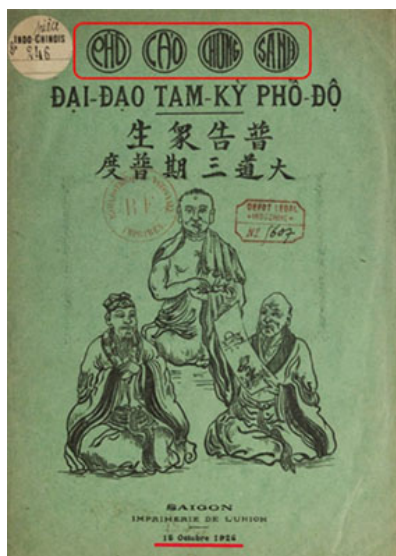
française et employés, pour la plupart, dans diverses administrations à Saigon.

La ferveur et le désintéressement de ces pionniers de la première heure attirèrent bientôt à eux un nombre d'adhérents de plus en plus élevé. La religion coadaïste sortit alors de son cercle restreint pour se répandre dans le peuple au début de l'an Bính-Dan (1926).

M. le phu Chiêu, habitué à la solitude, fut contrarié par l'affluence des adeptes, qui l'inquiéta. Fonctionnaire conscient de ses devoirs, il prit la résolution de se tenir désormais à l'écart de ce grand mouvement religieux. M. Lê-van-Trung fut alors désigné par le Grand Maître pour le remplacer vers fin avril.

SUY TƯ VỀ Ý NGHĨA LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI TỊCH ĐẠO 23/8

Thiện Chí



Di tích: những dấu vết còn lại của một sự kiện hay một vật thể sau một thời gian dài ngắn hay sau những cuộc biến đổi/ biến cố do nhiều nguyên nhân. Ở đây, trong bối cảnh tôn giáo-đạo Cao Đài-di tích của sự kiện soạn tờ Khai Tịch đạo

đã được thực hiện nơi địa điểm khi xưa là địa chỉ số 237bis đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo); còn di tích nơi sinh hoạt kỷ niệm sự kiện này là Thánh thất Cầu Kho, nay Nam Thành Thánh thất là cơ sở thừa kế.

Di sản: là những sự nghiệp để lại, bao gồm của cải dưới hình thức cơ sở vật chất, kể cả những hoạt động mang tính truyền thống về văn hoá, tôn giáo, lịch sử hay các hình thức khác trong sinh hoạt xã hội.

Khi nói đến di tích, đương nhiên đề cập đến một giá trị Lịch sử. Nói đến di sản là nói đến sự thừa kế các giá trị vật thể kể cả phi vật thể mà đối tượng/đơn vị đang bảo tồn hay tiếp tục quản lý, điều hành . . .

Vậy, giá trị nào của di tích hay di sản khiến cho cộng đồng xã hội đồng thuận vấn đề duy tu, bảo tồn. Nói đến giá trị, lại phân biệt giá trị vật thể và phi vật thể.

_ Giá trị vật thể tùy thuộc thời gian Lịch sử và các biến cố của môi trường, của xã hội và thiên nhiên, có nghĩa các giá trị vật thể là tương đối, nói theo từ ngữ tôn giáo là “vô thường”.

_ Giá trị ‘phi vật thể’ thuộc về tinh thần và văn hoá. Do đó những giá trị phi vật thể thường bền bỉ, lâu dài, nếu không nói vĩnh cửu.

Với góc nhìn sâu hơn, ta lại hỏi giá trị tinh thần hay văn hoá nào khiến cho di sản đạt được tầm mức lâu dài hay phổ quát?

Đối với đạo Cao Đài, giá trị tinh thần phổ quát nhất là Đức tin Thượng Đế hiện hữu.

Thứ đến, là giá trị nhân văn-nhân bản của mục tiêu phổ độ.

Trong suốt chiều dài lịch sử đạo Cao Đài, mỗi thời điểm,

mỗi địa điểm đều có dấu ấn của hai giá trị trên trong tiến trình lập giáo. Do vậy, chọn một địa điểm, một thời điểm để làm kỷ niệm trong tiến trình này đều mang ý nghĩa tương đối của từng giai đoạn. Như năm 1921, năm Đức Cao Đài Tiên Ông thu nhận người đệ tử đầu tiên là Ngài Ngô Văn Chiêu. Năm 1925, là năm ba vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang “vọng Thiên cầu đạo” hay ngày mừng 9 tháng Giêng năm Bính Dần 1926 (lễ Vía Trời), Đức Thượng Đế điểm danh 12 vị tông đồ. Ngày 23 tháng 8 Bính Dần lập tờ Khai Tịch đạo. Vậy sự kiện “KHAİ ĐẠO”, ngoài những thời điểm và địa điểm lịch sử như trên cần có thêm những yếu tố khác nữa để khẳng định ý nghĩa phổ quát của từ ngữ “khai đạo”.

- Về giá trị nhân văn–nhân bản, văn hoá Cao Đài đã khẳng định tính dân tộc, truyền thống đạo đức dân tộc, tôn chỉ “Quy nguyên hiệp nhứt”, xây dựng con người toàn diện, với mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”.

KHẢO SÁT TỜ KHAI TỊCH ĐẠO

Trích đoạn:

“... nhiều người Annam vì căn bản, vì tôn giáo, đã tìm phương thế hiệp Tam Giáo lại làm một (quy nguyên phục nhứt) gọi là đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May mắn thay cho chúng sanh, Thiên tòng nhơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại cõi Nam này. Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Ân Xá lần thứ ba. Những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ dạy chúng tôi đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tôn Giáo. Đạo Cao Đài dạy cho biết:

1. Luân lý cao thượng của Khổng Phu Tử.

2. Đạo đức của Phật Giáo và Tiên Giáo là làm lành, lánh dữ, thương yêu hơn loại, cư xử thuận hòa mà lánh cuộc loạn ly giặc giã. . .

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người Annam mà đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi, và đã ký tên vào **tờ Đạo Tịch** ghim theo đây, đến khai cho quan lớn biết rằng kể từ ngày nay, **chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.**

Chúng tôi xin Quan lớn công nhận Tờ Khai Đạo (déclaration) của chúng tôi”¹

Bình luận: [Dựa trên tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhứt” và nền giáo lý Công Bình–Bác Ái–Từ Bi của Đại Đạo, tờ Khai tịch nêu quyết tâm “phổ thông Đại Đạo khắp hoàn cầu” để thuyết phục nhà đương cuộc chấp nhận sự kiện Khai Tịch đạo].

Sau khi Khai Tịch đạo rồi, chư Tiên Khai Đại Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn tiến hành việc Phổ độ lần thứ nhứt ở lục tỉnh Nam kỳ vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10, để chuẩn bị lực lượng nhân sự cho đại hội sẽ ra mắt đạo Cao vào Rằm tháng 10 Bính Dần. Ngài Cao Quỳnh Cư đã thực hiện quyển sách mỏng đầu tiên của đạo Cao Đài là Phổ Cáo Chúng Sanh, vào giữa tháng 10–1926.

1. Khi ấy đất Nam kỳ là thuộc địa của Pháp. Tại Sài Gòn vào tháng 8.1925 đã nổ ra cuộc bãi công 10 ngày của cả ngàn công nhân Ba Son.

Tháng 3.1926 đám tang cụ Phan Chu Trinh với hơn 100.000 người tham dự với nhiều biểu ngữ cổ động lòng yêu nước. Nhiều hội kín chống Pháp ra đời.

TỜ PHỔ CÁO CHÚNG SANH

Trích đoạn:

“Phổ Cáo Chúng Sanh là một tập mỏng, 14 trang, kích thước 18x24cm, được in tại nhà in L’Union ở Sài Gòn và được phát hành vào ngày 15 Octobre 1926 (09-9 Bính Dần). Với sự phê duyệt kỹ lưỡng của Đức Chí Tôn cho nên nội dung của tờ Phổ Cáo Chúng Sanh là những điểm giáo lý căn bản có giá trị muôn đời:

Đoạn Thánh ngôn đầu tiên trong tờ Phổ Cáo Chúng Sanh là lời dạy của Đức Chí Tôn trong đàn ngày 13-6 Bính Dần (1926).

“(...) Bậc chơn tu, tử như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên. Cây lên thì trổ bông, trổ bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng thêm tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thần. Chơn thần lại biến hóa hằng muôn, thêm tăng lên hoài. Ấy là Đạo. Bởi vậy, một chơn thần mà sanh hóa chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn loại trong Càn khôn Thế giới. Nên chi, Các con là Thầy, Thầy là các con. (...)”

Bình luận: [Đây là tuyên ngôn của một tôn giáo đặt sự nối kết Con người với Thượng Đế làm sứ mạng cao cả, đề cao bản vị con người rất xứng đáng đứng trong Bản thể vũ trụ mà Thượng Đế là Tuyệt đối thể. Và giáo lý về luật tiến hoá bằng chơn thần của vạn vật, suy ra nguyên lý “Thiên địa vạn vật nhất thể”].

Hai văn kiện Tờ Khai Tịch Đạo và Tờ Phổ Cáo Chúng Sanh đã nêu lên một số điểm căn bản của nền Giáo lý Cao Đài là sự kết tinh các giá trị nhân sinh và tâm linh trên đường hành

đạo làm thành di sản đạo đức nhân loại:

“Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho quan lớn rõ: Vốn từ trước, tại cội Đông Pháp có ba nền tôn giáo là: Thích Giáo, Lão Giáo và Khổng Giáo. Tiền nhen chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các Chưởng giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp”.

Chư vị Tiền Khai viết:

“... Nay trống Lôi Âm đã giục, chung Bạch Ngọc đã rung, xin chư thiện nam tín nữ hồi tâm tỉnh ngộ, lo tu tâm dưỡng tánh mà chen bước vào đường đạo đức cho kịp thời Tam Kỳ Phổ Độ này.... Chưởng đức lưu truyền lại cháu con, ráng công phổ độ, cứu vớt nhen sanh khỏi nơi trầm luân khổ hải và chính mình đừng cái tà quy chánh, thoát kiếp luân hồi. Ấy là sở hành cao thượng vô cùng”.

Bình luận: [lời khuyến tu tâm huyết theo đường lối tu hành tự độ–độ tha thời Tam Kỳ Phổ Độ]

TÓM LẠI:

Vậy, đối với một cuộc lễ kỷ niệm, muốn duy trì lâu dài và được cộng đồng tham gia tích cực với niềm ưu ái sâu sắc, cuộc lễ cần đề cao những giá trị phổ quát có tính “đại đồng”, nhân bản, hướng thượng, vị nhân sinh.

Qua ‘Tờ Khai Tịch Đạo’ và quyển ‘Phổ Cáo Chúng Sanh’ chúng ta có thể ghi nhận những giá trị văn hoá đạo đức phi vật thể:

_ Đề cao tôn chỉ “Tam giáo đồng nguyên và quy nguyên”, vạn giáo nhất lý.

_ Đức tin nơi Thượng Đế Chí Tôn

- _ Đề cao bản vị con người và nền giáo lý nhân bản
- _ Truyền thống đạo đức của dân tộc.
- _ Đề cao tình nhân ái, gieo ý thức sứ mạng làm người, người chơn tu phải nhập thể giúp đời.
- _ Quyết tâm thực hiện sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như tuyên ngôn trong tờ Khai Tịch Đạo: *“Kể từ ngày nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu”*.

*“Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam Bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hoà hài từ đây.”²*

*“Thầy mở cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh, Đại Đạo lập thành;
Quyền Thầy hiệp cả van sanh,
Động Tây Kim Cổ, lập thành tương lai.”³*

[Trình bày nhân Lễ Kỷ niệm ngày Khai Tịch Đạo tại Nam Thành Thánh thất ngày 28 tháng 8 năm Giáp Thìn (2024)]

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, CQPTGL, 15.02 Quý Hợi (29.31983).

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, CQPTGL, 15.02 Quý Hợi (29.31983).

MỤC ĐÍCH

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Kim Dung

Thế Đạo Đại Đồng
Thiên Đạo Giải thoát

I. LÝ NHỨT NGUYÊN

Cao Đài Giáo quan niệm: “Thiên Địa vạn vật đồng nhứt thể” nghĩa là bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật đều do một nguyên lý phát xuất thôi. Nguyên lý đó là Đạo, là Khối Đại Linh Quang còn gọi là lý Đơn Nhứt, lý Nhứt Định, lý Độc Nhứt hay Lý Nhứt Nguyên–Lẽ Một của Cao Đài.

Nói cách khác–Tất cả vạn vật hình thức vẫn khác nhau, danh tánh khác nhau nhưng tựu trung vẫn có một điểm ĐẠO: Đó là Thượng Đế Chí Tôn, là Nhân bản đó là Thánh Hiền Tiên Phật (Di Lạc Thiên Tôn). Trên nền tảng đó, mỗi người là một điểm Tiểu Linh Quang do Khối Đại Linh Quang chia ra và đến thế gian để lập công, tu học, tiến hóa. Sau cùng lại quay về hiệp với Đại Linh Quang.



II. MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

A. Xác định mục đích

Cứu độ toàn cầu

– Tận độ toàn diện cả 2 mặt tâm linh và nhân sinh theo 3 tiêu chuẩn: **Nhân bản, an lạc, tiến bộ** tức phục vụ con người trên 3 phương diện: **Nhân đức-Nhơn sanh-Nhơn trí**.

Tiêu đề: “Thế Đạo Đại Đồng–Thiên Đạo giải thoát” do Đức Hưng Đạo Đại Vương ban cho trong quyển Đạo Học Chỉ Nam. Ngoài ra còn có những tiêu đề khác trong các Thánh Giáo cũng có cùng ý nghĩa như:

- Bảo sanh nhơn nghĩa đại đồng
- Lập đời Thượng ngươn Thánh Đức (tiêu đề này chỉ nói được phần Thế Đạo Đại Đồng mà thôi)
- Tuyệt khổ đại đồng

– Độ những kẻ hữu căn, hữu phần, hữu kiếp (tức 92 ức nguyên nhân)

B. Mục đích của Thế Đạo Đại Đồng

– Mục: Con mắt

– Đích: Điểm phải đạt đến

Mục đích nghĩa là chỗ mình nhắm để tới phải đạt đến. Là chỗ mình chủ ý nhắm vào để đi tới là điều mình phải đạt cho được.

Thế Đạo là Đạo đối với mặt nhân sanh thế sự, Đạo dạy người ở, ăn, sinh sống sao cho hợp Đạo hòa đời. Đó là con đường nhập thể tích cực của Đạo để đưa Đạo vào đời và đem đời vào Đạo.

Đó là cơ phổ độ, là đạo hữu vi thuộc phần ngoại giáo công truyền để độ tha.

1. Về mặt tinh thần

Đây là con đường phổ độ, là con đường của mọi người biết Đạo và thuộc phần **ngoại giáo công truyền**.

Từ trước, có những giai đoạn con người mất lòng tin tưởng ở tôn giáo, trong lúc đó khoa học phát sinh ra như một ánh sáng rực rỡ đối với con người. Nhưng sau đó một thời gian con người cũng mất lòng tin nơi khoa học vì chính khoa học cũng có những sóng gió, những phản bội đối với lòng tin của người.

Thí dụ: Khoa học vẫn bó tay trước những căn bệnh hiểm nghèo, khoa học thay vì tạo những đồ dùng tiện nghi cho con người, lại dành nhiều công của tạo vũ khí để người giết người, hại lẫn nhau... Dẫn đến tình trạng hiện nay con người rất sợ khoa học (sợ vũ khí hạt nhân ...). Sở dĩ có những thất vọng đó vì con người chưa nhận ra được khoa học là sản

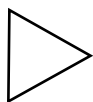
phẩm của tri thức con người. Nó là vật chất và chỉ là phương tiện để phục vụ cho người chứ không thể là mục đích, là hướng nhắm của con người được.

Các học thuyết và tôn giáo đã xuất hiện nhiều nhưng con người vẫn còn bơ vơ lạc lõng. Nhân thân mất an ninh, nhơn tâm chưa ổn định. Thế giới vẫn tiếp tục trên đà đi xuống. Những thảm cảnh xã hội từ xưa chưa từng có mà ngày nay đã trở nên thông thường quen thuộc đến nỗi người ta không còn thấy lạ lùng kinh sợ nữa.

Đó là vì từ nhân thân đến xã hội, con người xa rời cội rễ của mình, xa nhân bản nên tiến bộ mà không an lạc, không tạo được thế nhơn hòa, và do đó không có đại đồng. Thế nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong phần Thế đạo chủ trương xây dựng một xã hội mới, hội đủ tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ.

Nhân bản

Tiến bộ



an lạc → nhơn hòa → đại đồng

Nhơn hòa là điều thiết yếu trong Tam Kỳ Phổ Độ. Vậy muốn sinh tồn phải có hòa, muốn có hòa phải biết chia sẻ quyền lợi, sự sống, tình thương cho nhau giữa người và người.

Tình thương là phương thức tạo nhơn hòa.

Có nhơn hòa thiên hạ mới âu ca.¹

Do đó, nếu xa rời cội rễ-xa rời gốc của con người, tức xa rời nhân bản thì dù khoa học tiến bộ vượt bậc con người vẫn cảm thấy mất an ninh, không có nhơn hòa.

1. Thầy, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01.01 Bính Thìn (30.01.1976).

Người vì xa nhân bản nên có tiến bộ mà không có an lạc nên không tạo được thể Nhơn hòa, do đó không thể Đại đồng.

Do đó, chỉ có Nhân hòa khi con người **đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần**.

Xưa có câu: Tứ hải giai huynh đệ.

Đại đồng = hiếu để Nhơn nghĩa ở phạm vi rộng toàn Nhơn loại.

Vì thế, mục đích của thể đạo là Đại Đồng. Muốn có Đại Đồng thì trước tiên phải có Nhân bản tức là quay về nguồn cội của mình.

Con người có nhiều nguồn cội:

1. Gia đình
2. Xã hội dân tộc (thể xác) Tiểu Thủy Tổ
3. Tôn giáo (tâm linh)
4. Nhơn loại

Thượng Đế Đại Thủy Tổ

Tìm về nguồn cội của mình nghĩa là: Bước đầu tiên trên con đường tìm về Nhân bản để tạo lập xã hội Đại Đồng là xây dựng tinh thần Đại Đồng trong gia đình.

a. Nguồn cội gia đình

Tổ tiên ông bà, cha mẹ là nguồn cội của Nhơn thân. Có thân này phải nhớ công ơn và sự nghiệp của người sanh thành ra mình. Nương theo truyền thống tốt đẹp của người xưa để tô điểm đời sống hiện hữu của gia đình sao cho có trật tự, có luân lý trên thuận dưới hòa làm đẹp lòng tiên tổ.

b. Trở về nguồn cội của xã hội

Trong đó có nguồn cội dân tộc giống dòng và tôn giáo

- Với nguồn cội dân tộc giống dòng:

Trải bao ngàn năm đầy đầy những đau khổ để đổi lấy sự sống còn và bình an cho dân tộc giống dòng, người dân phải biết ơn tổ tiên có công dựng nước và giữ nước, của các bậc anh hùng khai quốc rất hào hùng và vẻ vang của đất nước. Người đi sau có bốn phận bảo vệ và tiếp nối tinh thần cùng truyền thống cao đẹp của cha ông để lại.

“Nhơn loại muốn đi đến chỗ năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà trên bình diện tinh thần và vật chất. Nhơn loại cũng không thể bỏ qua nguồn gốc dân tộc vì nó là căn đề, là phần tử của quả đất mệnh mông”.²

- Với xã hội tôn giáo:

Công nghiệp vĩ đại của hàng khai sáng nền Đại Đạo, người đi sau phải biết ơn và nối tiếp truyền thống đó để làm sáng tỏ danh nghĩa Cao Đài-Thượng Đế Chí Tôn qua việc xưng minh giáo lý cùng việc sống Đạo của nền tôn giáo.

c. Trở về nguồn cội nhân loại

Đức Vân Hương Thánh Mẫu xác định:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong nguồn cội nhân loại”

Có nghĩa là đại đồng trong nhân bản. Đại đồng trong nguồn cội nhân loại là khi loài người quay về tìm cái gốc cái nhân bản của mình sẽ nhận ra tất cả đều phát xuất từ một cội, giống y nhau và bình đẳng nhau. Khi ấy mới nhìn nhau là anh em mà thương yêu chia sẻ sự sống để bảo tồn lẫn nhau.

d. Trở về nguồn cội của linh hồn:

Tức là nhân bản chân thật trong Thượng Đế trong Đại

2. Đức Phan Thanh Giản, Trúc Lâm Thiền Điện, 8.4.Tân Hợi (02.5.1971).

Thủy Tổ.

*“Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhơn loại về với Thượng Đế: Con người cho thiệt con người”.*³

Đó cũng là lúc đại đồng nhơn loại, mọi người nhận ra nơi mình có một điểm giống với vạn vật chung quanh vì *“lúc Đức Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người thì dưới chân Ngài, trước mặt Ngài, con người vẫn duy nhứt là anh em với nhau bởi đồng tính đồng chất”.*⁴

Như vậy, có thể nói đại đồng nhơn loại là mức độ cuối cùng trong mục đích của Đại Đạo.

Nhưng điểm cuối cùng cũng chính là điểm đầu tiên căn bản, điểm then chốt quan trọng cho ý hướng tìm kiếm hòa bình về quan điểm đồng nguyên của Đại Đạo.

2. Về mặt đời sống thực tế của xã hội: Bảo sanh

*“Thế nhơn hòa là phải tạo được, bảo đảm được thanh bình, đời sống an lạc, nếu chưa được thì không thể gọi là nhơn hòa thực sự”.*⁵

*“Thượng Đế muốn cho loài người hiểu tận lý và hành tận sự, chớ giáo lý Cao Đài không nhứt thiết chỉ bảo người đời đi tìm hạnh phúc trong cõi hư vô vĩnh cửu, chốn niết bàn cực lạc, trong khi thân sanh còn nghèo đói, bệnh tật, dốt nát, kỳ thị rẽ chia, người bóc lột người trong cảnh mạnh được yếu thua, bất công xã hội. Nếu phần thân sanh hiệu hữu như thế chắc gì phần tâm linh được miễn tuệ siêu thoát”.*⁶

3. Đức Lê Văn Duyệt, TT. Ngọc Minh Đài, 10.5 Nhâm Tý (20.6.1972).

4. Đức Đông Phương Chương Quân, Trúc Lâm Thiền Điện, 17.7 Tân Hợi (06.9.1971).

5. Đức Lê Văn Duyệt, VPPTGLCĐGVN, 15.02 Canh Tuất (21.3.1970).

6. Đức Quan Am Bồ Tát, Vĩnh Nguyên Tự, 03.01 Giáp Dần (25.01.1974).

Như vậy Cao Đài chủ trương mọi người đều bình đẳng ngang nhau về quyền lợi vật chất, thương nhau chia 7 sót 3. Từ đó, Cao Đài cũng chủ trương những tiến bộ của khoa học kỹ thuật phải được phục vụ cho đời sống vật chất của cả nhân loại thay vì phục vụ cho sự tàn hại lẫn nhau.

3. Mục đích của Thiên Đạo giải thoát

Thiên Đạo là Đạo dạy con người phương cách để sống được ở nước Trời. Đó là Đạo đời với đời sống tâm linh, đạo quay về nhân bản. Đó là con đường về Trời, về ngôi xưa vị cũ, đưa Tiểu linh Quang về hiệp với Khố Đại Linh Quang, là con đường quy nguyên phục nhứt (phần nội giáo tâm truyền), đó là cơ cứu thế, là Đạo vô vi.

Giải thoát là chỗ nhắm của Thiên Đạo mà cũng là mục đích tối hậu của tôn giáo.

Giải thoát là cởi mở những sự ràng buộc của hoàn cảnh trong cuộc sống, cởi mở những điều phiền lụy trong tâm hồn, vùng vẫy ra khỏi sự che án của vô minh hầu có một cuộc sống ung dung tự tại. Cuối cùng sự giải thoát hoàn toàn nhất là sự giải thoát sau khi dứt bỏ xác thân.

a. Giải thoát tại thế gian

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có dạy: “Sự giải thoát không phải đợi đến khi rũ bỏ nhục thể, linh hồn mới được giải thoát, ngay lúc sinh thời ai ai cũng có thể thực hiện được gồm có:

- Giải thoát vô minh bằng cách chí quyết trau dồi tâm tánh, đạo hạnh cho nên người đạo đức thanh cao.

Đức Mẹ dạy:

“Mọi sự ở thế gian phát khởi đều do nhân dục. Hễ có nhân dục lại đồng chung với bản ngã.

*Hễ có bản ngã thì ắt có tư tâm, ích kỷ, tự ái, tự tôn, làm cho lý trí phải bị mờ lu, không phân biệt được cái nào là chơn, là giả”.*⁷

• Giải thoát lòng ích kỷ bằng cách bố thí dần dần được sáng ra để hiệp một cùng Thượng Đế.

Ơn Trên khuyên: “Người tu nên cố gắng tự giải thoát cục bộ để dần dần đến chỗ toàn phần”

b. Giải thoát sau khi bỏ xác phàm

Là kết quả tất yếu của tổng cộng những giải thoát của mình ở thế gian vì thế trước hết phải lo tròn phần mình ở ngay tại thế gian: “*Dục tu Thiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo*”, “*Nhơn Đạo có thành thì Thiên Đạo cũng xong*”.⁸

*“Khi mà các con xứng đáng một trong thể Tam tài, thì các con với sự Đắc Nhứt, sẽ dùng quyền lực tạo được bởi tinh thần để phổ độ, để phụng sự nhân sinh, cũng như Trời Đất đang hành vận trong lẽ thuần nhứt đó vậy”.*⁹

Người tu cố gắng tạo sự giải thoát từng phần để cuối cùng đạt sự giải thoát hoàn toàn, tức là linh hồn thật sự tách khỏi thân phàm trở về với Khối Đại Linh Quang mà kết quả đương nhiên là sự đắc chứng quả vị. Hay nói theo Cao Đài Giáo là trở về quê xưa vị cũ.

Đức Lê Đại Tiên đã dạy:

*“Trong niềm khao khát vô biên, Thượng Đế mong mỗi môn đệ của Ngài trở về chơn ngã, hiệp một cùng Thầy”.*¹⁰

7. Đức Mẹ, TT. Bình Hòa, 15.8 Đinh Mùi (18.9.1967).

8. Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ, Minh Lý Thánh Hội, 20.10 Quý Sửu (27.10.1973).

9. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15.3 Tân Hợi (10.4.1971).

10. Đức Lê Đại Tiên, TT. Nam Thành, 14.02 Kỷ Dậu (31.3.1969).

Đó là trở về cái “Chơn Nhơn” của mình tức là con người “muôn thuở muôn phương”, con người bất diệt với thời gian vô biên và với không gian vô tận, trường tồn vĩnh cửu. Đó cũng là lúc đại đồng nhân loại, mọi người nhận ra nơi mình có một điểm giống với vạn vật.

III. KẾT LUẬN

Mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là tạo điều kiện cho con người hồi tâm hướng thiện, tu hành trở về với Nhân bản để có thể tồn tại sau cuộc sảy sàng hầu được sống trong thời Thượng Ngươn Thánh Đức–là một đời sống mà con người được hưởng cả 2 mặt vật chất lẫn tinh thần.

Đời sống đó hòa hợp được người với người, quốc gia với quốc gia, tôn giáo với tôn giáo, khoa học với đạo lý để cùng nhau hợp lực phục vụ lẫn cho nhau, phục vụ cho chúng sanh cuối cùng đưa nhau trở về với Đại Thủy Tổ của mình là Đức Thượng Đế.

*“Đạo Cao Đài không nhứt thiết chỉ làm cho người tu thành Thánh, Tiên, Phật mà phải làm sao truyền bá lý tưởng đại đồng, bác ái, tình thương không phân biệt nòi giống, sắc tộc, cho tất cả mọi người hiểu sự thật, nói sự thật và làm được sự thật thấy ngay tại thế gian này để biến cảnh địa đàng này thành Thiên đàng Cực lạc tại thế gian”.*¹¹

11. Đức Bạch Liên Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10.10 Canh Tuất (08.11.1970)

NÉT ĐẸP TINH THẦN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Phan Thị Bảo Trân

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài ra mắt nhân sanh thông qua đại lễ Khai Minh Đại Đạo vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926, với mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”, tôn chỉ “Tam giáo đồng nguyên, vạn giáo nhứt lý”, lập trường “Thuần chơn vô ngã”. Đây là một trong những đặc trưng của đạo Cao Đài.

Tinh thần “Tam giáo đồng nguyên” vốn không xa lạ, nó đã xuất hiện từ triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần tại Việt Nam. Đến ngày nay, như là những nhịp cầu, tinh thần này được củng cố thành một hệ thống giáo lý căn bản trong đạo Cao Đài.

Vào năm 1967, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giảng dạy chư đạo hữu hãy nhìn nhận ba điều để vui vẻ và hãnh diện, trong đó Ngài dạy nếu tâm tư chúng ta biết cởi mở và đón chờ một ngày “Tam Giáo đồng nguyên, Vạn giáo nhứt lý” thì đó làm một điều hãnh diện của người tín hữu Cao Đài:

“Chư hiền muội hãy vui vẻ và hãnh diện lên đi, vì đã trải qua

mấy mươi năm đối dòi thế sự, biết bao người hy sinh thân mình vì chánh đạo chánh nghĩa, mà cũng có vô số kẻ đã tử biệt vì luật đào thải cặn bã của bánh xe luân. Trong khi đó, chư hiền muội, cũng trong xã hội ấy, trong những hoàn cảnh ấy, lại được bảo tồn nguyên vẹn cho đến ngày này. Đó là một điều hãnh diện.

Trong thời gian đó, đã cởi mở mọi điều thắc mắc, phạm thánh biện phân, đã góp công góp sức cùng với tâm trí vào mọi sinh hoạt của bốn phận làm người công dân trong một nước. Đó là hai điều hãnh diện.

Cũng trong thời gian đó, chư hiền muội đã vượt lên khỏi bức màn ngăn cách vì khác biệt tôn giáo, đạo giáo, với phái chi. Mặc dầu đang hành đạo trong khuôn khổ của một giáo hội, nhưng tâm tư đã cởi mở và đón chờ một ngày Tam Giáo đồng nguyên, vạn giáo nhứt lý. Đó là ba điều hãnh diện.¹

Ngoài ra, trong Thánh giáo Cao Đài xuất hiện một số khái niệm tương tự nhau như “tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên”, “chủ thuyết Tam Giáo đồng nguyên”, hay “lý Tam giáo đồng nguyên”,... và chủ đề “Tam giáo đồng nguyên” này là một chủ đề sâu sắc cần tìm hiểu nhiều hơn.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy tại Trúc Lâm Thiền Điện, năm 1971 như sau:

*“Chuối dài ý hệ côi Nam Giao,
Thích, Đạo, Nho tông những sắc màu,*

1. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, TT. An Tiên (Giáo Hội Tiên Thiên), 02.02 Đinh Mùi (11.3.1967).

*Đã có trường thi Tam Giáo trước,
Nhịp đầu để nối nhịp theo sau.”²*

“Cõi Nam Giao” ý nói các đàn Nam Giao tế cáo Trời Đất, cầu quốc thái dân an, đất nước thái bình, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi của các vị vua chúa triều đại phong kiến. “Cõi Nam Giao” ở đây, ý nói từ đã lâu trong lịch sử Việt Nam.

Đoạn Thánh giáo trên dạy rằng ba truyền thống tín ngưỡng, cụ thể là Thích giáo, Đạo giáo, Nho giáo đã xuất hiện từ rất lâu ở Việt Nam. Các truyền thống này được vua chúa, con người Việt Nam tôn trọng bởi những giá trị và sự đóng góp của nó vào xã hội Việt Nam, thể hiện qua trường thi Tam Giáo trước đây. Và tinh thần trọng Tam giáo của người Việt Nam đã kéo dài cho thời đại ngày nay, phát triển hơn thể hiện qua tinh thần “Tam giáo đồng nguyên” trong đạo Cao Đài.

Bài viết này trình bày chi tiết hơn về lịch sử và ý nghĩa của tư tưởng này với bố cục như sau:

I. TƯ TƯỞNG TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM-LÀ BỆT ĐỀ GỘT NÊN HỒ

I.1 Lòng bao dung tam giáo của dân tộc Việt

I.2 Đời sống phóng khoáng của người Việt tạo ra tinh thần không phân biệt tôn giáo

I.3 Tam giáo được nhà vua xem trọng

I.4 Trường thi Tam giáo

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 30.8 Tân Hợi (18.10.1971).

II. THẾ NÀO LÀ TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

II.1 Đồng nguyên về nguồn gốc

II.2 Đạo học đông phương, Triết học tây phương, đồng tâm cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhơn sanh

II.3 Đạo học phương đông với lý “Tam Giáo đồng nguyên”: Trời đất và con người là một hòa điệu, huyền đồng nhứt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung

III. SỨ MẠNG TRUNG HƯNG (PHỤC HƯNG) TAM GIÁO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI VÀ TƯ TƯỞNG TAM GIÁO QUY NGUYÊN

III.1 Tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” trong đạo Cao Đài

III.2 Sứ mạng Trung hưng Tam Giáo của Đạo Cao Đài

III.3 Đại Đạo hoằng khai để phục hưng Tam Giáo Đạo

IV. MỘT SỐ HÌNH THỨC THỂ HIỆN TINH THẦN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

IV.1 Thể hiện qua tôn chỉ của Đạo, cách mở đạo và cách giáo hóa của Đức Chí Tôn

IV.2 Thể hiện qua nghi lễ

V. KẾT LUẬN

Trong một lần giảng dạy tại Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, ngày 30-8 Tân Hợi (18-10-1971), Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy về căn bản đồng nguyên Tam giáo (nói rộng ra là Vạn giáo đồng nguyên), đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc về tư tưởng

này, như sau³:

“Thứ nhất: Sự mạnh mẽ lý đồng nguyên Tam Giáo.

Này chư hiền đệ hiền muội! Như chư hiền đã biết: Tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên đã khai sinh từ những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần.

Trước thời kỳ này, các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo đều biệt lập với nhau về thế đứng trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng bản chất con người Giao Chỉ vốn là hảo hòa nên sự thể hiện tinh thần đồng nguyên ba nhà đạo giáo ấy qua các Đấng Tiên Vương cho mở những trường thi Tam Giáo và cho những giáo lãnh, những bậc tu hành mỗi phái này được tham dự vào công cuộc đại sự quốc gia.

Song le, những cuộc trao đổi thi thố tài năng giữa ba nhà đạo giáo ấy khi xưa chỉ có tánh cách hình thức nông cạn mà thôi. Vì sao? Vì ba nhà này chỉ được quyền phát huy tôn giáo của mình mà chưa có ý thức qui mô về sự trao đổi giáo lý hòa hiệp tinh thần, cho nên trải qua từng thời gian, phái này thanh bỉ nổi được quyền bính nơi tay, thì phái kia phải chịu thối thân vào nơi lạng lẽ để tu dưỡng hành đạo.

Tuy nhiên, nói như vậy không phải là dân mình thời ấy và dần dần những năm kế tiếp không có tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo. Chính tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo ấy được thể hiện đầy đủ nơi chốn dân gian qua đời sống nhân dân tiêu dao xa lánh lợi danh để tu tâm dưỡng tánh, hay có chăng làm những việc lành để khỏi bị luân hồi kiếp nạn về sau, hay dốc chí

3. [http://thuvienhactrang.Viet Nam/tai-lieu/tgst-tuat-thoi-30-8-tan-hoi-18-10-1971](http://thuvienhactrang.VietNam/tai-lieu/tgst-tuat-thoi-30-8-tan-hoi-18-10-1971)

đem tài đức của mình ra để tề gia trị quốc.

Sự đồng nguyên của ngày xưa là ở chỗ đó, không tác thành một hệ thống rõ rệt, một là có tính cách thi thố tài năng với nhau, hai là bằng bạc trong mọi tầng lớp xã hội nhân gian.

Sang điểm thứ hai là sự đồng nguyên Tam Giáo trong thời đại này.

Tục ngữ có câu: Có bột mới gột nên hồ.

Những tư tưởng dung hòa Tam Giáo từ xưa đã là những nền tảng của bột để sang đến thời kỳ này, Đức Chí Tôn mới thị hiện để làm nên hồ, có đầy đủ một hệ thống giáo lý căn bản không sót từ xưa, chẳng những từ cổ tới kim mà còn từ đông sang tây nữa. Điểm phong phú dồi dào sinh lực tinh thần ở thời kỳ Hạ Nguồn này là như thế.

Tam giáo, Tứ giáo và cả vạn giáo nữa để góp thành một tôn giáo mệnh danh là Cao Đài giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”

I. TƯ TƯỞNG TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM—LÀ BỘT ĐỂ GỘT NÊN HỒ

Nhiều nhà nghiên cứu đã phân tích cội nguồn của hiện tượng văn hóa “Tam giáo đồng nguyên”, thấy rằng hiện tượng này không chỉ có riêng ở Việt Nam, nó còn diễn ra nhiều nước Á Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên..., nhưng ở Việt Nam có nhiều nét độc đáo, có cách hiểu khác và cách vận dụng khác về Tam giáo.

Tinh thần “Tam Giáo đồng nguyên” đã bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam từ những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Nhất là vào thời nhà Trần, cụ thể vào thời vua Trần Thái Tông—vị vua đầu tiên, và vua Trần Nhân Tông—vị vua thứ 3 của nhà

Trần, tinh thần “Tam giáo đồng nguyên” được cho là biểu hiện đặc sắc của nền văn hóa Đại Việt.⁴

Hơn thế nữa, Tinh thần “Tam Giáo đồng nguyên” của người Việt Nam cho thấy dân tộc Việt là dân tộc hiếu hòa. Đó cũng là một trong những lý do mà Đức Chí Tôn Thượng Đế đã chọn mở ĐĐTKPĐ trên mảnh đất Việt Nam, ban trao sứ mạng cứu độ kỳ ba cho dân tộc Việt Nam:

“(…)-Xét vì Chí Tôn khai Tam Kỳ Phổ Độ không phải là việc thừa, vì trong nước có nhiều tôn giáo bạn đang hành đạo, truyền đạo;

-Xét vì một giống dân tuy ít trong một lãnh thổ nhỏ hẹp nhưng đã kết tinh qui tụ được nhiều nguyên căn tá trần có nhiều tiền kiếp là sứ đồ trong Tam Giáo Đạo;

-Xét vì dân tộc Việt Nam là giống dân hiếu hòa, đã và đang thâm nạp các truyền thống đạo lý giáo lý Đông Tây nhiều đời du nhập vào đây;

-Xét vì vai trò của hướng đạo Tam Kỳ Phổ Độ tối quan trọng trong khúc quanh của lịch sử loài người và lịch sử tôn giáo;”⁵

1.1 Lòng bao dung tam giáo của dân tộc Việt

Tác giả Huệ Khải đã nhận định về “lòng bao dung Tam giáo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử”⁶:

“Từ hai thế kỷ 1, 2 Công Nguyên, ba nền tôn giáo Nho, Phật, Lão đã được dân tộc Việt Nam tiếp nhận. Các thế kỷ 10, 11, 12

4. <https://thanhvien.VietNam/long-khoan-dung-va-xa-hoi-khoan-dung-ky-2-mot-cach-hieu-ve-tam-giao-dong-nguyen-185434251.htm>

5. Đức Bạch Liên Tiên Trưởng, CQPTGLĐĐ 10-10 Canh Tuất (8-11-1970).

6. <http://thuvienhac trang.VietNam/tai-lieu/tam-giao-viet-nam-tien-de-tu-tuong-mo-dao-cao-dai>

với các triều Đinh, Lê, Lý, Trần đã đánh dấu một thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc, mở ra một thời kỳ hào hùng vừa giữ nước vừa dựng nước.

Hoàn cảnh lịch sử đòi hỏi giới quân sự phải biết trọng dụng trí thức. Giới Nho sĩ thời ấy chưa hình thành, phải đợi đến triều Hậu Lê (1428–1788) mới phát triển cực thịnh.

Khi đất nước vừa giành được độc lập, thậm chí trường lớp tư của các cụ đồ có lẽ cũng không có, nên các chùa giữ vai trò là nơi dạy chữ Nho cho cả tục gia đệ tử cùng với tăng đồ nhà Phật. Các sư vì muốn đọc được kinh Phật phải học chữ Nho thông qua kinh sách đạo Khổng. Cho nên không lấy làm lạ là hầu hết các sư thuở ấy còn giỏi cả Nho học.

Giống như thiền sư Vạn Hạnh (?–1018), nhiều sư tinh thông cả Dịch học của Nho, khoa địa lý phong thủy của Lão.

Tóm lại, tầng lớp trí thức thời xưa tập trung chủ yếu là giới tu hành, vừa tăng, vừa đạo sĩ. Các nhà tu hành trí thức này có ý thức quốc gia, có lòng yêu nước chân chính, uyên bác giáo lý đạo mình mà còn hiểu rành kinh điển đạo khác.

Thế nên, với tinh thần bao dung Tam Giáo, các vị sớm đoàn kết, đứng chung dưới ngọn cờ dân tộc để hết lòng phù trợ chính sách, đường lối của triều đình, cả về đối nội lẫn đối ngoại.”

1.2 Đời sống phóng khoáng của người Việt tạo ra tinh thần không phân biệt tôn giáo

Theo tác giả Hoàng Hải Vân⁷:

7. <https://thanhnien.VietNam/long-khoan-dung-va-xa-hoi-khoan-dung-ky-2-mot-cach-hieu-ve-tam-giao-dong-nguyen-185434251.htm>

Chính đời sống phóng khoáng của người Việt đã tạo ra tinh thần “không phân biệt” tôn giáo, và tinh thần này dung chấp không chỉ sự khác biệt của tam giáo mà còn dung chấp mọi sự khác biệt về tư tưởng.

Vua Trần Thái Tông đã viết trong Khóa Hư Lục:

“Vị minh nhân vọng phân Tam giáo

Liễu đắc để đồng ngộ nhất tâm.”

Tạm dịch: Người chưa hiểu thì lầm phân Tam Giáo. Rõ gốc rồi thì cùng ngộ một chữ tâm.

Đối với Đạo giáo, cách sống hòa hợp với thiên nhiên của người Việt có lẽ gần với phong cách của Trang Tử hơn, còn chủ trương “vô vi” của Lão-Trang thì phù hợp với ý nguyện của các bậc minh quân, điển hình như Trần Thái Tông-vị vua đầu tiên của nhà Trần, theo nhận xét của sử gia Ngô Thì Sĩ trong Việt Sử Tiêu Án, *“mến chuộng cảnh núi rùng, coi sinh tử như nhau, tuy ý gần trống vắng, nhưng chí lại nhằm chỗ rộng xa, cho nên bỏ ngôi báu như cởi chiếc giày rách”*.

Nhưng người Việt cũng chấp nhận luôn những biến thể của Đạo giáo là các yếu tố thần tiên, thể hiện trong các câu chuyện ghi trong Lĩnh Nam Chích Quái và các truyền thuyết dân gian.

Đối với Nho giáo, các triều đại Lý-Trần đã tiếp thu những yếu tố hợp lý của học thuyết Khổng-Mạnh.

Đối với Phật giáo, từ nhà Đinh, nhà Tiền Lê, các vị thiền sư đã tham gia tích cực vào công cuộc giữ nước và kiến quốc. Đến thời nhà Lý, sư Vạn Hạnh là người hỗ trợ đắc lực cho Lý Công Uẩn lên ngôi vua, nhờ đó Phật giáo giữ vị trí quan trọng đặc biệt trong đời sống chính trị và xã hội.

ĐỨC VẠN HẠNH THIỀN SƯ

Và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư (938–1018) là một vị Tăng sĩ Phật giáo sống vào thời điểm “xuất hiện” tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” ấy. Ngài sống vào cuối triều đại nhà Lê (Tiền Lê) qua đầu triều đại nhà Lý (Hậu Lý).

Điểm đáng lưu ý là Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là người có liên quan đến sự xuất hiện tư tưởng Tam Giáo Đồng Nguyên trên đất nước Việt Nam.

Bởi vì, từ thuở nhỏ, Ngài đã thông minh, học thông Nho, Lão, Phật và nghiên cứu hàng trăm bộ luận Phật giáo. Đến năm 21 tuổi, Ngài xuất gia, tu học với bạn là một thiền sư.

Hơn nữa, Ngài có sự ảnh hưởng lớn đến các vị vua triều đại Lê, Lý. Cụ thể, Ngài là một trong những Tăng sĩ làm cố vấn cho vua Lê Đại Hành (vị vua đầu tiên triều đại nhà Tiền Lê), đồng thời là người thầy của Lý Công Uẩn, đã hướng dẫn cho Lý Công Uẩn lên ngôi, thay đổi triều đại, nghĩa là kết thúc triều đại nhà Lê và lập thành triều đại nhà Lý⁸.

Chính ngài Vạn Hạnh Thiền Sư là vị sư có tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên, bởi cách tu “thoát trần tiêu dao tự tại” rất giống với cách tu tiên của Đạo giáo, và cách sống “nhập thế xây dựng triều đại thanh bình cho nước nhà, dân tộc” rất giống với đường lối Nho giáo:

“Phật cũng bảo: Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.

Đó là chơn lý tự nó phủ nhận chơn lý.

Đạo vô vi, đời vô thường, thế mà các Đấng đã đạt được lý

8. https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A1n_H%E1%BA%A1nh

vô vi và vô thường để sống hằng thường trong mọi cái hữu vi. Đó là phi thường, chánh đẳng, chánh giác vậy. Chính Bần Tăng ngộ nhập được chơn lý ấy để xuất thế, thoát trần tiêu dao tự tại, và cũng chính chơn lý ấy mà có lần phải nhập thế xây dựng triều đại thanh bình cho nước nhà, dân tộc.”⁹

Có thể nói Sư Vạn Hạnh là một vị tu sĩ tiêu biểu mang tinh thần “Tam giáo đồng nguyên”, có thể vì vậy mà Ngài dạy khá nhiều về nội dung “Tam giáo đồng nguyên” trong bộ Thánh giáo Sưu Tập do CQPTGLĐĐ phổ biến và quyển Đạo Học Chỉ Nam do Minh Lý Đạo phổ biến.

1.3 Tam giáo được nhà vua xem trọng

Sách sử ghi rằng đến triều nhà Lý, nhà Trần, ba tôn giáo là Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo đều được coi trọng.

VUA TRẦN THÁI TÔNG

Ở thời nhà Trần, vua Trần Thái Tông–vị vua đầu tiên của nhà Trần, còn là một cư sĩ Phật giáo mộ đạo. Có tài liệu nói ông là một thiền sư có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm, được xem là giáo hội thống nhất đầu tiên của đạo Phật tại Việt Nam.

Năm 1231, ông và Thượng hoàng hạ chiếu cho dựng tượng thờ Phật ở các quán trạm trong nước.

Đối với đạo Lão, Đại Việt Sử ký Toàn thư kể, nhà vua từng nhờ đạo sĩ cung Thái Thanh là Thâm cầu tự cho mình, kết quả ứng nghiệm, ông đã có hoàng tử thứ 6 là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật.

9. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15.4 Giáp Dần (06.5.1974).

Vua Trần Thái Tông cũng có nhiều đóng góp cho sự lớn mạnh của nền giáo dục Nho giáo. Từ năm 1232 đến 1239, ông đã tổ chức các trường thi Tam giáo, tuyển nho sĩ giỏi ra giúp nước.

1.4 Trường thi Tam giáo

Thời Lý-Trần tổ chức kỳ thi Tam giáo để tuyển những người thông hiểu cả ba tôn giáo Nho, Phật và Lão ra làm quan giúp vua giúp nước. Khoa thi Tam giáo đầu tiên diễn ra năm 1195 đời Lý Cao Tông. Người đỗ Tam giáo gọi là Tam giáo xuất thân. Khoa thi Tam giáo cuối cùng tổ chức năm 1247 đời Trần Thái Tông. Hình thức này, sau đó không áp dụng nữa.

Các sách xưa dùng chữ Nho dạy Nho giáo cho thí sinh dự các kỳ thi Hương, thi Hội gồm có: Nhất Thiên Tự, Sử Học Vấn Tân, Ấu Học Ngũ Ngôn Thi, Minh Tâm Bảo Giám, Minh Đạo Gia Huấn, Tam Tự Kinh và bộ sách giáo khoa là Tứ Thư (Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học Và Trung Dung), Ngũ Kinh (Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu). Nhiều nho sĩ còn đọc thêm cả Bách gia chư tử, các sách Phật giáo, Đạo giáo nữa. Khối lượng sách học thật là đồ sộ, lại phải học thuộc lòng và hiểu đúng nghĩa nên nho sinh mất rất nhiều công phu học và vất vả gian nan.



Hình: một lớp học chữ Nho vào khoảng năm 1895

(Nguồn: [https://vi.wikipedia.org/wiki/](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_b%E1%BA%A3ng_Vi%E1%BB%87t_Nam)

[Khoa_b%E1%BA%A3ng_Vi%E1%BB%87t_Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_b%E1%BA%A3ng_Vi%E1%BB%87t_Nam))

Một tài liệu khác ghi rằng:

Triều đình nhà Lý đã mở các khoa thi Tam trường để lấy người bổ làm quan. Sang đời Hậu Lê, Nguyễn thì Nho học độc tôn.¹⁰

VUA TRẦN NHÂN TÔNG

Vua Trần Nhân Tông, vị vua thứ 3 của nhà Trần, cũng là một thiền sư lớn của Phật giáo Việt Nam. Năm 1293, sau khi truyền ngôi cho Thái tử, ông lên làm Thái Thượng Hoàng. Ông được ghi nhận là người học kỹ về tam giáo Phật-Lão-Nho và am hiểu tường tận giáo pháp nhà Phật.

Sau khi lên làm Thái Thượng Hoàng, ông xuất gia tu hành theo đạo Phật và lấy hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ, nhưng ông vẫn tham gia điều hành chính sự, nhiều lần thân chinh đánh

10. https://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_b%E1%BA%A3ng_Vi%E1%BB%87t_Nam

đẹp quân Ai Lao xâm phạm biên giới. Trần Nhân Tông cũng chính là vị tổ sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền Phật giáo mang bản sắc văn hóa Việt Nam và tinh thần nhập thế. Thiền phái Trúc Lâm được xem là giáo hội thống nhất đầu tiên của đạo Phật tại Việt Nam.

II. THẾ NÀO LÀ TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

“Tam giáo” chỉ đến ba truyền thống, trường phái tôn giáo và triết học có những ảnh hưởng rất lớn mạnh trong các nước chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa Trung Quốc như Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Tam giáo cũng được truyền bá rất là sâu sắc và phổ biến ra bên ngoài như là một đặc trưng của văn hóa và triết học phương Đông. Tam giáo gồm có:

Nho giáo: còn gọi là đạo Khổng ở Trung Quốc

Phật giáo ở Ấn Độ (Thiền Trúc)

Lão giáo: còn gọi là Đạo giáo ở Trung Quốc

Tại Việt Nam, cả 3 trường phái tôn giáo nói trên cùng tồn tại, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau tạo nên sự cộng hưởng tín ngưỡng lên văn hóa Việt Nam hiện đại.¹¹

“Tam giáo đồng nguyên” có thể hiểu là:

Tam giáo cùng một nguồn gốc mà ra (được trình bày thêm trong mục 2.1)

Đạo học đông phương, Triết học tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhơn sanh

11. https://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_gi%C3%A1o

Tam giáo (phương đông) có cùng một mục đích là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhơn sanh: “Trời Đất và con người có một hòa điệu, huyền đồng nhứt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung” (trình bày thêm trong mục 2.2)

II.1 Đồng nguyên về nguồn gốc

Các đấng Giáo tổ đều là hiện thân của một đấng Chí Tôn Trọn Lành, đều có nguồn gốc là Đạo, đều do Thượng Đế hóa sanh.

Sau đây là một số đoạn trích nguyên văn Thánh giáo, dạy đồng nguyên về nguồn gốc của Tam giáo hay vạn giáo nói chung:

II.1.1 Thánh giáo trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, một trong những quyển kinh sách đầu tiên của đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Thượng Đế đã nhiều lần giảng dạy điều này như sau:

Đoạn 1

“Ngày 8/4/1926

Nhiên–Đấng Cổ–Phật thị Ngã

Thích–Ca Mâu–Ni, thị Ngã,

Thái–Thượng Ngươn–Thị thị Ngã,

Kim viết Cao–Đài”

Đoạn 2

“30 Mai 1926, 19 tháng Tư năm Bính Dần,

Ngọc–Hoàng Thượng–Đế Viết Cao–Đài Tiên Ông Đại Bồ–Tát Ma–Ha–Tát Giáo Đạo Nam Phương.

Từ trước Ta giảng sanh lập Phật–Giáo gần sáu ngàn năm thì Phật–đạo chánh truyền gần thay đổi.”

Đoạn 3

*“Jeudi 22 Juillet 1926, 13 tháng Sáu Bính Dần,
Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài Tiên Ông Đại Bồ-
Tát Ma-Ha-Tát Giáo Đạo Nam Phương.*

*Còn bậc chơn tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì
cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến
biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác
trần, mà bông trái thiêng-liêng các con sanh hóa chơn-thần;
chơn-thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo.*

*Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật,
chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong
Càn-Khôn Thế Giới; nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.*

*Như kẻ bên Phật Giáo hay tặng Nhiên-Đặng là Chưởng-
Giáo; Nhiên-Đặng vốn sanh ra đời Hiên-Viên-Huỳnh-Đế.¹²*

*Người gọi Quan-Âm là Nữ-Phật-Tông, mà Quan-Âm vốn
là Từ-Hàng-Đạo-Nhân biến thân. Từ-Hàng lại sanh ra lúc
Phong Thần đời nhà Thương.*

*Người ta gọi Thích-Ca-Mâu-Ni là Phật-Tổ. Thích-Ca vốn
sanh ra đời nhà Châu.*

*Người ta gọi Lão-Tử là Tiên-Tổ-Giáo, thì Lão-Tử cũng
sanh ra đời nhà Châu.*

*Người gọi Jésus là Thánh-Đạo Chưởng-Giáo, thì Jésus lại
sinh nhằm đời nhà Hón.*

Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy?

12. Đức Nhiên Đẳng Cổ Phật là vị Phật đầu tiên trong 24 vị Phật, là tượng trưng Phật trong quá khứ. Còn Đức Thích Ca Mâu Ni là đại diện cho Phật ở hiện tại. Đức Phật Di Lặc là đại diện cho Phật ở tương lai.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%C3%AAAn_%C4%90%C4%83ng_C%E1%BB%95_Ph%E1%BA%ADt

Khí-Hư-Vô sanh có một Thầy. Còn mấy đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn-Khôn Thế-Giái này; mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy.”

Đoạn 4

*“Chín Trời mười Phật cũng là Ta,
Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba;
Hiệp một chủ quyền tay nắm giữ,
Thánh Tiên Phật Đạo vốn như nhà.”¹³*

Một số Thánh giáo khác

*“Khi xưng Giáo chủ Cao Đài,
Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,
Bao lần Khổng Mạnh cũng Già này đây.”¹⁴*

“Tam Giáo Đạo là do chơn linh của Thượng Đế giáng trần, lập nên danh từ hình thức để dẫn dắt nhơn sanh. Sự bày phô khác nhau là chiều theo trình độ và lý trí của mỗi dân tộc hầu hướng dẫn cho nhơn loại được trở về lẽ hồn nhiên của thời thượng cổ.”¹⁵

*“Tam giáo đồng nguyên một lý thôi,
Cũng do nhất khí hóa ba ngôi;
Mẹ khuyên hậu học đừng lầm tưởng,
Cốt nhục phân ly đến vạn đời.”¹⁶*

“Đạo tuy ba phái, nhưng lý vẫn một nguồn, đều do khí hạo

13. Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* quyển 2

14. Đức Chí Tôn, *Thiên Lý Đàn*, 30.12 Giáp Thìn (01.02.1965).

15. Đức Chí Tôn, *Huờn Cung Đàn*, 01. 01 Nhâm Dần (4.2.1962).

16. Đức Mẹ, *Vạn Quốc Tự*, 04.7 Ất Tỵ (31.7.1965).

nhiên huyền huyền Thượng Đế phát ban, mà Đức Lão Quân tạm gọi là Tam Giáo Đạo, để áp dụng sự cứu cánh toàn cả nhân loại trên thế gian, trong khi tinh thần vật chất bị đảo lộn.”¹⁷

“Tam Giáo từ xưa vốn một nhà

Người sau làm tưởng vọng chia ba.

Minh tâm may hiểu đường chơn giả

Mẩn tánh mới thông nẻo chánh tà.

Thích Đạo tử như hành bộ khách,

Nền Nho ví tựa chiếc đò qua.

Muôn ngàn kinh kệ do nơi chữ,

Tam Giáo từ xưa vốn một nhà.”¹⁸

Đạo học đông phương, Triết học tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhơn sanh

Trong Đạo Học Chỉ Nam, mục nói về Đạo học đông phương và Triết học tây phương, có nội dung như sau:

“Về Đạo học đông phương hay Triết học tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhơn sanh.

Trong hai hệ thống đông phương và tây phương, cần tìm biết lối giải quyết của mỗi bên. Về đông phương thì nền Đạo học có hai nền văn hóa: Ấn Độ và Trung Hoa. Về Triết học tây phương, thì cũng chia làm hai khối: Hy Lạp và Do Thái. Bốn mối quan hệ có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian.

Hình: sơ đồ phân loại các tư tưởng, học thuyết lớn trên thế giới

17. Đức Trần Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 15.7 Ất Tỵ (11.8.1965).

18. Đức Khổng Phu Tử, 17.01 Nhâm Thân (1932), *Kinh Tam Nguơn Giác Thế*



Vì hoàn cảnh, địa dư, khí hậu, lịch sử, xã hội, mà mỗi nơi phát xuất có chỗ dị đồng. Song thế gian mỗi ngày được bang giao để gặp gỡ, nên cũng thông cảm được các mối liên hệ. Vì vậy mà trở thành một hệ thống tương quan, như ta đã thấy ở tây phương Triết học Do Thái được sáp nhập cùng Hy Lạp, làm một văn hóa của tây phương. Cũng như giữa Đạo học Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa, hai bên hòa đồng với nhau, thành một mối đạo thống.

Chắc rồi đây, giữa thế giới đông tây, không còn nhìn nhau là khách chủ, mà sẽ hỗn hợp một khối, để đưa nhơn loại đến chỗ tự do cứu cánh. Thật vậy! Điều Thánh Khổng Tử đã tiên tri: Thiên hạ có lo gì, nghĩ gì. Tuy muôn đường nghìn lối khác nhau, nhưng chung về một mục đích.

Về phương đông, Đạo Học nhận thấy chỗ nguyên lý cùng tột của vũ trụ và của con người, cùng chung một khối, rất tương quan mật thiết. Bởi có đó, người phương đông thấy trời đất và người có một hòa điệu, huyền đồng nhưt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung.”

II.3 Đạo học phương đông với lý “Tam Giáo đồng nguyên”: Trời đất và con người là một hòa điệu, huyền đồng nhưt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung

Trong Đạo Học Chỉ Nam, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã diễn giải rất nhiều về tính nhứt quán (đồng nguyên) trong tư tưởng của ba tôn giáo Đông phương là Thích, Lão, Nho như sau:

"1. Phật Giáo

Trước khi Phật Giáo ra đời, tại lục địa Ấn Độ đã có một nền đạo học sâu rộng. Dân tộc này được sống trong lẽ hòa đồng giữa vũ trụ và con người. Nền đạo học ấy kết cấu, trải qua nhiều thời kỳ. Họ được đi sâu vào nội giới, thiết lập một tôn giáo, qui điều rất nghiêm mật, ảnh hưởng ăn sâu tới tâm não, với một đức tin rắn rỏi.

Giáo lý Bà La Môn xứ ấy nhận rằng: ngoài thế giới hữu hình, có một ngôi độc nhứt tuyệt đối, thường tại, vạn năng, sáng tạo và thống ngự vũ trụ muôn loài, tức là Brahma, khởi thủy chuyển thân dựng nên trời đất.

Hiện tượng bắt nguồn từ thể Brahma, chuyển hóa qua nhiều thời kỳ, từ khoáng chất đến thực vật, động vật, mà thăng hoa đến con người.

Trong vòng chuyển thức, trên bước hành trình, phải trải qua để học hỏi, kinh nghiệm, cảm giác càng nức nở, thì biến (biên) độ tự do càng được rộng lớn. Tiềm Thức được phát triển lần lần, cho đến khi giải thoát sạch những mê muội, đoạn dứt được lậu nghiệp, thì sẽ nhập cùng Đại Ngã làm một.

Mỗi cá nhân con người, bên trong hình thức thô kịch này, đều có ẩn một linh tánh (Âtman). Linh tánh ấy đồng một thể với Brahma.

Tôn giáo Ấn Độ đều nhận sự động cơ tác dụng, của con người lành hay dữ là nguyên nhân, đều có một sự quả báo và phải luân hồi để trả vay cho nhau. Đạo thống lúc ban sơ, các nước

trên hoàn cầu đều có một tư tưởng giống nhau, tuy không giao hảo mà tinh thần vẫn một.

Tôn giáo Bà La Môn chia làm bốn đẳng cấp. Quyền cao cả ở nơi tay tu sĩ được đại diện cho Trời. Ngoài ra, bất cứ đẳng vị nào cũng nương núp dưới bóng thiêng thiêng được che chở, hoặc thay mặt mà cầu xin ban ơn hay quả trách.

Trong xứ này, hầu hết con người được đặt dưới quyền Thần linh, song cũng có nhiều pháp môn giải thoát để đồng nhứt cùng Tạo Hóa như Yoga (phiên âm: du già). Vì đức tin hướng mạnh về Thần quyền, nên không tránh khỏi lắm điều mê hoặc dị đoan. Vì cố ấy mà có Phật Giáo ra đời.

Phật Giáo do Thái Tử Tất Đạt Đa tu chứng thành quả Đại Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, làm giáo chủ.

Phật Giáo là một kết tinh của nền xã hội Ấn Độ, đã thâm uyên mà lại tinh vi. Nên Đạo Học đã tiếp nhận một phần lớn của giáo lý Phệ Đà và Bà La Môn, là một nguồn sống linh động, nhiệm màu, bắt nguồn từ BRAHMA như trên đã nói. Bản thể đó thường tịch, tuyệt đối, tự hữu bất biến. Vũ Trụ vạn vật khởi thi tại đó, rồi cũng qui hoàn tại đó.

Nhưng Đức Thích Ca Thế Tôn ít khi bàn nói đến nguyên lý tự tánh của vũ trụ, mà Ngài nặng về phần nhơn sanh, cần cấp là giải thoát loài người khỏi ngục khổ trần gian, ra ngoài vòng sáu nẻo luân hồi, xuống lên sanh tử.

Cho nên giáo lý của Ngài lấy từ bi, bình đẳng làm chánh yếu, phá các giai cấp của Đạo Bà La Môn, mà chủ trương của Ngài là giải khổ cho chúng sanh, bàn rộng các sự khổ ở đời, bởi tánh Vô minh, con người ta chuyên theo một đường tu thân, là chính tâm diệt dục.

Giáo lý của Ngài căn cứ trên bốn Thánh Đế là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Đời là khổ, đó là Khổ Đế. Con người vì vô minh nghiệp thức, cứ tập nhiễm đắm mê, mà vòng xích Nhân Duyên lôi cuốn hết kiếp nọ đến kiếp kia. Đó là nguyên nhân sự khổ hay là Tập Đế. Muốn thoát khổ, thì cắt đoạn các vòng xích Nhân Duyên, không để gây nhân tạo quả. Đó là chân lý Diệt Đế. Tập-đế là duyên hà mãn, Diệt Đế là duyên hà khuynh, tức là được thoát ra ngoài ảo hóa mà chứng Đạo.

Diệu Đế thứ tư là Đạo Đế, nói đủ là Bát Chánh Đạo, con đường phải đi, con đường để siêu phàm nhập thánh. Thế thì Phật Giáo và Bà La Môn, về đường tư tưởng, cũng như nhau. Song Phật phát minh một nền giáo lý căn bản cần thiết là Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo, đứng trên lập trường bình đẳng, lấy lòng từ bi mà cứu độ chúng sanh.

Sau đức Thế Tôn tịch diệt, đạo Phật chia làm hai phái: Bắc Tông và Nam Tông. Đó là lý do vì nội bộ, giữa phái Thượng Tọa (hay là Trưởng Lão) với phái Đại Chúng, mỗi bên tranh chấp nhau về giáo lý.

Một là bảo thủ về phái Thượng Tọa Trưởng Lão, hai là tiến thủ bên Đại Chúng.

Đã mấy lần đại hội, mà hai bên cũng không giải quyết được. Nhưng cũng nhờ sự chia rẽ đó, mà Phật Giáo đôi bên tranh nhau để bành trướng.

Về Bắc Tông, con đường truyền giáo dung hòa, nên kết hợp được nhiều tinh hoa, mở rộng và xây dựng nhiều môn phái Đại Thặng nên vĩ đại.

Về Nam Tông thì không thêm bớt điều gì, giữ phần tu kỷ.

Cũng về đường nhơn sanh, thì Phật Giáo nguyên thủy coi cõi đời là mộng ảo, khổ đau, tất cả như phù du, bọt bóng, bất đắc dĩ phải chấp nhận, nên ít quan thiết về đời sống con người. Nên cho các tổ chức xây dựng xã hội nhơn dân là một sự tạm thời. Cấp cấp hơn là giải thoát ngoài sự ràng buộc ân ái thế gian, ngộ nhập chơn lý, mới được tự do, mới là hạnh phúc.

Nhưng về Phật Giáo Đại Thặng, người tu sĩ cũng đủ đầy lòng thương đời, cứu người. Muốn gánh vác, che chở nhơn loại, trước phải thoát ngoài ràng buộc, buông bỏ tất cả lợi danh, giữ sạch lòng tham muốn, tâm tư được bình tĩnh, sáng suốt, thấu được lẽ oan ung, trái phải, mọi việc không lầm. Chừng ấy, hòa sự sống với đời, có thể giải quyết được khổ đau, mê vọng cho người, mà chính thân cũng không lo ngại phải nhiễm ô, rồi đắm tục.

2. Lão Giáo

Về lục địa Trung Hoa, Lão Giáo cũng như Phật Giáo, đều nhận một bản thể có trước, ngoài không gian thời gian. Bản thể ấy Lão Giáo cưỡng đặt tên là Đạo. Đạo thì vô danh.

Đức Lão Tử sống giữa thời nhà Châu bị suy yếu, vương bá tranh quyền đoạt vị, nhơn dân thống khổ lầm than. Ngài nhìn cuộc đời như giấc mộng, vạn tượng là luồng mê ảo, chẳng có gì đáng lưu tâm. Chỉ có Đạo là chơn thật, thường còn.

Đạo ấy sinh hóa muôn loài, rồi muôn loài cũng trở về với Đạo. Lão Tử cũng theo tinh thần ở bộ Dịch Kinh, nhận ngôi tuyệt đối như Khổng Tử. Song đức Khổng nhận bản thể của Trời là Thái Cực, mà Lão Tử thì nhận bản thể là Vô Cực, là Đạo.

Nên đầu bài của Đạo Đức Kinh Ngài nói đến: “Đạo khả đạo phi thường Đạo, Danh khả danh vô (phi?) thường danh” và “Vô danh thiên địa chi thủ, hữu danh vạn vật chi mẫu”, cho ta thấy

bản căn đạo Lão là một nền triết lý thâm huyền chí diệu.

Muốn nhận thấy Đạo, không lấy lý trí (trí thức) mà biết được. Sự khôn ngoan con người đến đâu cũng có hữu hạn, dầu có dùng cách chi mà khám nghiệm cũng không sao hiểu hết được, vì Đạo là ngoài và trước Thời Không, mà phải lấy tinh thần nội tĩnh, trầm lặng trong hư vô, mới thấy được hư vô. Dầu đã lấy những gì mà hình dung, cũng không sao hiểu được.

Đạo không giống những gì ở cõi Sắc giới này, mà đem so đo. Nếu ghép vào một danh từ, thì bị hạn hẹp, hay phân chia thể Đạo ra nhiều mảnh.

Đạo sanh ra muôn loài mà Đức thì nuôi nấng, nên chữ Đạo đây là vô cực, bản thể lặng trang, huyền nhiệm, mà Đức là Thái Cực mầm động, hóa sanh, nên nói là mẹ đẻ của muôn vật.

Tóm lại, đạo Lão Tử tin như đạo Phật và đạo Khổng, sự khởi sanh cũng như lúc chung phục quay cuồng trong vòng chuyển thức, nên Ngài nói phải (trở về) là do Đạo động (phản giả, Đạo chi động). Ngài nhận Đạo là lẽ Một, nên nói: Một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Vạn vật công âm mà bỗng dương, hai khí xung hòa (nhờ trống không như chữ trung mà đặt hòa hiệp).

Một là Thái Cực, Thái Cực là Chánh Đê. Trong Thái Cực có chứa sẵn mầm sanh khí là âm và dương. Âm dương là một sanh hai. Hai đây là cơ động tịnh, xung đột nhau mà luôn luôn mâu thuẫn, đảo điên. Ấy là Phản Đê.

Trong sự mâu thuẫn đó, có một mối dung hòa làm cho hai thể trái nghịch đó, được tương quan giao hỗ với nhau, mà sanh cái thể thứ ba là Tổng Đê. Thể ba mới sanh hóa vạn vật.

Vạn vật, vật nào cũng gồm hai thể âm và dương, nên người

gồm có hai mặt: Một là chìm sâu vào vũ trụ hữu hình (hữu vi), một là trở về nguồn bản thể hư vô (vô vi). Nên đứng trên nhân vị làm người, Ngài thấy tất cả hữu vi là gây nên đau khổ mờ mịt. Chỉ có vô vi mới được Chơn Phúc trọn vẹn.

Vô vi không phải là không làm, mà làm bằng cách vô tâm. Làm như Trời, như Đạo, không mong hưởng, hay để cho ai biết. Không làm mà làm, là làm vô vi. Làm như mặt trời lên cứ lên, xuống cứ xuống, soi sáng cứ soi, không có ý soi, hay vì một lý do nào thúc giục.

Đó theo được cái Đạo vô danh, đỉnh chính là trở về được với Đạo. Muốn trở về được với Đạo, thì phải làm như Ngài, truất bỏ khôn ngoan vụn vặt của lý trí, hình thái của Thánh Thần, để lắng được kiêu khí, đứng vào chỗ mà người ta không thích đứng, giữ phần thua, nhượng phần hơn, cốt được huyền đồng cùng Tạo Hóa, vạn vật làm Một.

Về đường nhơn sanh, cần có một con người thủ lĩnh mô phạm, đạo đức, hành động nhịp nhàng cùng lẽ tự nhiên, không khiến sai mà thiên hạ cùng làm, không dạy đời mà thiên hạ theo học. Ấy là áp dụng một đường lối đạo đức vô vi, vào thực tế nhơn sanh, thì cuộc đời mới trở nên an thuận.

Về đường giải thoát, Ngài bí truyền những đệ tử một phương tu nội tĩnh, để sớm qui căn phục mạng, là phương khử dục điều nhiếp tam bảo, để kết tụ nhơn chủng tại Huyền quan, làm cho thân tâm không còn bị một sức mạnh nào của ngoại cảnh mê hoặc được, mà trái thần khắp nơi, hầu chan hòa sự sống cùng Trời đất. Đó là con đường cứu cánh.

Đạo Ngài chỉ dành riêng cho thiểu số, giác ngộ Chơn lý, còn đại chúng ít người theo nối. Nhưng về đường điều nhiếp dưỡng

tâm, an thần định trí, thì ai tu cũng được.

3. Nho Giáo

Về Đạo Khổng, đã dẫn giải nhiều lần trong bản Dịch Kinh. Tư tưởng Nho Giáo, quan niệm vũ trụ và vấn đề nhơn sanh, gồm trong bộ Dịch, thật đầy đủ và sự thực hiện cũng dễ dàng. Đã sẵn một đường lối tùy sự biến hóa ứng thông, tùy thời mà canh tân cải tiến.

Đạo Nho về đường tin tưởng cũng như đạo Phật, đạo Lão, nhận định bản thể như nhau. Riêng về đường nhơn sanh, thì Nho Giáo tự thấy là một trọng trách của con người, đem Đạo để áp dụng vào đời, hướng nhơn sanh đến một xã hội đại đồng.

Đời sống khiến cho ai nấy cũng được ăn ở nhịp nhàng theo lẽ Trời, vui với bốn phận hằng ngày, trau sửa thân tâm, để tiến lên gánh lấy đạo tề gia, trị quốc, cốt ai nấy cũng làm hết phận mình. Lấy lòng thương yêu mà chan lẫn cho nhau, giữ tình hòa mục và nhứt là kẻ trên, người quân tử phải biết mạng Trời mà tu sửa, cho trở nên Hiền Thánh, để tham tán hóa dục cùng Trời đất.

Về Nho Giáo, phần triết lý là bộ kinh Châu Dịch. Phần Thiên Đạo, để đồng nhứt cùng Trời, vạn vật với ta một thể, là bộ sách Trung Dung.

Về đường xử thế trị bình là bộ Đại Học, Mạnh Tử, Luận ngữ, áp dụng Thiên Đạo, Nhơn Đạo, cả hai mặt đạt đạo và giáo hóa.

Khổng Giáo khác với Phật, Lão ở điểm: không hề nói vũ trụ vạn vật là ảo vọng, dối giả. Chỉ nhận: lệch về nhơn tâm thì chìm đắm bất cập, lệch về đạo tâm thì sáng suốt an lành.

Đạo Nho có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian, đã gây

được một nền luân lý ở lòng người, mà trải qua bao nhiêu thời gian thăng trầm, trị loạn, không vì đó mà đổi thay. Lại còn thấy rõ trong những trường hợp đặc biệt, lúc gia vong quốc biến, người tôi, người con đầy những khí tiết anh hùng trịnh chính. Thật là một sự hữu hiệu cao quý đối với nền văn hóa đông phương.

Các môn đồ của tôn giáo được kế tiếp mở mang, làm cho nền Đạo Học mỗi ngày mỗi sâu rộng, lan khắp các nước trên hoàn cầu. Nhứt là người Đông Nam Á thâm nhiễm giáo lý ấy, nhập tận tâm can. Nên một cử chỉ, một ý hướng, đều hiện rõ tinh thần như mực thước.

Về đường tu thân hay xử thế, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, thì hai nền văn hóa ấy gặp lại ở nước Việt Nam, với tinh thần dân tộc dung hòa. Nên Tam Giáo lại được đồng nhứt một cách rõ rệt ở mỗi người dân Việt.

Chứng minh vào đời nhà Lý, nhà Trần, kể theo Phật trong đó gồm có Lão và Nho, mà kể ở Nho cũng có bao hàm Phật, Lão. Nên đời có các nhà sư, các đạo sĩ, những Nho Giáo (Nho sĩ) đều giúp việc tại triều đình, mà đều tham trợ lẫn nhau trên con đường cứu đời độ thân, gây một văn hóa rộng sâu trong quần chúng.

Mãi đến đời nay, người Việt Nam sẵn có một tinh thần dân tộc, mà được dung hòa các học thuyết, các tư tưởng đông tây. Tuy một nước nhỏ nhen, song giữ được bản lãnh tự cường độc lập, không chịu sáp nhập với Trung Hoa, không đầu hàng với quân Nam Chiếu Chiêm Thành, là đại diện cho tinh thần Ấn Độ.

Tam Giáo đồng nguyên một cách dễ dàng, do ở người Việt sẵn **tin con người** có một linh hồn bất diệt. Nên sau khi chết,

người Việt còn được anh linh đi lại gia hộ cho cháu con. Cũng như **tin tưởng ngoài thế giới thiên nhiên**, có các Thần sấm sét gió mưa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Ấy là Nho Giáo nhận tinh thần con người không chết, mà dạy thờ phụng tổ tiên.

Lão Giáo tin ở thiên nhiên vạn tượng, mà có tinh thần ma thuật.

Về hai phần này thì Phật Giáo lại tin ở tâm linh trường cửu thông biến, mà người Việt Nam gồm đủ.

Người Việt Nam gom góp các phần tinh túy, tự tạo cho mình một nền Đạo Học. Trực tiếp cùng thiên địa tự nhiên, đến và dung hòa tiếp nhận những tinh hoa giữa Trung Hoa và Ấn Độ, xây dựng một dân tộc hệ lành mạnh, một quốc gia thuần phát, tương quan. Dân có quyền dân, vua và triều nghi chỉ giữ địa vị trông nom, điều hòa và bảo vệ.”

III. SỨ MẠNG TRUNG HƯNG (PHỤC HƯNG) TAM GIÁO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI VÀ TƯ TƯỞNG TAM GIÁO QUY NGUYÊN

Sứ mạng phục hưng chân truyền giáo lý Tam giáo của đạo Cao Đài và cổ xúy cho tinh thần Tam giáo đồng nguyên được Ông Trơn dạy rất nhiều trong Thánh giáo:

III.1 Tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” trong đạo Cao Đài

“Dòng nước muôn sông cũng đổ vào biển, nhánh nhóc cũng trở lại cội. Tam Giáo rồi cũng qui lại một nguồn xuất phát từ buổi khai Thiên lập địa. Hiểu như vậy để các con hằng ngày thận trọng trong việc làm, hòa hiệp đó đây, tương thân tương ái, liên giao đoàn kết để sửa soạn cho ngày Đạo Thầy thống nhứt, mà việc cầm cờ chạy hiệu, đứng mũi chịu sào,

thành bại nên hư, là do bởi các con, vì các con là điển hình.”¹⁹

III.2 Sứ mạng Trung hưng Tam Giáo của Đạo Cao Đài Đức Mẹ Diệu Trì Kim Mẫu có dạy:

*“Con ôi! Kia Phật Giáo trung hưng từ mấy ngàn năm khai đạo, đến nay cũng không khỏi được kiếp nạn chúng sanh, mà mục đích tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là trung hưng Tam Giáo Đạo.”*²⁰

*“Mà sứ mạng Đạo Trời lần này cái chủ đích là Vạn Pháp đồng nhất, Tam Giáo đồng nguyên”*²¹

“Điều cấp thiết ngày nay ở đây nói riêng Hội Thánh Truyền Giáo và cũng chung cho Đại Đạo, làm sao tập trung mọi khả năng tâm lực vào việc đào luyện người Chức sắc Thiên ân tạm đủ khả năng chấp hành Đạo Pháp trong hiện tại, một mặt đặt kế hoạch: Đoản kỳ, trường kỳ, mở Tu viện, tuyển chọn Tu sinh, Tu sĩ, đào luyện thành các Giáo sĩ để hành đạo, truyền đạo tương lai, một mặt bắt phân Chi, Phái cũng nỗ lực phát huy giáo lý, làm sáng tỏ chủ thuyết dung hòa tổng hợp trên tinh thần Tam giáo đồng nguyên, vạn giáo nhất lý của Đại Đạo, cùng nỗ lực kiến tạo các cơ sở Hội Thánh tạm đầy đủ để có nơi thực hiện các điều nói trên, xây dựng, kiện toàn cơ cấu đầu não, là giúp cho quyền lãnh đạo Hội Thánh thêm uy nghi và nhất trí, v.v...”

III.3 Đại Đạo hoằng khai để phục hưng Tam Giáo Đạo

“Thời kỳ này, Đại Đạo hoằng khai để phục hưng Tam Giáo Đạo, để cứu vớt toàn linh sanh chúng, thì mọi việc đều do Thiên

19. Đức Chí Tôn, Minh Đức Đàn, 10.7 Ất Tỵ (1965) (Thánh giáo sưu tập 1965).

20. <http://thuvienhactrang.VietNam/tai-lieu/tgst-tuat-thoi-15-4-binh-ngo-3-6-1966>

21. Đức Mẹ Diệu Trì Kim Mẫu, (Thánh Truyền Trung Hưng 4).

cơ dĩ định, mà người phạm dù muốn dù không cũng không qua quyền Thượng Đế.”²²

“Vậy cách lập giáo của Chí Tôn cũng không chi lạ, chỉ noi theo Tam Giáo trước mà làm qui củ chuẩn thẳng, rồi đem gom về một mối chánh. (...)

Ba nhà Tôn Giáo ấy tuy đổ sập mặc dầu, nhưng Thầy cũng vì lòng từ bi, chọn lựa cái nào còn dùng dựng thì Thầy lấy, cái nào hư nát bỏ ra : như cột, kèo, xuyên, trính, ngói, gạch, cái nào còn nguyên thì dùng, cái nào bể nát hay hư hao, bị mối ăn sâu đục, thì bỏ ra. Cây nào cong vạy thì uốn nó lại, trừ ra uốn không nổi mới bỏ. Thầy lấy các vật ấy ráp lại thành một Tòa Đại Đạo cho nhơn sanh sùng bái tu hành, là tòa nhà ngày nay Thầy lập thành đó.”²³

“(...) Nhân loại vì vật chất đắm mê, quên hết tinh thần đạo lý, nghĩa nhân, nên nay Thầy mới qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi lập thành Đại Đạo, rút những tinh túy của Phật, Tiên, Thánh, Thần, Hiền mà dung hòa lại một cho hợp với trình độ và hoàn cảnh của nhân loại trong thời hạ nguơn này.”²⁴

IV. MỘT SỐ HÌNH THỨC THỂ HIỆN TINH THẦN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

IV.1 Thể hiện qua tôn chỉ của Đạo, cách mở đạo và cách giáo hóa của Đức Chí Tôn

Tinh thần Tam giáo đồng nguyên trong đạo Cao Đài thể hiện rất rõ thông qua tôn chỉ của đạo là “Tam giáo đồng

22. Đức Đồng Phương Chương Quân, Hườn Cung Đàn, 03.9 Quý Mão (19.11.1963).

23. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, 20.9 Bính Tý (03.11.1936).

24. Đức Lý Giáo Tông, Thánh Huấn Hiệp Tuyển quyển 1

nguyên, vạn giáo nhứt lý”.

Khi khai mở đạo Cao Đài, đức Chí Tôn Thượng Đế đã cho chư Thần Thánh Tiên Phật trong Tam giáo, các vị Giáo tổ Tam giáo giảng đàn dạy đạo, giáo hóa chúng sanh. Đức Chúa Jêsus và các Thánh tông đồ cũng giảng dạy lẽ Đạo, càng làm cho chúng ta thấy tinh thần Vạn giáo nhứt lý trong đạo Cao Đài. Ví dụ như trong các bộ kinh sách: Thánh ngôn hiệp tuyển, Thánh giáo sư tập, Thánh truyền Trung Hưng, Tam Thừa Chơn Giáo.

IV.2 Thể hiện qua nghi lễ

IV.2.1 Nghi lễ thờ Tam Giáo Tổ Sư trên Thiên bàn



Hình: Thiên bàn tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Trên Thiên bàn–nơi thờ phượng chính trong đạo Cao Đài, có thờ Tam giáo đạo tổ: chính giữa là thờ Đức Phật Thích Ca, hai bên là thờ Đức Lão Tử và đức Khổng Tử.

IV.2.2 Cờ Tam Thanh



Hình: đạo kỳ của đạo Cao Đài

Đạo kỳ đạo Cao Đài gồm 3 màu: màu vàng tượng trưng cho đạo Phật, màu xanh tượng trưng cho đạo Tiên và màu đỏ tượng trưng cho đạo Nho.

IV.2.3 Biểu tượng Xuân Thu–Phất chủ–Bát vu



Hình: biểu tượng Xuân Thu–Phất chủ–Bát vu ở chính giữa cổng chính Tòa thánh Tây Ninh

Chúng ta thường thấy biểu tượng Xuân Thu-Phất chủ-Bát vu rải rác trong đạo Cao Đài, cụ thể là trên cổng chính Tòa Thánh Tây Ninh. Xuân Thu-Phất Chủ-Bát Vu 3 cổ pháp của Tam giáo:

Xuân Thu: quyển kinh Xuân Thu là cổ pháp của Nho giáo

Phất chủ: cây Phất chủ, cũng gọi Phất trần, là cổ pháp của Tiên giáo

Bát vu: bình Bát vu là cổ pháp của Phật giáo.

IV.2.4 Cơ cấu tổ chức chức sắc Cửu Trùng Đài



Hình: chức sắc Cửu Trùng Đài được chia thành 3 phái
với 3 sắc phục tượng trưng cho Tam giáo

Chức sắc Cửu Trùng Đài được chia thành 3 phái với sắc phục tương ứng thể hiện rõ nét tinh thần Tam giáo đồng

nguyên:

Chức sắc phái Thái mặc Đạo phục màu vàng, tượng trưng cho Phật giáo

Chức sắc phái Thượng mặc Đạo phục màu xanh dương, tượng trưng cho Tiên giáo

Chức sắc phái Ngọc mặc Đạo phục màu đỏ, tượng trưng cho Nho giáo.

V. KẾT LUẬN

Lịch sử tư tưởng nhân loại, tổng quát được chia thành 2 nhóm: Đạo học Đông phương và Triết học Tây phương.

Khi nói đến nền Đạo học Đông phương thì chúng ta phải nói đến hai nền văn hóa lớn là nền văn hóa Ấn Độ và nền văn hóa Trung Hoa, đi cùng với ba nền đạo học Đông Phương là: Thích giáo (hay Phật giáo), Lão giáo và Nho giáo.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có tính hiếu hòa, là cơ sở cho các nền văn hóa, các học thuyết, tư tưởng đông tây được gặp gỡ, được dung hòa, hình thành nên tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” tại đất nước Việt Nam.

Tư tưởng Tam giáo đồng nguyên được manh nha trong thời Hậu Lý, Hậu Lê, thể hiện qua việc mở những trường thi Tam giáo, chọn người hiền đức giúp vua giúp nước mà không có xuất thân quý tộc.

Tuy nhiên tư tưởng thời ấy chưa được định hình như một hệ thống tư tưởng, mà chỉ là tiền đề cho tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên chính thức xuất hiện trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài như một hệ tư tưởng chính thống, thể hiện qua tôn chỉ của đạo và một số điểm như sau:

Thờ phượng Tam giáo đạo tổ nơi Thiên bàn
Đạo kỳ, biểu tượng Xuân Thu-Phất chủ-Bát vu, đạo phục
chức sắc Cửu Trùng Đài

Cơ cấu tổ chức chức sắc Cửu Trùng Đài theo ba phái Thái,
Thượng, Ngọc

Và đặc biệt giáo lý Cao Đài bao gồm tinh hoa giáo lý Tam giáo, cũng là giáo lý Đại Đạo, thể hiện qua một trong những sứ mạng quan trọng của Đạo là “Trung hưng Tam giáo”, tức là cổ xúy cho chân truyền, nét đẹp và tác dụng cứu độ của ba nền tôn giáo Nho, Thích, Lão. Giáo lý Cao Đài gọi nguồn gốc của ba nền tôn giáo ấy là Đạo, là lẽ thật, lẽ tự nhiên, lẽ hằng thường.

Tinh thần Tam giáo đồng nguyên được nhấn mạnh trong đạo Cao Đài-là một tôn giáo nội sinh của Việt Nam-là một minh chứng và là sự tôn vinh cho tinh thần hiếu hòa của dân tộc Việt Nam.

Đồng thời, tinh thần Tam giáo đồng nguyên cũng là một minh chứng cho xu hướng “năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà”, thế giới này chỉ là một: một tinh thần luôn hướng tới sự tốt đẹp, tiến bộ về văn minh vật chất và tiến hóa trên phương diện tư tưởng hoặc tâm linh.

Sứ mạng Trung Hưng Tam Giáo trong đạo Cao Đài không chỉ dừng lại là làm sáng tỏ chân truyền của ba nền đạo mà phải chỉ rõ điểm tương đồng, tương quan giữa giáo lý của ba nền tôn giáo ấy.

Tinh thần Tam giáo đồng nguyên hay Lý Tam giáo đồng nguyên cụ thể là:

Đạo học đông phương, Tiết học tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa

vũ trụ và Nhơn sanh.

Đạo học phương đông với lý “Tam Giáo đồng nguyên”: Trời đất và con người là một hòa điệu, huyền đồng nhứt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung.

Thật hãnh diện khi người tín hữu Cao Đài chúng ta đã vượt được khỏi bức màn ngăn cách vì khác biệt hình thức, và cũng thật hãnh diện khi tâm tư chúng ta đã được cởi mở, thấm nhuần tinh thần “Tam giáo đồng nguyên” mà các Đấng Thiêng Liêng đã truyền dạy cho chúng ta từ rất lâu.

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ TRAI KỲ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đạt Tường

Cuối năm Canh Thân (1920), Ngô Văn Chiêu (đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài thuộc nhóm Vô Vi) đang ăn chay mỗi tháng chỉ có 2 ngày sóc vọng như bên Phật giáo, Ngài đã được Tiên Ông ra lệnh phải tăng số ngày chay lên 10 ngày. Đang lúc lòng còn phân vân chưa biết có thể tuân hành theo hay không, thành linh ngày 08 Février 1921 (mùng 1 Tết Tân Dậu) Tiên Ông dạy tiếp: “Chiêu, tam niên trường trai”. Rất bối rối, Ngài Ngô xin Tiên Ông bảo lãnh nếu làm theo mà chắc được chứng quả thì sẽ tuân lời¹.

Còn với ba vị bên nhóm Xây Bàn-Phổ Độ (Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang), sau một thời gian ngắn làm thợ xường họa cùng một Đấng nơi cõi vô hình, vào đầu tháng 8 năm Ất Sửu (1925), Đức AÃÃ dạy các chư vị hãy làm một tiệc chay để tiếp đãi Đức Cửu Thiên Nương Nương và Cửu vị Tiên Nương của Diêu Trì Cung. Liền sau đó, Đức Thất Nương đã hướng dẫn nghi thức hành lễ và nêu điều kiện cần

1. *Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu*, xuất bản năm 1932, tr. 10.

được thực hiện là phải trai giới liên tục ba ngày trước khi hầu lễ Hội Yến.

Sau khi kết hợp hai nhóm Vô Vi và Phổ Độ lại với nhau, rồi “lập đạo” Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào đầu năm Bính Dần (1926), Đức Cao Đài Giáo Chủ bắt đầu hướng dẫn việc ăn chay cho những vị cầu đạo.

Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy một vài bốn điển các đàn cơ thuở xưa khi Đức Cao Đài Tiên Ông mới lập đạo đã dạy về việc ăn chay. Những lời dạy ấy vẫn còn được lưu dấu trong quyển Thánh ngôn Chép tay–Niên Sổ Thời Thiết Lục của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ)².

* 15 Février 1926 (15.2.1926), Mồng 03 tháng Giêng, Bính Dần): *“Trung xin hỏi độ người ta: ‘Nhu người chưa tu hành chi thì phải biểu ăn chay mấy ngày? Có bắt thượng số chăng?’.*

* Séance³ 22.3.1926 (09.02 Bính Dần): *“Vị, Ta cho người 3 tháng nữa. Nếu biết cải dữ theo lành Ta sẽ thu làm môn đệ. Phải thập trai, nghe và tuân theo lời dạy. Thặng”.*

* Séance 28.3.1926 (15.02 Bính Dần): *“Cao Đài,... Các người thiệt rất may. Vậy phải lo tu cho kịp. Trung giảng đạo cho nó, rồi Thầy sẽ định ngày khai đàn cho chúng nó. Khá năng hầu đàn mỗi kỳ. **Phải ăn lục chay nghe.** Thặng”.*

* Le 08.4.1926 (khai đàn cho Hương Quán Nhơn): *“Con thấy hung hăng tội nghiệt thế nào chưa? Tu nghe. **Ăn thập trai, bịnh thỉnh thoảng giảm**”.*

2. Niên Sổ Thời Thiết Lục–Thánh Ngôn Chép Tay, tờ số 82, 83, 94.

3. Séance: Đàn cơ.

1. Đến giữa năm Bính Dần, giải thích lý do về bậc trai kỳ liên quan mật thiết đến khía cạnh đại ân xá trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dạy: “***...Kẻ nào trai giới đặng mười ngày đổ lên, thọ bửu pháp đặng. Chư môn đệ phải trai giới. Vì tại sao? Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu không giữ chẳng hề thành Tiên Phật đặng***”⁴.

Chi tiết này gợi ý cho chúng ta nhớ đến sử liệu: Ngài Ngô Văn Chiêu đã được lệnh phải tăng việc ăn chay từ 2 ngày lên 10 ngày⁵ trước khi được Đức Cao Đài Tiên Ông thâu nhận làm đệ tử thọ nhận pháp môn Nội giáo Tâm truyền. Và chi tiết “thập trai” này đã trở nên một yếu tố quyết định trong Tân pháp Kỳ Ba cho những tín hữu Cao Đài. Qua những sử liệu nêu trên chúng ta mới hiểu được căn cứ vào đâu để các chư vị Tiền Khai Đại Đạo khi soạn thảo Tân Luật trong Lễ Hội Tam Giáo lập luật-Khai Minh Đại Đạo đã quy định người nhập môn cầu Đạo phải giữ trai kỳ ít nhất mỗi tháng 6 ngày, rồi dần dần phải cố tiến lên ăn chay 10 ngày.

Điều Thứ Mười Hai: Nhập môn rồi gọi là tín đồ. Trong hàng tín đồ có hai bậc:

Một bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá. Bậc này gọi là người giữ Đạo mà thôi; vào phẩm hạ thừa.

Một bậc đã giữ trường trai, giới sát và tứ đại điều qui, gọi là vào phẩm thượng thừa.

4. Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* 1, tr. 28; Ngọc Đàn Cần Giuộc 08. 6 Bính Dần (17 Juillet 1926).

5. *Lịch Sử Đạo Cao Đài*, quyển 1: KHAI ĐẠO, CQPTGL-ĐĐ xuất bản năm 2005, tr. 80.

Điều Thứ Mười Ba: Trong hàng hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp, vào tịnh thất có người chỉ luyện Đạo.

Từ chuẩn mực ăn chay 10 ngày mỗi tháng, có 2 sự kiện liên quan đến việc tiến hóa tâm linh của người tín hữu Cao Đài:

–Tín hữu nào muốn được bước thêm lên thọ nhận phần Tâm pháp, ít nhất đã có 6 tháng ăn chay ở cấp 10 ngày/tháng.

–Chỉ những tín hữu có ăn chay được từ 10 ngày/tháng trở lên mới được áp dụng nghi thức cúng Cửu khi liễu đạo.

Theo hướng dẫn từ Châu Tri 61 của Hội Thánh Tây Ninh vào năm Mậu Dần (1938):

Về việc tuần tự, người nào được 10 ngày chay sắp lên mới được thọ bửu pháp nghĩa là có làm phép xác, thì được dùng Tân Kinh từ Nhứt Tuần cho đến Đại Tường.

Còn dưới 10 ngày chay thì không được làm phép xác, không được tuần tự y theo Tân Kinh chỉ được cầu siêu bạt tiến nghĩa là tụng bài “Đầu Vọng Bái Tây Phương Phật Tổ...” và tụng “Di Lặc Chơn Kinh” mà thôi. Hai hạng này được thượng số cầu siêu cho vong linh.

Đối với hạng “Trường trai” bên cạnh quy định của Tân Luật là tiêu chuẩn căn bản bắt buộc của hàng ngũ Chức Sắc từ Giáo Hữu trở lên thì với hàng tín hữu giữ được bậc

chay lạt này⁶ thì khi liễu sẽ hưởng tiêu chuẩn được “*treo hai đường lụa đỏ trên gác rồng*”⁷ của thuyền Bát Nhã.

2. Tuy Tân Luật quy định trai kỳ chỉ có Lục Trai và Thập Trai nhưng thực tế chúng ta thấy có một số đạo hữu trong các Hội Thánh Cao Đài áp dụng bậc trai kỳ 16 ngày mỗi tháng. Việc này có nguồn gốc từ đâu?

Một số kinh sách được phổ biến trong những năm đầu của đạo Cao Đài của vài vị Tiền Khai Đại Đạo đã có nhắc đến thập lục trai. Thí dụ:

–Trong quyển *Phụng Thừa Thiên Mệnh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* của bà Lâm Hương Thanh xuất bản năm 1927, trang 34 dùng từ là *Thiên Nguơn: ăn 16 ngày*.

–Trong bố cáo Lời Giảng của Ngài Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh Tỏ Bày Việc Đạo Trước Hội Nhơn Sanh Nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh lần thứ nhì ngày Rằm tháng 10

6. Đức Giáo Tông: *À, thảo là gì?*

TRI bạch: *Thảo là mộc.*

Đức Giáo Tông: *Đạo hữu có biết người ăn ròng thảo mộc là người gì không?... Là người có **Thảo Ẩn Hầu**.*

TRI bạch: *Ẩn đây là ẩn Ngọc Hoàng Thượng Đế.*

Đức Giáo Tông: *Hầu?*

TRI bạch: *Bực Công hầu.*

Đức Giáo Tông: *Nếu vậy người ăn chay là bực công hầu hay sao? Không thông.*

THỐI bạch: *Ấy là người **lãnh ấn của Ngọc Hoàng Thượng Đế mà dạy ăn chay trường**.*

Đức Giáo Tông: *Phải đã, khá khen đạo hữu mau thông.*

(Đức Lý Giáo Tông, tháng 5 Đinh Mão (1927).

7. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Cung Đạo Đền Thánh, đêm 25.6 Nhâm Tý (04.8.1972).

Annam năm Nhâm Thân (12 Novembre 1932) có đoạn sau:

Cách phát phái tôi tính sắp đặt như vậy: (...)

Tính phát trước hết cho mấy người đã giữ được trường trai, thuộc và giữ vẹn quy giới. Phát qua cho hết lớp đạo hữu trường trai trong Nam kỳ rồi lần lần có thể sẽ tính phát tới hạng Thiên Nguơn, v.v....

–Quyển Lễ Giáo Thường Hành của Tòa Thánh Trung Ương–Thánh Thất Tam Quan (Le 15 Mai 1939)⁸, nơi trang cuối (trang 84) có ghi: “Người nhập đạo ăn chay 10 ngày đã lâu rồi, nên tập ăn chay thêm sáu ngày nữa, theo luật Đức Thiên Nguơn đã dạy, tức là Thiên Nguơn thập lục trai...”.

–Quyển Kinh Giác Thế Hồi Minh–Minh Chơn Đạo Hậu Giang 1950, nơi bìa cuối in Trai Kỳ có bậc Thiên Nguơn.

–Trong Sách Phần Đạo Cao Đài của Nho Chương Pháp Nguyễn Khắc Bích (Ban Chỉnh Đạo) có đoạn:

Vấn: Tại sao ăn chay Thiên Nguơn là 16 ngày trong tháng?

Đáp: Chữ Thiên nghĩa là phân nửa của một tháng (15 ngày)

Chữ Nguơn là một, cộng với 15 ngày là 16 ngày.

Nên ăn chay Thiên Nguơn mỗi tháng 16 ngày là vậy.

Như vậy từ thuở ban sơ, bắt nguồn từ quý vị tu bên Minh Sư quy vào Cao Đài Giáo, đã có việc ăn chay 16 ngày.

Năm Canh Tý (1960), Đức Mẹ đã giảng dạy đề tài “*Trai minh tường giải*” hay “*Trai minh cơ pháp*”, có đăng trong quyển Tiểu thừa Chơn Giáo của Hội Thánh Tam Quan như sau:

Cao Đài Giáo đề chương sang tập,

8. Lời tựa của Ban Cai Quản Thánh Thất Cầu Kho ghi: Saigon, le 15 Septembre 1938 (15-9-1936).

*Dạy các con từ thấp lên cao;
"Lục Trai" sơ độ bước vào,
Từ nay con chớ lãng sao tắc lòng.
Rồi "Thập Trai" mới mong trực tiếp.
Trước cửa Trời chuyển hiệp chánh tông;
"Thập Lục" hành Đạo lập công,
"Trường Trai", "giới sát" vào dòng điểm đơn".*

3. Ăn chay và Tâm pháp:

–**Với hàng Sơ Cơ:** tối thiểu đã ăn chay mỗi tháng được 10 ngày, chưa buộc phải cử Ngũ Vị Tân.

Quý Cao: ngũ kỵ hành, tởi, sả, ớt, tiêu. Theo Phật Giáo thì kỵ, Tiên Giáo thì không.

Phật vì tích Thanh Đề Mục Liên gọi là uế vật... là phi. Tiên Đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kỵ vật chi⁹.

–**Với người ở bậc luyện đạo,** trong khi giữ trường trai còn phải cử Ngũ Vị Tân. Đức Chí Tôn có giải thích trong Đại Thừa Chơn Giáo như sau:

Lại tu cũng cần phải kiêng vật thực hàng ngày cho chính [chánh] mới nên. Đã biết ăn cho ngon miệng mới nuôi được thân phàm, song nuôi thân tuy béo mà hại đến linh hồn thì sao? Bởi vậy, như loại ngũ huân¹⁰ là loại ăn vô có thể làm cho yếu ớt linh hồn thì lẽ nào không cử?¹¹

Đức Chí Tôn khi xưa cũng đã có dạy:

Người tu thường phải giữ gìn những sự ăn uống bình thời lúc mạnh. Ăn đồ có chất nóng nảy chẳng kiêng, tu thời nó tiêu,

9. Đạo Sử Xây Bàn, tr. 40; Hương Hiếu (16.01.1926).

10. Hành, hẹ, tởi, kiêu, nén...

11. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 36.

song nó tích trữ lại ở ngũ tạng.

Rồi tới cơn bệnh phải hành thân người. Kể nào tu lâu thì không sao, người mới tu phải bị trước mùi. Vậy thời cái ăn, tuy là tầm thường nhưng mà khó các con à. Theo phép Đạo, nóng lạnh phải cho đồng thì mới hiệp. Bằng dùng sự nóng quá thì thành ra hỏa vọng phải khổ cho xác thân”¹².

Cần nhứt chẳng nên dùng Ngũ Vị Tân, vì các thức đó sẽ đem lại cho chư hiền những chất độc lưu trú ngũ tạng lục phủ, khó mà điều tức sau này”¹³.

4. Tóm lại

–Văn hóa chay lạt trong đạo Cao Đài có khác biệt so với việc chay lạt của các tôn giáo khác. Ngay cả khi so sánh với việc chay lạt của Thích Ca giáo, tuy cơ bản giống nhau về bản chất nhưng về phương pháp có khác biệt.

Nếu như Thích Ca giáo khuyến khích ăn chay 02 ngày mỗi tháng thì thời Mạt kiếp, đạo Cao Đài buộc các tín hữu ít nhứt phải thực hiện 06 ngày/tháng.

–Các cấp chay lạt trong đạo Cao Đài, bắt nguồn từ văn hóa tâm linh–cơ bút, qua lời dạy của Đức Cao Đài Giáo Chủ và được thể hiện trong Tân Luật. Về sau Đức Mẹ có dạy thêm. Trai kỳ có 3 cấp: Ngươn Thỉ lục trai; Chuẩn Đề thập trai và Thiên Ngươn thập lục trai. Cấp ăn 10 ngày chay là chuẩn căn bản.

Ngũ Vị Tân hay Ngũ Huân chỉ quan trọng với những tín hữu ở bậc tu luyện.

12. Đức Chí Tôn, Thảo Lư 07.9 Bính Tý (1936).

13. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, TT. Ngọc Minh Đài 15.6 Mậu Thân (1968).

-Với những nghiên cứu của y học vào cuối thế kỷ XX và môi trường học (đầu thế kỷ XXI) kêu gọi mọi người áp dụng chế độ ăn chay từ 6 cho đến 10 ngày mỗi tháng để tự bảo vệ sức khỏe và góp phần cải thiện môi trường khí hậu. Nhân sanh hân giựt mình khi nhìn ra một khía cạnh “*dẫn dắt lèo lái*” thời đại văn minh của đạo Cao Đài đã đi trước khoa học hiện đại gần trăm năm.

Chế độ chay lạt của đạo Cao Đài sẽ là nếp sống của con người văn minh hiện đại, cho dù có ăn chay theo tôn giáo hay không, nó sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững của bất kỳ xã hội nào trong tương lai.

Đạt Tường

ĂN CHAY THỜI TAM KỲ

Đạt Tường

Mỗi Tôn Giáo đều có quan điểm và cách thức riêng về việc ăn chay.

–Do Thái Giáo: phải nhịn ăn từ sáng cho đến khi mặt trời lặn rồi mới được ăn bánh không men, thịt được thiêu đã loại máu.

–Kitô Giáo: không ăn các động vật hữu nhũ có mỡ.

–Hồi Giáo: tháng chay Ramadan, chỉ ăn và uống một buổi trong ngày sau 18 giờ.

–Phật Giáo: dùng thực vật như Cao Đài Giáo nhưng khác chút ít.

Một số người cho rằng tín đồ Cao Đài trong ngày chay được dùng trứng, tôm, cua... Có phải như thế không? Vấn đề này đã từng có xảy ra. Nhưng sự việc và nguồn gốc của nó cách nay đã hơn nửa thế kỷ và chỉ lưu hành trong quân đội. Ngày nay, nếu có tồn tại việc này thì chỉ rải rác trong một ít gia đình cựu chiến binh. Sự thật thì Cao Đài Giáo dù thuộc Hội Thánh nào cũng đều đòi hỏi tín đồ phải giữ chay lạt khá nghiêm khắc: về cách ăn uống cũng như số ngày chay trong tháng và một số điều kiện khác. Vậy ăn chay như thế nào mới đúng quy cách theo quan điểm của Cao Đài Giáo thời

Tam Kỳ Phổ Độ?

I. ĐỊNH NGHĨA:

Ăn chay theo Cao Đài Giáo là căn bản dùng các loại thực phẩm có nguồn gốc thực vật.

II. NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý:

1. Về mặt lịch sử, các cấp độ chay trong Cao Đài Giáo đã xuất nguồn từ đâu và vào khi nào?

Trong nguồn Thánh Ngôn chép tay–NIÊN SỔ THỜI THIẾT LỤC (1926) của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, qua kỹ thuật công nghệ thông tin vi tính, chúng ta có thể tìm thấy một số đàn trong thời gian nửa đầu năm Bính Dần (1926) vào thuở Đức Cao Đài Tiên Ông mới vừa lập Đạo Cao Đài¹.

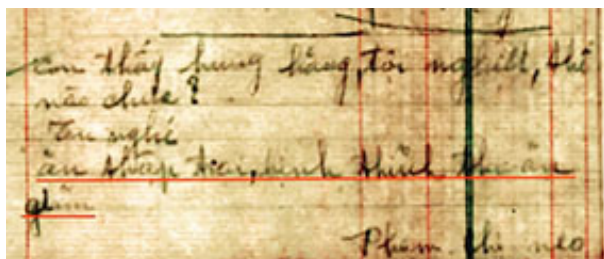


Đặc biệt bản Thánh Ngôn chép tay được đánh số theo tờ.

1. *Thánh Ngôn Chép Tay*–Thái Thơ Thanh tờ 82 và 83, 93, 112, 113.

chúng nó. Khá năng hầu đàn mỗi kỳ. Phải ăn lục chay nghe.

1.3 * Le 08-4-1926 (khai đàn cho Hương Quán



Nhơn-Long Phụng) tờ 93 NSTTL 193

Con thấy hung hăng tội nghiệp thế nào chưa? Tu nghe. Ăn thập trai, bình thỉnh thoảng giảm. Phạm thị neo.

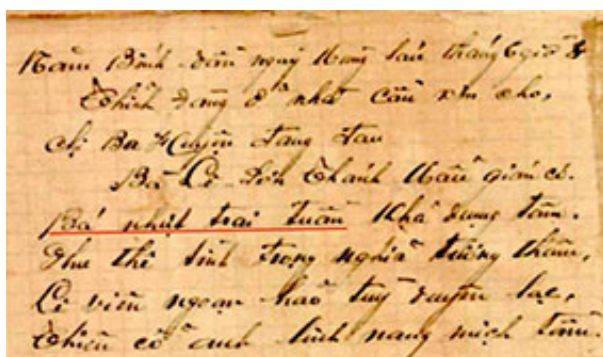
1.4. Tờ 112b

Năm Bính Dần ngày mùng 6 tháng sáu

Thỉnh đàn ở nhà cầu xin cho chị Ba Huyện đang đau.

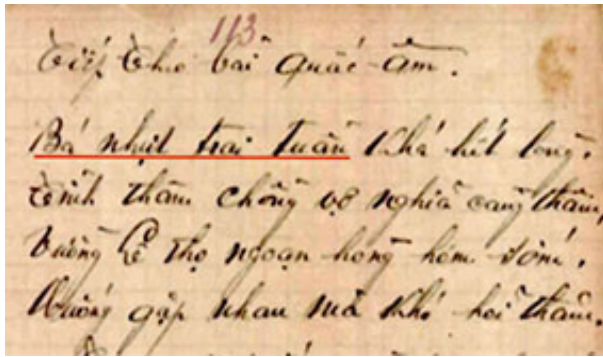
Bà Lê Sơn Thánh Mẫu giáng cơ.

Bá nhật trai tuần khá hết lòng,



Tình thâm chồng vợ nghĩa càng thâm;

Vườn Lê thọ ngoạn lòng hôm sớm,

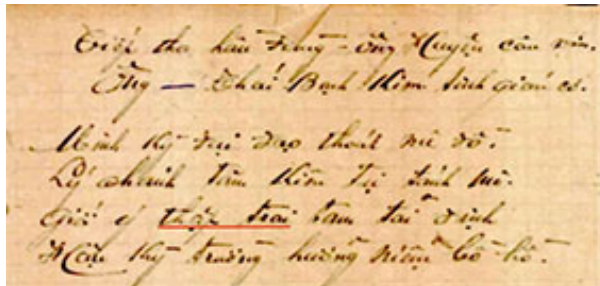


Muốn gặp nhau mà khó hỏi thăm.

1.5. Tờ 113b NSTTL 231

Hầu đàn Ông Huyện cầu xin Ông Thái Bạch Kim Tinh
giáng cơ.

Minh kỳ Đại Đạo thoát mê đồ,



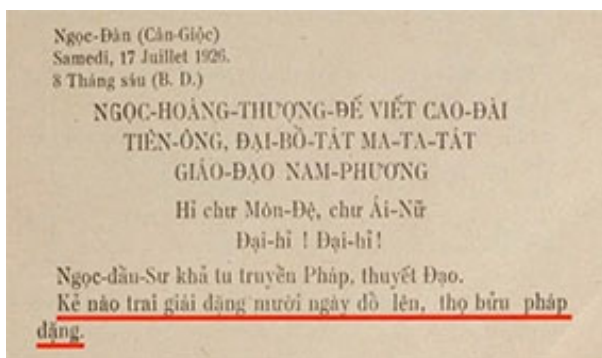
Lý chánh tâm kiên tự tánh mê;

Giới ý thập trai tam tãi định,

Hậu kỳ trường hưởng niệm bồ hồ.

1.6 * Ngọc Đàn 17 Juillet 1926; 08 tháng sáu Bính Dần

Kẻ nào trai gái dặng mười ngày đổ lên, thọ bửu pháp



đặng.

Như vậy chúng ta thấy: khi xưa, qua 5 đàn cơ vào giai đoạn nửa năm đầu tiên xuất hiện Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được lưu giữ trong Thánh Ngôn chép tay của Ngài Nguyễn Ngọc Thơ-Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, “lục trai” được dạy chỉ một lần duy nhất còn “thập trai” lại được Thầy và Đức Lý nhắc đến ba lần.

Nhứt là ý: *“trai giải đặng mười ngày đồ lên, thọ bửu pháp đặng”* đã còn được ghi lại trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển bốn thứ nhứt (08-6 Bính Dần-1926). Về sau, điều này đã được chư Tiền Khai Đại Đạo giải thích. Ứng dụng thực tiễn của lời dạy này là “được làm phép xác cùng cúng cửu”, quan trọng hơn cả là khi giữ được tiêu chuẩn này mới có thể bước sang đường Tâm pháp tịnh luyện.

Những lời dạy này ngay từ thời gian đầu mới xuất hiện Cao Đài Giáo đã giúp tín hữu Cao Đài chúng ta hiểu và ý thức việc giữ 10 ngày chay mỗi tháng rất quan trọng với lãnh vực tâm linh của mỗi người.

2. Các ngày ăn chay:

Từ các Thánh Ngôn dạy chay lạt của Thầy. Tân Luật quy định:

A. **Phẩm Hạ thừa** (Người Giữ Đạo): phải giữ TRAI KỶ

–Lục Trai: (Ngươn Thỉ lục trai)

–Thập Trai: (Chuẩn Đề thập trai)

Tuy Tân Luật quy định chỉ có Lục Trai và Thập Trai nhưng ngày nay chúng ta tìm thấy một số kinh sách được phổ biến trong những năm đầu mới Khai Đạo của vài vị tiền bối thuộc Tòa Thánh Tây Ninh có nhắc đến thập lục trai (Thiên Ngươn).
Thí dụ:

▪Trong quyển kinh Phụng Thừa Thiên Mệnh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của bà Lâm Hương Thanh, xuất bản năm 1927 trang 34 dùng từ là Thiên Ngươn: ăn 16 ngày. Cùng tác giả, đầu năm 1928 với kinh Nhựt Khóa hay Nhựt Khóa Đại Đạo Thừa Kinh cũng nhắc đến Thiên Ngươn. Đây là những kinh thời sơ khai.

▪Trong bố cáo Lời Giảng của Thượng Chánh Phối Sư (Thượng Tương Thanh), tỏ bày việc Đạo trước Đại Hội Nhơn Sanh, nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh lần thứ Nhì ngày Rằm tháng 10 Annam năm Nhâm Thân (12 Novembre 1932) có đoạn sau:

Cách phát phái tôi tính sắp đặt như vậy: (...)

Tính phát trước hết cho mấy người đã giữ được trường trai, thuộc và giữ vẹn quy giới.

Phát qua cho hết lớp đạo hữu trường trai trong Nam kỳ rồi lần lần có thể sẽ tính phát tới hạng Thiên Ngươn v.v...

▪Trong Sách Phần Đạo Cao Đài của Nho Chương Pháp Nguyễn Khắc Bích (Ban Chính Đạo) có đoạn:

Vấn: Tại sao ăn chay Thiên Nguơn là 16 ngày trong tháng?

Đáp: Chữ Thiên nghĩa là phân nửa của một tháng (15 ngày)

Chữ Nguơn là một, cộng với 15 ngày là 16 ngày.

Nên ăn chay Thiên Nguơn mỗi tháng 16 ngày là vậy.

Vậy từ thuở ban sơ đạo vào đời, cũng đã có việc ăn chay 16 ngày.

Về sau trong Kinh Tam Thừa Chơn Giáo phẩm Tiểu Thừa có bài Minh Trai Cơ Pháp, Đức Mẹ giảng đàn vào tháng 8 Canh Tý (1960) cũng có dạy việc ăn chay 16 ngày:

*“Con tu học vàng thau phân chất,
Há màng chi xác vật nằm trơ!
Lạt chay giữ dạ thô sơ,
Mà lòng nhân nghĩa đón chờ thân sanh.
Đây, mặt luật ban hành sáng tỏ,
Pháp môn truyền kim cổ không sai.
Nuôi hồn phải thọ minh trai,
Tùy căn duyên tiếp trong ngày nguyện đương.
Cao Đài Giáo đề chương sang tập,
Dạy các con từ thấp lên cao.
Lục Trai sơ độ bước vào,
Từ nay con chớ lãng xao tắc lòng.
Rồi **Thập Trai** mới mong trực tiếp,
Trước cửa Trời chuyển hiệp chánh tông.
Thập Lục hành Đạo lập công,
Trường Trai, giới sát vào dòng điểm đơn.”²*

2. Đức Mẹ, Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, quyển Tiểu Thừa, 18.8 Canh Tý (1960).

Lại luận tranh quyền rũ vào đảng;
 Đại khôn lập thuyết nói càng,
 Sống ăn, sống mặc đồ dang thiết thời.
 Khôn sao chẳng tìm tòi nguyên lý?,
 Đời lẩn xỏ, ích kỷ vì đâu?
 Ngày đêm biến cảnh âu sầu;
 Phải do ăn mặc khởi đầu hại nhau.
 Con tu học vàng thau phân chất,
 Há màng chi xác vật nằm tro!
 Lạt chay giữ dạ thổ sơ,
 Mà lòng nhân nghĩa đón chờ dân sanh.
 Đây, mặt luật ban hành sáng tỏ,
 Pháp môn truyền kim cổ không sai;
 Nuôi hồn phải thọ mình trai,
 Tùy căn duyên tiếp trong ngày nguyên dương.
 Cao Đài Giáo để chương sang tập,
 Dạy các con từ thấp lên cao;
 "**Lục trai**" sơ độ bước vào,
 Từ nay con chớ lãng xao tắc lòng.
 Rồi "**Thập trai**" mới mong trực tiếp,
 Trước cửa Trời chuyển hiệp chánh tông,
 "**Thập lục**" hành Đạo lập công,
 "**Trưởng trai**", "**giới sát**" vào dòng điểm đơn.
 Tu mà chẳng thu hoàn tánh thiện,
 Chẳng ăn chay, chẳng luyện cái tâm;
 Khác nào kẻ bói đi thăm,
 Đường ngay chẳng cứ thẳng âm vực sâu.
 Nền Đại Đạo nhiệm mầu cứu thế,

Bên cạnh việc ăn chay mỗi tháng theo Tân Luật cũng phải dùng

– Khi Cầu An

– Khi Cầu Giải Bệnh

– Khi Thọ Tang: trong những ngày gia đình có tang, gia

quyển phải giữ chay lạt mặc dầu không phải là ngày chay.

Châu Tri 61 (Mậu Dần 1938)

4–Việc Quan, Hôn, Tang, Tế nhứt nhứt đều dùng toàn đồ chay, nếu nơi nào còn làm nửa chay nửa mặn, Chức Sắc, Chức Việc không được dự đến mà còn phạt chủ nhà là khác.

–Những Ngày Cúng Cầu Siêu hay Giỗ

–Trong thời gian đi hành đạo chung với phái đoàn, tín hữu phải cố giữ chay lạt.

B. Phẩm Thượng Thừa: từ Giáo Hữu trở lên bắt buộc phải giữ Trường Trai.³

Đức Giáo Tông: À, thảo là gì?

TRI bạch: Thảo là mộc.

Đức Giáo Tông: Đạo hữu có biết người ăn ròng thảo mộc là người gì không? ... Là người có Thảo Ấn Hầu.

TRI bạch: Ấn đây là ấn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đức Giáo Tông: Hầu?

TRI bạch: Bực Công Hầu.

Đức Giáo Tông: Nếu vậy người ăn chay là bực công hầu hay sao? Không thông.

THÓI bạch: Ấy là người lãnh ấn của Ngọc Hoàng Thượng Đế mà dạy ăn chay trường.

Đức Giáo Tông: Phải đa, khá khen đạo hữu mau thông.⁴

Vậy người ăn chay trường được Thầy ban cho danh hiệu **THẢO ẤN HẦU**.

Tín đồ và hàng chức việc cho đến Lễ Sanh nếu tiến được

3. Qui định của Tòa Thánh Tây Ninh, phẩm Lễ Sanh cũng phải trường chay.

4. Đức Lý Giáo Tông, tháng 5 Đinh Mão (1927).

đến mức trường chay thì càng quý.

Hội Thánh Tây Ninh và Hội Thánh Truyền Giáo... quy định, Lễ Sanh trong Ban Cai Quản phải trường trai mới được phép làm Đầu Họ một Thánh Thất.

2. Ăn chay và Tâm Pháp:

–Người bước vào thọ Pháp, tuy ở bậc sơ cơ nhưng cần ý thức trong những khóa tịnh bốn mùa hay khóa tịnh tập trung (tùy quy định mỗi địa phương) cần giữ trai giới những ngày nhập tịnh hay trong những ngày tịnh theo cấp tu của mình. Đó là thể hiện sự thành tâm với Đạo Pháp.

–Với hàng Sơ Cơ: tối thiểu đã ăn chay mỗi tháng được 10 ngày, chưa buộc phải cử Ngũ Vị Tân.

Quý Cao: ngũ kị hành, tởi, sả, ớt, tiêu. Theo Phật Giáo thì kị, Tiên Giáo thì không. Phật vì tích Thanh Đề Mục Liên gọi là uế vật ... là phi. Tiên Đạo cho dùng các thảo mộc, chẳng kị vật chi.⁵

–Người luyện đạo, khi giữ trường trai còn phải cử Ngũ Vị Tân.

. Lại tu cũng cần phải kiên vật thực hàng ngày cho chính mới nên. Đã biết ăn cho ngon miệng mới nuôi được thân phàm, song nuôi thân tuy béo mà hại đến linh hồn thì sao? Bởi vậy, như loại ngũ huân 6 là loại ăn vô có thể làm cho yếu ớt linh hồn thì lẽ nào không cử?⁷

3. Ăn chay và Khoa Học Dinh Dưỡng:

Đức Chí Tôn khi xưa đã có dạy:

Người tu thường phải giữ gìn những sự ăn uống bình thoir

5. Đạo Sử Xây Bàn tr. 40; Hương Hiếu (16.01.1926).

6. (Hành, hẹ, tởi, kiệu, nén)

7. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 36.

*lúc mạnh. Ăn đồ có chất nóng nải chẳng kiên, tu thời nó tiêu, song nó tích trữ lại ở ngũ tạng. Rồi tới cơn bệnh phải hành thân người. Kể nào tu lâu thì không sao, người mới tu phải bị trược mùi. Vậy thời cái ăn, tuy là tầm thường nhưng mà khó các con à. Theo phép Đạo, nóng lạnh phải cho đồng thì mới hiệp. Bằng dùng sự nóng quá thì thành ra hỏa vọng phải khổ cho xác thân.*⁸

Đời sống càng văn minh càng đẩy con người xa dần cuộc sống tự nhiên trong môi trường thiên nhiên! Phần lớn lương thực và thực phẩm chúng ta ăn hàng ngày đều có sự hiện diện của các hóa chất nhân tạo có trong: phân bón, thuốc kích thích sinh trưởng, thuốc trừ sâu, chất phụ gia dùng trong chế biến thực phẩm... Vì vậy:

–Vấn đề “rau sạch” (rau trồng không sử dụng hóa chất) là vấn đề cần quan tâm.

–Nhưng trước hết chúng ta nên chú ý tới những loại thực phẩm có nhiều màu sắc lòe loẹt như trong bánh kẹo, mứt, rau câu...

–Kể đến cần chú ý hiện nay có phong trào ăn chay với thực phẩm Đài Loan. Để có hương vị như thịt, hải sản... rất nhiều hóa chất phụ gia được sử dụng!

–HÀN THE thường được sử dụng làm giòn cho những món đồ chua hay món chiên là hóa chất rất độc hại vì khả năng được thủy trừ ra khỏi cơ thể rất thấp.

Đó là những nguồn chất độc nguy hiểm cho cơ thể vì khả năng sinh ung thư rất cao!!! Nếu không sớm ý thức vấn đề và

8. Đức Chí Tôn, Thảo Lư, 07.9 Bính Tý (1936).

tự phòng ngừa thì sự nguy hiểm cho sức khỏe sẽ tăng cao và đồng thời cũng là trở lực rất lớn cho sự công phu tinh luyện sau này!

–Bên cạnh đó BỘT NGỌT cũng là vấn đề đáng quan tâm. Cần phải hạn chế việc dùng bột ngọt nhất là ở trường hợp trường chay. Dùng rau củ nấu nước soup để giảm lượng bột ngọt được dùng.

Đã từ lâu Thầy có dạy:

Các con phải biết rằng: hễ muốn cho chơn thần định tĩnh khiết thì phải giữ gìn thân thể cho tráng cường. Muốn dưỡng phần hồn tất phải nuôi phần xác. Bởi thế các con chớ trọng “vô” mà bỏ “hữu” hay trọng “hữu” bỏ “vô”. Hữu, vô phải nương náu với nhau cho mật thiết mới được.

*Phép tu phải đừng ép xác hủy mình, vì hễ **xác phàm mà khương kiện thì linh hồn mới đăng thông huyền.***⁹

Thực tế có một số người ăn chay theo quan niệm “tương rau dưa muối” qua ngày. Hình thể và sức khỏe của những người ăn chay theo quan niệm này tác động rất nhiều vào tâm lý của quần chúng. Vì thế nhiều người có sự ngộ nhận là “ăn chay không đủ sức khỏe” để làm việc hay học tập! Chúng ta hãy nghe lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

Phương cách bảo dưỡng thể chất không thể không đề cập đến, vì nhờ có nó mà con người mới có thể đi hết con đường mà mình đã vạch ra.

Trí năng và thể năng là hai năng lực bổ sung nhau, giúp đỡ

9. Đức Chí Tôn, *Đại Thừa Chơn Giáo*, tr. 34

*thực thi trọn vẹn đức tin và lòng nhân ái của chính mình.*¹⁰

Vậy, người ăn chay ngày nay cần phải có những hiểu biết căn bản về khoa học dinh dưỡng để áp dụng cho mình hầu giữ gìn sức khỏe và như thế mới có thể khuyên và hướng dẫn người khác ăn chay. Ở đây yếu tố “thân giáo” có tính thuyết phục ban đầu với người chưa ăn chay rất cao.

Ngày nay, các nhà dinh dưỡng khuyên chúng ta cố gắng bảo đảm cung cấp đầy đủ và ở tỷ lệ hợp lý 5 thành phần dinh dưỡng căn bản sau: chất ĐẠM, chất BÉO, chất ĐƯỜNG, SINH TỔ-MUỐI KHOÁNG và NƯỚC. Trong đó, đối với người ăn chay thì các chất đạm, béo, sinh tố là những thành phần cần được quan tâm nhiều nhất.

A. CHẤT ĐẠM:

–Hiện diện nhiều trong các loại đậu (đậu nành, đậu phộng, đậu xanh....) mè, nấm, các loại RAU có lá màu XANH ĐẬM (bồ ngót, rau lang, lá bầu bí), trái bơ, sữa... ..

–Cần thiết phải tập thói quen có ăn mè chung với đậu, tốt nhất cứ ba phần đậu thì có một phần mè. Có ăn như thế thì tỷ lệ giữa 2 loại acid Amin: lysine và méthionine mới cân đối.

Giá trị dinh dưỡng của hỗn hợp đạm thực vật từ đậu và mè khi đó mới tương đương với thịt. Còn nếu như chỉ dùng độc nhứt một loại đậu thì chúng ta chỉ cung cấp cho cơ thể số lượng cao Protéine toàn phần nhưng vì thiếu sự cân đối của những acid Amin tối cần thiết vì thế giá trị dinh dưỡng thật sự chỉ có một phần ba. Thực tế cuộc sống cho thấy ông bà chúng ta khi làm bánh hay chè luôn kết hợp đậu và mè.

10. Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 14.02 Ất Mão (1975).



Trong khu gần Chợ Lớn, chúng ta thấy từ lâu rồi đã có vài tiệm bán cơm chay luôn luôn có để hủ mè trên bàn cho thực khách dùng tự do. Nước giải khát sữa đậu nành đóng hộp giấy, cũng đã có loại nhà sản xuất ghi trên bao bì có kết hợp đậu và mè.

– Cần chú ý rằng việc chế biến qua kỹ thuật lên men sẽ làm tăng lượng đạm trong thức ăn như các loại dưa món muối chua (giá,

mít, cải...) các loại bánh bò, bánh bao, bánh mì, cơm rượu.... Yaourt tốt hơn sữa. Ngoài các buổi ăn chính, chất đạm còn có thể được cung cấp cho cơ thể qua phần ăn tráng miệng hoặc giữa buổi như các loại chè đậu hay bánh có chút ít mè.

B. CHẤT BÉO:

–Tuy chiếm tỷ lệ khiêm tốn trong thức ăn nhưng lại cung cấp một phần quan trọng năng lượng cho cơ thể. Tuy đường là thành phần chính cung cấp năng lượng cho cơ thể nhưng cứ mỗi gram chất béo lại cung cấp 9 Calo, gấp đôi lượng nhiệt năng được cung cấp từ 1 gram chất đường.

Tiêu chuẩn khẩu phần cho người Châu Á của OMS (tổ chức sức khỏe thế giới) là 2350 Calo cho mỗi ngày. Trong đó đạm 12%, béo 18%, đường 70%. Thực tế ở Việt Nam bình quân chỉ đạt 1900 Calo gồm 11% đạm, 12% béo, 77% đường. (trừ ở các thành phố thì có khá hơn). Như vậy trung bình khẩu phần của người Việt chỉ đạt 2/3 tiêu chuẩn chất béo.

–Do đó cần tăng lượng dầu vào khẩu phần dưới mọi hình thức nhất là đối với người lao động nặng. Nên dùng nhiều dầu vào buổi ăn sáng và buổi trưa để chuẩn bị tốt năng lượng cần thiết cho hoạt động trong ngày. Ngoài việc dùng dầu ăn, chúng ta có thể chú ý đến các loại đậu nành, đậu phộng vừa chứa nhiều đạm và chất béo; trái bơ cũng thế.

–Nên mua, dùng loại dầu ít bị đông lại bởi nhiệt độ lạnh (dầu đậu nành, đậu phộng)

–Nên dùng dạng dầu tươi trộn rau hay nấu canh hơn là chiên. Sau khi chiên phải lược cạn cháy bỏ đi vì đó là tác nhân gây ung thư. Cũng không nên ăn loại dầu đã được dùng để chiên nhiều lần vì sẽ bị khó tiêu.

C. CHẤT ĐƯỜNG:

Hiện diện nhiều trong tinh bột của lương thực và trái cây. Hạn chế dùng các loại nước ngọt giải khát.

D. SINH TỔ (VITAMIN):

Trong các loại trái cây và rau củ TƯƠI có nhiều.

–Có hai loại Vitamin:

Vitamin tan trong nước như: Vitamin C, Vitamin PP, Vitamin nhóm B (B1, B2, B6, B9...)

Vitamin tan trong chất béo như: Vitamin A, D, E, K

–Cần lưu ý, để giảm sự thất thoát lượng Vitamin:

Chúng ta nên dùng rau quả tươi, khi cần dự trữ nên rửa sạch và giữ trong tủ lạnh hoặc nơi mát, không tồn trữ lâu.

Khi chế biến: cần rửa sạch rau củ trước rồi mới xắt thái (không được làm ngược lại). Lúc nấu nướng: phải chờ cho chảo hay nồi nước sôi rồi mới bỏ rau củ vào xào hay nấu canh để thời gian tiếp xúc với nhiệt độ cao ngắn nhất (giống

như món lẩu).

Vitamin C có nhiều ở lớp vỏ dưa leo, trái sori, bưởi... Không phải cái gì có vị chua là Vitamin C, me–chanh tuy rất chua nhưng chứa rất ít Vitamin C.

Dưa leo là loại rau củ thường được chúng ta sử dụng. Nên lưu ý dùng loại quả còn non, lớp vỏ ngoài chứa nhiều vitamin cho nên không nên gọt vỏ bỏ đi!

Các loại rau quả có màu đỏ, vàng cam chứa nhiều Vit A như: cà rốt, bí rợ, cà chua, bông mướp, gấc, đu đủ, lêkima... Rau bồ ngót cũng chứa nhiều Vitamin A.

Bao giờ cũng phải có dầu trong bữa ăn để cơ thể dễ hấp thu các loại sinh tố tan trong chất béo.

E. MUỐI KHOÁNG:

Cần thiết phải dùng MUỐI IOD nhất là đối với người còn trẻ ăn chay trường. (vì Iod rất cần thiết cho sự phát triển của cơ thể cũng như trí tuệ). Chúng ta có thể dùng thêm một số loại rong biển.

TÓM LẠI:

–Sau một thời gian dài nghiên cứu các bệnh tim mạch (huyết áp cao, nhồi máu cơ tim, nghẽn mạch máu não...). Cuối thế kỷ 20, các bác sĩ Âu Mỹ đã đưa ra lời khuyên:

Để giảm nguy cơ mắc các bệnh tim mạch do Cholestérol có nhiều trong thịt mỡ, trong mỗi tháng nên ăn từ 6 đến 10 ngày theo chế độ thực vật.

–Điều này giúp chúng ta hiểu tại sao khi thấy nhiều du khách nước ngoài đến Việt Nam hay đi ăn chay.

Tuy nhiên chúng ta cũng cần lưu ý rằng: người Âu Mỹ “ăn kiêng” vì ý thức giữ gìn sức khỏe là chính chứ không

phải ăn chay với ý thức đây là một điều kiện cần thiết cho sự tiến hóa tâm linh (theo quan niệm của một số tôn giáo ở Đông phương). Vì thế, có một số nhà hàng phân biệt rõ: thực khách gọi “thức ăn chay Phật Giáo” thì nguyên liệu phải hoàn toàn bằng thực vật; còn “thức ăn chay ăn kiêng” thì có thể dùng bột nêm có đạm động vật. Một số “thức ăn chay Đài Loan” hiện nay được sản xuất kinh doanh theo khuynh hướng phục vụ cho người ăn kiêng, do đó có sự hiện diện của đạm động vật mà chúng ta dễ dàng cảm nhận qua mùi vị.

Đầu thế kỷ 21, trước sự “biến đổi khí hậu” trầm trọng, các nhà khoa học môi trường sau những nghiên cứu đã đi đến kết luận: kỹ nghệ chăn nuôi thải vào môi trường nhiều phân gia súc nhưng không xử lý kịp nên tạo ra nhiều khí métane CH₄. Chất khí này làm mỏng tầng ozone nên tia cực tím xâm nhập nhiều làm khí hậu biến động. Do đó cần hạn chế việc ăn thịt đỏ (bò, trâu, ngựa, dê, cừu, v.v...).

VEGAN thuần chay của người tu cấp bậc tối thượng thừa (thức ăn Vegan). Hiện nay đã có những cửa hàng bán đồ chay Vegan hay nhà hàng thuần chay.

-Trong phép ăn chay của tín đồ Cao Đài, tăng dần từ 6 ngày trong mỗi tháng lên 10, rồi 16 ngày để sau cùng tiến đến trường chay. Chúng ta thấy phép tăng dần số ngày chay trong tháng rất phù hợp với nguyên tắc ăn uống theo khoa học giúp cơ thể thích nghi dần.

Nơi đây chúng ta thấy có sự “đồng nhứt lý” thú vị giữa khoa học và phương pháp ăn chay của Cao Đài Giáo.

Qua đây cũng cho thấy, Cao Đài Giáo ngay từ đầu thế kỷ 20 đã sớm đề xuất việc ăn chay ở mức độ 6 ngày, 10 ngày.... ...

Một lối sống mang giá trị bền vững lâu dài cho sức khỏe và môi trường.

Xã hội văn minh khoa học ở tương lai sẽ đưa hành động này thành tiêu chuẩn sống cho công dân toàn cầu ở hiện tại và tương lai. Ngày nay, chúng ta đã thấy qua các phong trào Greenpeace hay Vegan (thế vận hội Paris 2024 đã thực hiện).

IV. KẾT LUẬN:

Ăn chay theo Cao Đài Giáo là phương thức khoa học dinh dưỡng, tăng dần từ thấp lên cao (6 ngày đến 10 ngày rồi 16 ngày mỗi tháng. Sau đó lên trường trai rồi tiến lên thuần chay).

Vì vậy ăn chay là một khía cạnh thực hành nổi bật của người tín hữu Cao Đài, có giá trị hữu hiệu cho sức khỏe mỗi người và cũng là một đóng góp rất thiết thực trong việc “bảo vệ môi trường” và “bảo tồn động vật” trong đời sống xã hội nói chung.

Đây cũng chỉ là một chi tiết “dẫn dắt và lèo lái thời đại”¹¹ của Cao Đài Giáo cho xã hội tương lai của nhân loại.

+ Nguyên lý ăn chay của Cao Đài Giáo đồng nhất với nguyên lý dinh dưỡng khoa học. Vấn đề còn lại là phương pháp nấu nướng và dinh dưỡng của người tín đồ chúng ta có đúng cách hay không mà thôi. Có thể tóm tắt là cần chú ý đến:

– Các loại thực phẩm giàu chất dinh dưỡng căn bản như: đậu nành, đậu phộng, (các loại đậu và thực phẩm chế biến CẦN DÙNG CHUNG VỚI MỀ nên nhà mỗi người dùng chay

11. Đức Lý Giáo Tông, CQPTGLĐĐ, 14.02 Ất Mão (1975).

trường cần luôn có hủ mè rang); nấm các loại; rau bồ ngót, rau lang, rau bông bí rợ, đọt bầu, trái bơ, yaourt....

–Bao giờ cũng có đủ lượng dầu ăn trong khẩu phần hàng ngày.

–“Mùa nào thức đó”, nhưng cố gắng thay đổi cho “phong phú”.

Ngày nay ăn chay đã dần hình thành nếp sống của con người văn minh-khoa học, đồng thời cũng là cách sống hướng về nhân bản: lợi cho sức khỏe của mình và cũng lợi cho môi trường sống của cộng đồng.

Đạt Tường

Ý NGHĨA TÔN HIỆU

“ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẠC TÔN PHẬT”

Diệu Như

ĐƯƠNG nhiên đạo pháp dị nam cầu,
LAI vãng hồng trần độ ngũ châu.
HẠ giới mê nhơn trầm khổ hải,
SANH môn suất tánh đoạt thành sầu.
DI Đà nhứt cú tri phương thức,
LẠC cảnh Tam Tông hóa nhiệm mầu.
TÔN thượng triều ngươn ban Thánh đức,
PHẬT Tiên Thần Thánh cộng ca âu.

當然道法施南球
來往紅塵度五洲
下界迷人沉苦海
生門率性奪城愁
彌陀一句知方式
樂境三宗化XX
尊上朝原班聖德
佛仙神聖共歌謳

I. XUẤT XỨ

Đây là lời dạy của Đức Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật dạy tại Trúc Lâm Thiền Điện, vào Ngọ thời ngày 20.8 Ất Tỵ (15.9.1965), do bộ phận Hiệp Thiên Đài CQPTGLĐĐ tiếp diễn.

II. GIẢI THÍCH

A. Ý nghĩa tôn hiệu “Đường Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật”

Trong bài thánh giáo này có đoạn thi tiếp theo để giải thích:

*Ta vốn thiết Chủ Nhơn Hoàng Cực,
Đời gọi ta Di Lạc Thiên Tôn,
Kim lai chuyển thế bảo tồn,
Hạ sanh cứu kiếp nguyên nhơn phục hồi.*

Kim lai: Kim 今 là hôm nay. Lai 來 là đến. Kim lai: Hôm nay đã đến đây rồi. nghĩa giống như chữ ĐƯƠNG LAI (đến rồi, đang ở đây, đang đàm luận đạo lý cùng chư hiền đồ đây).

Hạ sanh: Giáng sanh, giáng trần, lâm phạm. Đức Chúa Jesus giáng sinh là xuống trần mang thân xác con người, sống chung lộn với con người để hóa độ con người và bị đóng đinh trên thập giá cũng bởi con người. Đức Di Lạc Thiên Tôn cũng như tất cả các Đấng Thiêng Liêng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài chỉ giáng trần bằng linh điển và giao tiếp với chúng ta qua ngôn linh cơ. Đây là cách truyền đạo an toàn và hiệu quả nhất có thể được hiện nay. Ông Trên thường dạy mỗi tịnh sĩ nếu tịnh tốt thì sẽ là một đồng tử, trực tiếp nghe Ông Trên dạy dỗ bằng tiếng nói vô thanh.

Ngài xưng danh Ngài vốn là Chủ nhân Hoàng Cực, đời

thường gọi Ngài là Di Lạc Thiên Tôn. Hôm nay Ngài trở lại cuộc đời này là để bảo tồn nhân loại, sự giáng thế của Ngài là để cứu độ những nguyên nhân từ lâu đã lạc bước hồng trần, nay sẽ được phục hồi cựu vị.

Chúng ta tìm hiểu đôi chút về danh xưng Chủ Nhân Hoàng Cực Di Lạc Thiên Tôn.

Đạo Kinh có câu: *“Đạo sanh nhứt, nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật”*. Nhất là Vô cực hay ngôi Địa, Nhị là Thái Cực hay ngôi Thiên, Tam là Hoàng Cực hay ngôi Nhân, tức là ngôi của con người Tiên Thiên. Ba ngôi này tuy khác danh nhưng đồng vị trong thể Tam Tài Thiên Địa Nhân. Khi vào đời, con người Tiên Thiên vì nhiễm trần nên biến thành con người Hậu Thiên. Muốn phục hồi Tiên Thiên để trở về ngôi Hoàng Cực, phải có quá trình tu thân luyện kỹ, tu tánh luyện mạng, như cá phải trải qua kỳ thi vượt vũ môn để hóa thành rồng. Kỳ thi này vì được tổ chức trong thời Tam Kỳ Phổ Độ nên được gọi là Tam Long Hoa Hội, do Đức Di Lạc Thiên Tôn thiết lập và làm chánh chủ khảo, tức chủ nhơn ngôi Hoàng Cực, nên có danh xưng là Chủ Nhơn Hoàng Cực Di Lạc Thiên Tôn.

B. Ý nghĩa bài thi

1. ĐƯƠNG nhiên đạo pháp dị nam cầu,

Đương nhiên: Tất nhiên, lẽ tự nhiên.

Đạo pháp: Phép tắc giúp hành giả đắc đạo.

Nơi đây nên hiểu là Chánh Pháp Cao Đài với phương tu để đắc đạo là song hành Phổ độ và Tu luyện. Từ yếu tố âm dương căn bản này (2) Pháp mới biến sanh cụ thể thành pháp Tam công (3), do Đức Chí Tôn lâm phạm khai mở trong

Tam Kỳ Phổ Độ để tận độ tàn linh thời mạt kiếp này.

Dị: Truyền tới.

Nam cầu: Phía nam của hoàn cầu. Ý nói nước Việt Nam ở về phía Đông Nam Châu Á.

Ý nghĩa câu 1: Thiên cơ vận chuyển, như một lẽ tự nhiên, Chánh Pháp Đại Đạo nay được truyền đến xứ Việt Nam.

2. LAI vãng hồng trần độ ngũ châu.

Lai vãng: Qua lại.

Ý nghĩa câu 2: Đức Di Lạc Thiên Tôn qua lại trong cõi hồng trần này để độ dẫn khắp chúng sanh, chớ không riêng tại đất nước Việt Nam.

3. HẠ giới mê nhưn trầm khổ hải.

Hạ giới: Người ở cõi phàm tục này.

Mê nhưn: Con người mê muội, tăm tối.

Trầm : Chìm đắm.

Khổ hải: Biển khổ.

Ý nghĩa câu 3: Con người phàm tục nơi hạ giới này đang ngập chìm trong biển khổ của cơ sàng sẩy trong thời hạ ngươn mạt kiếp.

4.SANH môn suất tánh đoạt thành sàu.

Sanh môn: Người môn đệ của Đức Chí Tôn.

Suất tánh: Noi theo tánh lành mà Thượng Đế đã phú bẩm nơi mỗi người.

Đoạt thành sàu: Vượt thoát khỏi những phiền não ở thế gian.

Ý nghĩa câu 4: Người môn đệ của Đức Chí Tôn nếu biết sống thuận theo tánh lành vốn sẵn nơi mình, ham tu mộ đạo, chuyên cần thực hành pháp môn Tam Công, sẽ được giải

thoát khỏi những phiền não ở thế gian.

5. DI ĐÀ NHỨT CÚ TRI PHƯƠNG THỨC,

6. LẠC CẢNH TAM TÔNG HÓA NHIỆM MÀU.

Di Đà nhứt cú: Do câu kinh Phật: *“Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm; Bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương”*. Có nghĩa là chỉ với một câu “A Di Đà Phật”, hành giả cứ thường xuyên tụng niệm thì không cần tốn nhiều công sức cũng đến được Tây Phương Cực Lạc.

Tri phương thức: Biết cách thức.

Lạc cảnh: Cảnh giới an lạc, hạnh phúc.

Tam Tông: Tam giáo đạo Phật, Thánh, Tiên.

Ý nghĩa câu 5 và câu 6: Người biết chuyên tâm niệm Phật, luôn tưởng nghĩ đến Phật và làm theo lời dạy của Phật thì sẽ thấy điều nhiệm màu xảy đến, đó là tâm luôn được an lạc hạnh phúc như đang sống cảnh giới của chư Phật Thánh Tiên.

7. TÔN THƯỢNG TRIỀU NGƯƠN BAN THÁNH ĐỨC,

Tôn thượng: Trên chỗ cao quý, nơi cõi Thượng Thiên.

Triều: Bái kiến vua hay thần minh.

Ngươn: Nguyên: Nguồn cội. Nơi đây ám chỉ Đức Chí Tôn.

Triều ngươn: Bái kiến Đức Chí Tôn.

Ban: Sắp đặt.

Thánh Đức: Đời Thượng Ngươn Thánh Đức.

Ý nghĩa câu 7: Nơi cõi Thượng Thiên, những chơn linh tu hành đắc quả trở về bái yết Đức Chí Tôn để được ân phong phẩm vị rồi ra tạo dựng đời Thượng Ngươn Thánh Đức.

8. PHẬT TIÊN THẦN THÁNH CỘNG CA ÂU.

Cộng: Chung hưởng

Ca âu=Âu ca: Hát lên để vui mừng đời thái bình thịnh trị.

Ý nghĩa câu 8: Phật Tiên Thánh Thần cùng hát lên để mừng cảnh thái bình thịnh trị của thời Thượng Ngươn Thánh Đức. Thời Thánh Đức là thời mà tất cả cư dân đều có trình độ tiến hóa tâm linh xứng bậc hiền hơn quân tử.

Tóm ý toàn bài thi:

Đang thời Hạ ngươn mặt kiếp, vũ trụ đang tiến sang đời Thượng Ngươn Thánh Đức nên Thượng Đế Chí Tôn lâm phạm mở đạo tại xứ Việt Nam để tuyển lựa người hiền cho đời Thánh Đức. Đức Di Lạc Thiên Tôn nhận nhiệm vụ từ Đức Chí Tôn giao phó. Ngài lai vãng khắp ngũ châu thế giới để cứu độ những ai còn lặn ngụp trong bể khổ. Những ai hữu phước hữu duyên được làm môn đệ của Đức Chí Tôn, được thọ pháp môn Cao Đài và chú tâm tu hành cho đến ngày công thành quả mãn sẽ được về triều kiến Đức Chí Tôn, được ân phong ngôi vị Phật Tiên Thánh Thần. Còn những vị chưa đủ công đức để trở về quê xưa thì vẫn luân hồi vào thế gian và được nhận quyền pháp ra lập đời thái bình Thánh Đức.

III. TỪ NGỮ

ĐƯƠNG 當 (bộ điền) 1. Đương lúc / 2. Đảm đương, gánh vác / 3. Thích hợp, tương xứng (môn đương hộ đối) / 4. Coi như, xem như, lấy làm (hàn dạ khách lai trà như tửu = đem lạnh khách đến trà coi như rượu).

ㄣ Bộ tiểu: Nhỏ

冫 Bộ mịch: Trùm, đầy.

𠂔 Bộ khẩu: Miệng.

田 Bộ điền: Ruộng.

NHIÊN 然 (bộ hỏa) 1. đốt cháy / 2. Cho là đúng, tán đồng

(nhiên kỳ thuyết=tán đồng lời nói đó)

月 Bộ nhục: Thịt. Thể xác.

犬 Bộ khuyển: Con chó.

火 Bộ hỏa: Lửa.

Đương nhiên: tất nhiên, tự nhiên, dĩ nhiên, phải như vậy, đúng như thế.

ĐẠO 道 (bộ sước) 1. Con đường / 2. Đạo lý, cái lẽ nhất định ai cũng phải noi theo / 3. Tư tưởng, học thuyết / 4. Tôn giáo / 5. Sự vận động theo những luật tắc tự nhiên (gọi là luật thiên điều) của mỗi cá thể để duy trì sự sanh hóa và tiến hóa chung của vũ trụ vạn vật.

首 Bộ thủ: Đầu.

𠂇 Bộ thảo: Cỏ

自 Bộ tự: Tự mình. Từ...đến. Tự nhiên.

止 Bộ sước: Chợt đi, chợt dừng.

PHÁP 法 (bộ thủy) Phép tắc, khuôn mẫu, khuôn phép.

氵 Bộ thủy: Nước.

去 Bộ khứ: Đi.

土 Bộ thổ: Đất.

厶 Bộ khư (tư): Riêng tư.

Đạo pháp: Phép tắc để đắc đạo. Đó là giáo lý và pháp môn Tam Công cho người tín đồ Cao Đài bám vào đó mà học, hiểu và hành theo cho đến trọn đời để vừa xây Thế đạo đại đồng, vừa thực hành Thiên đạo giải thoát.

𠂇 Bộ phương) 1. Dài, lâu dài, kéo dài ra / 2. Truyền tới.

方 Bộ phương: Phương hướng. Vuông.

也 Dã: Vậy. (Thiên giả ngã dã: Trời là ta vậy).

NAM 南 (bộ thập) Phương nam.

十Bộ thập: Số 10.

冂Bộ quynh: Đất ở xa ngoài cõi nước.

千Bộ can: Liên quan. Thiên can.

CẦU球(bộ ngọc) 1. Vật hình cầu / 2. Địa cầu.

玉Bộ ngọc: Đá quý.

王Vương: Vua.

求Cầu: Đòi hỏi, yêu cầu. Xin cứu giúp.

Nam cầu: Phía nam của địa cầu (nước Việt Nam).

1/ĐƯƠNG nhiên đạo pháp dị nam cầu: Chánh pháp Cao Đài truyền tới xứ Việt Nam là một lẽ đương nhiên (theo đúng thiên cơ; Việt Nam là một dân tộc được chọn ban trao quyền pháp).

LAI來(bộ nhân) 1. Lại, đến / 2. Sẽ đến (lai sanh=đời sau)

人Bộ nhân: Người.

木Bộ mộc: Cây.

VÃNG往(bộ xích) 1. Đi / 2. Đã qua (dĩ vãng)

彳Bộ xích: Bước chân trái.

主Chủ: Người đứng đầu.

Lai vãng: Qua lại.

HỒNG紅(bộ mịch) 1. Màu hồng nhạt. Màu đỏ. / 2. Nhận nhíp, đẹp đẽ.

糸Bộ mịch: Sợi tơ.

工Bộ công: Người thợ. Khéo léo tinh xảo. (Công, dung, ngôn, hạnh).

TRẦN塵(bộ thổ) 1. Bụi bặm / 2. Thế gian, cõi đời.

鹿Bộ lộc: Con hươu.

土Bộ thổ: Đất.

Hồng trần: Chốn bụi hồng. Cõi đời phù hoa. Nơi phồn hoa

náo nhiệt.

ĐỘ 度 (bộ nghiễm) 1. Bến đò / 2. Qua sông / 3. Cứu giúp / 4.

Phép tắc, quy phạm (chế độ)

宀 Bộ nghiễm: Mái nhà.

廿 Nhập: Hai mươi.

又 Bộ hựu: Lại, nữa.

NGŨ 五 (bộ nhĩ) Số 5.

CHÂU 洲 (bộ thủy) 1. Vùng đất lớn nổi lên giữa sông (cù lao) / 2. Chỗ đất liền nổi các biển trên địa cầu.

氵 Bộ thủy: Nước.

州=1. Nghĩa như 洲 2. Đơn vị hành chánh xưa=2500 hộ gia đình. 川, 州 Bộ xuyên: Sông.

Ngũ châu: Năm châu lớn trên địa cầu: Á châu, Âu châu, Phi châu, Mỹ châu, Úc châu. Nói chung là toàn cầu.

2/ LAI vãng hồng trần độ ngũ châu: Qua lại cõi hồng trần để độ dẫn khắp chúng sanh.

HẠ 下 (bộ nhất) Phía dưới, chỗ thấp.

GIỚI 界 (bộ điền) 1. Ranh giới, giới hạn / 2. Cảnh, cõi (Tiên giới, thượng giới, hạ giới, thế giới).

田 Bộ điền: Ruộng.

介 Giới: Trung gian

Hạ giới: Cõi đời.

MÊ 迷 (bộ sước) 1. Lạc, không biết phương hướng (mê lộ: Lạc đường / 2. Không rõ ràng làm cho rối trí sai lầm (mê đồ: đường lối sai lạc; mê cung: đường lối quanh co khó tìm chỗ thoát hoặc tình huống phức tạp khó giải quyết) / 3. Đắm đuối, say đắm, ham thích quá độ nên mất sáng suốt.

米 Bộ mễ: Ngũ cốc.

木 Bộ mộc.

ㄣ Bộ bát: Số 8.

止 Bộ sước; Chợt đi chợt dừng.

NHƠN 人 (bộ nhân) Người.

Mê nhân: Người mê muội, lầm lạc.

TRẦM 沉 (bộ thủy) Chìm, đắm.

氵 Bộ thủy: Nước

冫 Bộ mịch: Trùm, đậy.

几 Bộ kỷ: Bàn nhỏ, ghế.

KHỔ 苦 (bộ thảo) 1. Vị đắng (khổ qua) / 2. Cảnh ngộ khó khăn, vất vả, cực nhọc / 3. Thử thách, làm cho khốn khó (Mạnh Tử: Thiên tương giáng đại nhậm ư tư nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt=Trời định giao cho người nào trách nhiệm lớn lao, ắt trước tiên làm cho khốn khó tâm chí, nhọc nhằn gân cốt).

艹 Bộ thảo: Cỏ

古 Cổ (bộ khẩu) Xưa, cũ.

HẢI 海 (bộ thủy) Biển.

氵 Bộ thủy: Nước

每 Mỗi (bộ vô) Các, mỗi (Mỗi nhật; Mỗi ngày)

毋 Bộ vô: Không, chẳng.

母 Mẫu: Mẹ

3/ HẠ giới mê hơn trầm khổ hải: Nơi hồng trần này chúng sanh lầm lạc, mê muội đang chìm trong biển khổ.

SANH 生 (bộ sinh) 1. Sống, mạng sống, có sự sống / 2. Học trò (học sanh, môn sanh) / 3. Người có học (học giả)

MÔN 門 (bộ môn) 1. Cửa / 2. Then chốt, mối manh (chúng diệp chi môn=cái then chốt của mọi điều màu nhiệm) / 3. Học

phái, tông phái (Khổng môn: Học phái của Đức Khổng Tử).

Sanh môn: Tín đồ.

SUẤT率(bộ huyền) 1.Dẫn dắt, chỉ huy (suất binh: cầm quân, chỉ huy quân đội) / 2. Noi theo.

玄Bộ huyền: Áo diệu,sâu xa.

氷Bộ thủy: Nước.

十Bộ thập: Số mười.

TÁNH=TÍNH 性(bộ tâm) 1.Tính tình, tính khí,bản năng vốn có / 2. Giống loài (nam tính, nữ tính) / 3. Cái bản chất thiện lương tốt đẹp được Trời phú bẩm cho mỗi người (Chơn tánh,Thiên tánh, Thượng Đế tánh, Phật tánh, Lương tâm).

Suất tánh: Noi theo, sống thuận theo Thiên tánh tốt đẹp mà Thượng Đế đã phú bẩm nơi mình.

†Bộ tâm

生Bộ sinh.

ĐOẠT奪(bộ đại) 1.Quyết định (định đoạt) / 2. Cướp lấy, giành lấy, tước đoạt, tiêu trừ

大Bộ đại: To lớn.

隹Bộ chuy: Chim đuôi ngắn.

寸Bộ thốn: Tấc.

THÀNH 城(bộ thổ) Tường lớn bao quanh một kinh đô, một khu đất để bảo vệ, không cho người lạ xâm nhập.

土Bộ thổ: Đất.

成Thành (bộ qua) Xong, trọn, nên (Hoàn thành, thành toàn, thành tựu)

SẦU 愁 (bộ tâm) Nỗi buồn lo, đau khổ, bi thương.

禾Bộ hòa: Lúa.

火Bộ hỏa: Lửa.

秋Thu (bộ hòa): Mùa thu.

心Bộ tâm

4/ SANH môn suất tánh đoạt thành sâu: Người tín đồ tinh thông đạo pháp, nhận ra được Thiên tánh tốt đẹp trời phú bẩm cho mình, sống thuận theo đó sẽ dứt bỏ được những phiền não đau khổ của cuộc đời.

廌彌(bộ cung)

弓Bộ cung: Cái cung.

阝ĐÀ(bộ phụ)

阝Bộ phụ: Gò đất.

Di Đà: Chữ nói tắt của A Di Đà Phật.

NHỨT 一 (bộ nhất) Số một.

CÚ 句 (bộ khẩu) Câu.

勹Bộ bao: Bọc, gói.

Di Đà nhứt cú: Một câu niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”

TRI 知 (bộ tri) Biết, hiểu biết.

矢Bộ thi: Mũi tên.

PHƯƠNG 方 (bộ phương) 1. Vuông /2. Hướng /3. Nơi, chốn, khu vực /4. Kê đơn thuốc (đối chứng lập phương) /5. Làm trái lại (phương mệnh: trái mệnh lệnh /6. Phương pháp, cách thức (trăm phương ngàn kế).

THỨC 式 (bộ thức) Phép tắc, cách thức

弋Bộ đặc: Chiếm lấy. Săn bắn.

亼Bộ công: Người thợ.

5. DI Đà nhứt cú tri phương thức: Biết cách niệm một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”. Hàm ý luôn luôn tưởng nhớ đến lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng để tránh tạp niệm đồng thời tự điều chỉnh tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của mình cho hợp

đạo lý.

LẠC 樂 (bộ mộc) Vui, thích.

白 Bộ bạch: Màu trắng.

幺 Bộ yêu: Nhỏ.

木 Bộ mộc: Cây.

CẢNH 境 (bộ thổ) 1/ Tình huống, tình trạng, cảnh ngộ, hoàn cảnh. / 2. Những gì chúng ta thấy chung quanh (cảnh trí, phong cảnh, thắng cảnh).

土 Bộ thổ: Đất.

竟 Cánh: Cuối cùng, rốt cuộc (hữu chí cánh thành: Có chí thì cuối cùng việc cũng xong).

Lạc cảnh: Cõi an lạc, hân hoan, vui vẻ (Tiên cảnh, Niết bàn)

TAM 三 (bộ nhất) Số ba.

TÔNG 宗 (bộ miên) 1/ Tổ tiên (liệt tổ liệt tông) / 2. Họ hàng, dòng tộc (đồng tông: cùng họ) / 3. Dòng, phái (Nam tông, Bắc tông) / 4. Chính yếu, chủ yếu (Tông chỉ: Đường hướng của một tổ chức)

宀 Bộ miên: Nóc nhà.

示 Thị: Báo cho biết. (Cáo thị: Thông báo)

Tam tông: Tam giáo Nho Thích Đạo, với tư tưởng chủ đạo dựa trên nền đạo học Đông Phương: thân tuy sống trong cõi đời ô trược nhưng tâm không nhiễm trần. Phá chấp, giữ tâm thanh tịnh để diệt hết phiền não hầu đạt tới cứu cánh giải thoát.

HÓA 化 (bộ chủy): 1. Biến hóa / 2. Dạy dỗ (giáo hóa), cảm hóa (đức hóa: Lấy đức cảm hóa người).

乚 Bộ chủy (tỷ) Cái muỗng.

† Bộ nhân: Người.

神奇 NHIỆM MẦU

Nhiệm mầu là thuật ngữ dùng trong lãnh vực tôn giáo, mang ý nghĩa một sự huyền diệu, một sự trải nghiệm tuyệt vời kỳ lạ mang tính cao siêu, kín đáo, khó lý giải, khó diễn tả, gây ấn tượng khó quên. Thí dụ cụ thể: Một đám cháy rất lớn bộc phát từ trụ phòng của Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài giữa lúc đang chuẩn bị để sáng mai đón khách đến dự Lễ Kỷ Niệm. Trong lúc chờ đợi đội cứu hỏa đến, mọi người vào Chánh Điện thắp hương khẩn cầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Ngay lập tức, trời đang tạnh ráo bỗng mây đen từ đâu kéo tới và giáng xuống một trận mưa rất ấn tượng trong niềm cảm xúc dâng trào của tất cả. Mọi người đồng kinh ngạc kêu lên: “Nhiệm mầu thay oai lực của Đức Quan Thế Âm!”

7/ LẠC cảnh Tam Tông hóa nhiệm mầu: Nhiệm mầu thay cái tâm thanh tịnh hướng về Phật Pháp đã hóa thành lạc cảnh Tam Tông. Niết Bàn Cực Lạc, trú xứ của hàng Phật Tiên Thánh Thần, đang có mặt ngay thời khắc này đây, trong tâm thanh tịnh của ta, bất kể thân này vẫn còn đang ở cõi trần lao.

TÔN 尊(bộ thốn) 1. Cao quý (Tôn khách: Khách quý) / 2. Cao (Thiên tôn địa ti: Trời cao đất thấp) / 3. Kính trọng (Tôn sư trọng đạo) / 4. Tiếng kính xưng bề trên (Tôn trưởng: Bậc bề trên; Chiêm ngưỡng tôn nhan: Chiêm ngưỡng dung nhan của Phật).

酉 Bộ dậu: Giờ dậu. Rượu.

寸 Bộ thốn: Tấc.

THƯỢNG 上(bộ nhất): 1.Trên, chỗ cao / 2. Vua, Hoàng đế (Chúa thượng, Kim thượng) / 3. Bậc tôn trưởng. (Phạm

thượng:Xúc phạm bên trên trước).

Tôn thượng: Trên chỗ cao quý, nơi cõi Thượng Thiên.

TRIỀU朝(bộ nguyệt) 1.Nơi vua tôi bàn chính sự (Triều đình) / 2. Triều đại / 3. Châu , vào hầu (vua) / 4. Xoay về, hướng về (Triều đông:xoay về hướng đông; Triều tiền: Hướng về phía trước.

月Bộ nguyệt: Trăng, tháng.

早Tảo: Sớm.

NGŨ'ƠN= NGUYÊN 原(bộ hán)1. Gốc (Đại nguyên:Gốc lớn) Thái Cực, Đức Chí Tôn, Cõi Thượng Thiên. /2. Nguyên sơ, mở đầu, lúc đầu (nguyên thủy, nguyên bản, nguyên văn) /3. Cánh đồng (bình nguyên, thảo nguyên).

厂Bộ hán: Sườn núi.

白Bộ bạch: Màu trắng.

小Bộ tiểu: Nhỏ.

Triều ngươn: Châu Thầy. Bái yết Đức Chí Tôn.

BAN班(bộ ngọc)1. Nhóm, tốp,lớp (phân lập lưỡng ban:chia thành hai nhóm) / 2. Ban phát, cấp cho (ban ơn) / 3. Bày ra, sắp đặt, xếp đặt.

玉Bộ ngọc: Đá quý.

王Vương: Vua.

刀Bộ đao: Con dao.

THÁNH聖(bộ nhĩ)1.Lời nói tỏ ý tôn kính(Thánh dụ, Thánh thi, Thánh ngôn) / 2. Người có tài học cao hiểu rộng thông suốt lẽ đời và có nhân cách phẩm hạnh đạo đức (Thánh nhân, Thánh hiền, Bậc thánh) / 3. Phẩm vị Thánh nơi cõi Thiên Liêng.

耳Bộ nhĩ: Tai.

☐Bộ khẩu: Miệng.

王Vương: Vua.

ĐỨC德(bộ xích) 1. Đạo đức. Là phẩm chất cao đẹp đúng quy chuẩn mà mọi người phải tuân theo / 2. Ân trạch (thi ân bố đức) /3. Ý, lòng, tâm ý (Nhứt tâm nhứt đức: Một lòng một dạ, trước sau như một) / 4. Tốt, lành (đức chính:Chính trị tốt) / 5. Cái khí tốt (vượng khí) trong bốn mùa (Mùa xuân gọi là “thịnh đức tại Mộc”, mùa hè gọi là “thịnh đức tại hỏa”)

𠂇Bộ xích: Bước chân trái.

目Bộ mục: Mắt.

Thánh đức.

Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư đã mô tả đời Thánh Đức khi tỏ lòng hoài niệm về những năm tháng cũ: Một cảnh thế gian thật thanh bình, trên trời chim hạc (chim tiên) hân hoan bay vi vút; dưới đất Thần Tiên trị thế, đem việc đạo đức nghĩa nhân ra bàn luận để giáo hóa nhân sanh; nhân sanh hăng hái cần mẫn trau dồi để xứng đáng là thánh đức, hiền nhân.

*Lưng trời bạch hạc bay vi vút,
Mặt đất Thần Tiên luận nghĩa ân.
Mở khóa người đời tìm Thánh đức,
Trau giũa kẻ sĩ học hiền nhân.¹*

Đức Chí Tôn nói về đời Thánh Đức như sau:

“Các con khá biết: Đạo có ba ngươn, ba ngươn ấy là cái số cuối cùng của trời đất. Trước hết, mở đầu là THƯỢNG NGUƠN. Thượng ngươn đây chính là ngươn tạo hóa, là ngươn đã

1. Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thiên Lý Đàn, 29.12 Ất Tỵ (20.01.1966).

gây dựng cả càn khôn vũ trụ. Vậy khi mới tạo thiên lập địa, nhưn loại sanh ra thì tánh chất con người rất đổi hồn hồn ngạc ngạc, còn đang thuần phác thiện lương, nên chỉ cứ thuận tùng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc mà vui say mùi Đạo thánh ngày. Bởi đó, đời thượng cổ mới có danh là đời THƯỢNG ĐỨC, mà thượng nguơn ấy cũng kêu là nguơn THÁNH ĐỨC nữa”.²

7/ TÔN thượng triều nguơn ban Thánh đức: Nơi cõi Thượng Thiên, những chơn linh tu hành đắc quả trở về bái yết Đức Chí Tôn để được ân phong phẩm vị rồi ra tạo dựng đời Thượng nguơn Thánh Đức. Điều này rất phù hợp với lời dạy của Đức Chí Tôn năm xưa:

“Thầy đến với các con một mùa xuân mới. Các con hãy vui vẻ thưởng xuân, đem Đạo Thầy truyền bá khắp nơi, đem hột giống lành gieo rải lan tràn và đem ân lành phổ cập cho tất cả con cái của Thầy, cho chúng hiểu được lý Đạo, trở về nguyên lý hiệp nhứt cùng Thầy, hầu tái lập cõi đời thượng nguơn thánh đức”.³

PHẬT 佛 (bộ nhân)

TIÊN 仙 (bộ nhân)

THẦN 神 (bộ kỳ)

THÁNH 聖 (bộ nhĩ)

CỘNG 共 (bộ bát) 1. Cùng (Cộng minh: Cùng kêu) /2. Tổng cộng /3. Chung hưởng (Dữ bằng hữu cộng: Cùng chung

2. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo.

3. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 29.12 Ất Tỵ (20.01.1966).

hưởng với bạn bè).

↗Bộ thảo: Cỏ.

一Bộ nhất: Số 1.

八Bộ bát: Số 8

CA 歌(bộ khiếm) 1. Hát, ca / 2. Bài ca, khúc hát.

欠Bộ khiếm: Thiếu.

可Khả: Có thể.

哥Ca: Khúc hát.

謳謳(bộ ngôn) 1. Hát, ca /2. Bài hát, ca dao)

言Bộ ngôn: Nói, lời nói.

區Khu: Phân chia (Khu biệt: Phân biệt)

匚Bộ phương: Khí cụ ngày xưa để đựng đồ vật.

品Phẩm: Hạng, cấp (Cực phẩm: Hạng tốt nhất); Đồ vật, hàng hóa (thực phẩm, sản phẩm).

Ca âu: Âu ca: 1. Hát lên để vui mừng đời thái bình thịnh trị / 2. Hát lên để ca ngợi công đức nhà vua. (Tự điển Hán Nôm của tác giả Nguyễn Quốc Hùng).

8/ PHẬT Tiên Thần Thánh cộng ca âu. Đây là cõi Niết Bàn đầy phúc lạc. Các Đấng cùng vui mừng cho đời thanh trị mới, bắt đầu lại tại thế gian của Thượng Ngươn Thánh Đức.

24.1.2024

Giáo sĩ Diệu Như

HẠT GIỐNG ĐẠO

Đạt Thật

Buổi bình minh của Đại Đạo, Đức Thượng Đế đã chọn Ngài Ngô Văn Chiêu làm hạt giống Đạo đầu tiên để ươm mầm, vun phân tưới nước, chăm sóc ân cần. Từ đó, hạt giống Cao Đài hội đủ điều kiện sinh sôi nảy nở phát triển sâu rộng cho tới ngày hôm nay.

Những hàng sứ đồ tiên phong được Đức Thượng Đế tuyển chọn và ban trao quyền pháp thực thi sứ mạng gieo hạt giống đạo Cao Đài cùng khắp mọi nơi, ngõ hầu thực hiện cơ cứu độ Kỳ Ba, mở ra một kỷ nguyên Thánh đức với những nhân tố thánh thiện nhận thức trách nhiệm thể Thiên hành đạo, ý thức tự hoàn hảo hóa bản thân đến chân thiện mỹ để làm gương sống đạo cho nhân sanh, và thánh hóa bản tâm, thăng hoa siêu xuất thế gian.

1. ĐỨC THƯỢNG ĐẾ CHỌN ĐẤT GIEO GIỐNG

Tình thương của Đức Thượng Đế¹ mang tính công bằng tuyệt đối, không lãnh vực, không biên cương, không giới

1. “Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.” (Đức Chí Tôn, CQPTGLĐĐ, 15.10 Giáp Dần).

hạn... Ngài vô tư ban rải đồng đều cho tất cả các chủng tộc hiện hữu trên khắp hoàn cầu, không có sự phân biệt màu da sắc tóc, quý tiện sang hèn. Bởi vì, trong tự thân của tất cả muôn loài vạn vật đều chứa đựng mầm sống của Ngài. Mầm sống đó là Thượng Đế tính hàm tàng trong mỗi mỗi chúng sanh. Từ đó, là động năng thúc đẩy cho sự tiến hóa của vạn hữu trên nấc thang của Tạo Hóa.

Sở dĩ Đức Thượng Đế chọn mảnh đất Việt Nam để gieo hạt giống Đạo và ban đặc ân cho dân tộc Việt nhận lãnh trách nhiệm vun phân, tưới nước. Bởi vì họ có đức tin, có tình thương và lòng hiếu hòa... trội hơn các dân tộc khác trên thế giới.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo du nhập và nội sinh, nhưng đất nước chúng ta không kỳ thị tôn giáo và cũng không có chiến tranh tôn giáo như một số quốc gia khác trên thế giới. Chính vì những ưu điểm nổi bật đó, dân tộc Việt mới hữu duyên, hữu phước hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tôn chỉ Tam giáo đồng nguyên, vạn giáo nhất lý, lập trường thuần chơn vô ngã, là những tiền đề căn bản để hạt giống Đạo càng ngày càng tăng trưởng và phát triển sâu rộng khắp mọi nơi, ngõ hầu thực hiện mục đích: “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát” của Đại Đạo.

Đức Chí Tôn dạy:

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông Tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức

tin, về lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.²

Đức Thượng Đế chọn mảnh đất Việt Nam làm khu vườn mẫu để gieo giống và chọn con người Việt Nam làm những nông phu chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc vun phân, tưới nước, theo dõi mức độ tăng trưởng của các hạt giống Đạo đã được gieo cho tới ngày thu hoạch đạt năng suất hiệu quả nhất. Có như vậy, hạt giống Đạo mới được nhân rộng ra nhiều nơi nhiều chỗ, đâu đâu cũng có.

Hạt giống Đạo là hạt giống tình thương, là sự sống, là đạo đức, là nhân bản, là tình người, là bảo bọc cho nhau trong cõi ta bà đầy biến động. Muốn cứu người trước tiên phải cứu mình. Dân tộc Việt phải là một dân tộc thuần túy đạo đức mới mong thuần hóa xã hội. “Thừa” trong nhà mới ra ngoài đồng, phải “đồng nhơn vu tông”, rồi mới “đồng nhơn vu giao”³, và đi đến chỗ “đồng nhơn vu dã” (chung cùng với người trong họ hàng, chung cùng với người ở đồng nội, chung cùng với người ở ngoài đồng).

Minh Lý Chơn Giải viết:

*Phút đại đồng, đồng nhơn vu dã,
Cảnh thái hòa, thiên hạ thần tiên.*

Đúng như lời Thầy giáo hóa:

“Thầy đem giống Đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hòa nhưng

2. Thầy, Thiên Lý Đàn, 30.10 Mậu Thân (19.12.1968).

3. Kinh văn Quê Thiên Hóa Đồng Nhân.

đau khổ này để các con chung nhau vun xới, tưới nước, bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược, đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đói vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này, mà trước tiên là cứu dân tộc các con.

Giống này cần phải gieo trồng càng nhiều, càng phổ biến cho quảng đại quần chúng cùng trồng, mới mong đủ trái lành ngon ngọt và mới có thể cứu đói khắp nhân loại trong thời kỳ sắp tới.

... Hạt giống lành Thầy vừa nói đó là Đạo, nền Đại Đạo mà các con đang tin tưởng, đang hành sự, đang công quả”.⁴

Nhà nông có câu: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, phải hội đủ những điều kiện như thế, các hạt giống chúng ta gieo mới đâm chồi nảy tược, gốc rễ cứng cáp, cành lá sum sê, hoa thơm trái đẹp... đó là những yêu cầu phải được cung cấp đầy đủ và đáp ứng kịp thời. Thế nhưng, còn một yếu tố rất quan trọng đóng vai trò quyết định cho việc thu hoạch đạt kết quả bội thu hay thất thu trong các vụ mùa, đó là vùng đất mà chúng ta chọn có phù hợp với những hạt giống chúng ta sẽ gieo hay không?

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn trong một lần lâm đàn đã nhắc lại lời Đức Chúa như sau:

“Khi Đức Chúa Jêsus cùng chư môn đồ giảng đạo trước quần chúng, Chúa dùng lời thí dụ chuyện gieo giống. Các hạt giống được đem gieo, những hạt bị rơi ở mé đường cũng không khỏi bị chim chóc nó nuốt đi. Những hạt rơi trên tảng đá, sống tạm vào chút ít cát bụi mà lên, cũng không khỏi bị úa tàn vì rễ

4. Thầy, Thiên Lý Đàn, 30.10 Mậu Thân (19.12.1968).

*không châm sâu được. Những hạt rơi vào lùm bụi gai góc cũng lên, nhưng bị nghẹt vì gai góc. Còn những hạt rơi vào đất tốt sẽ nảy tược đâm chồi và kết quả”.*⁵

Các hạt giống có tồn tại, phát triển hay không là do tác động của môi trường. Như vậy, Hạt giống Đạo được gieo trên mảnh đất Việt là do chính Đức Thượng Đế chọn.

Đức Chí Tôn dạy:

Chính mình Thầy đến chốn Nam bang,

*Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng.*⁶

Đức Như Ý nhắc tiếp lời Đức Chúa dạy:

“Môn đồ hỏi Chúa: Thí dụ như thế có ý gì?

Chúa bảo rằng: hạt giống là Đạo, Thiên Chúa ban cho, còn:

–Những hạt rơi trên mé đường là những kẻ nghe Đạo nhưng ma quỷ sợ họ tin rồi được cứu rồi đi nên chực rước đạo ra khỏi lòng họ.

–Những hạt rơi trên đá là những kẻ nghe đạo bèn vui mừng nhận lấy, nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi, khi gặp sự cám dỗ thì họ sẽ ngã.

–Những hạt rơi vào gai góc là những kẻ nghe đạo rồi bị sự lo lắng giàu có vui thú của đời sống làm nghẹt đi mà không sanh được trái chín.

*–Những hạt rơi vào đất tốt là những kẻ nghe đạo rồi lấy lòng thành thật lương thiện mà gìn giữ, nhẫn nại mà kết quả”.*⁷

Qua đó, chúng ta thấy rằng, hạt giống là Đạo, là linh hồn, là Phật tánh, là Thượng Đế tính, là mầm sống hiện hữu trong

5. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 02.12 Quý Sửu (25.12.1973).

6. Thầy, Thiên Lý Đàn, 14.01 Bính Ngọ (04.02.1966).

7. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 02.12 Quý Sửu (25.12.1973).

vạn vật, mầm sống đó là bản năng sinh tồn mà Thiên Chúa hay Đức Thượng Đế ban phát đồng đều cho tất cả chúng sanh. Muốn sinh tồn và phát triển để tiến hóa, chúng ta phải tự mình vươn lên hấp thụ mùi sương gió, hứng lấy sinh khí của đất trời, kết hợp quân bình của âm dương, thuận theo nhiệt độ của thời tiết, và tất cả phải được giao thoa đầm ấm trong khí thái hòa.

Kinh văn Quẻ Kiền viết: Tự cường bất tức (Không ngừng lớn mạnh).

Kinh văn Quẻ Tấn viết: Tự chiếu minh đức (Soi sáng chính mình).

Hàm nghĩa của hai câu kinh văn: Tự thân vận động, tự chiến thắng bản thân, tự tu tự tiến, tự vun bồi đức tin, tự thấp đuốc mà đi và có đi được đến nơi, có về được đến chốn là cũng do tự mình quyết định. Bề Trên đã cung ứng cho chúng ta vốn tự hữu lúc khởi thủy, còn hoàn nguyên là việc của mỗi tự thể, tự lo liệu lấy.

Trước khi phản hồi phục lệnh Đức Như Ý ân cần khuyên bảo:

*“Chư hiền đệ hiền muội! Chính hôm nay Lão muốn nói lại lời Chúa Jésus với chư hiền, vì chư hiền là môn đồ của Chí Tôn Thượng Đế. Chư hiền sẽ lãnh hội và đem nói với con cái Đức Chí Tôn về ý đạo ấy. Lão muốn hạt giống Đạo được gieo vào đất tốt để đơm hoa kết quả. Lão muốn mỗi người đều tìm cầu cái Đạo ở bên trong mà đừng tìm cầu ở bên ngoài”.*⁸

Thể theo lời dạy của Đức Như Ý, có Trời mà cũng có người,

8. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 02.12 Quý Sửu (25.12.1973).

phải tương tác theo lý Thiên nhân hiệp nhất, hạt giống Đạo phải được gieo vào đúng môi trường, và mỗi người tự chăm sóc mảnh tâm điền, luôn luôn phản tỉnh nội cầu, có sự quan tâm đúng mức thì hạt giống Đạo sẽ phát triển đúng theo Thánh ý và đắc thành sở nguyện, không phụ lòng mong đợi của Thiên Liêng đã dày công chỉ đường dẫn lối.

2. HIỆN TÌNH CƠ ĐẠO

Nhìn lại hiện tình cơ Đạo ngày nay đã từng bước chuyển biến theo chiều hướng tích cực, tinh thần đoàn kết, sự gắn bó trong toàn Đạo được phát huy mang tính trí tuệ tập thể.

***Khối Liên Giao**

Khối Liên Giao các Hội Thánh và các tổ chức trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hình thành từ năm 2008 cho đến thời điểm hiện tại đã tuần tự nhi tiến, có nhiều hoạt động tích cực thúc đẩy sự phát triển chung cho toàn khối, xây dựng và thực hiện nhiều mô hình chung như:

- Kết hợp trí tuệ tập thể đã thực hiện được trên 40 số Tạp chí Cao Đài. (Quyển số 1 được phát hành vào tháng 6 năm 2009).

- Thống nhất quan điểm thành lập Học Viện Cao Đài và đã đưa vào hoạt động.

- Khai giảng các cấp lớp chức sắc, chức việc với giáo trình chung: Hạnh đường Sơ cấp và Trung cấp, do các thành viên trong Khối liên giao biên soạn.

- Ban Phước Thiện thực thi công quả với sự góp sức chung lòng của toàn Khối khi có thiên tai, dịch bệnh, bão lụt...

- Ban Tang Lễ phối hợp hành lễ chung toàn Khối khi nhận được ai tín.

Khối Liên Giao hành đạo trong tinh thần đồng đạo, đồng Thầy, đồng trách nhiệm, tương thân tương ái mật thiết khi có hữu sự, chung sức chung lòng lo cho tiền đồ Đại Đạo.

*Các thánh sở đơn lập

Mặc dầu chưa chính thức là thành viên trong Khối Liên Giao, nhưng các thánh sở đơn lập là thành phần cộng tác viên tích cực khi có đạo sự sẵn sàng tham gia hỗ trợ các phong trào vận động đóng góp chung như: giúp khó trợ nghèo, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ học bổng...

Tham dự và hỗ tương công quả các công trình trùng tu, tái thiết các cơ sở đạo, các buổi lễ liên giao, trao đổi giáo lý, chia sẻ kinh nghiệm hành đạo, tương trợ về sức khỏe, tương thân việc quan hôn tang tế trong toàn Đạo...

Các thánh sở đơn lập tu học hành đạo trong tinh thần đoàn kết và cầu tiến.

Nhìn chung toàn Đạo hiện nay đang nỗ lực học tập, tu tập về mọi mặt, chung sức chung lòng xiển dương chánh pháp Đại Đạo, làm cho nhơn sanh biết Thầy hiểu Đạo để cải tạo thanh bình nơi cõi thế gian, cho cục diện thế giới ngày nay lắng đọng hòa dịu, đong đầy tình thương, bảo tồn đạo đức. Đó là trách nhiệm to tát, là sứ mạng của những sứ đồ được chọn, vừa là chủ vườn, vừa là người làm vườn, để hạt giống Đạo được đâm chồi nảy tược trên mảnh đất Việt.

Đức Phật dạy:

*Lành thay Nam thiện bộ châu,
Đất linh gieo giống Đạo màu tế nhân.⁹*

9. Đức Phật, Huân Cung Đàn, 08.4 Ất Ty (07.5.1965).

Trong giới tu hành chú trọng nhất là cái tâm, chính nhờ bốn tâm thuần phát lương thiện Đức Thượng Đế mới chọn dân tộc Việt để gieo hạt giống Cao Đài và ban trao sứ mạng hoằng giáo độ nhơn trong cơ cứu độ Kỳ Ba, kiến tạo xã hội thanh bình cho nhân loại.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy:

“Bá tánh tuy xơ xác nghèo nàn, nhưng nhờ được một điểm tâm trung lương thiện, do đó Thượng Đế mới đem hạt giống đạo màu gieo rắc vào những mảnh tâm điền phì nhiêu đó”.¹⁰

Thế hệ tiếp nối

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn. Các công trình đã kiến tạo suốt gần một thế kỷ trôi qua, là sự hy sinh vô bờ bến, lòng quả cảm vô hạn của chư vị Tiền khai–Tiền bối trong toàn Đạo mới có được những thành quả như hiện tại.

Hạt giống Đạo phải được gìn giữ cẩn thận, bảo tồn nguyên vẹn và được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác như những đợt sóng trùng dương không bao giờ dứt. Có như vậy, đạo nghiệp ở hiện tại, vĩ nghiệp ở tương lai mới được phát triển bền vững đúng với tầm vóc của Đại Đạo.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

*Cơ tiến hóa tàn tàn mắng mọc,
Cuộc chuyển luân dân tộc nước non,
Giống lành quả tốt trái ngon,
Cây cam há trở bờ hòn được ư?
Thiếu niên ấy tạo đoan xã hội,*

10. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Xã Tam Thôn Hiệp, 09.9 Ất Tỵ (03.10.1965).

*Thiếu nhi là muôn đội binh hùng,
Đất lành gieo giống túc sung,
Chẳng hoài công của, kẻ vun người trồng.
Thanh thiếu niên tinh thần Việt quốc,
Bốn ngàn năm mảnh đất Giao Châu,
Cùng chung vũ trụ hoàn cầu,
Hình hài un đúc trong bầu thiên nhiên.¹¹*

LỜI KẾT

Đức Thượng Đế vì thương nhân loại nên lâm trần khai Đạo và chọn mảnh đất Việt làm một khu vườn mẫu để gieo những hạt giống đầu tiên, đồng thời giao cho dân tộc Việt vun phân tưới nước, chăm sóc cần mẫn, để cho hạt giống Đạo càng ngày càng phát triển thuận theo Thánh ý Thiên cơ và đúng với chu trình tiến hóa của vũ trụ.

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“Không lo Đạo bị bế tắc mà chỉ lo không đủ sức vững vàng phát triển. Không lo đời chưa hiểu Đạo mà chỉ lo Đạo không sáng tỏ mà thôi. Không lo không làm nổi việc lớn mà chỉ lo không có tư tưởng lớn”.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy:

“Thượng Đế vì nhơn sanh mà mở Đạo. Tam Giáo Thánh Nhơn vì nhơn sanh mà giáo Đạo, thì các em là hàng hướng đạo, phải vì nhơn sanh mà hành đạo, truyền Đạo”.¹²

Đức Đông Phương Chương Quân dạy:

11. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, TT. Ngọc Minh Đài, 03.3 Ất Tỵ (05.4.1965).

12. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên, Vĩnh Nguyên Tự, 02.9 Nhâm Tý (08.10.1972).

“Hiện giờ các em là những người hành đạo, đem từ tư tưởng lành, những hạt giống lành gieo rải đó đây để sửa soạn cho đám mạ giống tốt tươi, đem cấy trên mảnh lương điền của giống dân tộc Việt”¹³.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Mượn chốn trần gian một kiếp người,
Lập thân hành đạo dựng xây đời,
Thánh Tiên xưa cũng theo đường ấy,
Quả mẫn công thành trở lại ngôi.¹⁴*

13. Đức Đông Phương Chương Quán, TT. Ngọc Minh Đài, 15.6 Mậu Thân (10.7.1968).

14. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15.3 Giáp Dần (07.4.1974).

HỌC CHỮ NHẪN

Diễm Quỳnh

Hôm nay, đạo muội xin trình bày về chữ Nhẫn cùng những trải nghiệm trong cuộc sống đời thường để có thể chứng minh được tầm quan trọng của chữ Nhẫn trong việc giao tế giữa người và người. Cuộc đời này rất mong manh nhưng lại vô cùng phức tạp với bao nhiêu khổ nạn triền miên khiến con người không một giây phút nào yên. Muốn hóa giải những khó khăn rắc rối này thật ra không thể dựa vào những luật lệ hay những nguyên tắc nào.

Trong khoảng thời gian tạm bợ ngắn ngủi của một kiếp người, biết bao hỉ, nộ, ái, ố liên tục xảy ra. Nếu trong tình huống bị khảo đảo khó khăn nhất mà ta không dần lòng được, không làm chủ được mình thì chuyện gì sẽ xảy ra, chắc chắn rằng mọi việc sẽ không tốt đẹp. Đây cũng là lúc mà chữ Nhẫn cần phải được áp dụng rõ nét nhất.

Tục ngữ có câu:

*“Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê”*

Ai cũng biết khi nấu cơm ở giai đoạn cơm sôi, gần chín mà không bớt lửa thì nồi cơm sẽ ra sao? Có khác gì con người khi nổi cơn giận dữ, mất lý trí không nhẫn nhịn được thì sẽ có những hành động nguy hiểm khó lường.

Trong việc giao thông hằng ngày, thỉnh thoảng chúng ta gặp cảnh xe cộ va chạm nhau. Có những vụ việc xảy ra không nghiêm trọng, cũng chẳng gây thiệt hại nhiều, vậy mà sau đó lời qua tiếng lại, ai cũng cho mình là đúng, dẫn tới xung đột. Kết quả là vì không nhẫn nhịn được mà người thì vào bệnh viện, còn người kia vướng phải luật pháp. Nếu cả hai nhớ lời người xưa dạy: “Một câu nhịn, chín câu lành” thì chắc chắn mọi việc sẽ tốt đẹp hơn.

Trong Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển 1, bài “Trau Tâm Sửa Tánh”, Thầy có dạy:

“Con dụng đức để cải hóa người, nếu con dùng cường quyền, nộ khí, chẳng khác nào con làm cho kẻ đó thêm tội lỗi”.¹

“Nhịn một tiếng, lành thời được chín”

Và, muốn đạt được đức Nhẫn phải có tình thương, có sự khoan dung, dụng đức để cải hóa người chứ không phải dùng cường quyền nộ khí. Như vậy, chỉ một lời nhịn mà đạt được đến chín điều lành.

Người xưa cũng đã dạy:

“Nhẫn một chút thì sóng yên gió lặng

Lùi một bước thì biển rộng trời cao”²

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, Quyển 1

2. Một thành ngữ phổ biến trong văn hóa Á Đông, đặc biệt trong triết lý sống của người Trung Hoa. “忍一时风平浪静”: Nhẫn nhịn một lúc, sóng gió sẽ lặng yên.”退一步海阔天空”: Lùi một bước, biển rộng trời cao

Chỉ một chút nhẫn thôi, chỉ một bước lùi lại thôi mà sóng yên gió lặng, biển rộng trời cao. Chúng ta không cần phải vận dụng mọi sự chịu đựng, không cần phải nén nỗi đau, cũng không cần phải dẹp tự ái mà thiên hạ vẫn được thái bình.

Ngày nay, văn minh nhân loại phát triển ở đỉnh cao về mọi mặt, nhưng bên cạnh đó, đạo đức suy đồi trầm trọng; nạn bạo lực có chiều hướng tăng cao và phức tạp hơn. Từ bạo lực gia đình, đến học đường, những xung đột trên đường phố, việc tranh chấp giữa các nước, nguyên nhân thì nhiều mà trong đó yếu tố chính vẫn là con người chỉ nghĩ đến riêng mình, thiếu sự khoan dung, không nhường nhịn nhau, hay nói cách khác là thiếu chữ nhẫn.

Theo Hán tự, chữ Nhẫn 忍 gồm hai phần:

Trên là Bộ Dao (刀). Chữ Dao là mũi dao

Dưới là Bộ Tâm (心). Tâm là trái tim.

Hình ảnh mũi dao đâm vào tim, đau đớn biết dường nào. Chịu được đau đớn, chấp nhận nỗi đau xé lòng mà không than thở thì việc gì cũng chịu được hết.

Chữ Nhẫn thường đi đôi với nhiều chữ.

Nhẫn nại: Bền chí chịu đựng, phải làm cho xong công việc.

Nhẫn nhịn: Chịu đựng, chấp nhận hoàn cảnh không như ý.

Nhẫn nhục: Chịu đựng điều sỉ nhục.

Ơn Trên dạy:

“Chư đệ muội! Thế nhân thường nói nhẫn nhịn, nhẫn nhục, nhịn nhục. Hai chữ Nhẫn và nhịn đều hàm ý sự chịu đựng, bằng lòng chấp nhận, còn chữ nhục nói về điều xấu hổ, hổ thẹn, sự tủi nhục, thấp kém”.

Đức Đạo Đức Kim Tiên dạy:

*“Nhẫn dụng huệ gươm đoạn tự cao,
Là dẫn tự ái phải không nào?*

...

*Nhẫn là phương tiện đạt an hòa,
Vì giữ quân bình tâm nội ta,
Thì chẳng nghiêng chinh hay đổ vỡ,
Tổn tình đồng đạo, thế nhân hòa.”³*

Việt Nam có câu ca dao:

*“Chữ Nhẫn là chữ tượng vàng,
Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu”*

Câu này muốn nói rằng: Nhẫn có giá trị quý như vàng. Ai mà có được chữ Nhẫn có thể thoát được gian nguy, sống lâu mà còn có thể thành công lớn trong đời.

Nói đến chữ Nhẫn, chúng ta nhớ đến câu chuyện ông Trương Công Nghệ đời nhà Đường. Đại gia đình ông Trương Công Nghệ sống chung với nhau 9 đời hòa thuận an vui mà không hề xảy ra sự bất hòa nào.

Điều tốt đẹp này được vang danh và được vua nhà Đường lúc bấy giờ là Võ Tắc Thiên biết đến. Nhân một chuyến du ngoạn ngang qua trang trại nhà họ Trương, vua nhà Đường ghé thăm và hỏi ông Trương Công Nghệ bằng cách nào mà chín đời cùng sống chung với nhau thuận hòa êm ấm? Trương Công Nghệ lấy một tấm bảng to viết lên 100 chữ Nhẫn dâng lên vua. Võ Tắc Thiên ngưỡng mộ và ban cho một tấm biển

3. Đức Đạo Đức Kim Tiên, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 02.6 Đỉnh Hội (15.7.2007).

khắc 100 chữ Nhẫn bằng vàng đặt trước cửa trang trại.

Câu chuyện này có lần chúng ta được thấy trên màn ảnh nhỏ.

Thực hành được chữ Nhẫn là chúng ta sẽ đạt được chữ Hòa. Nước nhà được thịnh vượng, xã hội yên bình, gia đình ấm êm hạnh phúc là do đã đạt chữ Hòa vì “Hòa là tiềm lực sinh động để tạo nên sự việc”.

Đức Mẹ dạy: *“Có hòa rồi tất bề cũng vui”*⁴

Người đời thường nói: “Đồng vợ đồng chồng tát bể Đông cũng cạn”. Không phải chỉ là lời ví von mà là chân lý đúc kết từ bao đời sống chung giữa hai con người. Bởi trong hôn nhân, điều quan trọng không bởi ai đúng, ai sai, ai tài giỏi hay ai lẩn át hơn mà liệu cả hai có thể cùng nhau sống hòa thuận, cùng nhau vượt qua những ngày tháng không dễ dàng.

Một cặp vợ chồng thật sự hạnh phúc không phải là cặp đôi biết cách chinh phục nhau mà là biết cách bao dung, nhường nhịn và gìn giữ nhau. Không phải là thắng thua trong lời nói mà là cùng giữ lấy sự bình an trong trái tim người kia.

Chỉ cần hai người thôi cũng đủ tát cạn biển Đông. Điều này nói lên được sức mạnh của chữ Hòa và sự nhẫn nhịn là đầu mối tạo nên sự thuận hòa, bởi vì giữa hai người hòa với nhau đã khó, huống chi chúng ta sống trong một cộng đồng có nhiều người mà chín người mười ý thì việc bất đồng xảy ra chúng ta không lạ gì. Thế nên, việc chín đời cùng ở chung hòa thuận với nhau là điều hy hữu và được ghi đậm vào sử sách.

Từ câu chuyện ông Trương Công Nghệ, chín đời sống

4. Diêu Trì Bửu Điện, TT. Nam Thành, 25,5 nhuận Tân Hợi (17.7.1971).

chung hòa thuận, chúng ta hiểu rõ vì sao nhà họ Trương được người đời sau truyền tụng. Sống chung với nhiều người, qua nhiều đời mà được thuận hòa êm ấm thật là khó khăn. Hòa giữa hai người đã khó, cả một dân tộc đồng tâm hiệp lực cũng không dễ dàng gì. Vậy mà dân tộc ta vào những thời kỳ bị giặc xâm lăng, người dân Việt từ vua quan đến thứ dân đều đồng một lòng chống giặc ngoại xâm. Nước Việt ta từ thời lập quốc đến các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã viết nên trang sử oai hùng.

Đời nhà Trần, dân ta bị giặc Nguyên xâm lăng, người dân Việt lúc bấy giờ chịu nhứt nhục và đã thực hiện chữ Hòa đúng nghĩa tại Hội Nghị Diên Hồng đời vua Trần Nhân Tông.

Người xưa thường dạy: “Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh” nhưng mỗi gia đình đều có một điểm chung là nếu các con không hòa thuận thương yêu nhau, không biết nhẫn nhịn nhau là điều vô cùng bất hạnh.

Ông bà ta cũng từng dạy rằng trong một gia đình, nhất là gia đình đông con thì cha mẹ phải nhắm vào đứa con đầu mà dạy. Các em sẽ noi theo anh chị lớn mà bắt chước. Giữa các con sẽ thương yêu mà nhẫn nhịn nhau. Và cũng từ đó, tâm lý của người làm anh, làm chị thường vì thương cha mẹ, thương các em, muốn giữ hòa khí trong nhà nên nhẫn nhịn các em. Kết quả sẽ tốt đẹp nếu các em đồng cảm. Bên cạnh đó, người làm cha mẹ phải công bình không vì bênh đứa này mà xử tệ với đứa kia. Sự bất công của bậc làm cha mẹ sẽ đưa đến đổ vỡ gia đình, các con sẽ ganh ghét nhau, thậm chí vì gia tài mà đưa nhau ra pháp luật.

Nỗi lòng của bậc làm cha mẹ sẽ ra sao trong việc tạo hòa

khí giữa các con. Ta hãy nghe Đức Mẹ dạy:

*“Mẹ không quý đứa nào phải quấy,
Phải quấy đều cả thấy như nhau;
Khó khôn là đứa cầm đầu,
Dây dùn khó đứt ngỗ hầu mới nên.”⁵*

Gia đình hòa thuận êm ấm sẽ vô cùng hạnh phúc.

*Gia hòa thì vạn sự hưng,
Hài hòa loan phụng, gia trung lạc thường,
Các con theo đó soi gương,
Dưới trên hòa mục, trợ tương nhau cùng.
Láng giềng nhìn đó vui chung,
Đồng môn càng hiếu nghĩa trung thái hòa.*

...

*Kìa men đào muôn phần thơm ngọt,
Đệ muội vui tập dợt Nhấn Hòa,
Hòa là thường lạc lòng ta,
Trong thanh ngoài tỉnh, thắm hoa giữa trần.*

Chúng ta còn nhớ câu chuyện Tào Tháo thời Tam Quốc. Tào Tháo có hai người con là Tào Phi và Tào Thực. Cả hai bản tính khác nhau. Tào Phi giỏi võ nghệ, tánh tình nóng nảy. Còn Tào Thực thì nho nhã, thích văn chương thi phú. Tào Tháo thương Tào Thực vô cùng nhưng khi nhường ngôi thì chọn Tào Phi, vì Tào Tháo cho rằng người lãnh đạo phải mạnh mẽ, quyết đoán và kiên định.

Nắm quyền trong tay, Tào Phi có tánh nghi ngờ, sợ em mình sẽ soán ngôi nên một ngày kia, lúc lâm triều, trước

5. Đức Mẹ, TT. Tân Định, 15.8 Canh Tuất (15.9.1970).

mặt bá quan, Tào Phi nói với Tào Thục rằng: “Nghe đồn nhà người giỏi văn chương, chữ nghĩa, vậy ta ra lệnh trong 7 bước đi, người phải làm xong một bài thi, tựa đề nói về tình Huynh Đệ, nhưng trong bài thi không được nói đến hai chữ Huynh Đệ. Nếu không làm được thì người sẽ bị xử tội. Trong sự hồi hộp lo lắng của triều thần, Tào Thục nhẩn nhịn, từng bước, từng bước đi, đến bước thứ 7 trong sự ngột thở của triều thần, Tào Thục đã làm một bài thi nổi danh. Bài thi này gọi là “Thất bộ thi”.

Củ đậu nấu đậu sồi
Đậu khóc ở trong nồi
Vốn sanh từ một gốc,
Sao đành nở vậy ôi?”⁶

Tào Thục thoát chết, nhưng tình anh em rạn nứt. Tào Thục nhẩn nhịn chịu đựng nhưng về sau không thoát khỏi tay anh mình.

Không phải vì chúng ta đang ở thời mặt kiếp nhiều xáo trộn, con người sống trong một môi trường phải đấu tranh giành giật nên thường va chạm nhau, mà đã là người ở cõi

6. Thất bộ thi 七步詩 (Thơ bảy bước) của Tào Thục, Trung Quốc thời Tam Quốc

煮豆燃豆其，

豆在釜中泣。

本是同根生，

相煎何太急？

Chữ đậu nhiên đậu ky,

Đậu tại phủ trung khắp.

Bản thị đồng căn sinh,

Tương tiễn hà thái cấp?

nhị nguyên thì dù ở Nhứt kỳ hay Nhị kỳ phổ độ thì những câu chuyện về nhấn nhục cũng đã được người đời truyền tụng.

Đời nhà Hán, Hàn Tín được nhắc đến qua câu chuyện “Bát cơm Phiếu mẫu”. Hàn Tín được xem như một đại công thần giúp Lưu Bang dựng nên nhà Hán, xưng là Hán Cao Tổ. Thuở còn trẻ, Hàn Tín là người tài giỏi, có chí lớn mong rằng sau này sẽ lập được công danh. Nhưng lúc bấy giờ, Hàn Tín lại quá nghèo, chưa gặp thời nên để kiếm sống, Hàn Tín phải làm cả những nghề hạ tiện, cho đến một hôm, giữa chợ, Hàn Tín bị một nhóm người vô lại hạ nhục bắt quỳ lạy lòn cúi. Trong giây phút khó khăn như vậy, Hàn Tín nghĩ rằng nếu cần rằng nhấn nhục thì ngày sau ắt rửa được mối hận này. Còn nếu cứng cỏi thì tánh mạng ắt không còn. Sách có câu: “Xí cương tắc chiết”. Cứng thì dễ gãy. Hàn Tín cắn răng chịu nhục, bị chề nhạo giữa chợ, bụng đói lả, làm lủi đi đến một làng nọ, rồi ngã gục giữa đường. Rất may, Hàn Tín gặp một bà cụ tốt bụng giúp đỡ cho ăn uống no lòng. Tạ ơn người đã cứu mình, Hàn Tín dặn lòng sau này lập được công danh sẽ đền đáp ơn cứu mạng. Từ đó, vận may đến, Hàn Tín gia nhập đội quân nghĩa sĩ của Lưu Bang nổi lên chống nhà Tần. Sách có ghi rằng: Lưu Bang được mệnh Trời nên mỗi khi ra trận gặp nguy thì trên đầu đều có rồng hiện ra cản trở phép thuật của Triệt giáo. Diệt nhà Tần, Lưu Bang lên ngôi lập nên nhà Hán xưng là Hán Cao Tổ. Hàn Tín được trọng dụng, quyền hạn cao tột, dưới một người, trên vạn người. Nhớ ơn vị ân nhân đã cứu mình thuở hàn vi, Hàn Tín trở về chốn cũ thì người xưa đã qua đời. Để tưởng nhớ, Hàn Tín lập đền thờ.

Hàn Tín là một trong Tam kiệt đời nhà Hán là Trương

Lương, Hàn Tín và Tiêu Hà.

Sách Mạnh Tử viết rằng: *“Ông Thuấn phát khởi từ nơi ruộng rẫy, Quán Trọng (nước Tề) từng là học trò khó, Bá Lý Hề đã từng ở chợ... Cho nên Trời sắp trao trách nhiệm lớn cho các nhân vật ấy thì trước hết làm khó tâm trí họ, làm lao nhọc gân cốt họ, làm cho họ đói khát ... (tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ gân cốt, ngạ kỳ thể phu) cốt để phát động cái tâm, nhấn nhục cái tính. Vấn đề cơ bản là ở chỗ rèn luyện hạnh nhẫn để có thể chịu đựng được những biến thiên trên đường lập công danh”.*

Mạnh Tử nhận thấy những người kể trên đều xuất thân là nghèo khó, chật vật lo sinh kế phải lo toan mọi bề, được tôi luyện trong môi trường khắc nghiệt thì thế nào về sau cũng lập nên sự nghiệp lớn, giúp đỡ được muôn người và lưu danh hậu thế. Do đó, Mạnh Tử kết luận: *“Trước khi Trời trao cho ai trách nhiệm lớn lao thì Trời tạo ra những thử thách khắc nghiệt làm tâm bị khốn khổ, thể xác bị dày vò rồi phải chịu nghèo đói, gặp những cảnh tình ngang trái đau lòng... từ đó tâm trí được mở mang quen chịu đựng, thì sự nhấn nhục và tài năng sáng tạo mới được phát huy”.*

Đức Mẹ dạy:

*Cội phiền não trở bông Cực Lạc,
Nguồn thất tình Bồ Tát hiện thân;
Không tư dục, chẳng tham sân,
Liên đài chứng quả kề gần Lô Âm.⁷*

Bài học về sự Nhẫn nhục quả thật khó thuộc. Đó là cả một công trình luyện kỷ... Thực hành chữ Nhẫn, con người phải

7. Đức Mẹ, Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 04.01 Ất Tỵ (05.02.1965).

nén nổi đau, phải dần cơn nóng giận, phải có lượng bao dung và phải có tình thương.

Khi nhắc đến sự nhẫn nhục của Hàn Tín, người ta cũng không quên câu chuyện nếm mật nằm gai của vua nước Việt thời chiến quốc. Việt Vương Câu Tiễn mất nước về tay nước Ngô và bị vua Ngô Phù Sai bắt làm con tin. Lòng nung nấu ý chí phục thù, Việt Vương đã sống trong cảnh nằm gai, nếm mật để dặn lòng không quên hận vong quốc. Sự nhẫn nhục của vua nước Việt Câu Tiễn đã đi đến tận cùng khi chấp nhận nếm phân của vua Ngô để đoán bệnh. Điều này vua nước Việt đã lấy được lòng tin của vua Ngô Phù Sai và sau đó được vua Ngô thả về dù triều thần hết mực ngăn cản. Tất cả đều nhờ mưu kế của trung thần Phạm Lãi. Và vua Việt qua những ngày tháng chịu nhẫn nhục đã trả được thù, khôi phục lại giang sơn. Nhưng khác với Hàn Tín, Phạm Lãi về sau đã vui cùng trăng nước ngủ hồ nên thoát được nạn bị vua sát hại.

Người xưa đã vậy, con người ngày nay có khác gì xưa đâu. Bài học chữ Nhẫn là bài học của con người không vì thời gian xưa hay nay, không vì kẻ phương Nam hay người đất Bắc mà có điểm khác nhau. Con người cố nén được nổi đau, cố chịu đựng sự tủ nhục để đạt tới mục đích cao trọng thì chữ Hòa cũng sẽ tự nhiên mà đến.

Thầy có dạy: *“Con nhịn người, khoan dung người, thâm nhận tiếng phải lời lành mà cảm hóa người hơn là con lấy nộ khí cường quyền sẽ càng khêu gợi tính ác của mỗi con thêm lên.*

Con dụng đức để cải hóa người, nếu con dùng cường quyền

nộ khí chẳng khác nào làm cho kẻ đó làm nên tội lỗi”.⁸

Một khi người phạm lỗi, con hãy sẵn lòng tha thứ, và nhin không biết nhục là sẵn lòng thương, như thế mới gọi là Nhẫn. Nhẫn mà không biết nhục, thế mới gọi là Nhẫn.

Ở đời thường, việc đối nhân xử thế sao cho thương hòa hạ mục đã là việc khó rồi, vì vậy người tu hành đạo cao đức trọng thì tác phong đạo hạnh phải khác hơn người thế tục. Người tu hành gội rửa được thất tình lục dục mới thực hành được sứ mạng hoằng dương phổ hóa, giáo dân vi thiện. Một đời tu hành, nếu trong một giây phút nào đó không dần được cơn nóng giận thì một tia lửa giận đủ đốt cháy cả một rừng công đức.

Đức Châu Xương Tướng Quân dạy:

Muốn đắc nhơn tâm cần nhẫn nhin

Muốn tròn nhiệm vụ phải chí thành.⁹

Đức Chí Tôn dạy:

“Mỗi con là kẻ tu hành, chưởng thiện quả ư. Các con hãy làm thế nào cho tròn nhiệm vụ gội rửa thân tâm, hòa nhẫn, thương yêu trên đường xử thế, thì các con mới siêu rồi được tổ tông nội, ngoại”.¹⁰

Đức Phật đã từng dạy: “Nếu các môn đồ bị ai đó la mắng, dùng lời lẽ nặng nề mà các môn đồ chịu đựng, nhẫn nhin thì mọi điều không tốt mà họ đã thoát ra sẽ quay trở lại với họ ví như ai mang đến cho ta một món quà gì mà ta không nhận tất nhiên họ sẽ mang về”.

8. Đức Chí Tôn, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, Quyển 1, Bài “Trau Tâm Sửa Tánh”.

9. Đức Châu Xương Tướng Quân, giảng Thanh Long Cung.

10. Đức Chí Tôn, *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, Quyển 1, tr.98.

Đức Chúa Giê-su (Jesus Christ): *“Nhưng ta nói cùng các ngươi: Đừng chống cự kẻ ác. Trái lại, nếu ai vả ngươi má bên phải, hãy đưa luôn má bên kia cho họ”*.¹¹

Các bậc Thế Tôn, các vị Giáo Chủ đã thể hiện đức Nhẫn nhục đến tận cùng.

Đức Quan Thế Âm đã dạy:

“Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiêng Liêng Trời Phật phò hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không?

Bần Đạo nhận thấy ít có như vậy lắm. Vì không lưu ý điểm quan trọng đó mới phát sinh những bất đồng lẫn nhau mà không có sự dung tính nhẫn nhục. Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu, thua sút đâu chư hiền đệ muội. Chính những lúc chế ngự giặc lòng, những lúc đó nén sự giận dữ phiền muộn là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lấy lừng. Có nhiều lần chiến thắng nội tâm lừng lẫy mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh sáng lạn vô cùng. Bởi người tu theo đạo khác với người đời tự do phóng túng để thị dục cuốn lôi, chớ người đời kẻ đạo ai cũng như ai, ngoài thân phàm xác thịt có chi là khác.

Khác với người, cao cả hơn người là ở chỗ làm cho lòng mình được yên ổn, được mãn tuệ, được rộng rãi như đại dương, như không gian vũ trụ vô cùng mà người thế thường không ai

11. Tân Ước, Phúc âm Matthew 5:39, Bài Giảng Trên Núi: dạy về lòng bao dung, yêu thương và không trả thù.

làm nổi”¹²

Qua lời dạy của Ngài, chúng ta nhớ đến một kiếp của Đức Bồ Tát mà hạnh nhẫn nhục đã làm nao lòng người. Qua câu chuyện “Nổi oan của nàng Thị Kính”, chúng ta thấy nổi bật Đức BI, TRÍ, DŨNG của bậc tu hành. Thị Kính ngày mới lập gia đình đã chịu oan ức ở gia đình chồng, đến nỗi phải cải nam trang vào chùa tu hành. Tưởng đã yên thân, không ngờ phải chịu tiếng oan khi nuôi con của người. Vì lòng từ bi, Ngài chịu nhẫn nhục nuôi trẻ thơ, giấu sự thật để giữ thể diện cho Thị Mầu. Nhưng cái khó khăn nhất là lúc Thị Kính bị sư cụ đưa ra khỏi chùa, ẵm trẻ thơ đi khắp xóm làng xin sữa cho con trẻ. Chúng ta cứ tưởng tượng mỗi lần như vậy, Đức Quan Thế Âm đã phải chịu nhục như thế nào: kẻ cười chê mắng mỏ, người xua đuổi. Người tu hành bị xem phạm giới cấm thì nổi nhục này biết rửa mấy sông cho vừa? Vậy mà Đức Quan Âm của chúng ta đã dũng cảm chịu nhẫn nhục để nuôi đứa bé lớn lên từng ngày, để đến khi tàn hơi thoát xác thì Thị Kính mới được giải oan.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài là Nhị Trấn Oai Nghiêm, là một vị Bồ Tát với 12 Đại Nguyện tầm thính cứu khổ, cứu nạn chúng sanh. Những ai có lòng thành kính, khi gặp khổ nạn cầu nguyện thì Đức Quan Âm dụng thần thông cứu độ.

Đức Phật dạy:

*Nhịn được cái tức một lúc: Tránh được mối lo trăm ngày
Muốn hoà thuận trên dưới: Nhẫn nhịn đứng hàng đầu
Cái gốc đẹp trăm nết: Nết nhẫn nhịn là cao*

12. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, TT. Nam Thành, 14.10 Canh Tuất (12.11.1970).

Cha con nhẫn nhịn nhau: Giữ vẹn toàn đạo lý
Vợ chồng nhẫn nhịn nhau: Con cái khỏi bơ vơ
Anh em nhường nhịn nhau: Trong nhà thường êm ấm
Bạn bè nhẫn nhịn nhau: Tình nghĩa chẳng phai mờ
Tự mình nhẫn nhịn được: Ai ai cũng mến yêu
Người mà chưa biết nhẫn: Chưa phải là người hay
Chỉ một câu của Đức Phật thôi cũng là bài học suốt đời
cho chúng ta vậy!

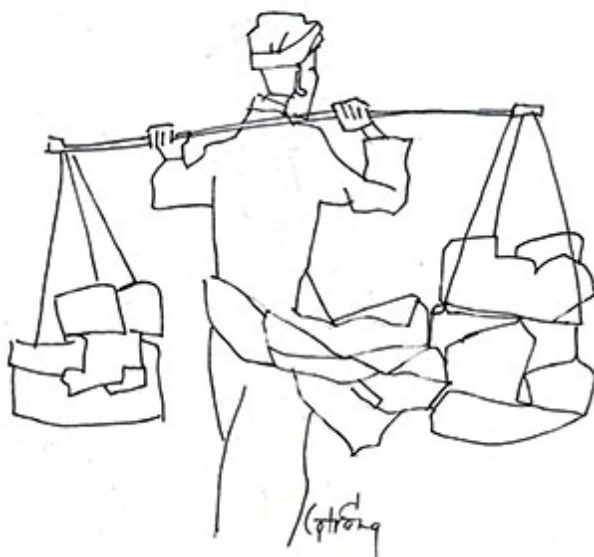
“Người mà chưa biết Nhẫn, chưa phải đúng là người”.

Diễm Quỳnh

4-2025

SỨ MẠNG ĐÔI VAI GÁNH

Xuân Mai



Đông sắp tàn, sự thế bên ngoài ngày càng quyết liệt, khác nào một mùa đông vũ bão, cảnh vật điêu tàn thê lương, đương oằn oại vươn mình đón chờ một mùa xuân, dầu chỉ là một mùa xuân ngắn ngủi thường tình, nhưng cũng đánh dấu một thời dĩ vãng trôi qua trên bước đường tu hành của chúng ta. Cuộc tuần hoàn vũ trụ xoay vần rồi cũng giáp mối. Cuộc đời

hết lúc nguy vong cũng đến hồi thịnh thối. Mùa đông giá rét sắp tàn cũng sẽ nhường lại cho một mùa xuân ấm áp. Quá khứ đã trôi qua, hiện tại cần nắm giữ. Những gì chẳng đẹp ở thời gian qua thì chúng ta hãy mau mau vứt bỏ, để cõi lòng vô tư được tiếp nhận bao điều hữu ích ở thời gian sắp tới, cùng đồng nhịp nhàng tấn triển kịp với định luật chuyển vận của hóa công.

Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là một mùa xuân thiêng liêng bất diệt mà Thượng Đế đã mang đến cho nhân loại giữa mùa đông của đời mạt pháp, của cơ tận diệt này—một mùa xuân mà bao Đấng Thiêng liêng của các thời kỳ phổ độ trước phải góp tay cùng Thượng Đế, phải cùng *góp mặt, đẹp lòng cùng xuân*¹. Để rồi hàng năm nhân loại được thưởng xuân, nhưng có mấy ai thấu hiểu được trọn vẹn ý nghĩa của hai tiếng thưởng xuân.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy về *ý nghĩa chơn thật của hai tiếng thưởng xuân phải nắm ngấm bộc lộ từ nội tâm mới thật là đúng nghĩa. Còn thưởng xuân trên phương diện hình thức vật chất chỉ tạm cho người thế gian mà thôi*², vì sẽ được thoả mãn vật chất qua nhiều ngày hưởng thụ vui say, sau đó thì mệt mỏi, uể oải từ thể chất đến tinh thần. Do vậy, Thiêng Liêng thường khuyên người tu, mỗi độ xuân về cần tìm hiểu lý đạo của mùa xuân để thưởng xuân với tâm hồn nhiên nhiên, an lạc trong lẽ Đạo của Trời, để được vui nguồn xuân Đạo hay xuân tâm là xuân vĩnh cửu, trường tồn bất tận. Bởi,

1. Chư Tiên khai ĐĐ, TT. Nam Thành, 01.01 Canh Tuất (06.02.1970).

2. Đức Đông Phương Lão Tổ, Thiên Lý Đàn, 01.01 Kỷ Dậu (17.02.1969).

có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tận đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật.

Mùa Xuân Ất Tỵ-2025 năm nay chắc hẳn phải khác hơn những mùa xuân trước. Trong tinh thần hướng tới 100 năm khai Đạo, hướng tới trách nhiệm hoằng khai mỗi Đạo Trời, người tín hữu chúng ta suy tư gì với trọng trách này? Có phải, đó là dám làm người tầm thường nhất trong sứ mạng phi thường nhất. Có phải, đó là lòng quyết tâm:

*Lên đường sứ mạng đôi vai gánh,
Gánh đạo vào đời thế mới an.³*

Người tín hữu Cao Đài “gánh Đạo vào đời” nghĩa là thực hành chánh Đạo để phụng sự nhân loại, góp tay cùng Thượng Đế tái lập cõi đời Thượng ngươn thánh đức. Trong sứ mạng đem đạo vào đời phục vụ sự an lạc cho nhân loại quần sanh, tạo sự thái hòa cho thế gian–điểm cốt yếu trên đường thực thi sứ mạng tận độ, chúng ta cần có những khả năng gì:

1. NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI PHẢI LÀ NGƯỜI CÓ KHẢ NĂNG ĐÁNH THỨC XUÂN TÂM CỦA NHÂN LOẠI TRÊN THẾ GIỚI.

Tâm xuân là giải thoát mọi ràng buộc, mọi ảnh hưởng bên ngoài biến chuyển. Có xuân tâm, con người mới giải thoát, vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tận đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho vạn vật. Có tâm xuân mới có thể dẫn dắt dân tộc này ra khỏi cảnh tiêu trầm, hướng dẫn nhân loại tránh khỏi

3. Đức Cao Triều Phát, TT. Nam Thành, 23.8 Canh Tuất (22.9.1970).

nạn diệt vong.⁴

Nhưng trước khi có thể dẫn dắt dân tộc này, trước khi đánh thức thể giới, đánh thức nhân loại trên trái đất này chúng ta phải đánh thức chính mình. Phải đánh thức xuân tâm trong chính mình thì mới mong đánh thức xuân tâm trong nhân loại và phải làm cho nó sáng lên, tỏ rạng lên. Cũng như, chỉ khi lòng chúng ta đã đầy ắp xuân tâm, chúng ta sẽ thiết tha trao tặng mùa xuân ấy cho mọi người chung quanh ta không phân biệt bạn thù, thân sơ. Đây chính là học theo Thượng Đế, thể theo cách làm của Thượng Đế đã đem mùa xuân đến trao tặng cho chúng sanh trên quả địa cầu này:

“Mặc dầu thời cuộc tang thương, thế trần biến đổi, Thầy cũng dành riêng một mùa xuân ấm áp với vẻ đẹp thiên nhiên, để bù sót lại những lúc đông tàn giá rét, nắng hạ đốt thiêu, mưa thu ảm đạm. Thầy đến với các con một mùa xuân mới. Các con hãy vui vẻ thưởng xuân, đem Đạo Thầy truyền bá khắp nơi, đem hạt giống lành gieo rải lan tràn và đem ân lành phổ cập cho tất cả con cái của Thầy, cho chúng hiểu được lý Đạo, trở về nguyên lý hiệp nhứt cùng Thầy, hầu tái lập cõi đời thượng ngươn thánh đức”.⁵

Muốn đánh thức xuân tâm trong chính mình, trước tiên phải:

.Tu thân học tập để tiến hóa

Con người khi đến thế gian, vào đời xây dựng cuộc sống nhân sinh, muốn không sa vào nẻo luân hồi đọa lạc người

4. Liễu Tâm Chơn Nhơn Hoàng Ngọc Trác, TT. Bình Hòa, 26.12 Đinh Mùi (25.01.1968).

5. Thầy, Thiên Lý Đàn, 29.12 Ất Ty (20.01.1966).

giác ngộ phải ý thức tu thân, tu thân mới độ người, mở mang chánh pháp; Học tập để tiến hóa. Trong sự học hỏi để tiến hóa đó, con người lại có một sứ mạng do Thượng Đế ban phát là giúp tay Tạo Hóa đưa vạn vật cùng tiến hóa; Biết thuận tòng thiên lý, tức giữ cho được bốn đức lớn của Trời Đất là Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh. Muốn thế, con người phải học theo đạo Kiền, luôn cương kiện không ngừng nghỉ (tự cường bất tức) để không bị phàm hóa, mất dần thiên tánh và học theo đức Khôn để cứu mang, chở đỡ muôn loài (dĩ hậu đức tải vật). Đó chính là thực hiện sứ mạng vi nhân, phụng sự thiên cơ, tiếp nối công cuộc lập đời của Đấng Tạo Hóa, trong trách nhiệm *tài thành Thiên Địa chi đạo, phụ tướng Thiên Địa chi nghi*.

.Học cách chăm sóc chính mình

Nếu chúng ta đi máy bay, chúng ta sẽ được nghe lời nhắc nhở “...*Hãy mang mặt nạ để hít oxy. Hãy nhớ là mang mặt nạ cho mình trước khi giúp đỡ người khác.*” Ngoài ra, các tiếp viên hàng không còn hướng dẫn các bậc phụ huynh đeo mặt nạ cho mình trước khi chú ý đến con cái của họ. Điều này thoát nghe tưởng nghịch lý, trái với đạo đức? Tuy nhiên, đó lại là một thực tế vì nếu chúng ta không đeo mặt nạ oxy, sẽ bị bất tỉnh, và lúc đó ta sẽ chẳng thể nào giúp đỡ ai được nữa, chẳng thể nào cứu được ai.

Thật vậy, hãy đối xử tốt với chính mình trước khi chúng ta nghĩ đến đối xử với người khác thật tốt. Bởi, chúng ta chỉ có thể đối xử tốt với người khi chúng ta biết yêu thương và trân trọng bản thân mình. Tuy tấm thân tứ đại này là giả tạm nhưng đừng đối xử tệ với nó mà phải biết tá giả tầm chơn.

Cũng không chú trọng cái tạm nhưng biết mượn cái tạm để thi hành cứu cánh. Đứng bao giờ để bản thân rơi vào tình trạng căng như dây đàn, mệt mỏi rã rời như chẳng còn chút sức lực nào nữa. Khao khát chinh phục những điều tốt hơn là việc đáng hoan nghênh, nó sẽ là nguồn động lực để chúng ta hoàn thiện bản thân, nhưng cần phải trân trọng những thứ ta đang có tuy nhỏ bé nhưng thật quý báu, trân trọng nền tảng ban đầu tuy thấp thỏi nhưng là tiền đề căn bản. Ít nhất ta cũng phải biết yêu thương bản thân mình, biết chăm sóc bản thân bằng một chế độ ngủ nghỉ hợp lý, một thực đơn ăn uống hàng ngày đầy đủ dinh dưỡng và khoa học.

Chúng ta phải yêu thương cuộc sống của chính mình: sức khỏe, tinh thần, công việc,... trước khi biết cách nâng đỡ người khác. Bởi, nếu chúng ta không có một tinh thần lạc quan, phấn chấn và vui vẻ, làm sao chúng ta có thể mang niềm vui đến cho những người chung quanh mình? Nếu ta không quan tâm đến sức khỏe của mình, triền miên bệnh tật, ta có thể chăm sóc gia đình của mình ra sao? Nếu chúng ta không dành thời gian để đọc những cuốn sách hay, làm sao ta có thể làm giàu kiến thức như người khác, đặc biệt là những đàn em của mình? Nếu chúng ta không nghiên cứu học tập giáo lý, Thánh ngôn, Hiền truyện làm sao hiểu được lý Đạo, có chi để phổ truyền đến người khác?

. Sống hiệp hòa, vui vẻ, tràn đầy niềm tin hy vọng

Là nhân viên CQPTGL-ĐĐ chúng ta chắc hẳn không bao giờ quên lần thọ nhận “tâm tương tửu” năm xưa do Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo ban cho:

Uống đi men đạo hồi trò,

*Say men đạo đức để dò lòng nhau.
Tài với đức đổi trao phụng sự,
Tâm với tài bực thứ không hai,
Có tâm mà lại có tài,
Đức tâm tài đủ đạo Thầy hoằng dương.⁶*

Lời dạy trên nhắc chúng ta sống cảm thông, hiệp hòa cùng nhau trong thực thi sứ mạng. Đó chính là bao dung phá chấp, là dung hòa hiệp một. Có hành đạo với tâm thể hơn hòa trong tập thể thì tình thương mới triển nở, đạo sự mới hanh thông kết quả, cây Đại Đạo mới đơm hoa, kết trái, mới tạo thái hòa cho hơn loại và chỉ có hơn hòa thì Xuân mới thành Xuân.

Mọi thứ không nghiêm trọng như chúng ta nghĩ, nên tập suy nghĩ đơn giản. Càng suy nghĩ phức tạp càng khiến ta lo lắng, bất an. Cuộc sống vốn đã đủ phức tạp rồi, không cần trầm trọng hóa thêm nữa, cũng không nên tự đầu độc tâm trí mình bằng sự tiêu cực của chính mình mà hãy biết bào mòn bản ngã, bởi chỉ khi vứt bỏ được cái Tôi tầm thường của mình, con người mới có thể đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân, hy sinh bản thân để phục vụ cho cộng đồng, đại chúng.

Đôi lúc chúng ta cũng rất dễ rơi vào tình trạng ù lì, trì trệ, chán nản và buông xuôi trong nỗ lực làm thăng hoa đời sống tâm linh hay trong ý thức *gìn giữ tâm linh* của mình được *điều hòa thanh tịnh*, cũng như trong sứ mạng của mình. Nhất là với những gánh nặng của công việc, bốn phận và những

6. Đức Lý Giáo Tông, CQPTGL, 14.01 Canh Thân (29.02.1980).

khó khăn trong cuộc sống làm cho chúng ta mệt mỏi, mất hết nhiệt tâm, tình yêu và sức sống. Áp lực là điều không thiếu trong cuộc sống và thiếu động lực chúng ta cũng không thể vượt qua những áp lực này. Hậu quả của việc đó là những trạng thái chán nản, stress, muốn từ bỏ mọi việc đang làm, hay thậm chí là những suy nghĩ tiêu cực hơn. Chúng ta chỉ làm mọi sự để đối phó cho xong bốn phần trong sự nặng nề buồn chán. Tĩnh lặng trước những sóng gió, những khó khăn cũng sẽ là một cách hữu hiệu để chúng ta vượt qua; Biết cách giữ nguồn năng lượng trong cơ thể; Tìm cách để chế ngự được những suy nghĩ tiêu cực bất chợt xuất hiện trong tâm trí của mình.

+Hãy bình tâm định trí, đối xử một cách chân thành, thân thiện và trao cho nhau tình huynh đệ thay vì bằng sự lạnh lùng ích kỷ với những người mà chúng ta tương tác hằng ngày, chúng ta sẽ cảm thấy thoải mái, nhẹ nhàng và yêu thương hơn rất nhiều. Luôn mang tư tưởng thuần chơn, mang tình thương duy nhất từ Thượng Đế chan hòa trong những tập thể khác, những màu sắc khác để nhằm khiến họ ý thức được sứ mạng của chính mình, của chính mỗi người, của chính mỗi tôn giáo đều mang lại cho con người trần thế một nhân tố sinh tồn theo lẽ đạo thuần lương.

+Hãy tìm mọi cách chia sẻ niềm vui cùng người khác, ta sẽ thấy hạnh phúc, vui vẻ, bởi những lúc buồn bực người ta hay gây nên những bất hòa vô cớ với người khác, còn khi vui vẻ mọi người lại dễ hòa thuận với nhau hơn.

Nếu một người giác ngộ mà sống buồn, trên môi không thấy nụ cười, ánh mắt không ngời sáng hy vọng và khuôn

mặt không thấy mùa xuân thì đã đánh mất đi bản tính nguyên sơ và sứ mạng của mình.

Đức Thượng Đế–Đấng khai minh Đại Đạo còn dạy chúng ta:

Phương pháp làm cho các con đủ năng lực và tính chất bảo vệ quyền hạn của địa vị con người đều đặt trọn vào ý nghĩa mùa xuân, vì nó là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.

Vậy thì các con nên căn cứ vào nghĩa lý ấy mà gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh luôn, hầu nuôi nấng chơn tánh toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.⁷

Và Đức lý Giáo Tông cũng đã dạy cho bậc Thiên ân sứ mạng:

Người sứ mạng Thiên ân chiến thắng được khi nào làm cho kẻ thù trở nên thân, người ghét trở nên bạn. Có như thế thì xuân mới vĩnh viễn trường tồn trong lòng người Thiên ân sứ mạng, phạm nhân trở nên Thánh nhân trên con đường tự độ.⁸

. Quán xét thân tâm

Chúng ta thường tự gây áp lực cho mình bởi những thềm muốn nhiều hơn khả năng của chính mình có, nhiều hơn những gì ta thực sự có. Và đó là khởi nguồn của mọi bi kịch. Do vậy, phải biết dành nhiều thời gian cho riêng mình, dừng lại quán chiếu mình để nhận ra chính mình, biết mình đang làm gì, bởi khi ta tìm về với sự yên lặng, ta hoàn toàn một

7. Đức Chí Tôn, TT. Nam Thành, 01.01 Canh Tuất (06.02.1970).

8. Đức Lý Giáo Tông, CQPTGL, 14 .01 Canh Thân (29.02.1980).

mình thấy được chính ta như thật ta là. Những giờ phút tĩnh lặng, sẽ làm tăng thêm sự an ổn trong lòng và khả năng thấu hiểu bản chất của sự vật, để diệt trừ hoàn toàn những nhiễm bấn trong tâm trí. Có quán xét thân tâm mới vượt qua được trở ngại khó khăn, mới kiên nhẫn trì thủ và hy sinh có ý nghĩa.

Nghĩa là, người tín hữu tu học như người Quân tử học đạo Tỳ, phải biết “hương hối nhập yển tức”⁹, nghĩa là có những lúc làm việc giúp đời, phụng sự nhơn sanh, thì cũng dành thời gian yên nghỉ, lắng lòng quay về với chính mình, tìm trong sự thanh tịnh một sự quán xét thân tâm để tránh gây điều lầm lỗi; để được bình thường tâm, *biết lấy tâm của mọi người làm tâm của mình, lấy tâm mình hòa với tâm mọi người, để cảm hóa nên chân thiện mỹ*¹⁰; Cũng như phải biết lúc nên đi thì đi, lúc nên đậu thì đậu. *Đêm trăng sáng dầu nước ngược cũng có thể dong thuyền. Ngày mà âm u dầu xuôi dòng cũng nên cắm sào nơi nghỉ. Đó là minh triết để bảo thân*¹¹. Công phu tu dưỡng thân tâm để tăng trưởng sức lực hoạt động bên trong, bình tĩnh mà tiếp phăng nguồn gốc mỗi manh của vạn hữu mà định phương tận độ¹², vì chỉ có sự hòa lạc, tức là niềm vui xuất phát từ sự bình an của tâm hồn hay sự thanh tịnh của nội tâm mới có đủ quyền năng tạo ra một sự hòa ái bền vững trong mọi mối quan hệ giữa con người,

9. Kinh văn Đại tượng truyện quẻ Trạch Lôi Tỳ.

10. Đức Lý Giáo Tông, CQPTGL, 15. 4 nhuần Nhâm Tuất (6.6.1982).

11. Đức Lý Giáo Tông Đại Đạo, CQPTGL, 15.02 Đinh Tỵ (3.4.1977).

12. Đức Cao Bảo Văn Quân, *ThTr TH3* tr16; Trung Hưng Bửu Tòa, 30.01 Đinh Dậu (1957).

mới có thể “dĩ tánh cầu tình”¹³, “hòa quang hỗn tục”, tức vào đời giúp thế lập công, hạ mình độ người, để rồi “dĩ tình qui tánh”¹⁴ phản bốn hườn nguyên.

ÔN HỌC LẠI LỊCH SỬ ĐẠO, KIỂM ĐIỂM THÂN TÂM.

Luôn ôn lại lịch sử cũng là dịp để hun đúc lại lòng mến Đạo thưở ban đầu, làm sống động lại ngọn lửa tri ân các tiền nhân và vững niềm tin tiến bước. Bởi vì, nhìn về quá khứ là đi lại con đường của các thế hệ đi trước để hiểu những nung nấu lý tưởng, những dự phóng, những giá trị đã thúc đẩy các bậc tiền bối bắt đầu, dẫn bước và hy sinh cho Đại cuộc như thế nào? Đồng thời, ôn lại quá khứ, cũng là dịp để thú nhận sự mỏng dần nhiệt huyết năm nào (nếu có), những thiếu sót của mình trong sứ mạng tiếp nối với tất cả lòng khiêm tốn và sự chân thành.

Kiểm điểm thân tâm, ôn lại những kết quả tu học, hành đạo mỗi độ xuân về. Chính sự kiểm điểm thân tâm khiến chúng ta thường thức được giá trị đạo vị của mùa xuân như lời Đức Đông Phương Chương Quán đã dạy:

(...) Còn thưởng xuân trong vòng đạo lý là kiểm điểm, ôn cố phần đạo đức hành thiện của mình trong một năm qua. Khi thấy được phần tiến triển với lòng bác ái vị tha trên phương diện Tam Công, lòng hân hoan cởi mở, bát ngát tình thương, động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gởi đất màn sương. Với

13. “dĩ tánh cầu tình” chính là “cương lai nhi há nhu” trong Soán truyện quẻ Trạch Lôi Tù

14. “dĩ tình qui tánh”, là con đường phản bốn hườn nguyên

*ting thần hân hoan ngấm ngấm và bộc phát từ nội tâm, rồi ngồi lại với chén trà đậm bạc, bánh mứt thô sơ, nhưng cõi lòng được nhẹ nhàng và chứa chan niềm hy vọng, tràn đầy đức tin ở phần hộ trì của các Đấng”.*¹⁵

2.ĐÁNH THỨC TÂM XUÂN CỦA NHƠN LOẠI

Đạo pháp chân chính sẽ là một động cơ cải tạo từng lớp xã hội. Do vậy, bên cạnh việc tạo lấy cho bản thân một bước tiến, bậc hành giả còn phải hằng lo nghĩ đến muôn người xung quanh, hằng mở rộng lòng lo độ rỗi tha nhân. *Bỏ lỡ một ngày, bỏ lỡ một cơ hội là hành giả đã làm ngơ cho chế pháp bằng môn tàn hại sanh linh.* Cũng như, khu vườn bị tiêu tàn hay hoang vắng đều là trách nhiệm của những kẻ làm vườn, không thể trách cứ bởi một lý do nào khác. Không gặt hái khi lúa chín để giông bão làm tả tơi ruộng lúa, trách nhiệm người làm ruộng phải gánh lấy. Do vậy, mỗi tín hữu chúng ta hãy đem đạo lý tình thương, đem ngọn tâm đăng soi sáng cho mọi người và gia công hành đạo giúp đời bằng cách khêu ngọn tâm đăng cho tất cả nhân sanh.

GIAO CẢM

Vũ trụ luôn luôn đổi mới, luôn luôn hiện sinh. Thời tiết bốn mùa hàn, ôn, thấp, nhiệt tuy có khác mà đều là biểu hiện của lý duy nhất là lẽ sinh tồn trong trời đất. Lý đó là Đạo hay đạo lý. Cũng như mỗi người đều có những sứ mạng riêng trong cuộc đời, quan trọng là chúng ta có nhận ra được điều đó

15. Đức Đông Phương, Thiên Lý Đàn, 01.01 Kỷ Dậu (16.021969).

để tiếp tục cố gắng và tiến lên hay không. Càng bảo tố phũ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững lòng vững lái. Sự nhứt tâm trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực hành sẽ giúp chúng ta vượt qua muôn ngàn thử thách. Với tâm chí phụng sự nhơn sanh, đưa nhơn loại đến thế giới đại đồng sẽ giúp người tín hữu Đại Đạo có đủ sức mạnh thực hiện sứ mạng phụng Thiên sự dân và với tâm thể như vậy sẽ bền còn được mùa xuân nội tâm cho mọi người, để luôn cùng được thưởng xuân—một mùa xuân miên viễn không hạn định.

Trong ý thức luôn làm giàu tâm hồn của chính mình bằng xuân tâm. Nhờ cánh én mùa xuân nhắc nhở lời nguyện cầu đến tất cả thân sơ một năm mới tinh tấn trên đường đạo cũng như đường đời; xuân tâm tỏ rạng để lòng luôn được an định nhiên nhiên, ung dung hòa hài trong từng phút giây dẫu thế cuộc có đổi thay phiên nào, để nghe nhịp bước mùa xuân đang đồng hành trên từng bước đi, nhịp thở của mỗi hành giả chúng ta, để xuân này sứ mạng chung vai gánh như lời dạy của Đức Chí Tôn.

(...) Tâm xuân có phát hiện thì thế cuộc dẫu có đổi thay phiên nào, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân”.¹⁶

16. Đức Chí Tôn, CQPTGL, 01.01 Bính Thìn

LẤY XUÂN TÔ ĐIỂM CHO TÂM

Thanh Long

DẪN NHẬP

Theo lệ thường, một năm bắt đầu từ mùa xuân. Cảnh xuân là những dấu hiệu đầu tiên nhắc chúng ta là mùa xuân đã đến. Chim bay đàn đàn, hoa gì cũng nở đặc biệt là mai và đào... Và mùa xuân là khoảng thời gian cây cối trổ hoa, thay lá, vạn vật đều thay đổi để đánh dấu một năm mới, một hành trình 360 ngày âm lịch mới đã đến. Nên hễ nói đến cảnh xuân là phải nói đến hoa lá, cây cối, gió mây, nắng sớm tạo nên sắc xuân vì nhờ đó chúng ta hoàn toàn cảm nhận được hương xuân, ý xuân. Thí dụ cơn mưa dữ dội đêm Rằm tháng Giêng vừa qua cũng là cơn mưa xuân đánh dấu những ngày mới được mát mẻ và sạch sẽ!

Nhờ sự cảm nhận tiết xuân, con người cũng muốn đồng điệu với xuân, đúng nghĩa chữ “điệu” trong điệu đàn luôn! Mùa Xuân, với 3 ngày đại diện cho cái “điệu”, được chúng tận dụng một cách triệt để. Bắt đầu là việc dọn dẹp cho sạch, làm mới những gì có thể phải mới bắt chấp việc đó có một ứ hự thì vẫn phải cố. Cố vì mới, cố cho mới. Thế là giống như mọi

việc bị bỏ quên trong gần 360 ngày dồn vào vài ngày để tân trang lại. Xuân mà!

Kết quả, chúng ta có một không gian sống rất mới: rất sạch, rất sáng, rất lấp lánh và lung linh... ít nhất là mới theo khả năng tài và sức của người thưởng xuân rồi! Vật ngoài, cảnh ngoại đã mới, con người không thể cũ trong mấy ngày mới của năm mới và trong một hành trình mới. Cứ nên dịp năm mới là mọi người có một nghi thức rất hứng khởi là mua sắm đồ mới. Thậm chí đồ đạc cũng là dịp được thay mới. Còn trang phục thì đương nhiên phải mới thì may mắn sẽ đến, vận rủi sẽ rời xa... Có thể nói một cả một bầu không khí thay da đổi thịt mạnh mẽ khắp nơi từ phố thị đến thôn quê!

Phải cùng nhau xác nhận rằng đó là những điều tích cực và tốt đẹp. Nhờ mùa xuân mà con người có dịp tìm lại được nguồn vui, sắc mới, xốc lại tinh thần cho tươi tắn chuẩn bị cho những ngày sắp tới đầy may mắn. Dù bên cạnh những điều tích cực như thế vậy, vẫn diễn ra không ít điều tiêu cực trong mấy ngày xuân này. Nhưng có lẽ nên nói chuyện này vào dịp khác.

Với người tu học Ôn Trên có nhắc thêm rằng: “...*tiết xuân của tuần hoàn nó chỉ đặt ở giai tầng sinh hóa thể chất vận vật ở cõi hữu hình mà thôi, như hoa, như cỏ chẳng hạn. Là người chơn tu dù có sống trong cõi trần trải qua hằng những bốn mùa tám tiết cũng không chuyển theo ảnh hưởng đó, mà phải thông đạt được ý đạo trong mùa xuân vĩnh cửu*”¹. Ở đây, người tu học phải nhận ra rằng ngoài những thay đổi về

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07.01 Nhâm Tý (22.02.1972).

ngoài trong vài ba hôm hay trong vài tháng gọi là xuân, là tết nhứt gì đó thì còn phải chiêm nghiệm lẽ hằng thường để hiểu được lý đạo mà thực hành. Nếu không hết mấy ngày rộn rịp thì tự nhiên cảm thấy áp lực ngang vì lại tiếp tục cày, lại tiếp tục chạy đôn chạy đáo. Cho nên, đã là người tu học thì phải ý thức đến “ý đạo trong xuân” để nắm bắt và thực hành. Mà muốn sự tu học được chơn chánh thì nhất định phải đạt được lý đạo của xuân mới đúng phận. Đức Chí Tôn có lời chỉ dạy về cách học lý xuân để tu học:

*“Đạo tâm mới hiểu tâm xuân quý,
Xuân ở xuân tâm, Đạo sớm thành.”²*

Lòng có hướng về Đạo, thân có hành theo lẽ đạo thì đạo tâm mới thành tựu. Đạo tâm có thành lập mới thấy ở xuân có điều đáng quý mà mình bỏ quên, thấy ở tâm chưa được thấm nhuần lý xuân nên còn nằng hạ, mưa thu, đông tàn trong lòng không dứt được đâm ra đa đoan, biến chuyển, đổi thay bất trắc.

Cách chúng ta rộn ràng trong vài ba ngày thật ra cũng có phần hợp lý nhưng dường như chúng ta thuận theo lối tự nhiên của sự ham thích quên lẽ tự nhiên của Trời Đất, nên lâu dần quên mất ý nghĩa thật sự của ngày xuân. Với người tu học thì lời nhắc nhở của Đức Chí Tôn khiến phải giật mình và tự vấn. Vì dường như người tu học ngày nay hời hợt với lý của Đạo mà cũng chỉ chấp vào các hiện tượng của nghi thức, lễ nghi mà bỏ mất ý nghĩa của chúng. Thường xuân mà cũng chỉ là những nét vô thường đó thì khi xuân hết con

2. Đức Chí Tôn, TT. Nam Thành, 01.01 Kỷ Dậu (17.02.1969).

người lại trở lại với sự bề bộn, tân toan... Và đợi chờ thêm cái xuân đến nữa. Thậm chí, lâu dần sự chờ đợi bị vùi lấp dưới sức nặng của lớp tường cơm áo gạo tiền khiến cho mùa xuân trở thành gánh nặng thứ thiệt! Phải chăng đã có tâm trạng ngán cái xuân thời đang đến mau vào lúc này!?

Ơn Trên cũng thường nhắc về một lý Đạo quan trọng mà có thể chúng ta đã bỏ qua không để tâm suy nghĩ. “Xuân vĩnh cửu” là điểm mà bản thân đạo đệ từng không để tâm cho đến khi có dịp đọc lại lời dạy của Thiêng liêng. Giáo nghĩa về sự hằng thường nằm ở trong “xuân vĩnh cửu”. Cho nên, xuân thực sự quý giá với người có thể được, cảm được ý xuân hằng thường thay vì những biến đổi hào nhoáng nhất thời. Và nếu chỉ có một tâm hưởng thụ cái xuân ngoại cảnh thì chưa thật quý xuân. Chỉ có đạo tâm mới thực sự là chất liệu kết nối được lòng người với xuân để mùa xuân thay gì chỉ là một sự “sinh hóa thể chất vạn vật” sẽ trở thành chất liệu làm nên tâm xuân. Mà đã đạt được tâm xuân thì xuân sẽ bền bỉ, lâu dài và thực chứng tại tâm. Đó là lý do mà phải có cách nào đó, người tu học phải đem được xuân vào trong tâm.

Ý NGHĨA CỦA VIỆC LẤY XUÂN VÀO TÂM

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn từng giảng dạy về tâm xuân: *“Tâm xuân là giải thoát mọi ràng buộc, mọi ảnh hưởng bên ngoài biến chuyển: Có xuân tâm, con người mới giải thoát vô ngã, vô chấp, khoan dung, tha thứ. Có xuân tâm, con người mới có tình thương ở tự đáy lòng, đem ra chan hòa cho muôn người, cho*

vạn vật.³ Nếu “đạo tâm” là khả năng nhìn nhận “tâm xuân” là điều quý giá, là bảo bối trong cảnh vui vẻ, hớn hởi, ồn ào và tạm bợ của xuân cảnh thì phẩm chất quý giá đó được đức Liễu Tâm Chơn Nhơn làm rõ hơn trong lời dạy này. Tâm xuân là giải thoát ràng buộc của sự câu thúc của cảnh ngoài (1), là tình thương và tỉnh thức (2), là sự kết nối của linh quang tự thể vào mạng lưới thiêng liêng của những điểm linh quang (3). Như vậy, tâm xuân là sự chấm dứt sự tác động của cảnh biến thiên và nâng chất liệu thương yêu và tỉnh thức để rồi từ đó, người tu nhìn thấy mình trong vạn hữu.

Nhận định như thế là để nhấn mạnh ý nghĩa của việc hiểu được lý Đạo của mùa xuân là phải đạt đến ba yêu cầu đó. Hay lấy xuân tô điểm cho tâm cũng là nhắm đến 3 mục tiêu này vậy.

Khi nói đến “xuân tâm” là những việc mà mỗi người tu phải thực hành và kiến tạo cho mình khi còn sống và tu giữa cảnh trần gian xao động, náo nhiệt mà không phương hướng nhất định. Tâm xuân là phương thức thực hành giữ gìn lễ hằng thường trong cảnh vô thường. Ông Trên thường nói về “mùa xuân vĩnh cửu” chính là hàm ý về lễ hằng thường mà người tu phải suy nghiệm và thấu đáo để rồi thực hành một cách nghiêm túc. Cũng có lần Đức Mẹ dạy: *“Các con tạm vui với ngày xuân thế sự để quên những nỗi khổ, những điều lao nhọc của mình. Bên cạnh, các con lo vun bồi lòng xuân muôn thuở để sống dài với không gian vô tận trong lý đạo miên trường”*.⁴ Mục đích của đời tu học là đạt được lý đạo – tức lễ

3. Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn, TT. Bình Hòa, 26.12 Đinh Mùi (25.01.1968).

4. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, TT. Ngọc Minh Đài, 01.01 Tân Hợi (27.01.1971).

hằng thường- mà trong đó tâm xuân là khả năng tu học và sống đạo một cách kiên định, vững chắc, không thối chí, ngã lòng trước khó khăn và thử thách.

Do vậy, câu chuyện của việc lấy xuân tô điểm cho tâm đạo, đệ chỉ muốn chia sẻ ý nghĩa quan trọng cho người tu học là kiên trì thực hành con đường giải thoát khỏi những ràng buộc, câu thúc của cảnh ngoài với tâm, để tâm phát triển được tình thương yêu của Thầy Mẹ, đánh thức trí tuệ linh quang và kết tác chúng lại trong thế gian này thành một khối yêu thương. Khi người tu hành trì theo lý đạo của xuân tức là thưởng xuân một cách có ý nghĩa bởi vì xuân đã trong tâm và tâm người tu học là tâm xuân.

NHỮNG CÁCH THỨC LẤY XUÂN VÀO TÂM

Trong lời giáo huấn của Đức Mẹ, việc người tu vẫn vui vẻ trong mấy ngày xuân thế gian là để lấy lại tinh thần và sức sống mới là việc làm bình thường. Nhưng không chỉ là vui vẻ qua ngày như lệ thường mà phải nhớ ý nghĩa của việc lấy xuân vào được cho tâm mới là điều quan trọng và thích đáng cho người tu học theo lý đạo. Như vậy, có thể hiểu là có hai cách tô điểm cho tâm nét xuân đạo lý: một là cách “tạm vui với ngày xuân”- đạo đệ gọi đây là cách thông thường (1) và hai là cách “vun bồi lòng xuân muôn thuở” (2)-tạm gọi là cách tu dưỡng.

Cách thông thường: xuân và tinh thần

Thực ra, cách thứ nhất này thì ai cũng làm, cũng thực hiện mỗi khi mùa xuân về và có 3 ngày tết rộn ràng. Và như vừa trình bày từ đầu, việc vui xuân cảnh này có ý nghĩa riêng

của nó chứ không phải là sai trái gì. Đức Mẹ xác định cụ thể hơn khi dạy rằng “tạm vui với ngày xuân thể sự”. Lời nhắc ngắn ngủi này lại đủ đánh thức chúng ta. Ngày xuân thể sự là cảnh xuân rộn ràng sự đổi mới, sắm sửa, trang trí, bày biện và những nghi thức đón xuân, thưởng xuân, vui xuân. Những thứ đó đáp ứng tâm lý muốn “xả stress”, thư giãn, nghỉ ngơi của mình sau chuỗi ngày dài tất bật, đa đoan, ồn ào những tính toán, buông bắt những kế hoạch, những dự định, khao khát, ước vọng... Tinh thần của con người, nhờ đó, dịu xuống, nhẹ nhàng hơn, an bình hơn.

Đây là việc ai cũng làm, dù là người tu hay chưa tu vẫn thường xuân theo cách này. Dọn dẹp nhà cho sạch sẽ, nhang đèn cho sáng nơi thờ tự, quần áo mới nâng tầm tự tin và tươi tắn...v.v. Chẳng phải chúng ta có quan niệm dọn nhà cũng là dọn tâm hay sao?

Tuy nhiên, chỉ lưu ý một tí là giữ mọi thứ ở chừng mực là hy vọng, là ước vọng thì có lẽ sẽ tốt đẹp cho dù có vài sơ sót nào đó. Nhưng nếu vượt qua giới hạn này thì hy vọng trở thành chuẩn mực của lễ nghi, của nguyên tắc hành xử. Từ đây có nhiều sự vô tình hoặc hữu ý làm cho nhau bị áp lực. Nói đến ý này đạo đệ đang liên tưởng đến những điều cấm kỵ và kiêng kỵ. Không phải là đạo đệ bác bỏ hay chối từ tất cả những quan niệm về cấm kỵ hay kiêng kỵ trong mấy ngày đầu năm nhưng nếu quá tập trung vào nó, xem đó như là một nguyên tắc không thể bỏ qua thì dường như không được vui cho lắm. Hiện tại đời sống tinh thần có phần phong phú nên những nguyên tắc hay quan niệm kiêng kỵ cũng có phần suy giảm. Có phần không hay nhưng cũng có phần hay. Nhờ vậy

mỗi sơ sót, hay thiếu thốn cũng không trở thành nỗi lo lắng của người thương xuân.

Trở lại vấn đề chính hôm nay, đạo đệ nhận thấy đời sống tinh thần trong ý nghĩa mùa xuân cũng có nhiều khía cạnh tích cực. Việc dọn dẹp và sắp xếp không gian sinh hoạt, môi trường sống được sạch, đẹp, hợp lý và thiện lành là cách khiến cho tinh thần con người trở nên nhẹ nhàng, thanh thoát và vui vẻ. Cũng nên nói thêm rằng, một cuộc sống tích cực cũng là một cuộc sống được sắp xếp một cách hợp lý của những việc bình thường như ăn, uống, ngủ nghỉ và giải trí. Như đã nói, chỉ cần vượt quá giới hạn thì niềm vui cũng trở thành gánh nặng. Vui thâu đêm suốt sáng chỉ làm tổn hại sức khoẻ mà nhất thời chưa thấy. No nê liên tục sáng chiều thì chưa chắc tốt sẽ thấy rất nhanh là tăng cân.

Tạm đặt cái tên nghe có trọng tâm hơn của cách lấy xuân vào tâm thông thường này là Dọn Cảnh Dọn Mình. Có thể thấy vài điểm tích cực cách này đem lại cho tâm:

Mọi người vui vẻ tạo nên những thay đổi, cái đổi cho được mới mẻ: trà bánh xum xuê, hoa quả tràn trề... Nhờ tinh thần vui vẻ nên tâm đỡ phần bị nặng nề!

Mọi người tạo nên những nghi thức để khiến cho ngày xuân thật trang trọng, chỉnh chu, nghiêm túc: chúc Tết, thăm viếng, chỉ nói chuyện vui... Nhờ tinh thần có sự nghiêm túc hơn, trang trọng hơn nên tâm có được phần an yên!

Mọi người chú trọng đời sống tinh thần thiên về tâm linh hơn: đi viếng chùa, cầu an cho gia đình con cháu và mọi người, thắp hương tưởng nhớ tổ tiên... Nhờ tinh thần biết đến sự thiêng liêng nên tâm có phần trầm lắng, hướng đến

sự tĩnh tại!

Và nếu cách Dọn Cảnh Dọn Tâm này được thực hiện một cách đều đặn trong cả năm thì phải chăng chúng ta sẽ có mùa xuân trường tồn trong một năm có niềm vui thiện lành, có niềm tin chánh lý?

Cách tu dưỡng: xuân và tâm

Đối với người tu học, việc lấy xuân vào tâm có cơ sở triết đạo mà Thiêng Liêng thường giảng dạy trong các đàn xuân ngày trước. Nay khi đọc lại, đạo đệ có cảm nhận được những điều cần suy ngẫm và thực hiện để xuân có trong tâm, xuân tâm được phát hiện.

Đức Mẹ có lần đã dạy rằng: *“Các con ôi! Như các con đã hiểu mùa xuân là một mùa trong bốn mùa. Ứng với lý đạo, là nó ở vào đạo Kiền, đức của nó là đức Nguyên. Nguyên là khởi đầu, là nơi phát xuất sự sinh tồn cho muôn loài vạn vật. Vậy thì các con hưởng xuân, vui xuân, chúc xuân, không cứ là một mùa xuân ngắn ngủi hạn định như cánh mai kia, mà để nhắc nhở kêu gọi cho các con một tấm lòng xuân trường cửu của đạo lý, của đức Nguyên trong bốn đức, của một mùa trong bốn mùa”*.⁵ Để cho đơn giản, đạo đệ xin trình bày sự học hiểu của bản thân mình như sau: mùa Xuân thuộc quẻ Kiền, là phần đức Nguyên trong bốn đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Vậy Xuân là thể hiện đức Nguyên (1). Ở đây, Đức Mẹ nói đến đức Nguyên của Xuân là “khởi phát nguồn sống cho muôn loài (2). Nên, lý đạo trong xuân là sức sống miên trường của vạn hữu. Vì lẽ đó, nên thay vì chỉ “tạm vui” theo lối thưởng xuân

5. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, TT. Ngọc Minh Đài, 01.01Tân Hợi (27.01.1971).

thông thường, Đức Mẹ nhắc phải chú ý nhiều đến “*tấm lòng xuân trường cứu của đạo lý*”. Nếu đức Nguyên là nguồn sống miên trường của vạn hữu thì người tu phải tạo cho mình tâm xuân trong dòng chảy bất tận của nguồn sống đó như là biểu hiện của đức Nguyên nơi con người, nơi tâm người. Để lan tỏa được sức sống mãnh liệt của Trời Đất vào trong nhân thể, người tu phải là người đủ sức lực, đủ trí lực để biết giới hạn và trách phận của mình đối với Thiên liêng và trước tha nhân.

Một lần khác trong mùa xuân Nhâm Tý, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có dạy về những việc mà theo sự học hiểu của bản thân là những việc người tu phải thực hiện để có được tâm xuân⁶:

Nhận thức sứ mạng tôn giáo là đem đạo lý hòa vào cuộc sống nhân sinh để tạo ra đời sống thiện lành, tốt đẹp và hiểu biết lẫn nhau.

Người tu học phải rèn tâm an nhiên, bình yên đón nhận mọi việc diễn tiến và xảy đến với mình trong đời sống tu học thay vì chấp trước muốn kiểm soát, cải biến mọi sự việc theo ý riêng.

Người tu học phải quán xét tâm của mình để thấy rõ tính chất thánh-phàm đang liên tục ẩn hiện trong đó để tránh điều ma mị của phàm tâm và tập trung thực hành điều chánh đáng của thánh tâm.

Theo thiển ý của đạo đệ, ba việc phải chuyên tâm thực hành này là cách mà người tu học đang dần dần luyện cho

6. Xem đàn cơ tại Trúc Lâm Thiền Điện, 07.01 Nhâm Tý (22.02.1972).

tâm mình ngày càng vững chắc, lâu bền, bền bỉ nhưng cũng đồng thời linh hoạt, quyền biến, ứng hợp với đời, ứng lý với đạo. Sự rèn luyện theo hướng này là cách làm cho tâm thể hiện được hai tính chất căn bản của đức Nguyên: khởi phát và sống động bền bỉ và lâu dài về sau. Có thể đặt tên cho cách tu dưỡng này là Dọn Tâm Đắc Nguyên để nói về việc lấy xuân điểm tô cho tâm, để tâm được tràn đầy đức Nguyên của Trời.

KẾT LUẬN

Như vậy, việc lấy xuân tô điểm cho tâm có ý nghĩa là rèn luyện cho tâm có được xuân đạo lý lâu dài và bền bỉ. Tức là làm cho tâm được chan hòa lý đạo của xuân, là thể hiện được đức Nguyên của Trời Đất là nguồn thương yêu lan tỏa khắp mọi nơi gần cũng như xa. Với phép thực hành Dọn Cảnh Dọn Mình, mọi người có thể tạo được chất liệu vui tươi, nhiệt thành, năng động và thiện lành. Với phép thực hành Dọn Tâm Đắc Nguyên, người tu có thể đạt được sức sống kiên định, bền bỉ trong mọi cảnh.

Nếu cho rằng vô thường là thuộc tính của thế gian thì từ đây đạo đệ nhận ra lẽ hằng thường là phép tu dưỡng liên hồi trong mọi hoàn cảnh sống, mọi thời khắc tỉnh thức. Cho nên thay vì chỉ đơn giản là buông bắt xuân ở cảnh ngoài, người tu nên có thêm phần quay vào trong để đạt lý xuân lâu dài, vĩnh cửu nhờ vào sự tu học và hành đạo liên tục, chánh lý, chánh đạo bằng chánh tâm được bồi bổ chất xuân đạo lý.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, đạo đệ xin đọc lại lời Huấn dụ của Đức Chí Tôn để đúc kết lại những chia sẻ đã trình bày cùng quý huynh tử: *“Con muốn thưởng*

xuân phải có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện. Tâm xuân có phát hiện thì thế cuộc đầu có đổi thay phiên não, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân”⁷.

Trong khi vẫn còn sắc xuân và thời xuân, đạo đệ xin thành tâm cầu nguyện cho bản thân cùng chư huynh tỷ đệ muội có một mùa xuân đạo lý miên trường trong tâm, trong thân và trong mọi sự mọi việc để luôn luôn được an nhiên, an lạc trong mọi cảnh, mọi thời.

*Suy Nghiệm Giáo Lý
Tháng Giêng, Ất Tỵ (2025)
Thanh Long*

7. Đức Chí Tôn, CQPTGL, 01.01 Bính Thìn (30.01.1976).

RÈN TÂM LUYỆN TÁNH

Diệu Thuận

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, một vị Bồ Tát cứu khổ cứu nạn chúng sanh rất gần gũi với con người. Khi nghe tiếng kêu đau khổ của nhân sanh, lập tức Ngài ứng hiện để cứu vớt. Ta biết rằng cuộc đời con người luôn đầy rẫy những khó khăn, phong ba bão táp và gian khổ, Đức Quan Thế Âm với tấm lòng thương yêu chúng sanh đã không ngại cõi trần ô trược, đã biết bao lần Ngài giáng trần để những lời Tiên tiếng ngọc chỉ bảo cho con người phương tu để thoát khỏi những sự đau khổ của cõi trần gian, cũng như để khỏi bị ma quỷ dẫn dắt vào con đường tà vạy. Muốn thoát khổ cũng như để không bị trầm luân khổ hải trong vòng luân hồi sanh tử thì điều trước tiên người tu phải phân biệt cho được đâu là chánh, đâu là tà. Đồng thời hằng ngày phải noi theo con đường chánh đạo để tu sửa thân tâm, hầu vượt qua khỏi chốn mê tân trầm luân khổ hải.

Ngài chỉ ra rằng, con người muốn thoát khỏi chốn mê tân thì hằng ngày phải lo tu sửa tấm thân bằng cách noi theo con đường chánh đạo. Con đường chánh đạo đó không ở nơi quan san núi non hiểm trở, hay ở bên ngoài thân ta, mà nó ở ngay bên trong tâm của mỗi người. Các bậc Thế Tôn xưa kia sở dĩ ngày nay được người đời tôn sùng kính ngưỡng chính là nhờ các vị biết noi theo con đường chánh đạo trong việc

rèn tâm luyện tánh cho trở về với cái Chơn Tâm, Thiên Tánh hồn nhiên, trọn tốt, trọn lành. Trong một lần giảng đàn tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã chỉ ra cho người tu phương pháp tìm cầu chánh đạo không có chi xa xôi cả, chỉ cần chúng ta quay về rèn cái tâm, luyện cái tánh của mình cho được ôn hòa, hồn nhiên thì sẽ đạt được Đạo, đắc Đạo. Ngài dạy:

*“Muốn tìm chánh đạo không xa,
Rèn Tâm, Luyện Tánh ôn hòa hồn nhiên.”¹*

THẾ NÀO LÀ TÂM VÀ TÁNH? TẠI SAO TA PHẢI RÈN TÂM LUYỆN TÁNH?

Nguyên tắc để người tu đạt được sự giải thoát, đắc đạo không chi ngoài Tâm và Tánh. Thế nên cần phải biết và thấy rõ ràng Tâm và Tánh. Tâm và Tánh tuy nói hai nhưng thực chất nó chỉ là một. Cả hai Tâm và Tánh luôn ứng hợp nhau. Tâm và Tánh cũng giống như nước và sóng. Trong đó Tâm như nước và Tánh như sóng, tuy hai mà một.

Tâm và Tánh là tôn chỉ tu hành của những người học Đạo. Tất cả con người chúng ta đều có Tâm và Tánh. Tâm và Tánh này hiển lộ dưới thiên hình vạn trạng biến đổi không ngừng nghỉ khiến cho chúng ta rất khó khăn trong việc điều dưỡng, rèn luyện. Thầy Trình Tử có viết: *“Tánh hay Tâm cũng là một lý. Nói về lúc bẩm sinh nơi trời thì gọi là Tánh. Nói về khi tồn tại nơi người thì kêu là Tâm”*.²

1. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 03.9 Giáp Dần (17.10.1974).

2. Trình Tử.

Tâm vốn là phần chủ thể bên trong con người chúng ta. Nó chính là cái Thần minh mà Trời ban phát cho con người khi đến thế gian. Cái Tâm đó chính là Chơn Tâm vô cùng chơn thật, quang minh. Chơn Tâm đó luôn biết và thấy rõ điều nào là chánh, điều nào là tà, điều nào thiện, điều nào ác không một mảy may sai lầm. Chơn Tâm đó rất yên tịnh, một màu trong sáng như tấm gương soi rõ tất cả mọi vật. Nhưng khi cái Chơn Tâm đó vào trần đã để cho những vật dục nơi cõi thế gian này lôi cuốn làm cho tâm loạn động, bị vô minh che mờ khiến cho tâm người trở nên mê muội trầm bề, không phân biệt được đâu là chánh tà, thiện ác, phải quấy và nó thường hay thiên chấp. Chính cái vô minh, ham muốn làm cho cái Chơn Tâm trợn tốt lúc ban đầu trở thành cái giả tâm, cái phàm tâm. Từ đó cái phàm tâm lôi cuốn con người đắm chìm trong truy lạc, sắc dục, nhiễm lấy những thói hư tật xấu, ham muốn đủ điều tà vạy, lần hồi dẫn dắt con người đến chỗ tai họa diệt vong, luân hồi sanh tử. Cái phàm tâm này nó thường hay bị xao động, biến hóa không ngừng nghỉ. Nó luôn xoay vần theo dục vọng, biến hóa chạy nhảy lăng xăng như con vượn chuyền cành, không chịu ở yên một chỗ. Bởi thế người xưa thường nói: “Tâm viên, ý mã” dùng để ám chỉ một cái tâm không thanh tịnh, bất an, thường bị xao động, chi phối bởi ngoại cảnh.

Tâm con người là điểm khởi mầu cho sự thiện ác, tốt xấu. Có thể đưa con người xuống cõi địa ngục hoặc lên cảnh thiên đàng rất nhanh chóng. Vì thế, người tu cần phải rèn luyện cái Tâm cho ngay chánh đúng theo con đường chánh đạo để tránh mọi đau khổ, não phiền trong cuộc sống, cũng như

tránh sự luân hồi sanh tử.

*“Tâm là thiện ác khởi mầm,
Cũng là chủ tế vững cầm hồn linh.”³*

Còn Tánh chính là bản thể, là Thiên Tánh của con người, nó chính là lương tri, lương năng của mỗi con người. Trong Đạo Học Chỉ Nam có viết:

Tánh là bản thể, là căn bản của con người, viên minh thường trụ, hồn nhiên Thiên Lý, vốn có một không hai, chơn thật mà Thiêng Liêng ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt.

Phật giáo gọi là Chơn Như, Pháp giới tánh, Như Lai tạng, Diệu Giác Nguồn Minh v.v....

Đạo giáo gọi là Thiên tánh, Đạo tâm, Linh căn, Huyền Đức, Lý Tánh, Lương tâm v.v....

Nho giáo gọi là Thiên Lương bốn tánh, Thiên mạng chi tánh, Minh đức, lương tri, lương năng, Tánh lý...⁴

Như thế Tánh chính là cái Tánh Tiên thiên, cái Thiên Tánh trọn tốt trọn lành mà Đức Thượng Đế ban cho con người để tu tiến hóa và hành tròn sứ mạng vi nhân nơi cõi thế gian này. Tánh này ai ai cũng có, nó vốn thường trụ và thuần chơn. Con người chỉ cần noi theo Thiên Tánh đó sẽ đắc thành đạo quả. Trong Đạo Học Chỉ Nam có viết:

*“Tánh Thiên mạng người người có đủ,
Vốn thuần chơn, thường trụ, thường minh,
Trời phú dữ nơi người là Tánh,*

3. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Trúc Lâm Thiền Điện, 20.10. Quý Sửu (14.11.1973).

4. *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 2, tiết 3, Mục 1, Minh Lý Thánh Hội.

Noi theo đây là Thánh, là Tiên.”⁵

Cái Thiên Tánh đó khi vào đời đã để cho những tư tâm, vọng ý, ham muốn nơi cõi thế gian này làm cho lu mờ khiến cho con người càng ngày càng xa rời cái Thiên Tánh thiện lương lúc ban đầu. Do con người đã đánh mất đi cái Thiên Tánh nên lần hồi dẫn đến cảnh tương tàn, tương sát, đau khổ, phiền não trong cuộc sống. Người tu trên con đường giải thoát, muốn thành đạo thì điều trước tiên là phải luyện cái Tánh của mình cho trở về cái Tánh Tiên Thiên lúc ban đầu. Quá trình luyện Tánh chính là sự thanh tẩy những tánh xấu, tiêu cực để trở thành những tánh tốt, tích cực hơn trong cuộc sống.

Đức Chí Tôn dạy:

“(…) Tu là bồi bổ Tinh Khí Thần cho đầy đủ, đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhờn dục, tầm đường Thiên lý, thuận mạng, giữ thanh tịnh ôn hòa, chỗ nào sút mẻ hư hao thì tô bồi cho đầy đủ.

Chữ Luyện là gì? Luyện là trau giồi cho sáng suốt hoàn toàn, giữa mài rèn đúc cho trơn tru khéo léo.

Tu mà không Luyện thì chẳng khác chi một cục sắt không rèn làm sao thành một món khí giới. Luyện là rèn, thì chẳng khác nào một cục sắt đó còn đương vô dụng, luyện nó thì phải nung cho nó chảy đỏ, rồi đập giũa, cạo gọt, rèn đúc mới thành món khí giới.

Người tu cũng thế, muốn cho huệ mạng tròn đầy sáng suốt thì cần phải phanh luyện, mài giũa ngày đêm cho thành Kim

5. *Đạo Học Chỉ Nam*, chương 3, tiết 3, Mục 1, Minh Lý Thánh Hội.

thân Phật tử. Ấy là phương pháp tu luyện”⁶.

PHƯƠNG PHÁP ĐỂ RÈN TÂM LUYỆN TÁNH

Tất cả các tôn giáo đều dạy con người phải tu sửa rèn luyện tâm tánh như Nho giáo dạy con người phải Tồn tâm dưỡng tánh, tức trau sửa cái tâm, trui rèn cái tánh. Vì Tâm là chủ thể của cái thân, là hồn của con người, thế nên tâm cũng có hai phần tâm động và tâm tịnh. Động là trước, tịnh là thanh. Nên người tu phải tu sửa cái tâm, gìn nó trong chánh niệm, để tâm không bị loạn động, dung ruổi bên ngoài có như thế mới luyện được Ngươn Tánh. Hằng ngày phải lo tỉnh sát xét cái tâm để diệt trừ những cái xấu, nuôi dưỡng cái tốt. Điều này phải được thực hành một cách thường xuyên, vô tư và công bình, không làm qua loa lấy có. Tiếp theo người tu phải biết diệt trừ những tư tưởng xấu ngay tận gốc rễ, không được dung dưỡng cho những lỗi lầm sai trái của mình. Việc tồn tâm dưỡng tánh là giữ cái Chơn Tâm của mình đừng cho nó phóng túng, loạn động chạy theo giả cảnh bên ngoài, dẹp trừ vọng niệm, loạn động bên trong đồng thời nuôi dưỡng cái Thiên Tánh cho trọn tốt trọn lành.

Phật giáo dạy Minh Tâm kiến tánh, tức là làm cho sáng cái tâm thì sẽ thấy được cái Tánh. Đây là quá trình làm cho sáng cái Chơn Tâm của mình, phân biệt đâu là Chơn Tâm, đâu là phàm tâm hầu phát triển chơn tâm, ngăn ngừa phàm tâm vì phàm tâm có tử thì Chơn Tâm mới hiển lộ. Một khi người tu đã tìm thấy được chơn tâm thì sẽ thấy rõ cái chơn thật,

6. Đức Chí Tôn, *Đại Thừa Chơn Giáo*.

tự tánh, bản lai diện mục của mình và ngộ được Phật Tánh. Đức Đạt Ma Tổ Sư đã nói phương pháp tu thiền của Ngài là trực chỉ ngay cái chơn tâm của con người, hễ ai thấy được cái Tánh trong Tâm sẽ thành Phật.⁷

Đạo giáo dạy Tu tâm luyện Tánh tức là tu sửa cái Tâm, rèn luyện cái Tánh.

Chung qui tất cả các tôn giáo đều dạy con người phải rèn tâm luyện tánh để đưa tâm, tánh con người trở về với điểm xuất phát ban đầu là Tiên Thiên, là Chơn Tâm, Phật Tánh trọn tốt trọn lành, đầy đủ Chơn Thiện Mỹ vậy.

Người tu phải noi theo con đường chánh đạo để thấu triệt được chơn lý đạo đức hầu giải thoát. Con đường chánh đạo đó là con đường Trung Nhứt để người tu trở về cái Chơn Tâm, Thiên Tánh lúc ban đầu. Đức Mẹ dạy:

Con hỡi! Đường nào đạt Đạo cơ?

Chỉ đường Trung Nhứt phục nguyên sơ.

Ngàn xưa, Giáo Tổ đều do đó,

Chứng quả, độ đời tỉnh giấc mơ.⁸

Đức Bác Nhã Thiền Sư cũng dạy người tu phải noi theo con đường Trung Nhứt để tìm lại cái bản thể chơn tâm của mình. Ngài dạy:

“Cái Tâm là chủ thể, là thể Trung, thể Nhứt của con người. Tu là tu cái đó, luyện là luyện cái đó. Cái đó sờ dĩ nói tu nói luyện, là nói để làm cho cái đó xuất hiện ở nơi mọi người. Vì mọi người từ lâu chạy theo vật chất, bỏ quên phần cốt yếu là tinh

7. Đức Đạt Ma Tổ Sư: “Trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật”.

8. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, CQPTGLĐĐ, 15.4 Kỷ Mùi (10.5.79).

thần. Vì quên cái sẵn có để tìm cầu cái ảo tưởng bên ngoài, đắm nhiễm càng sâu thì Chơn Tâm bị lấp càng dày.

Nay cơ duyên được nhớ lại thì cần khơi đào đem ra. Khi thấy được rồi thì mọi sự nguy trở nên an, loạn trở nên trị. Đã nói nó là Trung thì hay làm cho mọi chênh lệch được thăng bằng. Nói nó là Nhứt thì hay khiến cho mọi người sai biệt trở thành bình đẳng”.

Để rèn cái Tâm ta phải giữ cái Tâm mình trong chánh niệm, không để cho ý dẫn dắt chúng ta loạn động, thường xuyên ngăn ngừa cái ý, không để cho ý xấu phát sanh, nó vừa chớm hiện ra thì phải tiêu trừ ngay lập tức. Cái ý đó luôn dẫn dắt tâm xa rời con đường chánh đạo, làm cho biển hồ tâm lúc nào cũng bị khuấy động, không ngừng nổi lên sóng gió ba đào. Vì thế để làm chủ cái tâm, phục hồi lại Chơn tâm thì phải thực hành công phu, giữ tâm trong chánh niệm, yên lặng không chạy theo ngoại cảnh, không phóng tán để trở về với cái Chơn Tâm. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

“Công phu là lìa tướng để rèn tâm, từ lâu tâm đã phóng tán mê trầm, nay giác ngộ quay về căn bản. Chơn Tâm là thể của chánh niệm. Chánh niệm là dụng của Chơn Tâm”.⁹

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cũng dạy người tu muốn rèn tâm thì phải ngăn ngừa mọi dục vọng nảy sinh nơi lòng, tâm phải vững vàng trước mọi biến đổi của ngoại cảnh. Ngài dạy:

*“Tu tâm trước phải vện gìn,
Đừng cho dục vọng nảy sinh nơi lòng,
Để tâm an định sạch trong,*

9. Đức Đông Phương Chưởng Quân, CQPTGLĐĐ. 01.12 Đinh Tỵ (09.01.1978).

Mới tường lẽ thiệt tương đồng Thiên nhơn.
Hỡi người muốn học lý chơn,
Trước rèn tâm nội như sơn vững vàng.
Dầu cho ngoại cảnh huy hoàng,
Mà tâm vẫn giữ minh quang chói ngời,
Dầu cho tâm ở cõi đời,
Tâm đừng làm lạc khỏi nơi nghiệp trần.”¹⁰

Có giữ tâm trong chánh niệm thì tâm sẽ được thanh tịnh, phục lại chơn tánh của mình. Và phương pháp để tâm thanh tịnh chính là phải làm chủ cho được cái tâm, ngăn ngừa cái ý. Sách Đạo Học Chỉ Nam chỉ rõ:

“Chủ được tâm chi hơn ngừa ý,
Ngăn lòng tà sớm chỉ niệm sanh,
Nơi theo chơn tánh trọn lành,
Vượt qua thiện ác, không tranh không cầu.”¹¹

Trước mọi sự vật xảy ra xung quanh, tâm ta lúc nào cũng phải thanh tịnh, không xao động, không bận tâm cũng như đào hát đóng nhiều tuồng lớp trong một buổi diễn nhưng chẳng động tâm vì họ biết đó chỉ là tuồng ảo mộng, không phải là sự thật. Việc tu luyện là phải để cái Tâm không mà tưởng đến Thầy, không nhớ quá khứ vị lai, cũng như không lo sự hiện tại. Mọi tiếng đàn giọng hát trầm bổng bên tai cũng dường như không nghe thấy, không vọng động. Mắt thấy việc lạ lùng xinh đẹp cũng không làm cho tâm say mê, quyến luyến.

10. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Trúc Lâm Thiền Điện, 20.10. Quý Sửu (14.11.1973).

11. *Đạo Học Chỉ Nam*, chương III, tiết II, mục III, Minh Lý Thánh Hội.

Như thế để tìm lại cái Chơn Tâm thì phải công phu tu luyện, giữ cho tâm được yên lặng vì khi tâm yên lặng sẽ thông suốt được mọi sự vật trong trời đất, hiểu được lý Đạo để đắc Đạo. Trong Nam Hoa Kinh, Đức Trang Tử nói: *“Nước lặng sẽ chiếu soi thấy được râu mày, lại được thợ dùng để đánh thẳng bằng. Nước lặng mà còn trong huống chi là tinh thần? Lòng Thánh nhân mà tĩnh lặng, thời sẽ nên gương soi trời đất vạn vật”*.¹²

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cũng dạy: *“Người tu hành học Đạo là tìm cái tâm minh linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giáng trung. Người muốn tìm lại trước phải yên lặng để trau dồi gột rửa những lớp tham, sân, si, dục đang dày đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của Thiên địa. Người noi theo Đạo ấy tức là hòa hợp với Thiên lý, phục hồi bản thể chơn như vậy”*.¹³

Như thế, việc rèn tâm là phải cho làm sao cho tâm được thanh tịnh, rèn luyện cho Thần được tinh anh mãi tuệ. Muốn thế người tu phải bước vào con đường Thiên đạo đại thừa. Trên con đường Thiên đạo đại thừa, công phu tu luyện thì người tu phải giữ tâm thanh tịnh, chánh niệm để tìm về với cái Chơn Tánh của mình.

Việc rèn tâm là giữ cho tâm thanh tịnh, vững mạnh như cột trụ kinh thiên không gì có thể lay động được. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Tâm phải bình thường như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kinh thiên, tám gió không lay, mười

12. Nam Hoa Kinh, Thiên Đạo, XIII A, Trang Tử.

13. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. CQPTGL, 15.6 Giáp Dần (02.8.1974).

*hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm nữa mà là thần. Thần là chủ tế vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thế cơ trời. Thần năng nhập thạch, thần năng phi hành, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phần. Chư đệ muội nhớ những câu tâm ấn này chăng? Thần linh diệu thì ngồi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lặng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành. Sự việc không phải nói mà không làm được, vì đó là việc của con người. Con người muốn làm sẽ làm được. Chỉ có thần lực của con người mới khơi dòng đạo mạch đang bị lấp vùi tắc nghẽn trong tâm hồn nhân thế”.*¹⁴

Khi con người đã tìm thấy được cái Chơn Tâm sẽ tận cùng được Thiên Tánh. Bởi vì:

*“Thiên Tánh con người sẵn có trong,
Do mình biết luyện dưỡng cùng không,
Bụi trần vùi lấp là tâm tục,
Rèn luyện, trau giồi phát huệ thông.”*¹⁵

Trên bước đường công phu tu luyện thì việc Luyện tánh, tức luyện kỷ là điều trước tiên thiết yếu mà người tu cần phải tu luyện. Việc luyện kỷ vô cùng khó khăn gian khổ vì cái Thiên Tánh đã bị lu mờ tạp nhiễm biết bao đời bao kiếp và nó đã trở thành cái phàm tánh. Thế nên việc Luyện Tánh đòi hỏi người tu phải có một sự dũng cảm, quyết tâm dứt bỏ những tánh xấu. Luyện kỷ tối nan, hoàn đan thậm dị. Việc luyện kỷ là bước đầu vô cùng quan trọng để con người tìm

14. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, CQPTGLĐĐ, 29.8 Quý Hợi (05.10.1983).

15. Đức Đông Phương Lão Tổ, CQPTGLĐĐ, 15.02 Quý Sửu (18.3.1973).

lại cái Chơn Tâm của mình.

Quá trình luyện kỹ là quá trình chế ngự bản thân, làm chủ thất tình lục dục. Đây là quá trình tập cho mình có được tâm từ bi, hỷ xả, dứt bỏ mọi sự thương ghét, triu mến trong cuộc sống nơi thế gian. Việc luyện kỹ sẽ giúp cho người tu giữ được thân tâm trong sạch, thanh tịnh, vô niệm, diệt bỏ mọi tánh tham sân si, tìm lại Thiên Tánh và quay bánh xe Đại thừa vào khắp chốn.

Việc luyện kỹ cần nhiều công trình vì tánh xấu đã bị màn vô minh che lấp nên con người đã tập nhiễm nó từ bao đời kiếp. Nên nay phải cố gắng tập luyện sao cho cõi lòng mình được mở rộng bác ái, yêu thương với người, phải khách quan vô tư, hỷ xả, bác ái, tha thứ, luôn đặt mình trong hoàn cảnh của người khác. Lúc nào cũng phải có tinh thần phục thiện, ý chí cầu tiến, nhứt là luôn tự cảnh giác xem có điều gì lầm lỗi trong tư tưởng, lời nói và việc làm không? Việc luyện kỹ ban đầu cũng hơi khó nhưng có cố gắng luyện tập lâu ngày sẽ trở thành thói quen giống như trà trong bình tích khi ta rót lâu ngày nó sẽ đóng thành lớp màng trà bên trong rất khó lau chùi vậy. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

(...) Về đạo tâm và tín ngưỡng phần đông rất tốt, nhưng phần chấp ngã, chấp tha còn quá nặng. Cố gắng tập làm sao cho cõi lòng mở rộng bác ái với tha nhân thì quý lắm. Việc tập luyện ấy ban đầu hơi khó, nhưng nhiều ngày sẽ thành thói quen. Hãy xem bình tích nước trà, mỗi lần châm trà, đem súc bình không thấy dính chi trong lòng bình tích, nhưng lâu ngày sẽ thấy màu trà đóng bên trong, rất đổi lau chùi mạnh cũng khó ra. Sự tập luyện nội tâm cũng vậy. Muốn tập thì nên hành

phương pháp giản dị sau đây:

Khi nào muốn phê bình chỉ lỗi một người, tự xét coi đời mình có lần nào lâm vấp lỗi ấy không? Nếu có hãy tha thứ cho họ.

Khi nào cảm thấy giận hờn, buồn tức người khác, tự vấn lương tâm hỏi coi mình có cần sự an ủi vỗ về với lời dịu dàng, triu mến trong tinh thần xây dựng hay không? Nếu cần, sẽ tha thứ và hãy dùng các biện pháp ấy để giúp người đó.

Cố gắng tập rèn mãi mãi. Khi gặp một cảnh ngộ nào xảy đến phải tập cho lòng mình có chút trầm ẩn xót thương tội nghiệp giùm cho người ấy. Sau thời gian lâu ngày, tự nhiên thấy lòng mình từ ái vô biên, thanh cao mát mẻ. Từ đó thể hiện lên nét mặt dễ kính, dễ mến, dễ gây thiện cảm với mọi người.

Trong một tập thể, như là tập thể người tu, nếu mỗi người tập được như vậy, bầu không khí từ ái sẽ bao trùm một vòm trời không nhỏ vậy.¹⁶

KẾT LUẬN

Tóm lại, trên con đường tìm cầu chánh đạo, người tu phải trở về với tâm tánh ôn hòa hồn nhiên mà Thượng Đế đã ban phát cho con người khi đến thế gian này đó là Chơn Tâm, Phật Tánh. Để trở về với Tâm Tánh hồn nhiên đó, hằng ngày người tu phải rèn tâm luyện tánh. Quá trình rèn tâm luyện tánh là một quá trình vô cùng gian khổ. Nó đòi hỏi người tu phải có sự quyết tâm nỗ lực, kiên trì trong tu học, phải siêng năng công phu tịnh định, hằng ngày hằng giờ phải giữ mình trong chánh niệm, khắc trị những thói hư tật xấu đã bị vô minh che lấp, chề

16. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08.4. Canh Tuất (12.5.1970).

ngự cái ý, làm chủ cái tâm để cho “biển hồ tâm” được sóng yên biển lặng, cho ánh sáng trắng được tràn đầy sáng rõ thì lúc đó Chơn Tánh sẽ được sáng soi, hòa đồng cùng muôn vật, tâm người hòa cùng Trời đất, mọi vật đều được ứng thông, lúc bấy giờ thì tình thương vô ngã của Chơn Tánh sẽ được hiển lộ, con người trở về được với cái điểm Chơn Tánh của mình và hoàn thành được sứ mạng vi nhân, cũng như sứ mạng tự độ và độ tha của mình nơi cõi trần.

*“Suất được tánh tri cơ thấy Đạo,
Tu Đạo nương lấy giáo làm nhân,
Rõ phương xuất hóa nhập thần,
Con đường Minh Đức Tân Dân trọn lành.”¹⁷*

Và việc rèn tâm luyện tánh cần phải:

*“Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng
Trong rèn tâm nhật dụng thường hành
Tâm này tự thử hư linh,
Căn trần không nhiễm, vô minh khó tìm.”¹⁸*

DIỆU THUẬN

10.6.2023 (23/4/Quý Mão)

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Thánh giáo sưu tập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.
2. Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội.
3. Quay về bốn thể chơn tâm, Diệu Như.
4. Rèn tâm, Sư cô Thích Nữ Diệu Hoa. (Trích từ Tập chí văn hóa Phật giáo 397).

17. Đạo Học Chỉ Nam, Chương III, tiết III, mục II.

18. Đức Đông Phương Chương Quân, CQPTGLĐĐ, 15.6. Canh Thân.

PHÁT HIỆN THÊM VỀ CÁCH TÍNH NĂM ĐẠO CỦA PHÁI CHIẾU MINH VÀO THUỞ BAN SƠ



Lâu nay phần đông chư vị tu theo pháp Vô Vi của Chiêu Minh cho rằng khi Ngài Ngô Văn Chiêu trở về Sài Gòn từ Phú Quốc vào năm Giáp Tý (1924) thì cơ đạo Đại Thừa tu luyện của Cao Đài đã bắt đầu được hình thành. Nhưng ngày nay chúng ta có cơ hội và điều kiện sưu tầm được một số kinh sách và Thánh giáo mà chư vị là đệ tử được Ngài Ngô trực tiếp hướng dẫn việc tu luyện phổ biến.

Qua các tài liệu mà quý tiền bối này đã phổ biến trong khoảng thời gian ban đầu trước khi cho ra mắt quyển Đại Thừa Chơn Giáo đã giúp cho các thế hệ tiếp nối chúng ta ngày nay, trước thềm thiên niên kỷ Cao Đài thấy được những gì không đúng với các lời phỏng đoán bấy lâu nay.

I. TRUYỀN PHÁP VÀ LẬP BA ĐÀN ĐẦU TIÊN

Khoảng hai năm sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ Phú Quốc về Sài Gòn, đến tháng Chạp Ất Sửu (đầu năm 1926), Đức Cao Đài Tiên Ông kết hợp hai nhóm tu Vô vi (+) và tu Phổ độ (-) lại với nhau rồi dạy một vài nghi thức bái lạy ban đầu của thời Tam kỳ cho quý vị (Cách lấy dấu Tam quy; ấn Tý; cách niệm danh Thầy; cách lạy)¹.

Tối cuối năm Ất Sửu, chư vị Tiên Khai đi một vòng trong Sài Gòn lập đàn cơ tại mỗi nhà. Đến Giao thừa Bính Dần, trong buổi đàn tại nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn với Ngài Ngô làm Pháp đàn, hai ông Tắc và ông Cư làm song đồng âm dương. Đức Chí Tôn-Cao Đài Tiên Ông đã ban ơn cho chư vị bắt đầu thực hiện công cuộc truyền đạo với vai trò Anh cả

1. *Kinh Tang Tế-Cầu Siêu*, năm 1927.

của Ngài Ngô.

Như thế Đạo Cao Đài bắt đầu hình thành và phát triển.

Vào giữa tháng 3 Bính Dần, Ngài Ngô được Đức Chí Tôn Thiêng phong làm Giáo Tông. Nhưng đến ngày thực hiện lễ bái mạng, dù Thiên phục Giáo Tông đã được hiền tử Cao Quỳnh Cư thực hiện xong nhưng Ngài không đến thọ nhận việc phổ độ mà xin chỉ chuyên tâm vào con đường Tâm pháp Vô Vi mà thôi.

Rồi đến khoảng giữa năm Bính Dần (1926), Ngài Ngô đã truyền pháp đạo cho người môn đệ đầu tiên (dù trước đó Ngài đã có hướng dẫn thờ Thiên Nhân và kinh kệ cho một số vị); đó là ông Lê Văn Huấn (1899–1939) một công chức làm việc tại Tòa án Sài Gòn. Sau khi ông Huấn tham dự buổi đàn cơ ở đàn Cầu Kho, Ngài được điểm danh và được dạy hãy đến Ngài Ngô học đạo.

Tiếp đến là Ngài Ngô truyền pháp thêm cho nhiều vị khác nữa².

Nhu cầu phát triển Đạo, dù là Tâm Truyền, cũng cần những nơi thờ phượng nghiêm túc, có người thường xuyên cúng kiến ấp áp, và nhứt là làm nơi truyền Pháp môn cho người hữu căn. Đây là nơi có bộ phận thông công để tiếp Thiên điển thọ nhận lời Thánh huấn. Các nơi này gọi là Đàn.

Ngài Ngô Văn Chiêu đã định hướng trước, đầu tiên chọn hai vùng để truyền Pháp, với ba nhà Đàn: Đàn Phú Lâm tại Sài Gòn; Đàn Chợ Lớn; Đàn Cần Thơ. Sau người đệ tử đầu tiên là ông Lê Văn Huấn, tại Sài Gòn, Ngài Ngô phát triển

2. Từ tài liệu sử đạo của Đh. Huệ Nhẫn (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo).

việc truyền Tâm pháp vô vi xuống vùng Cần Thơ thu nhận thêm được một số vị nữa trong đó có ông Tư Huỳnh. Cũng từ đó (tháng 6, tháng 7 năm Bính Dần (1926), bắt đầu sự chuyển biến mới: Phát triển phần Công truyền trong cơ Tuyển độ theo Tâm pháp vô vi.

Đầu năm Đinh Mão (1927), vợ chồng ông Nguyễn Văn Huỳnh (Tư Huỳnh) và bà Trần Thị Hương (Tư Hồng) cất xong căn nhà hai tầng ở Cái Vồn (Cần Thơ), tầng trên ông bà dành làm Chiếu Minh Đàn. Đây là cơ sở nhà đàn đầu tiên tại Cần Thơ của nhóm tu theo hướng Vô Vi Chiếu Minh. Nơi đây khi xưa vào thuở ban đầu đó, cũng đã phát hành một số kinh sách cho chư vị tu theo pháp Vô Vi Chiếu Minh.

II. MỘT VÀI KINH SÁCH DO CHIẾU MINH ĐÀN CẦN THƠ PHÁT HÀNH

Theo dòng lịch sử của Chiếu Minh đàn Cần Thơ, chúng ta thấy đã lần lượt có:

1. Quyển ĐẠO GIA TANG LỄ (1929)

Kinh Đạo gia tang lễ này xuất phát từ một nhà đàn vào thuở ban đầu của Chiếu Minh (khi Ngài Ngô còn sống) với khuynh hướng tu vô vi nhưng lại truyền bá các kinh y như bên phổ độ hầu cứu vớt siêu độ cho sanh linh. Trong kinh này có cả một số kinh cho những hoạt động thường ngày của đạo hữu như kinh: Chúc hôn phối, Lễ Lục tuần, Văn kỵ cơm, Rước tiên linh ngày xuân, Chú xuất hành.

Tương tự như các kinh sách của bên Phổ độ, vào khi đó chưa có ghi Năm đạo trên trang bìa. Quyển Đạo gia tang lễ này cũng thế. Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu đã cõi rỗng về Nguyên

(13-3 Nhâm Thân), chư tiền bối thế hệ đầu tiên ở Chiếu Minh đàn Cầm Thơ đã cho ra thêm vài đầu sách nữa như” Quyển Luật đạo (1932); Quyển Lịch sử của Quan phủ Ngô Văn Chiêu; và từ nguồn Thánh giáo trước tiết tàng thơ của Chiếu Minh.

2. Quyển LUẬT ĐẠO (1932)

Rằm tháng 8 Nhâm Thân (15-9-1932), sách được Chiếu Minh đàn ở Cầm Thơ phát hành, trên trang bìa có ghi Đệ Thất Niên. Sách này có 18 chương, hướng dẫn những điều tương tự như Tân Luật (có Chức việc: Chánh Phó Trị sự, Chánh Phó Thông sự và Chức sắc: Lễ Sanh, Giáo Hữu) nơi trang 29 với Chương thứ 16.

Cùng một số Chức phẩm của Chiếu Minh: Pháp sư, Giáo thọ. Đồng thời có bổ sung thêm một số đặc tính khuynh hướng tu của Ngài Ngô³.

Cuối sách Luật Đạo này, nơi trang 33 có bài viết với tựa “Hồi đạo mới mở”. Chư vị tiền bối Chiếu Minh ghi:

Đêm mừng 6⁴ tháng Giêng năm Bính Dần 1926, thuyết đàn ở nhà ông phủ Vương Quang Kỳ ở Sài Gòn, Đức Chí Tôn giảng cho một bài thi các công quả cho 12 người đi phổ độ như vậy.

Chi tiết “Hồi đạo mới mở... mừng 6⁵ tháng Giêng năm Bính

3. Qua quyển *Luật đạo* (1932) và quyển *Đạo gia tang lễ* (1929) của Chiếu Minh đàn, giúp hậu bối Cao Đài hiểu biết được phần nào khuynh hướng tu của nhóm Chiếu Minh thuở ban đầu có cả hai phần (tu luyện và phổ độ), căn bản vẫn theo nền tổ chức Pháp Chánh Truyền, khi Ngài Ngô còn tại tiền.

Về sau phát sinh thêm Chiếu Minh Giáo Tòa (nặng tu Vô vi), Chiếu Minh Long Châu (nặng về Phổ độ).

4. Công nhân kỹ thuật viên xếp chữ bản in đã xếp ngược số 9 thành số 6.

5. Thật ra là đêm mừng 9 tháng Giêng Bính Dần.

Dần” này đã tỏ rõ quan điểm của chư vị bên Chiếu Minh vào giai đoạn ban đầu ấy (Ngài Ngô cùng quý đệ tử đầu tiên): Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài giáo đã được Đức Chí Tôn “khai... lập đạo” vào Giao thừa năm Bính Dần (1926).

Trong thời gian này, với chư vị bên tu Phổ độ chánh yếu ở Tòa Thánh Tây Ninh, việc ghi Năm đạo trên sách kinh, sổ văn hay văn bản hành chánh đạo cũng đã bắt đầu phát triển từ giữa năm Kỷ Tỵ (1929) và cụ thể hơn cả là quyển Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn được phát hành giữa năm 1930, Ngài Thượng Trung Nhựt khi viết Châu tri phổ biến sách này đã yêu cầu toàn đạo các nơi làm y như một mà thôi, với mẫu sổ năm Canh Ngọ (1930) ấy ghi “Đệ ngũ niên”.

3. Quyển Lịch Sử của Quan Phủ Ngô Văn Chiêu

Trong Lời Tiểu Tựa, chư đệ tử trực truyền của Ngài Ngô viết: «Đạo Cao Đài truyền ra cuối năm Ất Sửu (1925) tới ngày nay vừa được bảy năm». Nơi cuối trang 17 có nhắc lại Thánh Ngôn giao thừa Bính Dần để rồi sang đầu trang 18, quý vị ghi: «Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là kỷ niệm ngày khai đạo, mừng một, giờ Tý năm Bính Dần vậy».

Khi đối chiếu với sách kinh và tài liệu có ghi tuổi đạo vào khi dó của Tòa Thánh Tây Ninh, chúng ta thấy hoàn toàn giống y nhau. Cụ thể là đầu văn kiện Lời Giản của Đại Hội Nhơn Sanh nhóm lần thứ nhì tại Tòa Thánh ngày 15-10 Nhâm Thân. Ngài Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh khi đó quản lý Tòa Thánh Tây Ninh vẫn còn ghi «Đệ thất niên».

4. Từ nguồn Thánh giáo Trước Tiết Tàng Thơ của Chiếu Minh

4.1. Gia Định, đêm 23, 24 tháng 3-Quý Dậu (17, 18-04-1933)

...Khánh, Toàn nghe Thầy dạy:

... Con phải hiểu, khi Tàng Thor cất xong thì Toàn và cặp đồng tử Từ Quang, Thiện Lạc sẽ mắc lo hành đạo. Vậy chừng ấy, con phải thay thế cho nó và con phải đem cặp đồng tử phổ độ chúng sanh. Lúc này là lúc cuối tận vậy con chẳng nên nệ cực nhọc cùng Thầy.

Con chia phổ làm hai cấp: Một cấp trường trai, tu theo Thiên Đạo học Pháp và một cấp thập trai, lo giữ Đạo (đọc kinh cúng kiến mà thôi).

Cấp sau Thầy sẽ chuyển nó theo cấp trường trai, còn đưa nào vô phần, Thầy sẽ cho các con cứu vớt nó khi cuối cùng...

4.2. Trước Tiết Tàng Thor, 15-03-Ất Hợi (17-04-1935)

Ngọc Hoàng Thượng Đế... ..

Tu nhiều bậc: Thượng, Trung, Hạ... ..

- Còn Hạ thừa là kẻ lục trai, thập trai sau Thầy độ cho thành Thần.

4.3 Đoàn tại gia Nguyễn Háo Vĩnh, 30-01 Bính Tý (22-02-1936)

Cao Đài Tiên Ông....

Thầy dạy đây, cho mấy con hiểu tường tận. Đạo Thầy mở được 10 năm, phái luyện Đạo chưa có mấy đứa.

Thầy chuyển tạo dựng Tàng Thor dựng mấy con hành chánh giữ chơn truyền, sau lưu hậu thế muôn năm, danh mấy con còn bìa tạc, sau mấy con mới biết sự quý báu...

5. Năm Bính Tý (1936) trong một lần giáng đàn còn lưu trong quyển Thánh Đức Chơn Kinh (của Hội Thánh Tiên Thiên), Đức Ngô Minh Chiêu có dạy.

Ngô Minh Chiêu giáng,... ..

*Để thức tỉnh lòng người con cuối cùng Ngươn Hội,
Hành Đạo là đem cái chơn lý của Đạo mà Phổ Độ Chúng
Sanh. Tịnh luyện là bổ dưỡng Ngươn Tinh, Ngươn Tinh biến ra
Ngươn Khí, Ngươn Khí mới thành dạng Ngươn Thần.*

*Cái chơn lý Hành Đạo–Tịnh Luyện vẫn có một không hai.
Biết cùng không biết, là do nơi người mê tín theo một phương
diện ích kỷ cho mình,... Hành Đạo phải Tịnh Luyện, hay Tịnh rồi
Hành Đạo... Bởi vậy hễ biết Đạo thì phải luyện Thần mà biết
luyện Thần là tự nhiên biết Hành Đạo.*

*Nếu tu mà thiêng một bên Tịnh Luyện cũng hại, chớ không
thành. Còn tự mình rằng: Lo Đạo ỷ thế ỷ công, không tịnh cũng
khó mà về ngôi vị”.⁶*

6. TÓM LẠI

Với năm tài liệu lịch sử dùng để chứng minh này (Kinh Tang Lễ, Đạo Luật, Thánh giáo Trước Tiệt Tàng Thơ... ..), đã sớm xuất hiện vào cuối thập kỷ 20, đầu thập kỷ 30 của thế kỷ trước, có giúp cho hậu bối Cao Đài chúng ta thấy khi xưa vào giai đoạn này như sau:

6.1. Khi bên Tòa Thánh Tây Ninh chưa có ghi Năm đạo thì tương ứng như thế, Chiếu Minh đàn có cho ra quyển Đạo Gia–Tang Lễ gồm những bài siêu độ cùng một số bài thông dụng cho đời sống như kinh Chúc Hôn phối... cũng chưa có ghi Năm đạo.

6.2. Giai đoạn đã bắt đầu có việc ghi Năm đạo của chư vị bên Tòa Thánh thì tương tự như thế quý vị đệ tử tu theo

6. Thánh Đức Chơn Kinh, quyển 3.

pháp Chiếu Minh được trực tiếp học cùng Ngài Ngô Văn Chiêu cũng đã có đồng quan điểm với chư Tiền Khai tu Phổ Độ: chỉ có một đạo Cao Đài mà thôi, nên cũng đã có ghi Năm đạo trên bìa sách xuất bản 1932.

Với quyển Luật Đạo (1932) bìa sách ghi “Đệ Thất Niên”, nội dung căn bản như Tân Luật đã được phổ biến gồm: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy, cơ cấu tổ chức nhà đàn cũng có Chánh Phó Trị Sự, Lễ Sanh, Giáo Hữu,... .. Đặc biệt cuối sách có phần khẳng định “Hồi đạo mới mở... tháng Giêng Bính Dần”.

Với quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu in lần thứ nhứt vào tháng 9 năm 1932, tuy bìa không có ghi Năm đạo nhưng Tiểu Tựa có viết: «Đạo Cao Đài truyền ra... tới ngày nay vừa được bảy năm». Sau đó đầu trang 18, xác định: «Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là kỷ niệm ngày khai đạo, mừng một, giờ Tý năm Bính Dần vậy».

6.3. Giai đoạn ban đầu của Chiếu Minh khi chưa xuất bản Đại Thừa Chơn Giáo, với nguồn Thánh giáo Trước Tiết Tàng Thơ ban sơ này. Mặc dầu đặt nặng việc hướng dẫn tu luyện cho thành phần Thượng căn nhưng Thầy vẫn dạy đạo đủ cho cả ba bậc trình độ.

Đặc biệt chính Thầy xác nhận vào đầu năm 1936:

Thầy dạy đây, cho mấy con hiểu tường tận.

Đạo Thầy mở được 10 năm,

Qua các dẫn chứng vừa nêu trên với những hình ảnh vật chứng được lấy từ sách lưu trữ trên một thư viện online của Pháp cũng như từ nguồn Thánh giáo ban sơ Trước Tiết Tàng Thơ ở Bà Chiểu-Gia Định-Sài Gòn (nơi Thầy giảng sau đó ban Thánh giáo để tạo dựng nên quyển Đại Thừa Chơn Giáo) của

Chiếu Minh, có giúp cho các thể hệ hậu bối Cao Đài chúng ta có được nhận thức đầy đủ hơn: với Đức Chí Tôn về phương cách ghi Năm đạo khi xưa hồi mới bắt đầu có việc ghi Năm đạo, quan điểm của chư vị tiền bối thể hệ đầu tiên là đệ tử được thu nhận trực tiếp tu học pháp Chiếu Minh (chịu ảnh hưởng tư tưởng của Ngài Ngô), vào khi xưa đó cũng giống y như của chư vị Tiền Khai thể hệ đầu tu bên Phổ độ. Cả hai nhóm đều đồng nhứt theo cách tính Năm đạo của Thầy.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài giáo đã khởi bước hình thành vào cuối tháng Chạp Ất Sửu khi Thầy vận chuyển cho 2 nhóm tu Vô vi (+) và tu Phổ độ (-) hợp tác cùng nhau độ dẫn nhơn sanh thì khi bước sang đầu năm Bính Dần nhà đạo mới bắt đầu có hiện tượng qua việc phát triển lần lượt thu nhận nhơn sanh tín hữu qua cơ bút trong năm Bính Dần cho cả hai khuynh hướng tu Vô Vi và tu Phổ độ.

*Tháng 02 Ất Ty-2025
Đạt Tường và Ngô Chơn Tuệ*

ĐẠO-GIA-TANG-LỄ

ASSOCIATION CULTUELLE

CAO ĐÀI-THƯỢNG-ĐẾ-ĐẠI-ĐẠO CẦN THƠ

Chiêu-Minh-Đàng

CÁI-YÒN

IN LẦN THỨ NHẤT

2.000 CUỐN

Kính này phát không, ai thỉnh coi
khỏi tốn tiền chi cả.

SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN-VĂN-CỬA
13, Rue Lucien Mossard, 13

1929

MỤC LỤC

Trương thứ mấy.

1. — Phân biệt người tu	1
2. — Lúc gần lâm chung	2
3. — Cách sắp đặt việc hộ đạo	4
4. — Bài Thỉnh-Thánh	5
5. — Bài cầu hồn	5
6. — Bài đưa hồn lên Thiên-dăng	6
7. — Phép lạy liệm	7
8. — Thiết linh sàng	11
9. — Đặt bàn kinh	12
10. — Tạo đồ tang phục	12
11. — Cáo hậu thổ	12
12. — Thiết minh sanh	13
13. — Tạo - Triệu	14
14. — Công bố	15
15. — Khai đăng tụng kinh	15
16. — Thành Phục	16
17. — Bài cáo 4ừ-4ở	17
18. — Bài Thành-Phục	18
19. — Bài cúng vong triêu-licb	19
20. — Văn đạo hữu diếu tang	20
21. — Bài cáo đạo-lộ	21
22. — Bài cáo Thủy-Thần	22
23. — Phụng minh sanh	22
24. — Bài phụng minh sanh cáo từ tổ	23
25. — Lễ nghi khiên diện	23
26. — Bài động quan	24
27. — Phát giân	25
28. — Bài đưa linh cửu	25
29. — Lễ từ hậu thổ	27
30. — Bài từ hậu thổ	27
31. — Bài hạ rọng	27

	Trương thờ mấy.
32. — Bài tờ giả mở phần.	28
33. — Bài an linh sàng.	28
34. — Nói về những người lúc làm chung còn ăn mạng	29
35. — Những bài chẳng động dùng	30
36. — Tu hành kỵ dụng	31
37. — Không nên trách ngày giờ	31
38. — Bất dụng âm thịnh.	31
39. — Thờ phương.	31
40. — Điều tang	32
41. — Tang-Phục.	32
42. — Đại-tang	33
43. — Cơ-Tang	33
44. — Đại công-tang	34
45. — Tiểu-công-tang	35
46. — Tư ma-tang	35
47. — Tam phụ, bác mẫu	35-36
48. — Tang Thầy	36
49. — Tình tang nghĩa phục.	36
50. — Cự trọng tang ngộ trọng tang	37
51. — Cự trọng tang nhi ngộ khinh tang.	37
52. — Về việc làm tuần, cầu siêu	37
53. — Sáp đặt nghi tiết	37
54. — Việc hành lễ.	38
55. — Cách tẩy uế và bài tẩy uế.	38
56. — Lời chủ nguyện hương vào đám.	39
57. — Bài nguyện hương vào đám.	39
58. — Bài hương.	42
59. — Bài Thánh Phật, Tiên, Thánh.	42
60. — Bài cầu xin cho vong nhập đàng.	43
61. — Bài cúng vong bá nhật và tiểu tường.	44
62. — Bài cúng vong đại tường.	44
63. — Cúng thí thực	46

CAO-ĐÀI ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ

ĐỆ THẤT NIÊN

DEPOT LEGAL
"INDOCHINE"

Nº 18101

LUẬT ĐẠO

CHIẾU-MINH-DÀN
CANTHO

Ngày rằm tháng tám năm Nhâm-thân

1932

IN TẠI NHÀ IN AN-HÀ

(IMPRIMERIE DE L'OUEST)

43-57, Boulevard Gallieni, 43-57

CANTHO

1932

CHƯƠNG THỨ 15

Về việc công quả.

Việc in bài vị và vẽ diên quang hay là in kinh đặng Phổ độ nhơn dân, trong Đạo hữu người nào dư ăn dư xài, muốn làm công quả thì in kinh vẽ diễn tạo bài vị, rồi đem hiến nạp tại Đàn đề dùng Phổ độ, còn những Đạo hữu nào có dư liền muốn làm công quả đi Phổ độ, mà không rảnh, như có dạ hảo tâm muốn giúp số tiền mà hộ những người đi Phổ độ trương tượng khai Đàn vãn vãn: đặng làm phí lộ thì đem số tiền ấy mà tri tại Đàn và Chủ-Đàn phải làm sổ bộ thâu xuất cho phân minh.

CHƯƠNG THỨ 16

Việc bài yết Đàn chánh.

Mỗi năm có ba nguơn lớn thì Chủ-Đàn, Giáo-thọ, Giáo-hữu Lễ-sanh, Tri-sư và Thông-sư các Đàn đến bài yết Đàn chánh, thừa dịp

Hỏi đạo mới mở.

Đêm mừng 6 tháng giêng năm Bình-dần
1926 thuyết Đàn tại nhà ông phũ Vương-quang
Kỳ ở Saigon đưc Chi-Tôn giản cơ cho một bài
thi các công quã cho 12 người đi Phổ độ như
vầy.

Thi :

CHIỀU KỶ TRUNG *độ dần* HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢN thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ *thiên địa* cảnh,
QUỜN MINH MẦN *đáo thủ dài danh*.

Ba ông thừa biện : Quờn, Minh, Mần thủ Đàn.

CHUNG

Đúng ra là đêm mừng 9 tháng Giêng Bính Dần như chư vị đã viết ngay sau đó trong quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu (1932)



TIÊU-TỰA

Quan Phủ Ngô-văn-Chiêu người khai hóa Đạo "Cao-Dài" đã liễn đạo tại Cantho nhằm ngày 13 tháng ba năm Nhâm-Thân (18 Avril 1932).

Đạo "Cao-Dài" truyền ra cuối năm Ất-sửu (1925) tới ngày nay vừa được bốn năm, Tỉn-Đồ thiệt là đông, có đến mấy chục vạn mà chẳng có bao nhiêu được biết Quan Phủ Ngô-văn-Chiêu là người trước hết đã đem mỗi Đạo "Cao-Dài" mà truyền-bà ra vậy. Ấy cũng là một điều khuyết-diểm trong nền Đạo.

Thậm chí cho tới mấy ông "Cổ-Cựu" trên Tòa-Thành Tây-ninh cũng không biết — hay là biết mà không muốn nói — rằng gốc Đạo "Cao-Dài" do nơi Quan Phủ Ngô-văn-Chiêu mà truyền ra.

Theo như tờ Châu-Tri của Tòa-Thành Tây-ninh số 49 ngày 16 tháng, ba năm Nhâm-Thân (21 Avril 1932) thì Quan Phủ Ngô-văn-Chiêu là chủ mỗi Đạo Chiếu-Minh-Dàn ở Cantho mà thôi!

Ngày nay Ngài đã liễn đạo rồi, tưởng cũng nên kể lại lịch của Ngài ra đây hiển cho chư Đạo-Hữu, chẳng phải là đều vô ích vậy.

Trong quyển lịch-sử này có mấy bài thi và trường-thiên của Bử-Trần cho Ngài. Tiếc vì bản-chánh tìm không được, nên e có chỗ sơ sót vì tam sao thất bản. Xin chư Đạo-Hữu biết cho.

Saigon, le 30 Septembre 1932.



In tại nhà in Nhà-In Xưa-Nay, Ng-hào Vĩnh,
60-64, Boulevard Bonard — Saigon.

Ấy là lời Thánh-Giáo đầu tiên. Ấy là kỷ-niệm ngày khai Đạo mừng Môt, giờ Tý, năm Bình-Dân vậy. (15 Fèv. 1926).

Qua đến mừng chín tháng giêng (21 Fèvrier 1926) nhằm ngày vía **Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế**, quan Phủ Vương-quan-Kỷ có thiết Đàn tại nhà ông tại đường La Grandière số 80. Đêm ấy có mời Chư-Nhu và mấy vị Đạo-Hữu hầu đàn.

Thượng-Đế giảng cơ dạy như vậy :

*Bửu toà thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rời sau cũng một nhà,
Chung hiệp rân vun nền Đạo-Đức,
Bền lòng son sắc đến cùng Ta.*

Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận-hoà nhau hoàì, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy. Phải làm cho nhau đáng thể lực, đừng ganh gờngh. Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý muốn của Thầy.

Khi ấy Quan-Phủ **Ngô-văn-Chiều** xin **Thượng-Đế** lấy tên mấy người **Đệ-Tử** mà cho một bài thi kỷ-niệm. **Thượng-Đế** bèn cho bốn câu như vậy :

**Chiêu Kỳ Trung độ dẫn Hoài sanh,
Bản đạo khai Sang Quí Giảng thành,
Hậu Đức Tác Cư Thiên Địa cảnh,
Quờn Minh Mân đạo thủ dài danh.**

Thượng-Đế lại phán : « Quờn, Minh, Mân, sau sẽ rõ. »

MỘT NHÀNH DƯƠNG LIỄU ĐỊNH PHONG BA

Kim Ngân

DẪN NHẬP

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đứng trong hàng Tam Trấn Oai Nghiêm đại diện cho Tam Giáo cùng với Đức Thái Bạch Đại Tiên, và Đức Quan Thánh Đế Quân. Qua huyền cơ diệu bút, Ngài đã có lần giảng dạy:

*Tam kỳ rộng mở cõi Nam Thiên,
Trấn định năm châu giữ mối giềng;
Oai đức từng phen ra cứu thế,
Nghiêm minh lắm lúc nhọc Thần Tiên.
Quan lâm tế chúng nên trò Thánh,
Âm điệu hòa như đạo nữ hiền;
Bồ Tát đã từ vô lượng kiếp,
Giáng trần mở đạo chọn cơ duyên.¹*

Đức Quan Âm Bồ Tát còn giữ vai trò là Chủ Tịch Hội Đồng Chư Thánh Mẫu Nữ Vương, đặc trách dạy đạo, dìu dắt tinh thần cho nữ phái trên đường tu học. Đây cũng là một ân

1. Đức Quan Thánh Đế Quân, Giáo Hội Tiên Thiên-Thánh Tịnh An Tiên, 02. 02 Đinh Mùi (11.3.1967).

phước đặc biệt cho hàng nữ lưu trong thời Tam Kỳ này.

Tại Việt Nam, hình ảnh Bồ Tát Quan Thế Âm đã trở nên gần gũi đối với mọi tầng lớp quần chúng, ảnh hưởng sâu rộng trong văn hóa dân gian đến độ chúng ta đi đâu, về đâu trên đất nước thân thương này cũng đều thấy tôn tượng của Ngài. Đó là hình ảnh của một vị nữ Phật với vẻ mặt hiền lành phúc hậu, từ bi tĩnh lặng trong bộ bạch y, tay trái cầm thanh tịnh bình chứa nước cam lồ, tay phải cầm nhánh dương liễu.

– Bạch y: tượng trưng cho hạnh vô úy², có ý nghĩa mang lại sự an lạc cho chúng sanh.

– Thanh tịnh bình: tượng trưng cho tâm thanh tịnh. Đựng trong bình thanh tịnh là nước Cam lồ: tượng trưng cho lòng từ bi.

– Nhánh dương liễu: tượng trưng cho hạnh nhẫn nhục.

Theo kinh sách, Đức Quan Âm Bồ Tát hiện 32 ứng hóa thân, phát 12 lời đại nguyện với 14 năng lực vô úy để hóa độ, cứu vớt chúng sinh thoát khỏi khổ đau, ách nạn. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Âm Bồ Tát với nhánh dương liễu vẫn tiếp tục ban rải nước cam lồ để giải nạn, cứu độ khách trần khỏi biển dục về nơi bến giác. Ngài dạy:

*Một nhánh dương liễu định phong ba,
Cắt mái thuyền linh vượt ái hà;
Vớt khách trầm luân mong giác ngộ,
Đưa về cảnh cũ thú Tiên Gia.³*

Từ bài Thánh thi này, Đạo muội xin được chia sẻ cùng quý

2. Vô úy: không sợ sệt. Vô úy thí: làm cho tâm người khác không còn sợ hãi, mang lại sự an lạc.

3. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 08.12 Đinh Mùi (7.01.1968).

vị qua đề tài “Một nhánh dương liễu định phong ba”.

1. PHONG BA

1.1. Phong ba là gì?

Theo tự điển, phong ba có nghĩa là sóng gió, hàm chứa ý nghĩa của sự nguy hiểm, cơn giận dữ dội bộc phát nơi tâm, hay những thời khắc khó khăn làm thay đổi cuộc sống của con người.

Trong câu Thánh thi “Một nhánh dương liễu định phong ba”, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy: *“Phong ba nơi đây không có nghĩa là sóng gió ngoài biển khơi, mà là những luồng tư tưởng từ ngoại cảnh đưa đến”*.⁴ Những luồng tư tưởng đầy sóng gió ấy phát xuất từ sự tiếp xúc với ngoại giới, con người mãi mê chạy theo sự đam mê vật chất hữu hình, khiến cho nội tâm đảo điên phân tán, lòng người chẳng được an định, chỉ nghĩ đến việc mưu cầu sự sung sướng cho bản thân, dẫn đến sự tranh giành quyền lợi, dẫn thân vào chỗ sóng gió, hiểm nguy, khiến cho cuộc đời phải sa vào vòng khổ đau, phiền não.

1.2. Đặc tính của phong ba

Đức Trần Hưng Đạo dạy: *“Mỗi khi chưa hề thấy một cuộc phong ba vừa yên lặng, người bị đắm cũng sợ sệt, mà chưa bị đắm cũng sợ sệt hãi hùng”*.⁵ Như vậy, đặc tính thứ nhất của phong ba là khiến cho lòng người đầy nỗi sợ hãi, khổ đau.

Chẳng ai mong muốn trải qua những biến cố trong cuộc đời mình một cách đầy đau khổ. Đó là những giây phút có thể

4. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19.9.Tân Hợi (6.11.1971).

5. Đức Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 09.01 Mậu Thân (7.02.1968).

con người sẽ cảm thấy mình hoàn toàn đơn độc và bất lực. Nhưng rồi với bản năng sinh tồn, con người phải nỗ lực vượt qua, vì không thể chùn bước để sau đó học những bài học đời, nhận ra sự hạn chế của bản thân. Trong quyển Thánh truyền Trung Hưng, Đức Hải Triều Thánh Nhơn dạy: *“Phong ba thử chí anh hùng”*.⁶ Do đó, đặc tính thứ hai của phong ba là thử thách lòng kiên trì, nhẫn nại.

Như vậy, phong ba làm cho lòng người sợ hãi nhưng đồng thời cũng là sự thử thách trui rèn con người trở nên hoàn thiện hơn, vững chãi hơn.

*“Trong cơn hỗn độn mịt mù,
Mới tường ai hạng người tu chơn thành.”⁷*

1.3. Phong ba từ đâu đến?

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *“Trên đường đạo hoặc đường đời cũng thế, nào khác chi đâu. Mọi sự kiện xảy đến cho mình, đa số là tự mình gây nên, chỉ thiếu số từ ngoại cảnh đưa đến mà thôi. Cái ngoại cảnh ấy cũng do ảnh hưởng phần nội tâm mà ra, chớ không hoàn toàn là rủi ro từ đâu đưa đến. Nếu thiếu đức, ngoại cảnh mới xâm vào”*.⁸

Một vị Thiền sư đã nói: *“Trăm triệu hạt mưa rơi, không hạt nào rơi nhằm chỗ”*⁹, có nghĩa vạn người từng gặp, triệu điều xảy đến với mình, không có gì là ngẫu nhiên. Tất cả đều là nhân quả do mình gây tạo từ tiền kiếp hay trong hiện kiếp.

6. Đức Hải Triều Thánh Nhơn, Thánh Truyền Trung Hưng, TT. Đại Thanh, 01.8.Giáp Tuất (1934).

7. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 08. 12 Đinh Mùi (7.1.1968).

8. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 14.01 Kỷ Dậu (1969).

9. Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Mỗi khi gặp khó khăn, trở ngại là lúc người tu cần phải cảnh tỉnh, quay về bên trong xét lòng, làm chủ bản tâm, chế ngự kịp thời những tham vọng, tĩnh tâm tham thiền để an định phong ba. Nếu nội tâm phát triển theo chiều hướng nhân nghĩa đạo đức, người tu sẽ có Thiên đường tại tâm, một trạng thái bình an, thanh thản; xem thử thách chông gai trên đường đạo và đường đời là trường thi đấu sức, lò Tào hóa đúc rèn. Nếu nội tâm phát triển theo hướng tiêu cực, con người sẽ sống trong sự dằn vặt, ray rứt, khổ đau, muộn phiền; xem phong ba là chướng ngại, là tai họa khổ hình, trách Đất giận Trời, nói Thần Thánh không linh ứng cứu độ. Lửa thử vàng, gian nan thử sức, các Đấng Thiêng Liêng không thử thách những gì vượt ngoài sức chịu đựng của con người, đừng vì cảnh ngộ chông gai mà yếu đức tin rồi sa lạc trong cõi đời tăm tối.

Theo thời gian, sự khảo thí trên mỗi đoạn đường sẽ ngày càng tinh vi. Mỗi khi cơ thử thách xuất hiện là lúc mở ra cuộc khảo sát thí sinh, để đánh giá bước Đạo lòng tu, sức người chí nguyện, nên người tu cần nhận ra đây là cơ hội, là một ân phước, khi hoàn thành bài thi sẽ có tiến bộ rất nhiều, công đức được cao dày thêm lên.

Đức Quan Âm còn chỉ rõ cho chúng ta thấy, tất cả mọi sự rủi ro xảy đến với mình là do thiếu đức nên mới dễ dàng bị ngoại cảnh tác động chi phối. Do đó, người tu cần chí tâm về mặt đạo đức, giữ tâm luôn thanh tịnh để đủ sức vượt qua phong ba. Chính tâm thanh tịnh là tâm trong sạch, tâm lặng lẽ cũng là điều kiện tối thiểu để người tu có được cảm ứng đón nhận sự hỗ trợ duyên từ các Đấng Thiêng Liêng.

Hầu hết người Việt đều biết tích truyện Quan Âm Thị Kính, câu chuyện của nàng Thị Kính, một người phụ nữ dịu hiền, hết lòng chăm lo cho nhà chồng trong ấm ngoài êm, ai nấy đều khen. Vậy mà, chỉ vì một sự hiểu lầm khi nàng cầm kéo định cắt sợi râu mà nàng nghĩ là không tốt, trên mặt của chồng mà bị nhà chồng đuổi ra khỏi nhà. Sóng gió cuộc đời bất ngờ ập đến, nàng Thị Kính vô cùng đau khổ và đã từng có suy nghĩ tự tử. Nhưng vì thương cha mẹ nên nàng cải nam trang, nguyện xuất gia tu tập, vào chùa, nàng trở thành sãi Kính Tâm, sớm chiều kinh kệ. Thế nhưng một lần nữa, cửa thiền dậy sóng khi sãi Kính Tâm bị tố dan díu với Thị Mầu và có con. Nhưng nhờ quá trình tu tập nhẫn nhục tinh chuyên, vượt thắng được những khổ đau, oan ức trong lòng, để lần hàm oan thứ hai này, Kính Tâm nhẹ nhàng, thanh thản đón nhận, cho dù thể xác phải nhận chịu đòn roi của luật hình và tiếng đời thị phi phỉ báng.

Suy cho cùng, qua truyền thuyết này, còn 2 nhân vật cũng phải gặp phong ba trong cuộc đời, nhưng có khác là sóng gió do chính mình gây tạo cho mình.

Thứ nhất là Thiện Sĩ-chồng của Thị Kính. Một người đàn ông thiếu sự quyết đoán, một người chồng không có lòng bao dung, không có sự tin tưởng trong cuộc sống vợ chồng đã gây nên sóng gió hủy hoại hạnh phúc gia đình.

Thứ hai là cô thiếu nữ tên Thị Mầu, chỉ vì sự lẳng lơ bất chính, đặt tình yêu vào một người đã xuất gia tu hành. Khi không được đáp lại tình cảm, Thị Mầu đem lòng oán hận, vu oan cho sãi Kính Tâm làm điều bất chính, để rồi hủy hoại cuộc đời chính mình.

Trong các nhân vật kể trên, chỉ có nàng Thị Kính đã thoát khỏi phong ba bằng sự tu tập, giữ tâm an định, kiên nhẫn để không bị khống chế bởi những oan tình khắc nghiệt đã xảy đến trong cuộc đời mình. Thật ra, muốn mình oan cũng không quá khó, đó là việc mà người đời vẫn thường làm. Nhưng nhờ lòng từ bi thương xót cho Thị Mầu và đưa bé trong bụng tránh bị tổn hại, đồng thời nhờ hạnh nhẫn nhục giữ bền tâm chí chịu đựng phong ba mà nàng Thị Kính đã chiến thắng nghiệp lực, vượt qua nghịch cảnh, chứng quả vô sanh, đạt đến ngôi vị Niết Bàn trường tồn vĩnh cửu.

Như vậy, Phong ba trong câu thánh thi “Một nhành dương liễu định phong ba” là những cơn sóng gió phiền não, những hoàn cảnh khổ đau, mà đời người không ai tránh khỏi. Và người tu cần hiểu rằng những nghịch cảnh đến với mình là nghiệp lực do mình đã gây tạo, nên cần ẩn nhẫn, kiên trì, bền chí đương đầu để vượt qua, coi như là bài khảo thí giúp người tu tinh tấn hơn trong trường tiến hóa.

Vậy trong việc an định phong ba, nhành dương liễu đóng vai trò như thế nào?

2. NHÀNH DƯƠNG LIỄU

2.1. Ý nghĩa của nhành dương liễu

Đức Quan Thế Âm là Đại Bồ Tát có khả năng quan sát và thấu suốt âm thanh của thế gian với tâm nguyện là “*Trên luôn cầu giác ngộ, Dưới nguyện độ chúng sanh*”¹⁰. Ngài dùng

10. “Thượng cầu Giác Ngộ. Hạ hóa chúng sanh”, Minh Đức-Thanh Lương, *Bồ Tát Đạo hay con đường lý tưởng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

nhành dương liễu, nước cam lồ trong thanh tịnh bình để cứu độ chúng sanh thoát nơi khổ hải, nhưng cũng ẩn chứa ý nghĩa dạy cho con người, kiếp người hữu hạn, nhưng đời sống luôn gặp nhiều trái ngang đau khổ, con người phải biết cố gắng vươn tay với lấy nhành dương để làm phương tiện tự cứu mình.

Đức Chí Tôn đã nhắc nhở hàng môn đệ rằng: *“Biển khổ đã lắm nổi chìm mà nhành dương liễu chẳng mau với nín, đọa trầm luân chưa chịu thoát, mà điều tình tội lại chác thêm, buộc thảm đeo phiền, cũng tự mình tác tệ, chớ ăn năn rất muộn về sau”*.¹¹

Vậy nhành dương có ý nghĩa, công dụng như thế nào mà Đức Thượng Đế nhắc nhở người tu phải mau mau nín lấy?

Nhành dương liễu tuy yếu mềm nhưng dẻo dai, uyển chuyển, khi ở trong tay Bồ Tát là một pháp khí linh diệu, Ngài thấy một cái có thể cứu độ con người thoát mọi hiểm nguy, nạn tai, bệnh tật. Đối với con người, nhành dương liễu cũng biểu trưng cho hạnh nhẫn nhục, là một thứ khí cụ linh diệu có năng lực giúp cho con người diệt trừ Tam độc: Tham, Sân, Si; từ đó thoát khỏi những nghịch cảnh khổ đau, giải trừ được nghiệp lực đeo đẳng con người từ vô lượng kiếp.

Tâm người nguyên sơ vốn thanh tịnh, minh linh sáng suốt, nhưng vì tam độc (tham, sân, si) đã làm lu mờ sự trong sáng của tâm. Khởi đầu là tham muốn. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *“Cũng vì chữ muốn đã làm cho con người từ thanh cao đến hạ tiện, từ chỗ thương nước mến dân đã trở thành người buôn dân bán nước; từ chỗ xây dựng đạo lý nghĩa hơn đã*

11. Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, đàn 14.12.1926.

trở thành người phá đạo và vô nhơn bất nghĩa".¹² Và khi lòng tham muốn không được thỏa mãn thì nó sẽ hành hạ tâm hồn và xác thân con người, khiến tâm người nổi lên ngọn lửa của sân và si. Tam độc là mầm mống của những điều bất thiện, như cơn lửa dữ thiêu đốt gia tài quý báu vốn có của con người, như cơn sóng cả gầm thét nhấn chìm mọi ghe thuyền qua lại. Nhưng "nhành dương cam lộ rưới tan diệu kỳ"¹³ sẽ giúp những ai luyện rèn được hạnh nhẫn nhục, sẽ dập tắt được ngọn lửa tam độc.

2.2. Hạnh nhẫn nhục

Tại sao nói nhành dương liễu là biểu trưng của Hạnh nhẫn nhục? Bởi vì dương liễu là loại cây vừa đủ độ mềm dẻo, gió mạnh thì uốn theo chiều gió, gió dừng là trở lại vị trí cũ. Thánh giáo Cao Đài nhắc nhở:

*"Nhu thắng cương, nhược thắng cường,
Mềm còn, cứng bề, thấy thường xưa nay."*¹⁴

Hạnh là một đức tính được huân tập thuần túy từ bên trong và thể hiện ra bên ngoài một cách đồng nhất.

Nhẫn nhục là nhẫn nại, uyển chuyển như nhành dương mà tìm cách vượt qua cảnh khổ, kiên trì tu tập để đạt được kết quả sau cùng. Nhẫn nhục còn là sự hy sinh những danh lợi tầm thường để đem tình thương và trí tuệ cảm hóa người khác.

Nhành dương liễu là biểu trưng cho Hạnh nhẫn nhục;

12. Đức Quan Âm Bồ Tát, TT. Ngọc Minh Đài, 09.01 Đinh Mùi (17.02.1967).

13. Đức Quan Âm Bồ Tát, *Kinh cứu khổ*.

14. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài 22, đàn ngày 25.8.Bính Tý (1936).

ngoài tính chất của loài cây như ta thường thấy, còn nói lên sự nhẫn nại, kiên trì của tấm lòng Bồ Tát thể hiện qua đại nguyện của Đức Quan Âm, một kiếp làm chưa xong, muôn vàn kiếp sau nguyện làm cho được. Hễ còn người khổ đau, là Ngài còn tìm cách cứu độ không thôi.

Đức Thượng Đế đã dặn dò người môn đệ học hạnh Bồ Tát bằng cách: *“Phải giữ lòng trong sạch, lấy sự nhẫn nại làm gương, soi mình hằng bữa”*.¹⁵

Đức Quan Âm dạy những khổ đau trong đời người phần lớn là do nội tâm bên trong gây ra, chỉ một phần nhỏ là chịu tác động từ ngoại cảnh đưa đến. Tuy ngoại cảnh chỉ là phần nhỏ, nhưng lỗ nhỏ có thể làm chìm đắm cả con thuyền. Nhiều người chúng ta cũng từng vinh quang, đạt được những thành công lớn, nhưng mà lại dễ dàng bị những phiền muộn, giận hờn, thị phi vật vãnh, tầm thường đánh ngã. Do đó, người tu cần an định nội tâm bằng cách quán xét tâm mình hàng ngày để kịp thời tu sửa, rèn luyện Hạnh nhẫn nhục để đủ sức chịu đựng, vượt qua những trận bão lòng của bản thân và cả những điều không hài lòng với người khác trong cuộc sống.

Đức Quan Âm Bồ Tát dặn dò: *“Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu, thua sút đâu chớ hiền đệ muội. Chính những lúc chế ngự giận lòng, những lúc đè nén sự giận dữ phiền muộn, là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lấy lòng mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh xán lạn vô cùng”*.¹⁶

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, bài 12, đàn 04.11.Bính Dần (1926).

16. Đức Quan Âm Bồ Tát, TT. Nam Thành, 14.10 Canh Tuất (12.11.1970).

Người tu có được hào quang đạo hạnh mới có thể “thế Thiên” thực hiện nhiệm vụ mang giọt nhành dương rưới cùng khắp để phụng sự giúp đời.

2.3. Phụng sự giúp đời

Trong đạo Cao Đài, người tín đồ thờ kính Đức Quan Âm qua danh xưng “Từ Hàng Phổ Tế” để nói lên công đức vô lượng của Ngài. Từ là lòng từ, hàng là phương tiện di chuyển bằng thuyền, phổ là rộng khắp, tế là cứu độ. Từ Hàng Phổ Tế là dùng đức từ bi làm phương tiện, làm chiếc đò đưa chúng sanh qua bể khổ. Tinh thần phụng sự giúp đời mà Đức Quan Âm dạy là thực hiện các công việc thiết thực qua việc phổ tế về phương diện vật chất, và đạo đức nhằm giúp cho nhân sanh giác ngộ, quay về sống đúng đạo lý.

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: *“Người chèo thuyền Bát Nhã, kẻ phát độ càn dương là cần vớt cho hết người chết đuối, cứu cho cùng khắp kẻ nạn tai, ... Có tập thể là phải có tổ chức. Hành chánh đạo không phải để phục vụ cho Thượng Đế. Thượng Đế nào có cần chi, nhưng thế sự chỉ để phục vụ cho nhơn sanh tất cả”*.¹⁷

Vào những ngày đầu xây dựng nền đạo, các cơ quan đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh được hình thành, trong đó Hội Thánh Phước Thiện, có chức năng là kinh tế tự túc, công tác xã hội, cứu trợ, quản lý cô nhi viện và viện dưỡng lão. Ở địa phương, các công tác phúc thiện, từ thiện xã hội luôn hoạt động thường xuyên tại các thánh thất, thánh tịnh Cao Đài. Những khi có nhu cầu lớn, đột xuất thì các Hội Thánh, các cơ

17. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15. 01 Giáp Dần (06.2.1974).

sở đạo sẽ liên kết cùng nhau hoạt động.

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, nơi theo hạnh nguyện từ bi cứu khổ cứu nạn chúng sinh của Đức Quan Âm Bồ Tát, phòng Khám bệnh phước thiện Cơ Quan được thành lập vào ngày 19.6 Canh Ngọ-1990 nhằm mục đích chữa bệnh và cứu tế cho đồng bào đồng đạo khó khăn. Trong suốt 34 năm hoạt động, ngoài việc khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí, tặng quà, thực phẩm; các bác sĩ và nhân viên phòng khám luôn chú trọng đến chất lượng phục vụ cho bệnh nhân, để bệnh nhân không mang mặc cảm, tủi thân. Trái tim nhân ái của quý lương y không chỉ dang tay cứu vớt những mảnh đời bất hạnh mà còn chữa lành cho những tâm hồn yếu đuối bớt phần tổn thương.

Cùng nhau lo cho đời, cho nhơn sanh, xã hội, đem lại nguồn an ủi tinh thần, cơm no áo ấm, nhà ở, trường học, bệnh viện, ... không chỉ là nguồn hạnh phúc cho người nhận, mà chính là hạnh phúc của người cho. Đó là âm chất, công đức vĩnh cửu, trường tồn, mưa không lạt, nắng không phai, trộm không cắp, cướp không giật, lửa không cháy, phong ba bão táp không hề hấn gì.

“Con đường sứ mạng còn xa,

Càng ra bể cả phong ba càng nhiều.”¹⁸

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng để lời nhắc nhở người tín đồ Cao Đài cần ý thức được trách nhiệm của mình trong cơ chấn hưng đạo đức, phụng sự nhơn sanh như sau: *“Hãy thận trọng kiên trì với trách vụ để vượt qua lúc phong ba bão tố, nghịch*

18. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Truyền Trung Hưng, đàn 09.01 Mậu Dần (1938).

cảnh quay cuồng trong thời thất điên bát đảo. Là những người cầm ngọn đèn đi trong đêm tối, không vì lý do gì làm cản trở trĩu bước đi của kẻ cầm đèn rọi đường cho nhơn loại”.¹⁹

Thực hành lời dạy của Đức Bồ Tát, người tín hữu Cao Đài luôn đồng hành cùng đồng bào, đồng đạo: trong những lúc khó khăn thì nhường cơm xẻ áo; trong những nỗi buồn biệt ly sanh tử thì chung lo cầu nguyện, trong những khi bệnh tật ngặt nghèo thì đồng nguyện gánh phần nghiệp lực đau đớn cho nhau, như Kinh cầu lành bệnh có ghi:

*“Tình đồng đạo đồng chung Cha cả,
Khuyên hết lòng sốt quả chia nhau,
Dầu cho nặng nhẹ thế nào,
Con nguyện đồng chịu không nao chẳng sờn...
Con dốc lệnh giữ tròn phận sự,
Đồng xin Thầy dung thứ bệnh nhân,
Chúng con đồng nguyện lãnh phần,
Nhứt tâm nhứt đức đỡ nâng ách này.”²⁰*

3. KẾT LUẬN

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy “một nhành dương liễu định phong ba” với ngụ ý là người tu cần học theo tính uyển chuyển của nhành dương để biết thời cơ phù hợp mà tìm nơi tịnh định trí mình giữa lúc phong ba, không vì mạnh mẽ kinh địch mà làm mất đi đạo đức. Mỗi khi qua một cơn mệt nhọc, cần kiểm điểm lại bộ thiết giáp đạo đức bị hư hỏng chỗ nào thì mau

19. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 08.12 Đinh Mùi (07.01.1968).

20. Kinh cầu lành bệnh (thượng thừa).

mau sửa, vì có thể trong cơn bão bùng, thuyền không bị đắm, mà lại đắm sau lúc sóng lặng gió yên, bị sự phá hại của nạn phong ba còn dư âm.

Đức Quan Thế Âm là vị Bồ tát chứng quả “nhĩ căn viên thông”, bắt đầu từ sự lắng nghe tiếng nói của lòng mình với tâm tịch tĩnh trong sáng mà hiểu hết tiếng nói hay tâm tư, nguyện vọng của muôn loài chúng sinh, để rồi đi đến hành động thiết thực là ban rải tình thương không điều kiện.

Người tín đồ Cao Đài khi niệm kinh Cứu khổ bắt đầu từ câu “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát” không chỉ nương nhờ oai lực cứu khổ cứu nạn của Ngài để thoát khỏi kiếp nạn tai ương mà còn phát nguyện học theo hạnh Bồ Tát từ bi cứu độ muôn loài. Người tu trong Tam Kỳ Phổ Độ chung tay vào công cuộc phụng sự giúp đời cần nấu nung tâm chí thành, lòng kiên trì, đức hy sinh để đi hết kiếp người, làm tròn sứ mạng được Đức Thượng Đế ban trao trong buổi Hạ ngươn, theo lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát:

*Người tu có một tình thương,
Trái ra như vật thể trường bao la.
Dầu cho gặp cảnh phong ba,
Hạnh tu Bồ Tát vượt qua khổ trần.*

NGÂM

*Nhàn hương rưới nước diêu huyên,
Mượn dòng Nam Hải xuôi thuyền độ nhân.²¹*

*19.6. Giáp Thìn-2024
Giáo sĩ Kim Ngân*

21. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 08. 2 Đinh Mùi (7.01.1968).

Học tập lời dạy của Đức Mẹ về hai chữ “Hiệp Hòa”

Hồng Nhã

Mẹ linh hồn các con!

... Hỡi các con nữ phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ!

Hiện hữu các con là những cánh chim sứ mạng khắp bốn phương rải rác trong mọi địa vực trần gian lo bề hứng khởi niềm an vui cho thế cuộc. Các con lại nghe theo tiếng gọi thiêng liêng bay về đây, về đây với một tấm lòng thành tha thiết với tiền đồ Đại Đạo, với vận mệnh của cuộc đời đang đau khổ. Mỗi con là mỗi tâm hồn, mỗi đoàn thể của các con là mỗi hệ thống ý thức, nhưng trong lúc các con xích lại gần nhau, ngồi bên nhau, càng gần càng tốt, không quản chi sự chật vật xác thân, tức là các con đã hiệp một tinh thần cùng nhau rồi vậy. Do đó, Mẹ nhân dịp này để nói lên sứ mạng độ đời duy nhất trong mọi chiều hướng khác nhau, dù chỉ khác nhau về danh từ, nào là Nữ Đoàn Đại Đạo, nào Nữ Chung Hòa, nào Diêu Trì Nữ Phái v.v....” “Hỡi các con nữ phái! Các con đã sống trong đại gia đình Đại Đạo hay đại gia đình nọn loại, thì mỗi con, mỗi tập thể con cũng được quyền tạo phương tiện tinh thần phụng sự bằng phương cách khác nhau. Đó là điều phong tục của gia đình, mà

đó cũng là điều kiện mà Mẹ đã đặt để an bài, nhưng hiềm vì các con chưa thông cảm được vai trò riêng biệt ấy trong một mạch sống đại đồng rồi phân tâm thành kiến, tự tách mình ra ngoài nguồn sống vĩ đại ấy, đến nỗi quên rằng mình đã, đang sống trong sự đùm bọc che chở của bậc tổ tiên cha mẹ. Cũng vì tình trạng ấy nên nhiều lần Mẹ nhắc nhở luôn cho các con ghi lòng tạc dạ.

Con ôi! Kia là trùng dương, kia là bể cả, màu nước thiên thanh đang trập trùng trắng xóa không chút cặn bởi bùn nhơ. Các con là sông hồ, là vũng lạch, các con có nghe chẳng những đợt sóng trùng dương đang reo đùa, đang nhảy múa giữa vòm trời bao la của vũ trụ, để chờ đón các con xuôi mình ra để đổi lấy những dòng nước thiên thanh xanh biếc.

Trần ai, các con sao khỏi những dan díu trần ai. Chỉ các con tự quay về nhìn tận mặt nước cõi lòng, nhìn tận đáy sâu của tâm trung, thì các con mới thấy những cặn bã, những bợn nhơ u mờ trong con mà vươn mình lên tìm đại dương để thay đổi tâm hồn. Nếu tự thể các con không muốn ngăn bờ đắp đê giam nhốt khối nước muôn thuở của mình để cho những cơn hạn hán làm khô cạn, những giọt mưa rơi trên đất ruộng chảy xuống mang theo bùn sinh nhuốc nhơ, thì ít nữa các con cũng không để cho ai ngăn bờ đắp lũy làm bế tắc nguồn sống của các con trong thời gian chờ đợi phương tiện thi hành.

Nói như vậy không có nghĩa bảo các con, nào sông, nào lạch, nào ao, nào hồ đều đổ dồn về biển cả và không bao giờ trở lại để an cái bốn phận của mình. Phận của mình (của con) là một con người, là một sứ mạng thế Thiên hành đạo. Nếu buộc các con phải đồng nhứt sáp nhập vào đại dương, không còn là ao,

là hồ, là chi chi nữa, thì con người sẽ sống với ai và nhờ vả ai? Họ sẽ thấy bơ vơ lạc lõng trước mệnh mông của trùng dương bạo lực chăng?

Đó là điều kiện để các con ý thức được sự nhứt vật lưỡng tiện, nghĩa là toàn thể các con không bao giờ phải tách rời để giam mình trong vỏ ốc cá thể muôn năm, vì con là một thành phần của nguyên lý tương đối ở thế gian.

Các con ôi! Mẹ muốn bảo ngay với các con rằng tất cả các con là những người sứ mạng đồng tính đồng thể với nhau do Mẹ phó giao từ thuở, nhưng trên hoạn đồ thế sự, trên bước tu tiến độ đời, các con đều có đường hướng tiểu tiết riêng, và cái riêng đó không đáng kể để làm cho các con xa lìa nguyên bốn chung, hay nếu cần, các con có thể cùng nhau cởi bỏ những sắc thái ấy để trở về một đại thể hòa đồng ngộ hầu đáp ứng nổi nhu cầu hơn loại đang đòi hỏi bởi những chia rẽ trầm trọng về tinh thần, về ý thức giữa nhau. Dĩ nhiên là cái sứ mạng, là người được Mẹ dạy dỗ sẽ am tường hoàn cảnh ấy hơn ai hết.

Như vậy, không vì lý do gì để các con mãi đi trong vòng lẩn quẩn, những hình thức danh từ bên ngoài che mờ đôi huệ nhãn của các con.

Cuộc đời sanh chúng đang đau khổ về tâm, thân nhiều lắm rồi đó con, tưởng Mẹ chẳng phải nhắc lại làm chi. Các con là hiện thân của Mẹ, dù lớn dù nhỏ, dù ở đây hay ở đâu, dù đoàn thể này hay đoàn thể khác đi nữa, chỉ với mục đích là đem tình thương Vô Cực gắn liền mọi đổ vỡ tâm hồn cho sanh chúng lân nhân.

Trong lúc đó, tự các con là bản chất thuần thành của keo sơn, tình thương Đại Đạo rồi, còn nói chi đến những phân hóa

nội tình, phải không các trẻ? Ấy là Mẹ muốn cho các con thực tế hơn để không phải cứ ăn bánh vẽ mãi mà phát chán, để khỏi phải nhìn tay mà ngỡ rằng trắng, khỏi phải thấy những ước lệ quy điều mà ngỡ mình đang đạt đạo.

Khó lắm các con ơi! Nhưng đừng vì cái khó đó mà lơ lửng nản chí. Những gì người xưa làm nên cho thiên hạ được nhờ qua công trình to lớn về tinh thần, thì nay, lẽ nào các con chẳng làm được như họ hoặc hơn họ sao?

Mẹ tưởng hiện nay các con có đủ phương tiện để hành đạo độ đời, truyền bá tình thương của Mẹ cho đại chúng hơn ngày xưa, nhưng chỉ còn trở ngại bởi nhân tâm điên đảo, mà chính tâm của các con cũng điên đảo nữa mà thôi!

Vấn đề đặt ra không phải là đặt trên phương diện luận bàn qua năm này tháng nọ, nhưng vấn đề chánh yếu là các con hãy bắt tay vào việc với tất cả chân tình, tất cả tâm huyết mà làm, mà hợp tác cùng nhau trong tiết nhịp quy nguyên đạo lý. Chừng đó các con sẽ thành tựu, sự thành tựu rất tự nhiên không mong cầu, không ao ước...¹

Trong đoạn Thánh Giáo này, Đức Mẹ đã nhắc đến vấn đề Hiệp Hòa trong sứ mạng của nữ phái:

Nữ phái, với đặc tính riêng của mình là giàu cảm xúc, giàu lòng nhân ái, cho nên đối với xã hội, nữ phái là những người được sinh ra để “lo bề húng khởi niềm an vui cho thế cuộc”.

Còn trong Đại Đạo, nữ phái là những cánh chim giác ngộ khắp bốn phương trời, tìm về với một tấm lòng thành tha thiết vì tiền đồ Đại Đạo, vì sứ mạng cứu thế độ đời trong cơn

1. Đức Mẹ, Diêu Trì Bửu Điện TT. Nam Thành, 25,5 nhuần Tân Hợi (17.7.1971).

đau khổ.

Đức Mẹ đã nhắc nhở nữ phái Đại Đạo, dù ở đâu, với danh xưng gì thì cũng phải Hiệp Hòa, “hiệp một tinh thần cùng nhau” để chung lo sứ mạng độ đời. Để làm được điều này, Đức Mẹ đã chỉ dạy bí kíp gồm những điều hết sức quan trọng như sau:

1. Chấp nhận sự khác biệt:

Mẹ cho phép mỗi người, mỗi gia đình, mỗi tổ chức “*được quyền tạo phương tiện tinh thần phụng sự bằng phương cách khác nhau*”. Ví dụ: mỗi người làm cha mẹ đều có phương pháp riêng để dạy con mình, đó là quyền của mỗi người. Cũng như vậy, mỗi tôn giáo, mỗi chi phái, mỗi người tu đều được quyền chọn phương cách khác nhau để hành đạo nhằm thực hiện mục tiêu cứu độ. Sự khác biệt ở thế gian là điều tự nhiên và đương nhiên, phù hợp căn trí và tính cách đa dạng của nhân sanh và phù hợp với đạo lý. Do đó, đừng thắc mắc về sự khác biệt, ngược lại, đón nhận và ủng hộ nó trong tinh thần bao dung, hiệp hòa.

2. Phương pháp khác nhau thì kết quả khác nhau:

Đó “*là điều kiện mà Mẹ đã đặt để an bài*”. Ví dụ: trên con đường tu, có người chọn con đường tiệm tiến, đi từ từ nhưng cũng có người chọn dốc lòng tu một kiếp và chỉ một kiếp này phải đạt đạo. Vậy thì mỗi người được tự do quyết định, Mẹ cho phép nhưng ai tu tiệm tiến thì kết quả, cũng là sự an bài của định luật nhân quả, sẽ là tiệm tiến. Ai dốc công tu chỉ một kiếp thì kết quả, cũng là sự an bài của định luật nhân quả, sẽ có trong một kiếp. Trong một tập thể vì thế có sự không đồng nhất từ quan điểm, nhận thức, phương pháp

thực hiện... đó cũng là lẽ tự nhiên trong sự an bài của Hóa công để mọi người có cơ hội tu tiến. Chúng ta cũng phải hiểu để chấp nhận điều này.

3. Không phê phán, thành kiến với phương cách của người khác:

Chính sự khác biệt là thuận đạo lý và được phép ấy nên Mẹ dạy phải *“thông cảm được vai trò riêng biệt ấy trong một mạch sống đại đồng”* để không *“phân tâm thành kiến”*, không được quyền phê phán phương pháp của người khác bởi sự khác biệt của họ với mình. Chính sự khác biệt của mỗi cá thể làm cho tổng thể trở nên hài hòa và phong phú. Đó là môi trường để mọi người tu tiến. Không chấp nhận sự khác biệt, còn phân tâm thành kiến, là không hợp với đức hạo sanh, không hợp với đạo lý, tức là *“tự tách mình ra ngoài nguồn sống vĩ đại”*.

Như Biển, là nơi đổ về của muôn sông, ao, hồ. Nơi Biển, ta không còn thấy sự phân biệt, tựa như mạch sống đại đồng. Mọi vật dù khác biệt nhau nhưng đều nằm trong mạch sống làm lợi ích cho vạn loại. Con người, nhất là người tu, tuy khác nhau về hình thức nhưng đều hướng về chân thiện mỹ, sống để phụng sự cộng đồng. Người tu phải có tâm đại đồng, bao dung, tôn trọng sự khác biệt để hòa hiệp trong mạch sống chung, trong tình thương của Tạo hóa, như *“màu nước thiên thanh đang trập trùng trắng xóa của biển cả, không chút cặn bởi bùn nhơ”* của lòng vị kỷ, nê chấp thường tình. Người tu phải có tâm vị tha, buông bỏ mọi sự khác biệt vị kỷ của sông rạch, để thơ thới xuôi mình ra biển cả.

Người chưa ngộ đạo lý, luôn trói buộc mình trong cái định

kiến, gọi là ngã kiến, chấp vào cái thấy biết của cá nhân mà Đức Mẹ gọi là *“những căn bã, những bợn nhơ u mờ”, “những dan dứu trần ai”*, làm cho con người ở trong vòng u mê không lối thoát. Và Mẹ dạy phải *“tự quay về nhìn tận mặt nước cõi lòng, nhìn tận đáy sâu của tâm trung”* để quán xét sự vô thường, buông bỏ cái ngã chấp, thấy được cái sai của mình để tu sửa, để *“vươn mình lên tìm đại dương để thay đổi tâm hồn”* mà thông cảm với cái thấy biết, nghĩ suy của nhân loại, hiệp hòa cùng nhân loại.

Không chôn mình trong sự chấp ngã, *“ngăn bờ đắp đê giam nhốt khối nước muôn thuở của mình để cho những con hạn hán làm khô cạn, những giọt mưa rơi trên đất ruộng chảy xuống mang theo bùn sinh nhuốc nhơ”* và *“cũng không để cho ai ngăn bờ đắp lũy làm bế tắc nguồn sống của các con trong thời gian chờ đợi phương tiện thi hành”*, tức là không để sự chấp ngã của người khác làm nhục chí của mình, trong thời gian chờ đợi có một phương cách thực hiện mới để vượt qua thành kiến.

Dù Mẹ dạy phải mở lòng để có tâm đại đồng, không *“ngăn bờ đắp đê”*, nhưng Mẹ lại khẳng định phải chấp nhận sự khác biệt về hình thức, bởi mỗi phương thức đều có vai trò, giá trị riêng của nó. Sông ngòi, ao lạch đều có vai trò của nó trong một phạm vi địa lý riêng biệt. Không có sông ngòi, ao lạch thì làm sao nước đổ về nuôi sống từng vùng đất khô cằn? Cũng như, mỗi con người sinh ra đều có nhiệm vụ riêng của mình: người nông lo cấy cày mang hạt lúa đến cho con người, người thợ xây lo xây nhà, người thợ may lo may áo. Trong lĩnh vực tu hành, mỗi tôn giáo, mỗi người tu đều có sứ mạng

riêng thì mỗi người phải làm tròn cái bổn phận, cái trách nhiệm riêng của mình. Người tu Nội giáo tâm truyền thì đặt nặng phần công phu hành pháp của mình, còn người tu theo Ngoại giáo công truyền thì phải song tu để vừa tu tiến vừa làm tròn sứ mạng phổ độ. Mỗi tổ chức, mỗi người, ai cũng đều có trách nhiệm. Không có những phần hành riêng biệt của từng cá nhân thì không thể tồn tại xã hội.

Mẹ đã khẳng định không buộc *“phải đồng nhứt sát nhập vào đại dương, không còn là ao, là hồ, là chi chi nữa”* tức là vẫn giữ từng đơn vị độc lập với nhiệm vụ khác biệt, đa dạng. Đa dạng là tính chất của tự nhiên. Sự đa dạng chính là chương trình của Tạo Hóa để muôn loài hỗ tương nhau mà phát triển sự sống. Tuy đa dạng nhưng loài nào cũng có điểm mạnh và điểm yếu, không loài nào là hoàn hảo và là chúa tể thiên hạ. Nếu quả địa cầu chỉ có đại dương và đất liền, không có sông ngòi ao lạch thì sẽ không có sự sống. Nếu thế giới chỉ có người tu thì *“con người sẽ sống với ai và nhờ vả ai? Họ sẽ thấy bơ vơ lạc lõng trước mệnh mông của trùng dương bạo lực”*.

Tuy mỗi người đều mang mặc sứ mạng được phó giao nhưng mỗi người sẽ chọn đường hướng riêng cho mình. Mẹ dạy phải tôn trọng sự tự do cá nhân nhưng mỗi người phải có tâm đại đồng, cởi bỏ lòng đố kỵ phân biệt, để không chia rẽ về tinh thần, mà Hòa Hiệp nhau trên đường sứ mạng, *“không vì lý do gì để các con mãi đi trong vòng lẩn quẩn”* chấp nê *“những hình thức danh từ bên ngoài”* làm *“che mờ đôi huệ nhãn của các con”*.

Vì dù là đoàn thể nào, ở nơi đâu, sứ mạng của nữ phái vẫn là mang tình thương Vô Cực để hàn gắn mọi đổ vỡ tâm

hồn cho sanh chúng. Vậy thì, vì cớ gì nữ phái lại phân hóa nội tình, chia rẽ hiềm khích, làm tổn thương nhau khi mang mặc chiếc bạch y với sứ mạng độ đời khỏi mọi khổ đau? Tu là trở về với *“bản chất thuần thành của tình thương Đại Đạo”*. Thuần thành là trọn vẹn một lòng chân thật. Tu là trở về với bản chất trọn vẹn một tình thương chân thật. Một tổ chức đạo, một người tu mà không thực hành HÒA ÁI, không yêu thương, hòa hiệp được với mọi người xung quanh, nội tình lại phân hóa thì chỉ làm cho nhân sanh *“ăn bánh vẽ mãi mà phát chán”*. Còn đối với bản thân thì *“nhìn tay mà ngỡ rằng trắng”*, thuộc lòng Kinh điển mà chưa thấu đạt đạo lý, chưa thực hành nên chẳng có kinh nghiệm gì để chia sẻ cho nhân sanh trên con đường tu tập.

Tu thân luyện kỷ là cái khó nhất nên mới gọi Tu kỷ là công trình. Đức Phật dạy: *“Chiến thắng vạn quân không bằng chiến thắng chính mình”*. Còn Đức Lão Tử dạy: *“Luyện kỷ tối nan, hoàn đan thậm dị”*. Chúng ta dễ thấy cái sai của người hơn là thấy cái sai của chính mình. Nhưng người mà chúng ta có thể thay đổi nhiều nhất lại chính là bản thân chúng ta chứ không phải người khác. Tuy thay đổi bản thân là khó nhưng mọi sự khó khăn đều vượt qua được khi có ý chí. Ý chí là sức mạnh về tinh thần giúp người làm nên việc lớn. Người tu phải có sự nhứt tâm luyện kỷ, nếu không, dù thâm niên tu học cũng không khác hơn người thế tục, chứ đừng nói chi đến sự đạt đạo giải thoát khỏi thất tình lục dục, sân si, mê chấp.

Trong thời mạt kiếp, khoa học kỹ thuật phát triển, con người có rất nhiều phương tiện để hành đạo độ đời, mục đích là để truyền bá tình thương của Mẹ. Nhưng khó khăn

lớn nhất hiện nay là con người thiếu vắng tình thương, đạo đức suy đồi, dẫn đến nhân tâm điên đảo, trong đó có người tu. Trở ngại chính yếu của người tu là từ bản thân, tâm chưa đại đồng, còn nhiều ngã chấp, khiến cho tâm chia rẽ, đảo điên, khó thực thi sứ mạng. Do đó, Mẹ khuyên phải bắt tay ngay vào việc tu sửa bản thân, luyện kỹ rốt ráo để không còn vướng mắc, chấp ngã, bằng tất cả tâm huyết, sự chân thành, để hiệp hòa, hợp tác cùng nhau trong tiết nhịp quy nguyên đạo lý.

Chừng đó thì *“sẽ thành tựu, sự thành tựu rất tự nhiên không mong cầu, không ao ước”*.

Hồng Nhã (05/2024)

TƯƠNG LAI và THỜI ĐIỂM CỦA ĐẠI ĐẠO

Thiên Hương

Lời Thánh Giáo đạo Cao Đài dạy như sau:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương;
Gồm thu trăm nẻo ngàn đường,
Tam ngươn chuyển thể định phương phục hoàn.
Mở trí tuệ soi đèn Thiên lý,
Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời;
Một vòng luân chuyển ai ơi,
Cổ kim nhứt mạch Đạo Trời hóa sanh.”¹*

Giải nghĩa:

- Câu 1 và 2: Đừng tưởng rằng đạo Cao Đài là một tôn giáo như bao tôn giáo khác, sẽ không ngờ rằng ngày sau Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ hoằng dương khắp thế giới. Vậy đến bao giờ?

- Câu 3 và 4: Đại Đạo hoằng dương sẽ đi đến kết quả quy nhứt trăm đường, vạn giáo. Vào lúc kết thúc chu kỳ tam ngươn sẽ là cuộc “chuyển thể định phương phục hoàn”, là quy vạn giáo theo quy luật Vạn Thủ Quy Nhứt Bản của chu

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, 07.3 Giáp Dần

kỳ, trở lại điểm khởi nguyên. Vậy chu kỳ đó là gì?

- Câu 5 và 6: Người sứ mạng của Trời phải định tâm, mở trí để chờ đợi cái Thiên lý của chu kỳ nói trên được nói ra, đó là lúc cơ Trời cho công cuộc hoằng dương Đại Đạo đã đến.

- Câu 7: Nhân loại sẽ thấy vòng luân chuyển của chu kỳ đó gọi là: “Nhứt Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù Quy Nhứt Bản”, nghĩa là nền tư tưởng của các tôn giáo sẽ trở lại điểm khởi nguyên [gọi là: định phương phục hoàn].

- Câu 8: “Cổ kim nhứt mạch Đạo Trời hoá sanh”, là nói chu kỳ đó là chu kỳ của Đại Đạo nghĩa là đạo Trời. Từ cổ chí kim chỉ có Đại Đạo hay đạo Trời là một mạch, một con đường sanh hoá ra đi và tiến hoá rồi trở về không khác hơn được.

Phụ ý để hiểu thêm về chu kỳ.

Hỏi: Chu kỳ “Nhứt Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù Quy Nhứt Bản” tín chúng Cao Đài ai cũng biết, nhưng vì sao lời Thánh Giáo trên nói, khi nói ra được chu kỳ đó là cơ Trời cho thời điểm Đại Đạo hoằng dương đã đến?

Bởi chu kỳ của nhân loại xưa nay người ta chỉ biết là chu kỳ Tam Nguơn, chưa ai biết Nhứt Bản (khởi điểm ban đầu) của chu kỳ là gì? và nguyên lý “Nhứt Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù Quy Nhứt Bản”, xưa nay người ta chỉ biết là chu kỳ của vũ trụ, chứ chưa ai biết nguyên lý đó cũng là của chu kỳ Tam Nguơn của nhân loại.

* Vì chưa ai biết được nhứt bản chu kỳ, nên sau đây là lời Thánh Giáo yêu cầu con người hôm nay phải biết được nhứt bản chu kỳ như sau:

*“Hỡi bác học Đông Tây thời đại,
Nào triết gia tứ hải ngũ châu,*

*Chưa thông khởi điểm ban đầu,
Tầm Thiên quật địa, cơ cầu ích chi!”²*

Ý chính ở đây là câu 3 yêu cầu con người hôm nay phải hiểu được Nhứt Bản chu kỳ của nhân loại là gì? mới biết được nhân loại đến nay được khởi nguyên sanh hoá từ đâu? thì mới biết được tương lai nhân loại quy nhứt bản là đi về đâu? và sẽ là gì? không khác hơn được, và còn giải quyết mọi vấn đề toàn cầu hôm nay. Nên câu 4 có ý nói đừng tìm kiếm chi đâu vô ích.

Câu 3 cho biết nhân loại này chưa ai biết nhứt bản chu kỳ tam nguơn của nhân loại là gì.

* Sau đây là lời Thánh Giáo cho biết Nhứt Bản chu kỳ là gì, nhưng yêu cầu con người hôm nay phải biết được nguyên lý Tán và Quy của chu kỳ như sau:

- “Trời sinh ta, Trời-ta đồng thể (Bản thể của Trời và Người đồng nhứt thể, được hiểu là bản thể Đại Đạo).

- Bể khơi dòng, dòng-bể luân lưu; (Bể, ý nói là Bản Thể Đại Đạo, là Nhứt Bản chu kỳ từng bước luân lưu sanh hoá ra Vạn Thù)

- Đố ai rõ nẻo cuối, đầu, (Vì chưa ai biết chu kỳ Tam Nguơn có nguyên lý Tán Vạn Thù là nẻo đầu, và Quy Nhứt Bản là nẻo cuối, nên mới: Đố ai rõ nẻo cuối, đầu)

- Khứ lai vô tận, phát thâm vô cùng. (ý nói Nhứt Bản đó từ quá khứ phát sanh Tán Vạn Thù, và tương lai thâm là Quy Nhứt bản vô cùng).

(Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 2, mục 1).

2. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam, Chương Thứ Tư, Tiết 11, Mục 1

Lời Thánh Giáo trên có ý nói: Nhứt Bản chu kỳ, và nguyên lý Tán Vạn Thù và Quy Nhứt Bản chu kỳ của nhân loại chưa ai biết, nên phải: “Mở trí tuệ soi đàng Thiên lý, - Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời”, đến khi có người biết và nói ra đầy đủ chu kỳ đó, là cơ Trời, là thời điểm Đại Đạo hoằng dương nói trên đã đến.

HÌNH TƯỢNG RẮN TRONG VĂN HÓA CÁC NƯỚC

Diệu Thuận

Trong Thập nhị thời chi, mỗi năm là một biểu tượng cho một loài vật khác nhau. Ở mỗi loài vật sẽ có những biểu trưng và những bài học đạo lý sâu sắc để chúng ta cùng nhau chiêm nghiệm và học hỏi.

Có thể nói từ ngàn xưa trong thế giới loài người, Rắn là một trong những biểu tượng thần thoại lâu đời nhất, biểu trưng cho sự kết hợp với một số nghi lễ xa xưa nhất. Rắn được xếp vào 12 loại động vật trong Thập nhị địa chi và được xem là đại diện cho hai mặt thiện và ác của một con người. Hầu hết nền văn hóa các nước phương Đông lẫn phương Tây, từ cổ chí kim cũng có rất nhiều giai thoại về rắn.

Rắn không chỉ được xem là một loài động vật bò sát sống trên khắp thế giới mà còn được xem là một biểu tượng cho nước, lửa; linh hồn cũng như nhục dục của con người. Nó được biểu trưng cho sự quyết đoán, đa nghi của con người; cũng như biểu trưng cho cả giới tính nam và nữ; cho những vị thần sáng thế; cũng như cho vũ trụ thời kỳ hỗn mang của con người.

Dựa trên những nét đặc trưng sinh học của loài rắn mà nó mang những ý nghĩa biểu tượng khác nhau. Chẳng hạn như dựa trên cách di chuyển linh hoạt, uyển chuyển của loài rắn, cũng như động tác bắt mồi của chúng là sự siết chặt con

mồi mà nó được tượng trưng cho sức mạnh. Dựa trên đặc tính lột da sống đời của chúng mà nó được biểu trưng cho sự tái sinh. Nọc độc của loài rắn gây chết người nên chúng được biểu trưng cho sự độc ác, tính xấu xa của con người. Rắn còn là loài có đặc tính lưỡng giới nên nó được tượng trưng cho khởi nguồn của vũ trụ. Dựa vào thân hình ngoằn ngoèo kéo dài của rắn, nó được biểu trưng cho sự luân hồi sống chết và cũng rất nhiều nơi và nhiều dân tộc trên thế giới xem loài rắn là chúa tể của phụ nữ.

Đặc biệt trong y học có 3 biểu tượng liên quan tới loài rắn còn được sử dụng cho tới ngày nay là chén Hygieia¹ (biểu

1. Biểu tượng này có tên tiếng Anh là The bowl of Hygieia. Về ý nghĩa của cái chén thuốc Hygieia có một lịch sử liên quan đến thần thoại Hy Lạp và có thể có cả một phần Ki tô giáo.

Theo Thần thoại Hy Lạp, Zeus, vị thần tối cao ngự trị Núi Olympus và cai quản tất cả những thần nam cùng nữ ở Pantheon, có một người con trai tên là Apollo. Apollo là vị thần đảm trách tiên tri, âm nhạc, ánh sáng và Y thuật. Apollo có một người con trai tên là Asclepius (Greek) (hay tên Latin là Aesculapius) sau đó được phong làm thần Hy Lạp đảm nhiệm y thuật và chữa bệnh. Asclepius thường được miêu tả cầm một cây gậy có con rắn cuốn xung quanh.

Sau một thời gian nhận thấy tài chữa trị bệnh tật của Aesculapius quá giỏi, Zeus e ngại rằng Aesculapius sẽ làm tất cả đàn ông trên thế giới trở nên bất tử. Vì nỗi sợ này cộng thêm lời than phiền của thần Diêm Vương là sợ không còn kẻ chết xuống âm phủ nữa nên Zeus đã ra lệnh giết chết Aesculapius bằng một cơn sấm sét. Người hạ giới thương tiếc ông thần này nên đã xây một ngôi đền để thờ phụng ông. Chẳng bao lâu, rắn xuất hiện đầy trong đền thờ. Lúc đầu trông những con rắn này trông như rắn chết nhưng nếu có người cầm lên rồi thả rắn xuống đất thì tự nhiên rắn bò đi mất một cách thật nhiệm màu. Lúc bấy giờ, người dân tin rằng rắn đã được thần Aesculapius làm cho sống lại.

tượng cho Dược học), Caduceus² cùng gậy Asclepius³ biểu trưng cho Y học. Biểu tượng con rắn quấn quanh cây gậy tượng trưng cho sự khôn ngoan và khả năng chữa bệnh qua truyền thuyết thần thoại cổ Hy Lạp. Về vị thần Esculape, con trai của Thần Apollo, được xem là vị Tổ của ngành y dược, trên đường đi thăm bạn ông gặp một con rắn, lúc bấy giờ ông đưa cây gậy ra, con rắn bám lấy và bò lên quấn quanh cây gậy của ông. Thấy vậy, Thần Esculape lấy cây gậy đập xuống đất để giết chết con rắn. Nhưng một con rắn khác lại bò tới trong miệng nó ngậm thảo dược để cứu con rắn kia. Cũng từ đó ông tìm kiếm các loài cây cỏ trên núi để chữa bệnh cứu sống con người.

Để khắc họa vị Thần Esculape, người ta đã vẽ nên biểu tượng vị thần cầm 1 chiếc gậy làm bằng gỗ cây nguyệt quế và một con rắn quấn chung quanh. Con rắn này có tên là Elaphe longissima, một loài rắn lành có màu sắc đẹp, sống phổ biến ở Châu Âu.

Về mặt tâm linh, biểu tượng quan trọng nhất của rắn chính là thể hiện nguồn gốc của sự sống và vũ trụ. Nó đã hòa nhập vào trong các tôn giáo và được xem như là biểu tượng cho các vị Thánh Thần hay một Đấng Tối Cao như trong truyền thuyết của người Ai Cập–Thần Atum–một vị thần nguyên thủy. Vị thần tối cao và quan trọng nhất, một

2. Một cây đũa phép của người Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại, thường là cây đũa phép có hai con rắn quấn quanh, được thần sứ giả Hermes hoặc Mercury mang theo.

3. Trong thần thoại Hy Lạp, biểu hiệu y khoa có hình một con rắn cuốn quanh cây gậy liên quan đến thần Hy Lạp tên Asclepius (Asclepius hay Aesculapius), vị thần của y khoa.

vị thần trong Bộ 9 vĩ đại của Heliopolis. Atum, người hoàn thiện thế giới. Thần Atum được biểu trưng dưới hình thức người rắn hay biểu trưng cho những lời sấm, lời tiên tri.

Người Ai Cập cổ đã xem rắn là một con vật linh thiêng, cũng như là một vị thần tối linh. Nó biểu trưng cho sự khôn ngoan, linh thiêng, cũng như sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu.

Nó được điêu khắc trong các vương miện của các Pharaoh Ai Cập. Naja bằng vàng hay bằng ngọc tượng trưng cho nữ thần hiền lành, có khả năng phù hộ cho nhà vua.

Trong kiến trúc, nó được thể hiện qua các hình vòng tròn, quả cầu, được chạm khắc trên cổng các ngôi chùa ở Ai Cập. Theo người Ai Cập thế giới như một vòng tròn và con rắn đi xuyên qua tâm theo chiều ngang nhằm biểu trưng cho một sự giao nhau giữa vũ trụ và đất liền.

Ở Châu Phi, nhiều nền văn hóa Châu Phi cũng xem rắn là thủy tổ của mình như Rắn thần Aido Hwedo được xem là đại diện cho vị thần sáng tạo Mawu. Rắn ngậm đuôi tạo nên vòng tròn kín biểu tượng cho sự vĩnh cửu của người Châu Phi.

Tại Congo thì rắn Diambó tượng trưng cho uy lực tối cao của trời và không ai có thể ngồi trên lưng nó được.

Một số địa phương của Liberia thì rắn được gắn với niềm tin vào sự bói toán và tiên tri. Tóm lại, rắn ở các dân tộc Châu Phi rất được xem trọng và được xem là vật tổ linh thiêng, là tổ tiên của họ, cũng như tượng trưng cho sự sung túc, chúng cũng có linh hồn. Vì thế, ở đây người dân không được phép ăn thịt rắn, cũng như không được phép giết chết nó.

Ở phương Tây-tại Hy Lạp, rắn gắn liền với những thần thoại của người dân Hy Lạp, tượng trưng cho các địch thủ

nguy hiểm chết người nhưng không phải vì thế mà nó được coi là biểu tượng của điều ác độc. Trên thực tế, người Hy Lạp gắn rắn với đất hay âm phủ. Những thần thoại như rắn chín đầu Lernalan Hydra mà Hercules đánh bại và ba chị em Gorgon đều là con của nữ thần đất Gaia. Trong số đó, Medusa là một vị thần bất tử gồm ghê tởm, với mái tóc là những con rắn và có phép thuật biến những người đàn ông thành đá chỉ bằng ánh mắt. Nói chung, trong văn hóa của người Hy Lạp ở các tôn giáo thì rắn luôn được xem là một biểu tượng thiêng liêng; không chỉ tượng trưng cho sự khôn ngoan, mà nó còn biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực về khả năng sinh sản.

Ở Á Đông, trong một số nền văn hóa Á Đông, rắn thể hiện biểu tượng ở nhiều vị trí quan trọng và nó thường được thể hiện ở những hình ảnh khác nhau, biểu trưng cho những thần hiền hoặc thần ác; điều tốt, điều xấu, sự hủy diệt, tái sinh, cũng như tình yêu.

Ở Nhật Bản, trong thần thoại Rắn Orochi (Yamata no Orochi) được xem là một sinh vật dạng rắn trong Thần đạo Nhật Bản. Rắn có thân hình khổng lồ và được miêu tả trải dài 8 thung lũng, 8 quả đồi và được nguy trang bằng rêu phong, cây bách và cây tùng trên lưng nên trông nó không khác gì một dãy núi.

Ở Trung Quốc, hình tượng Thần Phục Hy đầu người đuôi rắn, Thần Nữ Oa đầu người mình rắn được tồn tại từ lâu đời và truyền thuyết Bạch xà, truyện đã đi vào truyền thuyết dân gian và thể hiện trong văn học. Truyền thuyết này ra đời vào thời Nam Tống và được lưu truyền rộng rãi dưới thời nhà Thanh. Nội dung miêu tả về chuyện tình giữa chàng Hứa

Tiên và Bạch xà tinh (vốn là con rắn trắng tu luyện thành người) ở trần gian.

Ở Việt Nam, hình tượng rắn khá quen thuộc trong đời sống văn hóa của người Việt và được biểu hiện rất đa dạng với những biến thể khác nhau như: rắn, trăn, chằn tinh, giao long, thường luồng, thậm chí là rồng. Ở mỗi hình thức biến thể nó mang những ý nghĩa nhất định và được thể hiện qua những câu chuyện cổ tích, huyền thoại, phong tục tập quán; cũng như trong văn học, nghệ thuật, mỹ thuật tạo hình của người dân Việt.

Trong kho tàng cổ tích Việt Nam có 11 chuyện đề cập đến hình tượng rắn hoặc các biến thể của nó... trong đó có những câu chuyện ca ngợi sự giúp đỡ của rắn với con người và một số truyện khác lại nói đến việc rắn hại người. Ví dụ như trong câu truyện Thạch Sanh-Lý Thông hoặc một huyền thoại khác về câu chuyện rắn báo oán trong vụ án Lệ Chi Viên khiến Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

Trong hầu hết các câu chuyện ở Việt Nam thì rắn thường gắn với cái ác, là một loài vật đáng sợ nên rất nhiều người không thích chúng. Dựa vào tính chất nọc độc giết người của rắn nên nó được biểu tượng cho cái ác, những tính cách không tốt, gian manh hay những người thích đam mê nhục dục, những người có lòng dạ nham hiểm.

Tục thờ rắn là một tín ngưỡng nguyên thủy của người Việt cổ với ý nghĩa chính là tục thờ Thủy Thần. Tục thờ này mang ý niệm về sông nước của cư dân làm nông nghiệp. Các đền thờ rắn xuất hiện dọc theo các con sông Hồng, sông Cầu,

sông Đuống.⁴ Rắn xuất hiện với biến thể là giao long, có thể tìm thấy trong truyền thuyết Lạc Long Quân, huyền thoại Linh Lang Vương...

Biểu tượng rắn Thủy Thần có hai thuộc tính: tốt và xấu. Rắn là vị thần nước giúp mưa thuận gió hòa, mang điềm lành và báo điềm dữ. Rắn là con vật tinh quái phá hoại mùa màng và cuộc sống của người dân. Hình tượng con Chằn (một biến thể của rắn) trong văn hóa người Khmer Nam Bộ lại thể hiện cả hai mặt tốt và xấu: có vai trò bảo vệ con người nhưng đồng thời cũng đại diện cho tính ác, phá hoại cuộc sống bình yên của con người.

Ở Việt Nam không những tục thờ rắn với tư cách là Thủy Thần được phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ mà còn ở cả Trung, Tây Nguyên và miền Tây Nam Bộ.

Ở Ấn Độ: Ấn Độ được xem là vùng đất rắn và huyền ảo trong các tập tục liên quan tới rắn. Vị Thần rắn trong Ấn Độ giáo có tên là Naga. Nó là biểu tượng cho sự bất tử và linh thiêng. Người Ấn Độ còn dành riêng cho rắn ngày Tết vào tháng 8 hằng năm.

Ở Châu Mỹ: trong một số nền văn hóa rắn biểu tượng cho khả năng sinh sản. Ví dụ như người Hopi của Bắc Mỹ thực hiện điệu múa rắn hằng năm để kỷ niệm sự kết hợp của rắn đực và rắn cái, báo hiệu khả năng sinh sản của tự nhiên.

Về mặt tâm linh, đối với một số tôn giáo rắn mang những ý nghĩa tốt, xấu khác nhau. Chẳng hạn trong đạo Phật rắn được xem là hình tượng vô cùng thiêng liêng, đặc trưng cho

4. Quan niệm về rắn ở các nước phương Đông.

sự thiện tâm, sự tu hành và tính nhân văn của đạo Phật. Nó được biểu trưng cho cả hai mặt tốt và xấu của một con người. Nhưng nhờ được sự cảm hóa của Phật pháp mà nó đã trở về con đường thiện qua huyền thoại hình tượng rắn 7 đầu phình to để che mưa che nắng cho Đức Phật thiền định dưới cội Bồ đề để bảo vệ Ngài tránh khỏi bị ngập nước, che mưa cho Đức Phật khỏi sự tấn công của ma vương mưu hại. Hình tượng đó nói lên tư tưởng nhân văn của Phật giáo. Cửa chùa là nơi để cho những người tâm còn chưa thiện vào đó để tu sửa thân tâm từ người xấu trở thành người tốt. Ngay cả loài rắn vốn mang bản tính độc ác nhưng nhờ biết tu theo Phật mà trở nên hiền từ và có ích trở thành một hộ pháp hướng thiện bảo vệ cho Đức Phật. Điều này nói lên đạo lý một người dù trước đây tâm chưa được tốt nhưng biết nương theo Phật pháp mà tu hành sửa đổi, cải thiện tính xấu thì cũng sẽ trở thành người tốt. Nó thể hiện giá trị văn hóa và mang đậm tính nhân văn cao độ, cũng như truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Khmer Nam bộ nói riêng, truyền thống văn hóa đạo đức Phật giáo nói chung. Thế nên, rắn được biểu trưng cho sự che chở, bảo vệ và không thể tách rời văn hóa Phật giáo của dân tộc và nó được thể hiện trong những câu chuyện kể, trong nghệ thuật tạo hình, điêu khắc không thể tách rời văn hóa Phật giáo của dân tộc Việt.

Trong quan niệm đạo Mẫu thì với đặc điểm có thể trườn dài dưới mặt đất và leo trèo trên cao, vừa mang tính âm, vừa mang tính dương nên nó được xem là một sinh vật đặc biệt có khả năng kết nối giữa trời và đất, biểu tượng hoàn hảo cho sự giao hòa giữa hai thế giới. Điều này nói lên triết lý

về sự cân bằng và hài hòa trong quan điểm vũ trụ quan của người Việt.

Trong Kinh Thánh, hình tượng rắn mang một biểu tượng đa chiều, vừa mang ý nghĩa tiêu cực, cái xấu, tượng trưng cho bản chất xấu xa cám dỗ của Satan, khiến cho bà Eva phản bội lại Thiên Chúa ăn trái cấm ở vườn Địa Đàng. Với sự cám dỗ của con rắn đã làm cho niềm tin về Thiên Chúa của Bà Eva bị lung lay. Nó đã gieo rắc sự hoài nghi, gia tăng lòng kiêu ngạo, từ đó bị sa ngã, đánh mất đi mối quan hệ hài hòa với Thiên Chúa, dẫn dắt con người vào vòng tội lỗi, đau khổ và sự chết chóc nơi thế gian. Theo tiếng Do Thái, con rắn còn có ý nghĩa cơ bản là “lấp lánh, sáng bóng” hay “dò xét, phán đoán”. Thế nên, con rắn phản ánh bản chất của Satan. Bản chất của Satan là luôn dùng vẻ đẹp bên ngoài để quyến rũ, hấp dẫn con người, đưa con người vào vòng tội lỗi, sa ngã, đau thương.

Bên cạnh sự cám dỗ, trong Kinh Thánh, rắn còn mang ý nghĩa tích cực về sự cứu độ của Thiên Chúa. Trong sách Dân số, kể lại câu chuyện khi người dân Israel bị rắn độc cắn do sự bất tuân. Trong cơn đau khổ, họ kêu cầu Thiên Chúa và Ngài đã ra lệnh cho Ông Moses làm một con rắn bằng đồng và treo lên cột. “Bất kỳ ai bị rắn cắn mà nhìn lên con rắn đồng đều được sống”. (Ds 21.9).

Hình ảnh này không những nói lên sự chữa lành về thể chất của Thiên Chúa mà còn là bài học về sự cứu độ của Thiên Chúa qua đức tin. Qua hình tượng con rắn đồng giữa sa mạc là lời nhắc nhở người dân Israel rằng Thiên Chúa chính là Đấng cứu rỗi với tấm lòng thương xót. Người có

quyền năng chữa lành mọi đau khổ cho con người nếu con người có đức tin nơi Người. Rắn đồng chính là tượng trưng cho sự công bằng (hình phạt cho tội lỗi) và lòng thương xót (ơn cứu chuộc) của Đức Chúa Jesus đối với con người.

Hai ý nghĩa về hình tượng con rắn trong Kinh Thánh không hề mâu thuẫn, mà là sự thống nhất trên quan điểm một bên tượng trưng cho bản chất xấu xa, cám dỗ của Satan, cho những tội lỗi con người gây ra dẫn đến sự đau khổ nhưng chính từ trong sự đau khổ đó, Thiên Chúa đã mở ra con đường cứu độ của Ngài bằng quyền năng cứu rỗi và chữa lành. “Ở đâu tội lỗi lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan” (Rm 5.20).

Một khía cạnh khác, rắn còn biểu trưng cho sự khôn ngoan, một sự nhắc nhở đối với người Kitô hữu. Đó là cần phải có sự khôn ngoan đối phó với những nguy hiểm, cám dỗ nơi cõi thế gian, giữ cho tâm hồn được trong sáng, chân thành. Sự khôn ngoan ở đây không mang ý nghĩa xấu của sự xảo trá, mà mang ý nghĩa tích cực, chủ động; biểu trưng cho trí tuệ, khôn ngoan, cẩn trọng và khả năng tự bảo vệ của con người trước mọi cám dỗ của Satan để không bị sa ngã.

TÓM LẠI:

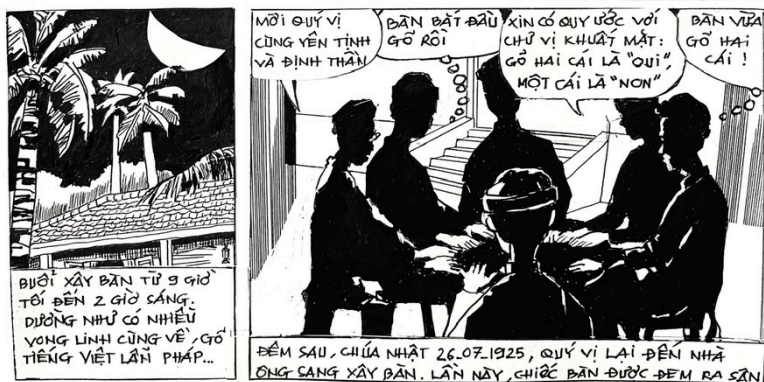
Qua những hình tượng rắn trong văn hóa các nước, ngoài những tính chất mang tính huyền thoại, thể hiện trong văn hóa phương Đông lẫn phương Tây, còn là lời nhắc nhở, một sự cảnh báo chúng ta với triết lý sâu sắc, bên trong tâm ta luôn ẩn chứa cả hai mặt thiện, ác. Những tính xấu đó, nếu chúng ta biết kiềm chế, khôn ngoan tránh mọi sự cám dỗ của

thế gian, biết nương tựa vào ánh sáng đạo lý để tu sửa thân tâm thì sẽ trở thành người tốt, có ích cho nhân loại.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Hình tượng con rắn trong văn hóa, Wikipedia. <https://vi.wikipedia.org>.
2. Biểu tượng rắn thần trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, Báo Lao Động, Kiến Thụy, 30.01.2025.
3. Hình ảnh và ý nghĩa của con rắn trong Kinh Thánh, Lm. Giuse Phạm Đình Ngọc, st.
4. Hình tượng rắn trong văn hóa Phật giáo Việt Nam, Giác Ngộ online.

MƯỜI BA MÔN ĐỆ



(K) Tiếng Pháp : Qui = ừ, đúng ; Non : Không.



ISBN: 978-632-01-1214-2



9 786320 112142

SÁCH ẨM TÒNG